

Khánh Hoà, ngày 04 tháng 09 năm 2025

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026
CÁC LỚP CAO ĐẲNG VÀ TRUNG CẤP CHÍNH QUY (THỰC TẾ)
TỪ TUẦN 02 ĐẾN TUẦN 18 (Ngày 08/09/2025 đến ngày 25/12/2025)

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DD.18A	2	2	08/09/2025	Sáng	23CĐ.DD.18B	Thực hành NCKH	LT	15	5	5		Ths. Thành	BGH	P. B3.2	
23CĐ.DD.18A	2	3	09/09/2025	Sáng	23CĐ.DD.18B	Thực hành NCKH	LT	15	10	5		Ths. Thành	BGH	P. B3.2	
23CĐ.DD.18A	2	3	09/09/2025	Chiều	23CĐ.DD.18B	Xác suất thống kê Y học	LT	30	5	5		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B3.2	
23CĐ.DD.18A	2	4	10/09/2025	Chiều	23CĐ.DD.18B	Xác suất thống kê Y học	LT	30	10	4		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B2.3	
23CĐ.DD.18A	2	5	11/09/2025	Sáng	23CĐ.DD.18B	Thực hành NCKH	LT	15	15*	5		Ths. Thành	BGH	P. B2.3	
23CĐ.DD.18A	2	6	12/09/2025	Tối	23CĐ.DD.18B	Xác suất thống kê Y học	LT	30	14	4		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B2.1	
23CĐ.DD.18A	2	6	12/09/2025	Chiều	23CĐ.DD.18B	Thực hành NCKH	TH	30	4	4		Ths. Thành	BGH	P. B3.4	
23CĐ.DD.18A	2	7	13/09/2025	Sáng	23CĐ.DD.18B	Thực hành NCKH	TH	30	8	4		Ths. Thành	BGH	P. B2.5	
23CĐ.DD.18B	2	2	08/09/2025	Sáng	23CĐ.DD.18A	Thực hành NCKH	LT	15	5	5		Ths. Thành	BGH	P. B3.2	
23CĐ.DD.18B	2	3	09/09/2025	Sáng	23CĐ.DD.18A	Thực hành NCKH	LT	15	10	5		Ths. Thành	BGH	P. B3.2	
23CĐ.DD.18B	2	3	09/09/2025	Chiều	23CĐ.DD.18A	Xác suất thống kê Y học	LT	30	5	5		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B3.2	
23CĐ.DD.18B	2	4	10/09/2025	Chiều	23CĐ.DD.18B	Xác suất thống kê Y học	LT	30	10	4		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B2.3	
23CĐ.DD.18B	2	5	11/09/2025	Sáng	23CĐ.DD.18A	Thực hành NCKH	LT	15	15*	5		Ths. Thành	BGH	P. B2.3	
23CĐ.DD.18B	2	6	12/09/2025	Tối	23CĐ.DD.18B	Xác suất thống kê Y học	LT	30	14	4		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B2.1	
23CĐ.DD.18B	2	6	12/09/2025	Chiều	23CĐ.DD.18A	Thực hành NCKH	TH	30	4	4		Ths. Thành	BGH	P. B3.4	
23CĐ.DD.18B	2	7	13/09/2025	Sáng	23CĐ.DD.18A	Thực hành NCKH	TH	30	8	4		Ths. Thành	BGH	P. B2.5	
23CĐ.DU.13A	2	2	08/09/2025	Sáng		Kinh tế dược	LT	15	5	5		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.3	
23CĐ.DU.13A	2	3	09/09/2025	Chiều		Kinh tế dược	LT	15	10	5		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DU.13A	2	4	10/09/2025	Sáng		Kinh tế được	LT	15	15*	5		Ds. Dũng	K. Dược	P. B2.2	
23CĐ.DU.13A	2	4	10/09/2025	Chiều		Kinh tế được	TH	30	4	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B2.2	
23CĐ.DU.13A	2	5	11/09/2025	Sáng		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	5	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.2	
23CĐ.DU.13A	2	5	11/09/2025	Chiều		Kinh tế được	TH	30	8	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B2.2	
23CĐ.DU.13A	2	6	12/09/2025	Sáng		Kinh tế được	TH	30	12	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B2.2	
23CĐ.DU.13A	2	6	12/09/2025	Chiều		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	10	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.2	
23CĐ.DU.13A	2	7	13/09/2025	Sáng		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	15	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.2	
23CĐ.DU.13B	2	2	08/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13C	Kiểm nghiệm	LT	30	5	5		Dsck1.Quảng	K. Dược	P. B3.2	
23CĐ.DU.13B	2	3	09/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13C	Kiểm nghiệm	LT	30	10	5		Dsck1.Quảng	K. Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13B	2	4	10/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13C	Kiểm nghiệm	LT	30	15	5		Dsck1.Quảng	K. Dược	P. B3.4	
23CĐ.DU.13B	2	5	11/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13C	Dược Lâm sàng	LT	30	5	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B3.4	
23CĐ.DU.13B	2	6	12/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13C	Dược Lâm sàng	LT	30	10	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.4	
23CĐ.DU.13B	2	7	13/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13C	Dược Lâm sàng	LT	30	15	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.1	
23CĐ.DU.13C	2	2	08/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13B	Kiểm nghiệm	LT	30	5	5		Dsck1.Quảng	K. Dược	P. B3.2	
23CĐ.DU.13C	2	3	09/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13B	Kiểm nghiệm	LT	30	10	5		Dsck1.Quảng	K. Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13C	2	4	10/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13B	Kiểm nghiệm	LT	30	15	5		Dsck1.Quảng	K. Dược	P. B3.4	
23CĐ.DU.13C	2	5	11/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13B	Dược Lâm sàng	LT	30	5	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B3.4	
23CĐ.DU.13C	2	6	12/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13B	Dược Lâm sàng	LT	30	10	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.4	
23CĐ.DU.13C	2	7	13/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13B	Dược Lâm sàng	LT	30	15	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.1	
23CĐ.DU.13D	2	2	08/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13E	Dược lâm sàng	LT	30	5	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.5	
23CĐ.DU.13D	2	3	09/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13E	Dược lâm sàng	LT	30	10	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.4	
23CĐ.DU.13D	2	4	10/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13E	Dược lâm sàng	LT	30	15	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B3.2	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DU.13D	2	5	11/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13E	Xác suất thống kê Y học	LT	30	5	5		Ths. Thắng (GV mời)	K. Dược	P. B3.2	
23CĐ.DU.13D	2	6	12/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13E	Dược lâm sàng	LT	30	20	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13D	2	7	13/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13E	Xác suất thống kê Y học	LT	30	10	5		Ths. Thắng (GV mời)	K. Dược	P. B2.1	
23CĐ.DU.13E	2	2	08/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13D	Dược lâm sàng	LT	30	5	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.5	
23CĐ.DU.13E	2	3	09/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13D	Dược lâm sàng	LT	30	10	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.4	
23CĐ.DU.13E	2	4	10/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13D	Dược lâm sàng	LT	30	15	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B3.2	
23CĐ.DU.13E	2	5	11/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13D	Xác suất thống kê Y học	LT	30	5	5		Ths. Thắng (GV mời)	K. Dược	P. B3.2	
23CĐ.DU.13E	2	6	12/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13D	Dược lâm sàng	LT	30	20	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13E	2	7	13/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13D	Xác suất thống kê Y học	LT	30	10	5		Ths. Thắng (GV mời)	K. Dược	P. B2.1	
23CĐ.HA.15	2	2	08/09/2025	Sáng		Kỹ thuật siêu âm	LT	15	5	5		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. B2.6	
23CĐ.HA.15	2	3	09/09/2025	Sáng		Kỹ thuật siêu âm	LT	15	10	5		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. B2.6	
23CĐ.HA.15	2	4	10/09/2025	Sáng		Kỹ thuật siêu âm	LT	15	15*	5		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. B3.3	
23CĐ.HA.15	2	5	11/09/2025	Sáng		KTXQ có dùng thuốc cản quang	LT	15	5	5		CN Hùng	K. KTYH	P. B3.3	
23CĐ.HA.15	2	6	12/09/2025	Sáng		KTXQ có dùng thuốc cản quang	LT	15	10	5		CN Hùng	K. KTYH	P. B2.6	
23CĐ.HA.15	2	7	13/09/2025	Sáng		KTXQ có dùng thuốc cản quang	LT	15	15*	5		CN Hùng	K. KTYH	P. B2.6	
23CĐ.XN.15	2	2	08/09/2025	Sáng		Bảo đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm	LT	15	5	5		Ths Trà	K. KTYH	27 PCT	
23CĐ.XN.15	2	3	09/09/2025	Sáng		Bảo đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm	LT	15	10	5		Ths Trà	K. KTYH	27 PCT	
23CĐ.XN.15	2	4	10/09/2025	Sáng		Bảo đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm	LT	15	15*	5		Ths Trà	K. KTYH	27 PCT	
23CĐ.XN.15	2	4	10/09/2025	Chiều		Bảo đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm	TH	30	4	4		Ths Trà	K. KTYH	27 PCT	
23CĐ.XN.15	2	5	11/09/2025	Sáng		Bảo đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm	TH	30	8	4		Ths Trà	K. KTYH	27 PCT	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CD.XN.15	2	5	11/09/2025	Chiều		Hoá sinh 2	LT	30	5	5		Ths Trà	K. KTYH	27 PCT	
23CD.XN.15	2	6	12/09/2025	Sáng		Bảo đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm	TH	30	12	4		Ths Trà	K. KTYH	27 PCT	
23CD.XN.15	2	6	12/09/2025	Chiều		Hoá sinh 2	LT	30	10	5		Ths Trà	K. KTYH	27 PCT	
23CD.HS.11	2	2	08/09/2025	Chiều		Chăm sóc sau đẻ	LT	30	5	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.3	
23CD.HS.11	2	3	09/09/2025	Chiều		Chăm sóc sau đẻ	LT	30	10	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.5	
23CD.HS.11	2	4	10/09/2025	Sáng		Chăm sóc sơ sinh	LT	15	5	5		Th.s Dương	K. ĐD	P. B3.1	
23CD.HS.11	2	4	10/09/2025	Chiều		Chăm sóc sau đẻ	LT	30	15	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.1	
23CD.HS.11	2	5	11/09/2025	Chiều		Chăm sóc sau đẻ	LT	30	20	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B2.6	
23CD.HS.11	2	6	12/09/2025	Sáng		Chăm sóc sơ sinh	LT	15	10	5		Th.s Dương	K. ĐD	P. B3.1	
23CD.HS.11	2	6	12/09/2025	Chiều		Chăm sóc sau đẻ	LT	30	25	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.1	
23CD.PHR.6	2	2	08/09/2025	Chiều		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	LT	15	5	5		CN.Anh	K. KTYH	P. B3.1	
23CD.PHR.6	2	3	09/09/2025	Sáng		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	LT	15	10	5		CN.Anh	K. KTYH	P. B2.2	
23CD.PHR.6	2	4	10/09/2025	Sáng		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	LT	15	15*	5		CN.Anh	K. KTYH	P. B2.6	
23CD.PHR.6	2	4	10/09/2025	Chiều		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	4	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CD.PHR.6	2	5	11/09/2025	Sáng		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	4	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CD.PHR.6	2	5	11/09/2025	Chiều		Xác suất, Thông kê y học	LT	30	5	5		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B2.6	
23CD.PHR.6	2	6	12/09/2025	Sáng		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	8	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CD.PHR.6	2	6	12/09/2025	Chiều		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	8	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CD.PHR.6	2	7	13/09/2025	Sáng		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	12	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CD.PHR.6	2	7	13/09/2025	Chiều		Xác suất, Thông kê y học	LT	30	10	5		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B2.2	
23CD.PHCN.6	2	2	08/09/2025	Chiều		BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp	LT	15	5	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
23CD.PHCN.6	2	3	09/09/2025	Chiều		BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp	LT	15	10	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.PHCN.6	2	4	10/09/2025	Sáng		BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp	LT	15	15*	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	2	4	10/09/2025	Chiều		BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp	TH	60	4	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	2	5	11/09/2025	Sáng		BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp	TH	60	8	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	2	5	11/09/2025	Chiều		BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp	TH	60	12	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	2	6	12/09/2025	Sáng		BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp	TH	60	16	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	2	6	12/09/2025	Chiều		BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp	TH	60	20	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.ĐD.19A	2	2	08/09/2025	Sáng		Tiếng Anh 1	LT	30	5	5		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B3.5	
24CĐ.ĐD.19A	2	3	09/09/2025	Sáng		Tiếng Anh 1	LT	30	10	5		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B3.5	
24CĐ.ĐD.19A	2	4	10/09/2025	Sáng		Tiếng Anh 1	LT	30	15	5		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B3.5	
24CĐ.ĐD.19A	2	5	11/09/2025	Sáng		Tiếng Anh 1	LT	30	20	5		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B3.5	
24CĐ.ĐD.19A	2	5	11/09/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	TH	30	4	4		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B3.5	
24CĐ.ĐD.19A	2	6	12/09/2025	Sáng		Tiếng Anh 1	LT	30	25	5		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B3.5	
24CĐ.ĐD.19A	2	6	12/09/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	TH	30	8	4		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B3.5	
24CĐ.ĐD.19B	2	2	08/09/2025	Chiều		Dược lý	LT	30	5	5		Ds. Dũng	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ.ĐD.19B	2	3	09/09/2025	Chiều		Dược lý	LT	30	10	5		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.1	
24CĐ.ĐD.19B	2	5	11/09/2025	Sáng		Dược lý	LT	30	15	5		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.6	
24CĐ.ĐD.19C	2	2	08/09/2025	Sáng		Tiếng Anh 1	LT	30	5	5		Ths. Thư	K. KHCB	P. B3.6	
24CĐ.ĐD.19C	2	3	09/09/2025	Sáng		Tiếng Anh 1	LT	30	10	5		Ths. Thư	K. KHCB	P. B3.6	
24CĐ.ĐD.19C	2	4	10/09/2025	Sáng		Tiếng Anh 1	LT	30	15	5		Ths. Thư	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19C	2	5	11/09/2025	Sáng		Tiếng Anh 1	LT	30	20	5		Ths. Thư	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19C	2	5	11/09/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	TH	30	4	4		Ths. Thư	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19C	2	6	12/09/2025	Sáng		Tiếng Anh 1	LT	30	25	5		Ths. Thư	K. KHCB	P. B2.5	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.ĐD.19C	2	6	12/09/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	TH	30	8	4		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.5	
24CĐ. DU.14A	2	2	08/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14B	Bệnh học	LT	45	5	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.4	
24CĐ. DU.14A	2	3	09/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14B	Bệnh học	LT	45	10	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.4	
24CĐ. DU.14A	2	4	10/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14B	Bệnh học	LT	45	15	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.1	
24CĐ. DU.14A	2	5	11/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14B	Bệnh học	LT	45	20	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.4	
24CĐ. DU.14A	2	6	12/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14B	Bệnh học	LT	45	25	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.1	
24CĐ. DU.14A	2	7	13/09/2025	Sáng	24CĐ. DU.14B	Dược lý	LT	45	5	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.4	
24CĐ. DU.14B	2	2	08/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14A	Bệnh học	LT	45	5	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.4	
24CĐ. DU.14B	2	3	09/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14A	Bệnh học	LT	45	10	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.4	
24CĐ. DU.14B	2	4	10/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14A	Bệnh học	LT	45	15	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.1	
24CĐ. DU.14B	2	5	11/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14A	Bệnh học	LT	45	20	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.4	
24CĐ. DU.14B	2	6	12/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14A	Bệnh học	LT	45	25	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.1	
24CĐ. DU.14B	2	7	13/09/2025	Sáng	24CĐ. DU.14A	Dược lý	LT	45	5	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.4	
24CĐ. DU.14C	2	2	08/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14D	Hóa phân tích	LT	30	5	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ. DU.14C	2	3	09/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14D	Hóa phân tích	LT	30	10	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ. DU.14C	2	4	10/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14D	Hóa phân tích	LT	30	15	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.4	
24CĐ. DU.14C	2	5	11/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14D	Hóa phân tích	LT	30	20	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.5	
24CĐ. DU.14C	2	6	12/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14D	Hóa phân tích	LT	30	25	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.3	
24CĐ. DU.14C	2	7	13/09/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	4	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14C	2	7	13/09/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	4	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14D	2	2	08/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14C	Hóa phân tích	LT	30	5	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ. DU.14D	2	3	09/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14C	Hóa phân tích	LT	30	10	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.1	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ. DU.14D	2	4	10/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14C	Hóa phân tích	LT	30	15	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.4	
24CĐ. DU.14D	2	5	11/09/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	4	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14D	2	5	11/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14C	Hóa phân tích	LT	30	20	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.5	
24CĐ. DU.14D	2	6	12/09/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	4	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14D	2	6	12/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14C	Hóa phân tích	LT	30	25	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.3	
24CĐ.HA.16	2	2	08/09/2025	Sáng	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	LT	45	5	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B3.1	
24CĐ.HA.16	2	3	09/09/2025	Chiều	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	LT	45	10	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.5	
24CĐ.HA.16	2	4	10/09/2025	Sáng	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	LT	45	15	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.5	
24CĐ.HA.16	2	5	11/09/2025	Chiều	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	LT	45	20	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B3.2	
24CĐ.HA.16	2	6	12/09/2025	Chiều	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	LT	45	25	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.6	
24CĐ.XN.16	2	2	08/09/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	LT	45	5	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B3.1	
24CĐ.XN.16	2	3	09/09/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	LT	45	10	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.5	
24CĐ.XN.16	2	4	10/09/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	LT	45	15	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.5	
24CĐ.XN.16	2	5	11/09/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	LT	45	20	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B3.2	
24CĐ.XN.16	2	6	12/09/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	LT	45	25	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.6	
24CĐ.HS.12	2	2	08/09/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	LT	45	5	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B3.1	
24CĐ.HS.12	2	3	09/09/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Giáo dục - chính trị	LT	45	10	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.5	
24CĐ.HS.12	2	4	10/09/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Giáo dục - chính trị	LT	45	15	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.5	
24CĐ.HS.12	2	5	11/09/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Giáo dục - chính trị	LT	45	20	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B3.2	
24CĐ.HS.12	2	6	12/09/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Giáo dục - chính trị	LT	45	25	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.6	
24CĐ.PHR.7	2	2	08/09/2025	Sáng		Cần khớp học	LT	15	5	5		THS.TRÚC	K. KTYH	P. B2.2	
24CĐ.PHR.7	2	3	09/09/2025	Sáng		Cần khớp học	LT	15	10	5		THS.TRÚC	K. KTYH	P. B3.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.PHR.7	2	4	10/09/2025	Sáng		Cẩn khớp học	LT	15	15*	5		THS.TRÚC	K. KTYH	P. B3.6	
24CĐ.PHR.7	2	5	11/09/2025	Sáng		Cẩn khớp học	TH	30	4	4	N1	THS.TRÚC	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	2	5	11/09/2025	Sáng		Cẩn khớp học	TH	30	4	4	N2	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	2	6	12/09/2025	Sáng		Cẩn khớp học	TH	30	8	4	N1	THS.TRÚC	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	2	6	12/09/2025	Sáng		Cẩn khớp học	TH	30	8	4	N2	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHCN.7	2	2	08/09/2025	Chiều		Vật lý đại cương và Lý sinh	LT	30	5	5		ThS. Thuý	K. KHCB	P. B2.6	
24CĐ.PHCN.7	2	3	09/09/2025	Chiều		Vật lý đại cương và Lý sinh	LT	30	10	5		ThS. Thuý	K. KHCB	P. B2.6	
24CĐ.PHCN.7	2	4	10/09/2025	Chiều		Vật lý đại cương và Lý sinh	LT	30	15	5		ThS. Thuý	K. KHCB	P. B2.6	
24CĐ.PHCN.7	2	5	11/09/2025	Chiều		Vật lý đại cương và Lý sinh	LT	30	20	5		ThS. Thuý	K. KHCB	P. B3.1	
24CĐ.PHCN.7	2	6	12/09/2025	Chiều		Vật lý đại cương và Lý sinh	LT	30	25	5		ThS. Thuý	K. KHCB	P. B3.2	
24TC.YS.33	2	5	11/09/2025	Sáng		Sức khoẻ sinh sản	LT	60	5	5		CK1.BS Luân	Khoa Y	P. B4.4	
24TC.YS.33	2	5	11/09/2025	Chiều		Sức khoẻ sinh sản	LT	60	10	5		CK1.BS Luân	Khoa Y	P. B4.4	
24TC.YS.33	2	6	12/09/2025	Sáng		Sức khoẻ sinh sản	LT	60	15	5		CK1.BS Luân	Khoa Y	P. B2.2	
24TC.YS.33	2	6	12/09/2025	Chiều		Sức khoẻ sinh sản	LT	60	20	5		CK1.BS Luân	Khoa Y	P. B2.2	
24TC.YS.33	2	7	13/09/2025	Sáng		Sức khoẻ sinh sản	LT	60	25	5		CK1.BS Luân	Khoa Y	P. B3.1	
24TC.YS.33	2	7	13/09/2025	Chiều		Sức khoẻ sinh sản	LT	60	30	5		CK1.BS Luân	Khoa Y	P. B2.6	
24TC.YHCT.13	2	2	08/09/2025	Chiều		Châm cứu	LT	30	5	5		BS Phúc	Khoa Y	P. B2.2	
24TC.YHCT.13	2	3	09/09/2025	Chiều		Châm cứu	LT	30	10	5		BS Phúc	Khoa Y	P. B3.6	
24TC.YHCT.13	2	4	10/09/2025	Chiều		Châm cứu	LT	30	15	5		BS Phúc	Khoa Y	P. B3.3	
24TC.YHCT.13	2	5	11/09/2025	Chiều		Châm cứu	LT	30	20	5		BS Phúc	Khoa Y	P. B3.3	
23CĐ.DD.18A	3	2	15/09/2025	Sáng	23CĐ.DD.18B	Thực hành NCKH	TH	30	12	4		Ths. Thành	BGH	P. B3.2	
23CĐ.DD.18A	3	2	15/09/2025	Chiều	23CĐ.DD.18B	Xác suất thống kê Y học	LT	30	19	5		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B3.2	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CB.DD.18A	3	3	16/09/2025	Sáng	23CB.DD.18B	Thực hành NCKH	TH	30	16	4		Ths. Thành	BGH	P. B2.5	
23CB.DD.18A	3	4	17/09/2025	Tối	23CB.DD.18B	Xác suất thống kê Y học	LT	30	23	4		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B2.3	
23CB.DD.18A	3	4	17/09/2025	Chiều	23CB.DD.18B	Thực hành NCKH	TH	30	20	4		Ths. Thành	BGH	P. B2.3	
23CB.DD.18A	3	5	18/09/2025	Sáng		Thực hành NCKH	TH	30	24	4	N1	Ths. Khoa	BGH	P. TH Tin	
23CB.DD.18A	3	5	18/09/2025	Chiều	23CB.DD.18B	Xác suất thống kê Y học	LT	30	28	5		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B2.5	
23CB.DD.18A	3	6	19/09/2025	Tối	23CB.DD.18B	Xác suất thống kê Y học	LT	30	30*	2		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B2.5	(Tiết 1&2)
23CB.DD.18A	3	6	19/09/2025	Sáng		Thực hành NCKH	TH	30	24	4	N2	Ths. Khoa	BGH	P. TH Tin	
23CB.DD.18A	3	7	20/09/2025	Sáng		Thực hành NCKH	TH	30	28	4	N1	Ths. Khoa	BGH	P. TH Tin	
23CB.DD.18B	3	2	15/09/2025	Sáng	23CB.DD.18A	Thực hành NCKH	TH	30	12	4		Ths. Thành	BGH	P. B3.2	
23CB.DD.18B	3	2	15/09/2025	Chiều	23CB.DD.18A	Xác suất thống kê Y học	LT	30	19	5		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B3.2	
23CB.DD.18B	3	3	16/09/2025	Sáng	23CB.DD.18A	Thực hành NCKH	TH	30	16	4		Ths. Thành	BGH	P. B2.5	
23CB.DD.18B	3	4	17/09/2025	Tối	23CB.DD.18A	Xác suất thống kê Y học	LT	30	23	4		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B2.3	
23CB.DD.18B	3	4	17/09/2025	Chiều	23CB.DD.18A	Thực hành NCKH	TH	30	20	4		Ths. Thành	BGH	P. B2.3	
23CB.DD.18B	3	5	18/09/2025	Chiều	23CB.DD.18A	Xác suất thống kê Y học	LT	30	28	5		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B2.5	
23CB.DD.18B	3	6	19/09/2025	Tối	23CB.DD.18A	Xác suất thống kê Y học	LT	30	30*	2		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B2.5	(Tiết 1&2)
23CB.DD.18B	3	6	19/09/2025	Chiều		Thực hành NCKH	TH	30	24	4	N1	Ths. Khoa	BGH	P. TH Tin	
23CB.DD.18B	3	7	20/09/2025	Chiều		Thực hành NCKH	TH	30	24	4	N2	Ths. Khoa	BGH	P. TH Tin	
23CB.DU.13A	3	3	16/09/2025	Sáng		Kinh tế được	TH	30	16	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.5	
23CB.DU.13A	3	3	16/09/2025	Chiều		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	20	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B3.5	
23CB.DU.13A	3	4	17/09/2025	Sáng		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	25	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.2	
23CB.DU.13A	3	4	17/09/2025	Tối		Kinh tế được	TH	30	18	2		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.2	
23CB.DU.13A	3	5	18/09/2025	Sáng		Xác suất thống kê Y học	LT	30	5	5		Ths. Thắng (GV mời)	K. KHCB	P. B3.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DU.13A	3	5	18/09/2025	Chiều		Kinh tế được	TH	30	22	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.3	
23CĐ.DU.13A	3	5	18/09/2025	Tối		Kinh tế được	TH	30	24	2		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.2	
23CĐ.DU.13A	3	7	20/09/2025	Sáng		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	30*	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.4	
23CĐ.DU.13A	3	7	20/09/2025	Chiều		Xác suất thống kê Y học	LT	30	10	5		Ths. Thắng (GV mời)	K. KHCB	P. B3.5	
23CĐ.DU.13B	3	2	15/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13C	Kiểm nghiệm	LT	30	20	5		Dsck1.Quảng	K. Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13B	3	2	15/09/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	4	4	N1	Dsck1.Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13B	3	3	16/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13C	Kiểm nghiệm	LT	30	25	5		Dsck1.Quảng	K. Dược	P. B3.2	
23CĐ.DU.13B	3	4	17/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13C	Kiểm nghiệm	LT	30	30*	5		Dsck1.Quảng	K. Dược	P. B2.5	
23CĐ.DU.13B	3	4	17/09/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	4	4	N2	Dsck1.Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13B	3	5	18/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13C	Dược Lâm sàng	LT	30	20	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13B	3	6	19/09/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	8	4	N1	Dsck1.Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13C	3	2	15/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13B	Kiểm nghiệm	LT	30	20	5		Dsck1.Quảng	K. Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13C	3	3	16/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13B	Kiểm nghiệm	LT	30	25	5		Dsck1.Quảng	K. Dược	P. B3.2	
23CĐ.DU.13C	3	3	16/09/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	4	4	N1	Dsck1.Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13C	3	4	17/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13B	Kiểm nghiệm	LT	30	30*	5		Dsck1.Quảng	K. Dược	P. B2.5	
23CĐ.DU.13C	3	5	18/09/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	4	4	N2	Ds Trình (Gv mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13C	3	5	18/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13B	Dược Lâm sàng	LT	30	20	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13C	3	6	19/09/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	8	4	N1	Dsck1.Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	3	2	15/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13E	Dược lâm sàng	LT	30	25	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13D	3	3	16/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13E	Dược lâm sàng	LT	30	30*	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13D	3	4	17/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13E	Xác suất thống kê Y học	LT	30	15	5		Ths. Thắng (GV mời)	K. Dược	P. B3.6	
23CĐ.DU.13D	3	5	18/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13E	Xác suất thống kê Y học	LT	30	20	5		Ths. Thắng (GV mời)	K. Dược	P. B4.5	
23CĐ.DU.13D	3	5	18/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13E	Xác suất thống kê Y học	LT	30	25	5		Ths. Thắng (GV mời)	K. Dược	P. B3.2	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DU.13D	3	6	19/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13E	Xác suất thống kê Y học	LT	30	30*	5		Ths. Thắng (GV mời)	K. Dược	P. B3.4	
23CĐ.DU.13E	3	2	15/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13D	Dược lâm sàng	LT	30	25	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13E	3	3	16/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13D	Dược lâm sàng	LT	30	30*	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13E	3	4	17/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13D	Xác suất thống kê Y học	LT	30	15	5		Ths. Thắng (GV mời)	K. Dược	P. B3.6	
23CĐ.DU.13E	3	5	18/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13D	Xác suất thống kê Y học	LT	30	20	5		Ths. Thắng (GV mời)	K. Dược	P. B4.5	
23CĐ.DU.13E	3	5	18/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13D	Xác suất thống kê Y học	LT	30	25	5		Ths. Thắng (GV mời)	K. Dược	P. B3.2	
23CĐ.DU.13E	3	6	19/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13D	Xác suất thống kê Y học	LT	30	30*	5		Ths. Thắng (GV mời)	K. Dược	P. B3.4	
23CĐ.HA.15	3	2	15/09/2025	Chiều		Kỹ thuật siêu âm	TH	60	4	4		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.HA.15	3	3	16/09/2025	Sáng		Kỹ thuật siêu âm	TH	60	8	4		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.HA.15	3	3	16/09/2025	Chiều		Chẩn đoán hình ảnh XQ	LT	30	5	5		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. B3.3	
23CĐ.HA.15	3	4	17/09/2025	Sáng		Kỹ thuật siêu âm	TH	60	12	4		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.HA.15	3	4	17/09/2025	Chiều		Chẩn đoán hình ảnh XQ	LT	30	10	5		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. B2.2	
23CĐ.HA.15	3	5	18/09/2025	Sáng		Kỹ thuật siêu âm	TH	60	16	4		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.HA.15	3	5	18/09/2025	Chiều		Chẩn đoán hình ảnh XQ	LT	30	15	5		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. B3.5	
23CĐ.HA.15	3	6	19/09/2025	Sáng		Kỹ thuật siêu âm	TH	60	20	4		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.HA.15	3	6	19/09/2025	Chiều		Chẩn đoán hình ảnh XQ	LT	30	20	5		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.XN.15	3	2	15/09/2025	Sáng		Bảo đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm	TH	30	16	4		Ths Trà	K. KTYH	27 PCT	
23CĐ.XN.15	3	2	15/09/2025	Chiều		Hoá sinh 2	LT	30	15	5		Ths Trà	K. KTYH	27 PCT	
23CĐ.XN.15	3	3	16/09/2025	Sáng		Bảo đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm	TH	30	20	4		Ths Trà	K. KTYH	27 PCT	
23CĐ.XN.15	3	3	16/09/2025	Tối		Bảo đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm	TH	30	23	3		Ths Trà	K. KTYH	27 PCT	
23CĐ.XN.15	3	4	17/09/2025	Sáng		Bảo đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm	TH	30	27	4		Ths Trà	K. KTYH	27 PCT	
23CĐ.XN.15	3	4	17/09/2025	Tối		Bảo đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm	TH	30	30*	3		Ths Trà	K. KTYH	27 PCT	
23CĐ.XN.15	3	5	18/09/2025	Sáng		Hoá sinh 2	TH	60	4	4		Ths Trà	K. KTYH	27 PCT	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.XN.15	3	5	18/09/2025	Tối		Hoá sinh 2	TH	60	8	4		Ths Trà	K. KTYH	27 PCT	
23CĐ.XN.15	3	6	19/09/2025	Sáng		Thi TH Bảo đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm	TH					Ths Trà-Ths Quỳnh	K. KTYH	27 PCT	
23CĐ.XN.15	3	6	19/09/2025	Chiều			TH	60	12	4		Ths Trà	K. KTYH	27 PCT	
23CĐ.HS.11	3	2	15/09/2025	Sáng		Chăm sóc sau đẻ	LT	30	30*	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B4.1	
23CĐ.HS.11	3	3	16/09/2025	Chiều		Chăm sóc sơ sinh	LT	15	15*	5		Ths. T.T.Huyền	Khoa ĐD	P. B3.6	
23CĐ.HS.11	3	4	17/09/2025	Sáng		Chăm sóc sơ sinh	TH	30	4	4		Ths. Dương	Khoa ĐD	P. TH	
23CĐ.HS.11	3	5	18/09/2025	Sáng		Chăm sóc sơ sinh	TH	30	8	4		Ths. T.T.Huyền	Khoa ĐD	P. TH	
23CĐ.HS.11	3	6	19/09/2025	Sáng		Chăm sóc sơ sinh	TH	30	12	4		Ths. T.T.Huyền	Khoa ĐD	P. TH	
23CĐ.HS.11	3	6	19/09/2025	Chiều		Chăm sóc sơ sinh	TH	30	16	4		Ths. Dương	Khoa ĐD	P. TH	
23CĐ.PHR.6	3	2	15/09/2025	Tối		Xác suất, Thông kê y học	LT	30	14	4		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B2.6	
23CĐ.PHR.6	3	2	15/09/2025	Chiều		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	12	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	3	3	16/09/2025	Sáng		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	16	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	3	3	16/09/2025	Chiều		Xác suất, Thông kê y học	LT	30	19	5		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B3.2	
23CĐ.PHR.6	3	4	17/09/2025	Chiều		Xác suất, Thông kê y học	LT	30	24	5		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B2.6	Bổ sung (Tiết 3&4)
23CĐ.PHR.6	3	4	17/09/2025	Sáng		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	16	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	3	5	18/09/2025	Sáng		Xác suất, Thông kê y học	LT	30	29	5		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B3.5	
23CĐ.PHR.6	3	6	19/09/2025	Tối		Xác suất, Thông kê y học	LT	30	30*	1		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B3.5	Bổ sung (Tiết 3)
23CĐ.PHR.6	3	5	18/09/2025	Chiều		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	20	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	3	6	19/09/2025	Chiều		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	20	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	3	7	20/09/2025	Sáng		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	24	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	3	7	20/09/2025	Chiều		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	24	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHCN.6	3	2	15/09/2025	Sáng		BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp	TH	60	24	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CB.PHCN.6	3	2	15/09/2025	Chiều		BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp	TH	60	28	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CB.PHCN.6	3	3	16/09/2025	Sáng		BL&VLTL hệ cơ xương	LT	30	5	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.13	27 Phan Chu Trinh
23CB.PHCN.6	3	3	16/09/2025	Chiều		BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp	TH	60	32	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CB.PHCN.6	3	4	17/09/2025	Sáng		BL&VLTL hệ cơ xương	LT	30	10	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.13	27 Phan Chu Trinh
23CB.PHCN.6	3	4	17/09/2025	Chiều		BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp	TH	60	36	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CB.PHCN.6	3	5	18/09/2025	Sáng		BL&VLTL hệ cơ xương	LT	30	15	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.13	27 Phan Chu Trinh
23CB.PHCN.6	3	5	18/09/2025	Chiều		BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp	TH	60	40	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CB.PHCN.6	3	6	19/09/2025	Chiều		BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp	TH	60	44	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
24CB.ĐD.19A	3	2	15/09/2025	Sáng		Tiếng Anh 1	LT	30	30*	5		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B3.1	
24CB.ĐD.19A	3	2	15/09/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	TH	30	12	4		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B3.1	
24CB.ĐD.19A	3	3	16/09/2025	Sáng	24CB.ĐD.19C	Giáo dục chính trị	LT	45	5	5		Phạm Thị Như Ý	K. KHCB	P. B2.1	
24CB.ĐD.19A	3	3	16/09/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	TH	30	16	4		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B2.6	
24CB.ĐD.19A	3	4	17/09/2025	Sáng	24CB.ĐD.19C	Giáo dục chính trị	LT	45	10	5		Phạm Thị Như Ý	K. KHCB	P. B2.4	
24CB.ĐD.19A	3	4	17/09/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	TH	30	20	4		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B2.6	
24CB.ĐD.19A	3	5	18/09/2025	Sáng	24CB.ĐD.19C	Giáo dục chính trị	LT	45	15	5		Phạm Thị Như Ý	K. KHCB	P. B2.1	
24CB.ĐD.19A	3	5	18/09/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	TH	30	24	4		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B2.2	
24CB.ĐD.19B	3	4	17/09/2025	Sáng		Dược lý	LT	30	20	5		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.1	
24CB.ĐD.19B	3	4	17/09/2025	Chiều		Dược lý	TH	30	4	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.1	
24CB.ĐD.19B	3	5	18/09/2025	Sáng		Sinh lý bệnh - Miễn dịch	LT	30	5	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B3.1	
24CB.ĐD.19C	3	2	15/09/2025	Sáng		Tiếng Anh 1	LT	30	30*	5		Ths. Thư	K. KHCB	P. B3.3	
24CB.ĐD.19C	3	2	15/09/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	TH	30	12	4		Ths. Thư	K. KHCB	P. B2.5	
24CB.ĐD.19C	3	3	16/09/2025	Sáng	24CB.ĐD.19A	Giáo dục chính trị	LT	45	5	5		Phạm Thị Như Ý	K. KHCB	P. B2.1	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.ĐD.19C	3	3	16/09/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	TH	30	16	4		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.2	
24CĐ.ĐD.19C	3	4	17/09/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19A	Giáo dục chính trị	LT	45	10	5		Phạm Thị Như Ý	K. KHCB	P. B2.4	
24CĐ.ĐD.19C	3	4	17/09/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	TH	30	20	4		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.5	
24CĐ.ĐD.19C	3	5	18/09/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19A	Giáo dục chính trị	LT	45	15	5		Phạm Thị Như Ý	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19C	3	5	18/09/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	TH	30	24	4		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.6	
24CĐ. DU.14A	3	2	15/09/2025	Sáng	24CĐ. DU.14B	Dược lý	LT	45	10	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.1	
24CĐ. DU.14A	3	3	16/09/2025	Sáng	24CĐ. DU.14B	Bệnh học	LT	45	30	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.4	
24CĐ. DU.14A	3	4	17/09/2025	Sáng	24CĐ. DU.14B	Dược lý	LT	45	15	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.1	
24CĐ. DU.14A	3	5	18/09/2025	Sáng	24CĐ. DU.14B	Dược lý	LT	45	20	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14A	3	6	19/09/2025	Sáng	24CĐ. DU.14B	Bệnh học	LT	45	35	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.5	
24CĐ. DU.14A	3	6	19/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14B	Dược lý	LT	45	25	5			K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14B	3	2	15/09/2025	Sáng	24CĐ. DU.14A	Dược lý	LT	45	10	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.1	
24CĐ. DU.14B	3	3	16/09/2025	Sáng	24CĐ. DU.14A	Bệnh học	LT	45	30	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.4	
24CĐ. DU.14B	3	4	17/09/2025	Sáng	24CĐ. DU.14A	Dược lý	LT	45	15	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.1	
24CĐ. DU.14B	3	5	18/09/2025	Sáng	24CĐ. DU.14A	Dược lý	LT	45	20	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14B	3	6	19/09/2025	Sáng	24CĐ. DU.14A	Bệnh học	LT	45	35	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.5	
24CĐ. DU.14B	3	6	19/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14A	Dược lý	LT	45	25	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14C	3	2	15/09/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	8	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14C	3	2	15/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14D	Hóa phân tích	LT	30	30*	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.4	
24CĐ. DU.14C	3	4	17/09/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	8	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14C	3	4	17/09/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	12	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14C	3	6	19/09/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	12	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ. DU.14C	3	6	19/09/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	16	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14D	3	2	15/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14C	Hóa phân tích	LT	30	30*	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.4	
24CĐ. DU.14D	3	3	16/09/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	8	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14D	3	3	16/09/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	8	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14D	3	5	18/09/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	12	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14D	3	5	18/09/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	12	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14D	3	7	20/09/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	16	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14D	3	7	20/09/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	16	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ.HA.16	3	3	16/09/2025	Chiều	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	LT	45	35	5		Ths. Vân Anh	K. KHCB	P. B3.4	
24CĐ.HA.16	3	4	17/09/2025	Sáng	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	LT	45	40	5		Ths. Vân Anh	K. KHCB	P. B3.4	
24CĐ.HA.16	3	5	18/09/2025	Sáng	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	LT	45	45*	5		Ths. Vân Anh	K. KHCB	P. B3.4	
24CĐ.HA.16	3	5	18/09/2025	Chiều	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	TH	30	4	4		Ths. Vân Anh	K. KHCB	P. B3.4	
24CĐ.HA.16	3	6	19/09/2025	Chiều	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	TH	30	8	4		Ths.Vân Anh (1 Tiết) Ths.Dung (3 Tiết)	K. KHCB	P. B2.5	
24CĐ.HA.16	3	7	20/09/2025	Sáng	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	LT	45	30	5		Ths. Vân Anh	K. KHCB	P. B3.4	
24CĐ.XN.16	3	3	16/09/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	LT	45	35	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B3.4	
24CĐ.XN.16	3	4	17/09/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	LT	45	40	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B3.4	
24CĐ.XN.16	3	5	18/09/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	LT	45	45*	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B3.4	
24CĐ.XN.16	3	5	18/09/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	TH	30	4	4		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B3.4	
24CĐ.XN.16	3	6	19/09/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	TH	30	8	4		Ths.Vân Anh (1 Tiết) Ths.Dung (3 Tiết)	K. KHCB	P. B2.5	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.XN.16	3	7	20/09/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	LT	45	30	5		Ths. Vân Anh	K. KHCB	P. B3.4	
24CĐ.HS.12	3	3	16/09/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Giáo dục - chính trị	LT	45	35	5		Ths. Vân Anh	K. KHCB	P. B3.4	
24CĐ.HS.12	3	4	17/09/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Giáo dục - chính trị	LT	45	40	5		Ths. Vân Anh	K. KHCB	P. B3.4	
24CĐ.HS.12	3	5	18/09/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Giáo dục - chính trị	LT	45	45*	5		Ths. Vân Anh	K. KHCB	P. B3.4	
24CĐ.HS.12	3	5	18/09/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Giáo dục - chính trị	TH	30	4	4		Ths. Vân Anh	K. KHCB	P. B3.4	
24CĐ.HS.12	3	6	19/09/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Giáo dục - chính trị	TH	30	8	4		Ths. Vân Anh (1 Tiết) Ths. Dung (3 Tiết)	K. KHCB	P. B2.5	
24CĐ.HS.12	3	7	20/09/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Giáo dục - chính trị	LT	45	30	5		Ths. Vân Anh	K. KHCB	P. B3.4	
24CĐ.PHR.7	3	2	15/09/2025	Sáng		Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR	LT	15	5	5		CN.Hợp(mời)	K. KTYH	P. B3.5	
24CĐ.PHR.7	3	2	15/09/2025	Chiều		Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR	TH	30	4	4	N1	CN.Luân	K.KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	3	2	15/09/2025	Chiều		Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR	TH	30	4	4	N2	CN.Hợp(mời)	K.KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	3	3	16/09/2025	Sáng		Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR	LT	15	10	5		CN.Hợp(mời)	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	3	3	16/09/2025	Chiều		Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR	TH	30	8	4	N1	CN.Luân	K.KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	3	3	16/09/2025	Chiều		Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR	TH	30	8	4	N2	CN.Hợp(mời)	K.KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	3	4	17/09/2025	Sáng		Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR	LT	15	15*	5		CN.Hợp(mời)	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	3	4	17/09/2025	Chiều		Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR	TH	30	12	4	N1	CN.Luân	K.KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	3	4	17/09/2025	Chiều		Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR	TH	30	12	4	N2	CN.Hợp(mời)	K.KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	3	5	18/09/2025	Sáng		Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR	TH	30	16	4	N1	CN.Luân	K.KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	3	6	19/09/2025	Sáng		Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR	TH	30	20	4	N1	CN.Luân	K.KTYH	27PCT	
24CĐ.PHCN.7	3	2	15/09/2025	Chiều		Vật lý đại cương và Lý sinh	LT	30	30*	5		ThS. Thuý	K. KHCB	P. B2.6	
24CĐ.PHCN.7	3	7	20/09/2025	Sáng		Quản lý và Tổ chức y tế	LT	30	5	5		Ths Đường	Khoa Y	P. B2.2	GV mời

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.PHCN.7	3	7	20/09/2025	Chiều		Quản lý và Tổ chức y tế	LT	30	10	5		Ths Đường	Khoa Y	P. B2.2	GV mời
25CĐ.ĐD.20A	3	2	15/09/2025	Sáng		GDTC	TH	60	4	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20A	3	2	15/09/2025	Chiều	25CĐ.ĐD.20B	Giải phẫu	LT	30	5	5		ThS. Vân	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20A	3	3	16/09/2025	Sáng		GDTC	TH	60	8	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20A	3	4	17/09/2025	Sáng		GDTC	TH	60	12	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20A	3	4	17/09/2025	Chiều	25CĐ.ĐD.20B	Giải phẫu	LT	30	10	5		ThS. Vân	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20A	3	5	18/09/2025	Sáng		GDTC	TH	60	16	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20A	3	6	19/09/2025	Sáng		GDTC	TH	60	20	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20A	3	6	19/09/2025	Chiều	25CĐ.ĐD.20B	Giải phẫu	LT	30	15	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20B	3	2	15/09/2025	Chiều	25CĐ.ĐD.20A	Giải phẫu	LT	30	5	5		ThS. Vân	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20B	3	3	16/09/2025	Chiều		GDTC	TH	60	4	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20B	3	4	17/09/2025	Chiều	25CĐ.ĐD.20A	Giải phẫu	LT	30	10	5		ThS. Vân	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20B	3	5	18/09/2025	Chiều		GDTC	TH	60	8	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20B	3	6	19/09/2025	Chiều	25CĐ.ĐD.20A	Giải phẫu	LT	30	15	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20C	3	2	15/09/2025	Sáng	25CĐ.HS.13	Y đức	LT	30	5	5		Ths.Minh Son	P. ĐT	P. B2.5	
25CĐ.ĐD.20C	3	3	16/09/2025	Sáng	25CĐ.HS.13	Y đức	LT	30	10	5		Ths.Sang	Kho ĐD	P. B3.1	
25CĐ.ĐD.20C	3	4	17/09/2025	Chiều	25CĐ.HS.13	Hóa sinh	LT	15	5	5		Ths Trà	K. KHYH	P. B3.4	
25CĐ.ĐD.20C	3	5	18/09/2025	Sáng	25CĐ.HS.13	Y đức	LT	30	15	5		Ths.Minh Son	Khoa Y	P. B3.2	
25CĐ.ĐD.20C	3	5	18/09/2025	Chiều	25CĐ.HS.13	Hóa sinh	LT	15	10	5		Ths Trà	K. KHYH	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20C	3	6	19/09/2025	Sáng	25CĐ.HS.13	Y đức	LT	30	20	5		Ths.Sang	Kho ĐD	P. B3.2	
25CĐ.ĐD.20C	3	7	20/09/2025	Sáng	25CĐ.HS.13	Hóa sinh	LT	15	15*	5		Ths Trà	K. KHYH	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20C	3	7	20/09/2025	Tối		Hóa sinh	TH	30	3	3	N1	Ths Trà	K. KHYH	27 PCT	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHIẾP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ. DU.15A	3	2	15/09/2025	Sáng	25CĐ. DU.15B	Tin học	LT	15	5	5		Ths. Hiếu	K. KHCB	P. B3.4	
25CĐ. DU.15A	3	3	16/09/2025	Sáng	25CĐ. DU.15B	Hoá học đại cương - Vô cơ	LT	15	5	5		ThS. Uyên Tuyền	K. KHCB	P. B3.4	
25CĐ. DU.15A	3	4	17/09/2025	Chiều	25CĐ. DU.15B	Hoá học đại cương - Vô cơ	LT	15	10	5		ThS. Uyên Tuyền	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ. DU.15A	3	5	18/09/2025	Sáng	25CĐ. DU.15B	Hoá học đại cương - Vô cơ	LT	15	15*	5		ThS. Uyên Tuyền	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ. DU.15A	3	6	19/09/2025	Sáng	25CĐ. DU.15B	Tin học	LT	15	10	5		Ths. Hiếu	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ. DU.15B	3	2	15/09/2025	Sáng	25CĐ. DU.15B	Tin học	LT	15	5	5		Ths. Hiếu	K. KHCB	P. B3.4	
25CĐ. DU.15B	3	3	16/09/2025	Sáng	25CĐ. DU.15A	Hoá học đại cương - Vô cơ	LT	15	5	5		ThS. Uyên Tuyền	K. KHCB	P. B3.4	
25CĐ. DU.15B	3	4	17/09/2025	Chiều	25CĐ. DU.15A	Hoá học đại cương - Vô cơ	LT	15	10	5		ThS. Uyên Tuyền	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ. DU.15B	3	5	18/09/2025	Sáng	25CĐ. DU.15A	Hoá học đại cương - Vô cơ	LT	15	15*	5		ThS. Uyên Tuyền	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ. DU.15B	3	6	19/09/2025	Sáng	25CĐ. DU.15B	Tin học	LT	15	10	5		Ths. Hiếu	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.HA.17	3	2	15/09/2025	Chiều	25CĐ.XN.17	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	5	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B4.3	
25CĐ.HA.17	3	3	16/09/2025	Chiều	25CĐ.XN.17	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	10	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.HA.17	3	4	17/09/2025	Chiều	25CĐ.XN.17	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	15	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B3.3	
25CĐ.HA.17	3	5	18/09/2025	Chiều	25CĐ.XN.17	Y đức	LT	30	5	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B4.1	
25CĐ.HA.17	3	6	19/09/2025	Chiều	25CĐ.XN.17	Y đức	LT	30	10	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B3.2	
25CĐ.PHCN.8	3	4	17/09/2025	Chiều	25CĐ.PHR.8	Y đức	LT	30	5	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B3.2	
25CĐ.PHCN.8	3	5	18/09/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	Y đức	LT	30	10	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.5	
25CĐ.PHCN.8	3	5	18/09/2025	Chiều	25CĐ.PHR.8	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	5	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B4.5	
25CĐ.PHCN.8	3	6	19/09/2025	Chiều	25CĐ.PHR.8	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	10	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.PHCN.8	3	7	20/09/2025	Chiều	25CĐ.PHR.8	Y đức	LT	30	15	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.HS.13	3	2	15/09/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20C	Y đức	LT	30	5	5		Ths.Minh Sơn	P. ĐT	P. B2.5	
25CĐ.HS.13	3	3	16/09/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20C	Y đức	LT	30	10	5		Ths. Sang	Kho ĐD	P. B3.1	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.HS.13	3	4	17/09/2025	Chiều	25CĐ.ĐD.20C	Hóa sinh	LT	15	5	5		THS TRÀ	K. KHYH	P. B3.4	
25CĐ.HS.13	3	5	18/09/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20C	Y đức	LT	30	15	5		Ths.Minh Son	Khoa Y	P. B3.2	
25CĐ.HS.13	3	5	18/09/2025	Chiều	25CĐ.HS.13	Hóa sinh	LT	15	10	5		Ths Trà	K. KHYH	P. B2.4	
25CĐ.HS.13	3	6	19/09/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20C	Y đức	LT	30	20	5		Ths. Sang	Kho ĐD	P. B3.2	
25CĐ.HS.13	3	7	20/09/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20C	Hóa sinh	LT	15	15*	5		Ths Trà	K. KHYH	P. B2.1	
25CĐ.HS.13	3	7	20/09/2025	Chiều		Hóa sinh	TH	30	4	4		Ths Trà	K. KHYH	27 PCT	
25CĐ.PHR.8	3	4	17/09/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Y đức	LT	30	5	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B3.2	
25CĐ.PHR.8	3	5	18/09/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Y đức	LT	30	10	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.5	
25CĐ.PHR.8	3	5	18/09/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	5	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B4.5	
25CĐ.PHR.8	3	6	19/09/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	10	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.PHR.8	3	7	20/09/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Y đức	LT	30	15	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.XN.17	3	2	15/09/2025	Chiều	25CĐ.HA.17	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	5	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B4.3	
25CĐ.XN.17	3	3	16/09/2025	Chiều	25CĐ.HA.17	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	10	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.XN.17	3	4	17/09/2025	Chiều	25CĐ.HA.17	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	15	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B3.3	
25CĐ.XN.17	3	5	18/09/2025	Chiều	25CĐ.HA.17	Y đức	LT	30	5	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B4.1	
25CĐ.XN.17	3	6	19/09/2025	Chiều	25CĐ.HA.17	Y đức	LT	30	10	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B3.2	
24TC.YS.33	3	2	15/09/2025	Sáng	24TC.YHCT.13	Pháp luật	LT	15	5	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B3.6	
24TC.YS.33	3	2	15/09/2025	Chiều		Sức khoẻ sinh sản	LT	60	35	5		CK1.BS Luân	Khoa Y	P. B4.4	
24TC.YS.33	3	3	16/09/2025	Tối		Sức khoẻ sinh sản	LT	60	39	4		CK1.BS Luân	Khoa Y	P. B2.2	
24TC.YS.33	3	4	17/09/2025	Sáng	24TC.YHCT.13	Pháp luật	LT	15	10	5		Cn.Dung	K. KHCB	P. B3.5	
24TC.YS.33	3	4	17/09/2025	Tối		Sức khoẻ sinh sản	LT	60	43	4		CK1.BS Luân	Khoa Y	P. B2.2	
24TC.YS.33	3	5	18/09/2025	Tối		Sức khoẻ sinh sản	LT	60	47	4		CK1.BS Luân	Khoa Y	P. B2.2	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24TC.YS.33	3	6	19/09/2025	Sáng		Sức khoẻ sinh sản	LT	60	52	5		CK1.BS Luân	Khoa Y	P. B4.4	
24TC.YS.33	3	6	19/09/2025	Chiều		Sức khoẻ sinh sản	LT	60	57	5		CK1.BS Luân	Khoa Y	P. B4.4	
24TC.YS.33	3	7	20/09/2025	Chiều	24TC.YHCT.13	Pháp luật	LT	15	15*	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.6	
24TC.YHCT.13	3	2	15/09/2025	Sáng	24TC.YS.33	Pháp luật	LT	15	5	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B3.6	
24TC.YHCT.13	3	3	16/09/2025	Sáng		Châm cứu	LT	30	25	5		BS Phúc	Khoa Y	P. B2.6	
24TC.YHCT.13	3	4	17/09/2025	Sáng	24TC.YS.33	Pháp luật	LT	15	10	5		Cn.Dung	K. KHCB	P. B3.5	
24TC.YHCT.13	3	7	20/09/2025	Chiều	24TC.YS.33	Pháp luật	LT	15	15*	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.6	
24TC.YHCT.13	3	6	19/09/2025	Sáng		Châm cứu	LT	30	30*	5		BS Phúc	Khoa Y	P. B3.5	
25TC.YS.34	3	2	15/09/2025	Chiều	25TC.YHCT.14	Giáo dục chính trị	LT	30	5	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B4.6	
25TC.YS.34	3	3	16/09/2025	Chiều	25TC.YHCT.14	Giáo dục chính trị	LT	30	10	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B3.1	
25TC.YS.34	3	4	17/09/2025	Chiều	25TC.YHCT.14	Giáo dục chính trị	LT	30	15	5		Ths.Vân Anh	K.KHCB	P. B4.1	
25TC.YS.34	3	5	18/09/2025	Tối	25TC.YHCT.14	Giáo dục chính trị	LT	30	18	3		Ths.Vân Anh	K.KHCB	P. B2.6	
25TC.YS.34	3	6	19/09/2025	Sáng	25TC.YHCT.14	Tiếng Anh	LT	30	5	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.6	
25TC.YS.34	3	6	19/09/2025	Tối	25TC.YHCT.14	Giáo dục chính trị	LT	30	20	2		Ths.Vân Anh	K.KHCB	P. B2.6	
25TC.YHCT.14	3	2	15/09/2025	Chiều	25TC.YS.34	Giáo dục chính trị	LT	30	5	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B4.6	
25TC.YHCT.14	3	3	16/09/2025	Chiều	25TC.YS.34	Giáo dục chính trị	LT	30	10	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B3.1	
25TC.YHCT.14	3	4	17/09/2025	Chiều	25TC.YS.34	Giáo dục chính trị	LT	30	15	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B4.1	
25TC.YHCT.14	3	5	18/09/2025	Tối	25TC.YS.34	Giáo dục chính trị	LT	30	18	3		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.6	
25TC.YHCT.14	3	6	19/09/2025	Sáng	25TC.YS.34	Tiếng Anh	LT	30	5	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.6	
25TC.YHCT.14	3	6	19/09/2025	Tối	25TC.YS.34	Giáo dục chính trị	LT	30	20	2		Ths.Vân Anh	K.KHCB	P. B2.6	
23CĐ.DD.18A	4	2	22/09/2025	Sáng		Thực hành NCKH	TH	30	30*	2	N1	Ths. Khoa	BGH	P. TH Tin	
23CĐ.DD.18A	4	2	22/09/2025	Chiều		Thực hành NCKH	TH	30	28	4	N2	Ths. Khoa	BGH	P. TH Tin	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DD.18A	4	3	23/09/2025	Sáng		Thực hành NCKH	TH	30	30*	2	N2	Ths. Khoa	BGH	P. TH Tin	
23CĐ.DD.18A	4	6	26/09/2025	Sáng	23CĐ.DD.18B	CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	LT	15	5	5		Ths.Sang	K. ĐD	P. B2.3	
23CĐ.DD.18A	4	6	26/09/2025	Chiều	23CĐ.DD.18B	CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	LT	15	10	5		Ths.Nhung	K. ĐD	P. B2.3	
23CĐ.DD.18B	4	4	24/09/2025	Sáng		Thực hành NCKH	TH	30	28	4	N1	Ths. Khoa	BGH	P. TH Tin	
23CĐ.DD.18B	4	4	24/09/2025	Chiều		Thực hành NCKH	TH	30	28	4	N2	Ths. Khoa	BGH	P. TH Tin	
23CĐ.DD.18B	4	5	25/09/2025	Sáng		Thực hành NCKH	TH	30	30*	2	N1	Ths. Khoa	BGH	P. TH Tin	
23CĐ.DD.18B	4	5	25/09/2025	Chiều		Thực hành NCKH	TH	30	30*	2	N2	Ths. Khoa	BGH	P. TH Tin	
23CĐ.DD.18B	4	6	26/09/2025	Sáng	23CĐ.DD.18A	CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	LT	15	5	5		Ths.Sang	K. ĐD	P. B2.3	
23CĐ.DD.18B	4	6	26/09/2025	Chiều	23CĐ.DD.18A	CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	LT	15	10	5		Ths.Nhung	K. ĐD	P. B2.3	
23CĐ.DU.13A	4	2	22/09/2025	Sáng		Kinh tế được	TH	30	28	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.3	
23CĐ.DU.13A	4	3	23/09/2025	Sáng		Xác suất thống kê Y học	LT	30	15	5		Ths. Thắng (GV mời)	K. KHCB	P. B3.1	
23CĐ.DU.13A	4	6	26/09/2025	Chiều		Xác suất thống kê Y học	LT	30	20	5		Ths. Thắng (GV mời)	K. KHCB	P. B3.2	
23CĐ.DU.13B	4	2	22/09/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	8	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13B	4	2	22/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13C	Dược Lâm sàng	LT	30	25	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.5	
23CĐ.DU.13B	4	3	23/09/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	14	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13B	4	4	24/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13C	Dược Lâm sàng	LT	30	30*	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13B	4	4	24/09/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	14	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	P. THB.1.3	
23CĐ.DU.13B	4	5	25/09/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	16	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	P. THB.1.3	
23CĐ.DU.13B	4	5	25/09/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	16	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	P. THB.1.3	
23CĐ.DU.13C	4	2	22/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13B	Dược Lâm sàng	LT	30	25	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.5	
23CĐ.DU.13C	4	3	23/09/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	8	4	N2	Ds Trinh (Gv mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13C	4	4	24/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13B	Dược Lâm sàng	LT	30	30*	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DU.13C	4	6	26/09/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	12	4	N1	Dsck1.Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13C	4	6	26/09/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	12	4	N2	Ds Trinh (Gv mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	4	2	22/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13E	Kinh tế được	LT	15	5	5		Ds. Dũng	K. Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13D	4	3	23/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13E	Kinh tế được	LT	15	10	5		Ds. Dũng	K. Dược	P. B2.5	
23CĐ.DU.13D	4	4	24/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13E	Kinh tế được	LT	15	15*	5		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.2	
23CĐ.DU.13D	4	5	25/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13E	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	5	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.3	
23CĐ.DU.13D	4	5	25/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13E	Kinh tế được	TH	30	4	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.4	
23CĐ.DU.13D	4	6	26/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13E	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	10	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.5	
23CĐ.DU.13E	4	2	22/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13D	Kinh tế được	LT	15	5	5		Ds. Dũng	K. Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13E	4	3	23/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13D	Kinh tế được	LT	15	10	5		Ds. Dũng	K. Dược	P. B2.5	
23CĐ.DU.13E	4	4	24/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13D	Kinh tế được	LT	15	15*	5		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.2	
23CĐ.DU.13E	4	5	25/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13D	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	5	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.3	
23CĐ.DU.13E	4	5	25/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13D	Kinh tế được	TH	30	4	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.3	
23CĐ.DU.13E	4	6	26/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13D	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	10	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.5	
23CĐ.DU.13D	4	6	26/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13E	Kinh tế được	TH	30	8	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.4	
23CĐ.DU.13E	4	6	26/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13D	Kinh tế được	TH	30	8	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.4	
23CĐ.HA.15	4	2	22/09/2025	Sáng		Kỹ thuật siêu âm	TH	60	24	4		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.HA.15	4	2	22/09/2025	Chiều		Chẩn đoán hình ảnh XQ	LT	30	25	5		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. B2.2	
23CĐ.HA.15	4	3	23/09/2025	Sáng		Kỹ thuật siêu âm	TH	60	28	4		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.HA.15	4	3	23/09/2025	Chiều		Chẩn đoán hình ảnh XQ	LT	30	30*	5		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. B2.6	
23CĐ.HA.15	4	4	24/09/2025	Sáng		Kỹ thuật siêu âm	TH	60	32	4		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.HA.15	4	4	24/09/2025	Chiều		Chẩn đoán hình ảnh XQ	TH	30	4	4		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CD.HA.15	4	5	25/09/2025	Sáng		Kỹ thuật siêu âm	TH	60	36	4		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. TH	
23CD.HA.15	4	5	25/09/2025	Chiều		Chẩn đoán hình ảnh XQ	TH	30	8	4		Bs Hiếu	K. KTYH	P. TH	
23CD.HA.15	4	6	26/09/2025	Sáng		Kỹ thuật siêu âm	TH	60	40	4		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. TH	
23CD.HA.15	4	6	26/09/2025	Chiều		Chẩn đoán hình ảnh XQ	TH	30	12	4		Bs Hiếu	K. KTYH	P. TH	
23CD.XN.15	4	2	22/09/2025	Sáng		Huyết học truyền máu	LT	15	5	5		Ths. Đức	K. KTYH	27 PCT	
23CD.XN.15	4	2	22/09/2025	Chiều		Hoá sinh 2	LT	30	20	5		THS TRÀ	K. KTYH	27 PCT	
23CD.XN.15	4	2	22/09/2025	Tối		Hoá sinh 2	TH	60	15	3		THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CD.XN.15	4	3	23/09/2025	Sáng		Huyết học truyền máu	LT	15	10	5		Ths. Đức	K. KTYH	27 PCT	
23CD.XN.15	4	3	23/09/2025	Chiều		Hoá sinh 2	LT	30	25	5		THS TRÀ	K. KTYH	27 PCT	
23CD.XN.15	4	3	23/09/2025	Tối		Hoá sinh 2	TH	60	18	3		THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CD.XN.15	4	4	24/09/2025	Sáng		Huyết học truyền máu	LT	15	15*	5		Ths. Đức	K. KTYH	27 PCT	
23CD.XN.15	4	4	24/09/2025	Chiều		Hoá sinh 2	LT	30	30*	5		THS TRÀ	K. KTYH	27 PCT	
23CD.XN.15	4	4	24/09/2025	Tối		Hoá sinh 2	TH	60	21	3		THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	
23CD.XN.15	4	5	25/09/2025	Sáng		Hoá sinh 2	TH	60	25	4		THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	
23CD.XN.15	4	5	25/09/2025	Chiều		Hoá sinh 2	TH	60	29	4		THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	
23CD.XN.15	4	6	26/09/2025	Sáng		Hoá sinh 2	TH	60	33	4		THS TRÀ	K. KTYH	27PCT	
23CD.XN.15	4	6	26/09/2025	Chiều		Huyết học truyền máu	TH	30	4	4		Ths. Đức	K. KTYH	27PCT	
23CD.HS.11	4	2	22/09/2025	Sáng		Quản lý hộ sinh	LT	30	5	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B4.2	
23CD.HS.11	4	3	23/09/2025	Chiều		Chăm sóc sơ sinh	TH	30	20	4		Ths. Dương	Khoa ĐD	P. TH	
23CD.HS.11	4	4	24/09/2025	Sáng		Chăm sóc sơ sinh	TH	30	24	4		Ths. Dương	Khoa ĐD	P. TH	
23CD.HS.11	4	4	24/09/2025	Chiều		Quản lý hộ sinh	LT	30	10	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B2.2	
23CD.HS.11	4	5	25/09/2025	Sáng		Quản lý hộ sinh	LT	30	15	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B4.1	
23CD.HS.11	4	6	26/09/2025	Sáng		Chăm sóc sơ sinh	TH	30	28	4		Ths. Dương	Khoa ĐD	P. TH	
23CD.PHR.6	4	2	22/09/2025	Sáng		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	28	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CD.PHR.6	4	2	22/09/2025	Chiều		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	28	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.PHR.6	4	3	23/09/2025	Sáng		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	32	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	4	3	23/09/2025	Chiều		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	32	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	4	4	24/09/2025	Sáng		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	36	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	4	4	24/09/2025	Chiều		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	36	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	4	5	25/09/2025	Sáng		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	40	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	4	5	25/09/2025	Chiều		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	40	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	4	6	26/09/2025	Sáng		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	44	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	4	6	26/09/2025	Chiều		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	44	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	4	7	27/09/2025	Sáng		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	48	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	4	7	27/09/2025	Chiều		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	48	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHCN.6	4	2	22/09/2025	Sáng		BL&VLTL hệ cơ xương	LT	30	20	5		ThS. Vân	Khoa Y	P 2.13	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	4	2	22/09/2025	Chiều		BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp	TH	60	44	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	4	3	23/09/2025	Sáng		BL&VLTL hệ cơ xương	LT	30	25	5		ThS. Vân	Khoa Y	P 2.13	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	4	3	23/09/2025	Chiều		BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp	TH	60	48	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	4	4	24/09/2025	Sáng		BL&VLTL hệ cơ xương	LT	30	30*	5		ThS. Vân	Khoa Y	P 2.13	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	4	4	24/09/2025	Chiều		BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp	TH	60	52	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	4	5	25/09/2025	Sáng		BL&VLTL hệ cơ xương	TH	60	4	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	4	5	25/09/2025	Chiều		BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp	TH	60	56	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	4	6	26/09/2025	Sáng		BL&VLTL hệ cơ xương	TH	60	8	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	4	6	26/09/2025	Chiều		BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp	TH	60	60*	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.ĐD.19A	4	2	22/09/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Giáo dục chính trị	LT	45	20	5		Phạm Thị Như Ý	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19A	4	2	22/09/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	TH	30	28	4		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B3.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.ĐD.19A	4	3	23/09/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Giáo dục chính trị	LT	45	25	5		Phạm Thị Như Ý	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19A	4	3	23/09/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	TH	30	30*	2		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B2.3	
24CĐ.ĐD.19A	4	4	24/09/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Giáo dục chính trị	LT	45	30	5		Phạm Thị Như Ý	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19A	4	5	25/09/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Giáo dục chính trị	LT	45	35	5		Phạm Thị Như Ý	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19A	4	6	26/09/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Giáo dục chính trị	LT	45	40	5		Phạm Thị Như Ý	K. KHCB	P. B2.4	
24CĐ.ĐD.19B	4	2	22/09/2025	Sáng		Sinh lý bệnh - Miễn dịch	LT	30	10	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.2	
24CĐ.ĐD.19B	4	2	22/09/2025	Tối		Dược lý	LT	30	24	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.2	
24CĐ.ĐD.19B	4	3	23/09/2025	Chiều		Dược lý	TH	30	8	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B4.2	
24CĐ.ĐD.19B	4	3	23/09/2025	Tối		Dược lý	LT	30	28	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.2	
24CĐ.ĐD.19B	4	4	24/09/2025	Sáng		Sinh lý bệnh - Miễn dịch	LT	30	15	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.6	
24CĐ.ĐD.19B	4	4	24/09/2025	Chiều		Dược lý	TH	30	12	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.3	
24CĐ.ĐD.19B	4	5	25/09/2025	Sáng		Dược lý	TH	30	16	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.1	
24CĐ.ĐD.19B	4	5	25/09/2025	Tối		Dược lý	LT	30	30*	2		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.2	
24CĐ.ĐD.19B	4	6	26/09/2025	Sáng		Sinh lý bệnh - Miễn dịch	LT	30	20	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B3.1	
24CĐ.ĐD.19C	4	2	22/09/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19A	Giáo dục chính trị	LT	45	20	5		Phạm Thị Như Ý	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19C	4	2	22/09/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	TH	30	28	4		Ths. Thư	K. KHCB	P. B3.1	
24CĐ.ĐD.19C	4	3	23/09/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19A	Giáo dục chính trị	LT	45	25	5		Phạm Thị Như Ý	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19C	4	3	23/09/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	TH	30	30*	2		Ths. Thư	K. KHCB	P. B2.2	
24CĐ.ĐD.19C	4	4	24/09/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19A	Giáo dục chính trị	LT	45	30	5		Phạm Thị Như Ý	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19C	4	5	25/09/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19A	Giáo dục chính trị	LT	45	35	5		Phạm Thị Như Ý	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19C	4	6	26/09/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19A	Giáo dục chính trị	LT	45	40	5		Phạm Thị Như Ý	K. KHCB	P. B2.4	
24CĐ. DU.14A	4	2	22/09/2025	Sáng	24CĐ. DU.14B	Dược lý	LT	45	30	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ. DU.14A	4	2	22/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14B	Bệnh học	LT	45	40	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.1	
24CĐ. DU.14A	4	3	23/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14B	Dược lý	LT	45	35	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.1	
24CĐ. DU.14A	4	4	24/09/2025	Sáng	24CĐ. DU.14B	Bệnh học	LT	45	45*	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B4.5	
24CĐ. DU.14A	4	4	24/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14B	Dược lý	LT	45	40	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14A	4	7	27/09/2025	Sáng	24CĐ. DU.14B	Dược lý	LT	45	45*	5		DS. CKI. Mai Lan	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14B	4	2	22/09/2025	Sáng	24CĐ. DU.14A	Dược lý	LT	45	30	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14B	4	2	22/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14A	Bệnh học	LT	45	40	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.1	
24CĐ. DU.14B	4	3	23/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14A	Dược lý	LT	45	35	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.1	
24CĐ. DU.14B	4	4	24/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14A	Dược lý	LT	45	40	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14B	4	4	24/09/2025	Sáng	24CĐ. DU.14A	Bệnh học	LT	45	45*	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B4.5	
24CĐ. DU.14B	4	7	27/09/2025	Sáng	24CĐ. DU.14A	Dược lý	LT	45	45*	5		DS. CKI. Mai Lan	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14C	4	2	22/09/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	20	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14C	4	2	22/09/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	16	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14C	4	4	24/09/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	24	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14C	4	4	24/09/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	20	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14C	4	6	26/09/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	28	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14C	4	6	26/09/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	24	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14C	4	7	27/09/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	28	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14D	4	3	23/09/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	20	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14D	4	3	23/09/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	20	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14D	4	5	25/09/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	24	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14D	4	5	25/09/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	24	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.HA.16	4	2	22/09/2025	Sáng	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	TH	30	12	4		Ths.Dung	K. KHCB	P. B3.5	
24CĐ.HA.16	4	2	22/09/2025	Chiều	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	LT	30	5	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B3.4	
24CĐ.HA.16	4	3	23/09/2025	Sáng	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	TH	30	16	4		Ths.Dung	K. KHCB	P. B4.1	
24CĐ.HA.16	4	3	23/09/2025	Chiều	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	LT	30	10	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B3.2	
24CĐ.HA.16	4	4	24/09/2025	Sáng	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	TH	30	20	4		Ths.Dung	K. KHCB	P. B3.4	
24CĐ.HA.16	4	4	24/09/2025	Chiều	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	LT	30	15	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.6	
24CĐ.HA.16	4	5	25/09/2025	Sáng	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	TH	30	24	4		Ths.Dung	K. KHCB	P. B3.4	
24CĐ.HA.16	4	6	26/09/2025	Sáng	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	TH	30	28	4		Ths.Dung	K. KHCB	P. B3.5	
24CĐ.HA.16	4	6	26/09/2025	Chiều	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	TH	30	30*	2		Ths.Dung	K. KHCB	P. B2.5	
24CĐ.XN.16	4	2	22/09/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	TH	30	12	4		Ths.Dung	K. KHCB	P. B3.5	
24CĐ.XN.16	4	2	22/09/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	LT	30	5	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B3.4	
24CĐ.XN.16	4	3	23/09/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	TH	30	16	4		Ths.Dung	K. KHCB	P. B4.1	
24CĐ.XN.16	4	3	23/09/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	LT	30	10	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B3.2	
24CĐ.XN.16	4	4	24/09/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	TH	30	20	4		Ths.Dung	K. KHCB	P. B3.4	
24CĐ.XN.16	4	4	24/09/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	LT	30	15	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.6	
24CĐ.XN.16	4	5	25/09/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	TH	30	24	4		Ths.Dung	K. KHCB	P. B3.4	
24CĐ.XN.16	4	6	26/09/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	TH	30	28	4		Ths.Dung	K. KHCB	P. B3.5	
24CĐ.XN.16	4	6	26/09/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Giáo dục - chính trị	TH	30	30*	2		Ths.Dung	K. KHCB	P. B2.5	
24CĐ.HS.12	4	2	22/09/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Giáo dục - chính trị	TH	30	12	4		Ths.Dung	K. KHCB	P. B3.5	
24CĐ.HS.12	4	2	22/09/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Tiếng Anh 1	LT	30	5	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B3.4	
24CĐ.HS.12	4	3	23/09/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Giáo dục - chính trị	TH	30	16	4		Ths.Dung	K. KHCB	P. B4.1	
24CĐ.HS.12	4	3	23/09/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Tiếng Anh 1	LT	30	10	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B3.2	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIẾN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.HS.12	4	4	24/09/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Giáo dục - chính trị	TH	30	20	4		Ths.Dung	K. KHCB	P. B3.4	
24CĐ.HS.12	4	4	24/09/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Tiếng Anh 1	LT	30	15	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.6	
24CĐ.HS.12	4	5	25/09/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Giáo dục - chính trị	TH	30	24	4		Ths.Dung	K. KHCB	P. B3.4	
24CĐ.HS.12	4	6	26/09/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Giáo dục - chính trị	TH	30	28	4		Ths.Dung	K. KHCB	P. B3.5	
24CĐ.HS.12	4	6	26/09/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Giáo dục - chính trị	TH	30	30*	2		Ths.Dung	K. KHCB	P. B2.5	
24CĐ.PHR.7	4	2	22/09/2025	Sáng		Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR	TH	30	16	4	N2	CN.Hợp(mời)	K.KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	4	2	22/09/2025	Sáng		Cẩn khớp học	TH	30	12	4	N1	THS.TRÚC	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	4	2	22/09/2025	Chiều		Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR	TH	30	20	4	N2	CN.Hợp(mời)	K.KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	4	2	22/09/2025	Chiều		Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR	TH	30	24	4	N1	CN.Luân	K.KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	4	3	23/09/2025	Sáng		Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR	TH	30	24	4	N2	CN.Hợp(mời)	K.KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	4	3	23/09/2025	Chiều		Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR	TH	30	28	4	N2	CN.Hợp(mời)	K.KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	4	3	23/09/2025	Chiều		Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR	TH	30	28	4	N1	CN.Luân	K.KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	4	4	24/09/2025	Sáng		Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR	TH	30	30*	2	N2	CN.Hợp(mời)	K.KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	4	4	24/09/2025	Sáng		Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR	TH	30	30*	2	N1	CN.Luân	K.KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	4	4	24/09/2025	Chiều		Cẩn khớp học	TH	30	12	4	N1	THS.TRÚC	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	4	4	24/09/2025	Chiều		Cẩn khớp học	TH	30	12	4	N2	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	4	5	25/09/2025	Sáng		Cẩn khớp học	TH	30	16	4	N1	THS.TRÚC	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	4	5	25/09/2025	Sáng		Cẩn khớp học	TH	30	16	4	N2	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	4	6	26/09/2025	Sáng		Cẩn khớp học	TH	30	20	4	N1	THS.TRÚC	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	4	6	26/09/2025	Sáng		Cẩn khớp học	TH	30	20	4	N2	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHCN.7	4	7	27/09/2025	Sáng		Quản lý và Tổ chức y tế	LT	30	15	5		Ths Đường	Khoa Y	P. B2.2	GV mời
24CĐ.PHCN.7	4	7	27/09/2025	Chiều		Quản lý và Tổ chức y tế	LT	30	20	5		Ths Đường	Khoa Y	P. B2.2	GV mời

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.ĐD.20A	4	2	22/09/2025	Chiều	25CĐ.ĐD.20B	Giải phẫu	LT	30	20	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20A	4	3	23/09/2025	Chiều	25CĐ.ĐD.20B	Giải phẫu	LT	30	25	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20A	4	4	24/09/2025	Chiều	25CĐ.ĐD.20B	Giải phẫu	LT	30	30*	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20A	4	5	25/09/2025	Chiều		GDTC	TH	60	24	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20A	4	6	26/09/2025	Chiều		GDTC	TH	60	28	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20A	4	7	27/09/2025	Sáng		GDTC	TH	60	32	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20B	4	2	22/09/2025	Sáng		GDTC	TH	60	12	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20B	4	2	22/09/2025	Chiều	25CĐ.ĐD.20A	Giải phẫu	LT	30	20	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20B	4	3	23/09/2025	Sáng		GDTC	TH	60	16	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20B	4	3	23/09/2025	Chiều	25CĐ.ĐD.20A	Giải phẫu	LT	30	25	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20B	4	4	24/09/2025	Sáng		GDTC	TH	60	20	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân trường	
25CĐ.ĐD.20B	4	4	24/09/2025	Chiều	25CĐ.ĐD.20A	Giải phẫu	LT	30	30*	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20B	4	5	25/09/2025	Sáng		GDTC	TH	60	24	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20A	4	6	26/09/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	4	4	N3	ThS. Bs. Hương	Khoa Y	P. TH	BS lịch
25CĐ.ĐD.20B	4	6	26/09/2025	Sáng		GDTC	TH	60	28	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20B	4	6	26/09/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	4	4	N3	ThS. Bs. Hương	Khoa Y	P. TH	BS lịch
25CĐ.ĐD.20B	4	7	27/09/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	8	4	N3	CN. Mai Lan	Khoa Y	P. TH	BS lịch
25CĐ.ĐD.20B	4	7	27/09/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	12	4	N3	CN. Mai Lan	Khoa Y	P. TH	BS lịch
25CĐ.ĐD.20C	4	2	22/09/2025	Sáng	25CĐ.HS.13	Y đức	LT	30	25	5		Ths.Minh Sơn	Khoa Y	P. B3.2	
25CĐ.ĐD.20C	4	3	23/09/2025	Sáng	25CĐ.HS.13	Y đức	LT	30	30*	5		Ths.Sang	Khoa Y	P. B3.2	
25CĐ.ĐD.20C	4	4	24/09/2025	Chiều	25CĐ.HS.13	Vi sinh - KST	LT	15	5	5		CN.Việt .(moi)	K. KTYH	P. B2.3	
25CĐ.ĐD.20C	4	4	24/09/2025	Tối		Hóa sinh	TH	30	6	3	N1	THS TRÀ	K. KTYH	27 PCT	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.ĐD.20C	4	5	25/09/2025	Sáng	25CĐ.HS.13	Sinh học và Di truyền	LT	30	5	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B3.2	
25CĐ.ĐD.20C	4	5	25/09/2025	Tối		Hóa sinh	TH	30	3	3	N2	THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	BS lịch
25CĐ.ĐD.20C	4	6	26/09/2025	Sáng	25CĐ.HS.13	Sinh học và Di truyền	LT	30	10	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B3.4	
25CĐ.ĐD.20C	4	7	27/09/2025	Sáng	25CĐ.HS.13	Vi sinh - KST	LT	15	10	5		CN.Việt (mời)	K. KTYH	P. B2.5	
25CĐ.ĐD.20C	4	7	27/09/2025	Chiều	25CĐ.HS.13	Vi sinh - KST	LT	15	15*	5		CN.Việt(mời)	K. KTYH	P. B2.5	
25CĐ.ĐD.20C	4	7	27/09/2025	Tối	25CĐ.HS.13	Hóa sinh	TH	30	6	3	N1	THS TRÀ	K. KTYH	27 PCT	BS lịch
25CĐ. DU.15A	4	2	22/09/2025	Sáng	25CĐ. DU.15B	Hoá học đại cương - Vô cơ	TH	30	4	4		ThS. Uyên Tuyền	K. KHCB	P. B3.4	
25CĐ. DU.15A	4	2	22/09/2025	Chiều	25CĐ. DU.15B	Hoá học đại cương - Vô cơ	TH	30	8	4		ThS. Uyên Tuyền	K. KHCB	P. B3.4	
25CĐ. DU.15A	4	3	23/09/2025	Sáng	25CĐ. DU.15B	Hoá học đại cương - Vô cơ	TH	30	12	4		ThS. Uyên Tuyền	K. KHCB	P. B3.4	
25CĐ. DU.15A	4	3	23/09/2025	Chiều	25CĐ. DU.15B	Hoá học đại cương - Vô cơ	TH	30	16	4		ThS. Uyên Tuyền	K. KHCB	P. B3.4	
25CĐ. DU.15A	4	4	24/09/2025	Sáng	25CĐ. DU.15B	Hoá học đại cương - Vô cơ	TH	30	20	4		ThS. Uyên Tuyền	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ. DU.15A	4	4	24/09/2025	Chiều	25CĐ. DU.15B	Hoá học đại cương - Vô cơ	TH	30	24	4		ThS. Uyên Tuyền	K. KHCB	P. B3.4	
25CĐ. DU.15A	4	5	25/09/2025	Sáng	25CĐ. DU.15B	Hoá học đại cương - Vô cơ	TH	30	28	4		ThS. Uyên Tuyền	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ. DU.15A	4	5	25/09/2025	Chiều	25CĐ. DU.15B	Hoá học đại cương - Vô cơ	TH	30	30*	2		ThS. Uyên Tuyền	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ. DU.15A	4	6	26/09/2025	Sáng	25CĐ. DU.15B	Tin học	LT	15	15*	5		Ths. Hiếu	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ. DU.15A	4	6	26/09/2025	Chiều		Tin học	TH	60	4	4	N1	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	4	2	22/09/2025	Sáng	25CĐ. DU.15A	Hoá học đại cương - Vô cơ	TH	30	4	4		ThS. Uyên Tuyền	K. KHCB	P. B3.4	
25CĐ. DU.15B	4	2	22/09/2025	Chiều	25CĐ. DU.15A	Hoá học đại cương - Vô cơ	TH	30	8	4		ThS. Uyên Tuyền	K. KHCB	P. B3.4	
25CĐ. DU.15B	4	3	23/09/2025	Sáng	25CĐ. DU.15A	Hoá học đại cương - Vô cơ	TH	30	12	4		ThS. Uyên Tuyền	K. KHCB	P. B3.4	
25CĐ. DU.15B	4	3	23/09/2025	Chiều	25CĐ. DU.15A	Hoá học đại cương - Vô cơ	TH	30	16	4		ThS. Uyên Tuyền	K. KHCB	P. B3.4	
25CĐ. DU.15B	4	4	24/09/2025	Sáng	25CĐ. DU.15A	Hoá học đại cương - Vô cơ	TH	30	20	4		ThS. Uyên Tuyền	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ. DU.15B	4	4	24/09/2025	Chiều	25CĐ. DU.15A	Hoá học đại cương - Vô cơ	TH	30	24	4		ThS. Uyên Tuyền	K. KHCB	P. B3.4	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ. DU.15B	4	5	25/09/2025	Sáng	25CĐ. DU.15A	Hoá học đại cương - Vô cơ	TH	30	28	4		ThS. Uyên Tuyền	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ. DU.15B	4	5	25/09/2025	Chiều	25CĐ. DU.15A	Hoá học đại cương - Vô cơ	TH	30	30*	2		ThS. Uyên Tuyền	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ. DU.15B	4	6	26/09/2025	Sáng	25CĐ. DU.15A	Tin học	LT	15	15*	5		Ths. Hiếu	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.HA.17	4	2	22/09/2025	Chiều	25CĐ.XN.17	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	20	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B3.2	
25CĐ.HA.17	4	3	23/09/2025	Chiều	25CĐ.XN.17	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	25	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B3.5	
25CĐ.HA.17	4	4	24/09/2025	Chiều	25CĐ.XN.17	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	30*	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B3.6	
25CĐ.HA.17	4	5	25/09/2025	Chiều	25CĐ.XN.17	Y đức	LT	30	15	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.5	
25CĐ.HA.17	4	6	26/09/2025	Chiều	25CĐ.XN.17	Y đức	LT	30	20	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.XN.17	4	2	22/09/2025	Chiều	25CĐ.HA.17	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	20	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B3.2	
25CĐ.XN.17	4	3	23/09/2025	Chiều	25CĐ.HA.17	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	25	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B3.5	
25CĐ.XN.17	4	4	24/09/2025	Chiều	25CĐ.HA.17	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	30*	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B3.6	
25CĐ.XN.17	4	5	25/09/2025	Chiều	25CĐ.HA.17	Y đức	LT	30	15	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.5	
25CĐ.XN.17	4	6	26/09/2025	Chiều	25CĐ.HA.17	Y đức	LT	30	20	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.HS.13	4	2	22/09/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20C	Y đức	LT	30	25	5		Ths.Minh Sơn	Khoa Y	P. B3.2	
25CĐ.HS.13	4	3	23/09/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20C	Y đức	LT	30	30*	5		Ths.Sang	Khoa Y	P. B3.2	
25CĐ.HS.13	4	4	24/09/2025	Chiều	25CĐ.ĐD.20C	Vi sinh - KST	LT	30	5	5		CN.Việt(moi)	K. KTYH	P. B2.3	
25CĐ.HS.13	4	5	25/09/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20C	Sinh học và Di truyền	LT	30	5	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B3.2	
25CĐ.HS.13	4	6	26/09/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20C	Sinh học và Di truyền	LT	30	10	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B3.4	
25CĐ.HS.13	4	7	27/09/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20C	Vi sinh - KST	LT	15	10	5		CN.Việt(moi)	K. KTYH	P. B2.5	
25CĐ.HS.13	4	7	27/09/2025	Chiều	25CĐ.ĐD.20C	Vi sinh - KST	LT	15	15*	5		CN.Việt(moi)	K. KTYH	P. B2.5	
25CĐ.PHR.8	4	2	22/09/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	15	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.PHR.8	4	3	23/09/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	20	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B2.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CD.PHR.8	4	3	23/09/2025	Chiều	25CD.PHCN.8	Y đức	LT	30	20	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B4.5	
25CD.PHR.8	4	4	24/09/2025	Sáng	25CD.PHCN.8	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	25	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B2.5	
25CD.PHR.8	4	4	24/09/2025	Chiều	25CD.PHCN.8	Y đức	LT	30	25	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.4	
25CD.PHCN.8	4	2	22/09/2025	Sáng	25CD.PHR.8	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	15	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B2.4	
25CD.PHCN.8	4	3	23/09/2025	Sáng	25CD.PHR.8	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	20	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B2.3	
25CD.PHCN.8	4	3	23/09/2025	Chiều	25CD.PHR.8	Y đức	LT	30	20	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B4.5	
25CD.PHCN.8	4	4	24/09/2025	Sáng	25CD.PHR.8	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	25	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B2.5	
25CD.PHCN.8	4	4	24/09/2025	Chiều	25CD.PHR.8	Y đức	LT	30	25	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.4	
24TC.YS.33	4	2	22/09/2025	Sáng	24TC.YHCT.13	Y tế cộng đồng	LT	30	5	5		Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. B4.3	
24TC.YS.33	4	2	22/09/2025	Chiều		Sức khỏe sinh sản	LT	60	60*	3		CK1.BS Luân	Khoa Y	P. B3.5	
24TC.YS.33	4	3	23/09/2025	Sáng	24TC.YHCT.13	Y tế cộng đồng	LT	30	10	5		Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. B2.2	
24TC.YS.33	4	4	24/09/2025	Sáng	24TC.YHCT.13	Y tế cộng đồng	LT	30	15	5		Ths. Sơn	K. ĐD	P. B3.3	
24TC.YS.33	4	5	25/09/2025	Sáng	24TC.YHCT.13	Cấp cứu ban đầu	LT	15	5	5		Ths.Hương	K. ĐD	P. B2.2	
24TC.YS.33	4	5	25/09/2025	Tối	24TC.YHCT.13	Y tế cộng đồng	LT	30	17	2		Ths. Sơn	K. ĐD	P. B2.5	
24TC.YS.33	4	6	26/09/2025	Sáng	24TC.YHCT.13	Cấp cứu ban đầu	LT	15	10	5		Ths.Hương	K. ĐD	P. B2.6	
24TC.YS.33	4	7	27/09/2025	Sáng	24TC.YHCT.13	Cấp cứu ban đầu	LT	15	15*	5		Ths.Hương	K. ĐD	P. B2.6	
24TC.YHCT.13	4	2	22/09/2025	Sáng	24TC.YS.33	Y tế cộng đồng	LT	30	5	5		Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. B4.3	
24TC.YHCT.13	4	3	23/09/2025	Sáng	24TC.YS.33	Y tế cộng đồng	LT	30	10	5		Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. B2.2	
24TC.YHCT.13	4	3	23/09/2025	Chiều		Châm cứu	TH	60	4	4		BS Phúc	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	4	4	24/09/2025	Sáng	24TC.YS.33	Y tế cộng đồng	LT	30	15	5		Ths. Sơn	K. ĐD	P. B3.3	
24TC.YHCT.13	4	4	24/09/2025	Chiều		Châm cứu	TH	60	8	4		BS Phúc	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	4	5	25/09/2025	Sáng	24TC.YS.33	Cấp cứu ban đầu	LT	15	5	5		Ths.Hương	K. ĐD	P. B2.2	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24TC.YHCT.13	4	5	25/09/2025	Chiều		Châm cứu	TH	60	12	4		BS Phúc	Khoa Y	2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	4	5	25/09/2025	Tối	24TC.YS.33	Y tế cộng đồng	LT	30	17	2		Ths. Sơn	K. ĐD	P. B2.5	27 PCT
24TC.YHCT.13	4	6	26/09/2025	Sáng	24TC.YS.33	Cấp cứu ban đầu	LT	15	10	5		Ths.Hương	K. ĐD	P. B2.6	
24TC.YHCT.13	4	7	27/09/2025	Sáng	24TC.YS.33	Cấp cứu ban đầu	LT	15	15*	5		Ths.Hương	K. ĐD	P. B2.6	
25TC.YS.34	4	2	22/09/2025	Sáng	25TC.YHCT.14	Tiếng Anh	LT	30	10	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B3.6	
25TC.YS.34	4	2	22/09/2025	Chiều	25TC.YHCT.14	Giáo dục chính trị	LT	30	25	5		Cn.Dung	K. KHCB	P. B2.6	
25TC.YS.34	4	3	23/09/2025	Sáng	25TC.YHCT.14	Tiếng Anh	LT	30	15	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.6	
25TC.YS.34	4	4	24/09/2025	Sáng	25TC.YHCT.14	Tiếng Anh	LT	30	20	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B3.1	
25TC.YS.34	4	5	25/09/2025	Sáng	25TC.YHCT.14	Tiếng Anh	LT	30	25	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B3.3	
25TC.YS.34	4	5	25/09/2025	Chiều	25TC.YHCT.14	Tiếng Anh	TH	60	4	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.6	
25TC.YS.34	4	6	26/09/2025	Sáng	25TC.YHCT.14	Tiếng Anh	TH	60	8	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.2	
25TC.YS.34	4	6	26/09/2025	Chiều	25TC.YHCT.14	Tiếng Anh	TH	60	12	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.2	
25TC.YS.34	4	7	27/09/2025	Sáng	25TC.YHCT.14	Giáo dục chính trị	LT	30	30*	5		Cn.Dung	K. KHCB	P. B3.5	
25TC.YHCT.14	4	2	22/09/2025	Sáng	25TC.YS.34	Tiếng Anh	LT	30	10	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B3.6	
25TC.YHCT.14	4	2	22/09/2025	Chiều	25TC.YS.34	Giáo dục chính trị	LT	30	25	5		Cn.Dung	K. KHCB	P. B2.6	
25TC.YHCT.14	4	3	23/09/2025	Sáng	25TC.YS.34	Tiếng Anh	LT	30	15	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.6	
25TC.YHCT.14	4	4	24/09/2025	Sáng	25TC.YS.34	Tiếng Anh	LT	30	20	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B3.1	
25TC.YHCT.14	4	5	25/09/2025	Sáng	25TC.YS.34	Tiếng Anh	LT	30	25	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B3.3	
25TC.YHCT.14	4	5	25/09/2025	Chiều	25TC.YS.34	Tiếng Anh	TH	60	4	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.6	
25TC.YHCT.14	4	6	26/09/2025	Sáng	25TC.YS.34	Tiếng Anh	TH	60	8	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.2	
25TC.YHCT.14	4	6	26/09/2025	Chiều	25TC.YS.34	Tiếng Anh	TH	60	12	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.2	
25TC.YHCT.14	4	7	27/09/2025	Sáng	25TC.YS.34	Giáo dục chính trị	LT	30	30*	5		Cn.Dung	K. KHCB	P. B3.5	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHIẾP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DD.18A	5	2	29/09/2025	Sáng	23CĐ.DD.18B	CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	LT	15	15*	5		Ths.Sang (2LT) Ths.Nhung (3LT)	K. ĐD	P. B2.5	
23CĐ.DD.18A	5	2	29/09/2025	Chiều		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	4	4	N1	Ths.Sang	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18A	5	2	29/09/2025	Chiều		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	4	4	N2	Ths.Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18A	5	3	30/09/2025	Sáng		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	8	4	N1	Ths.Sang	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18A	5	3	30/09/2025	Sáng		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	8	4	N2	Ths.Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18A	5	3	30/09/2025	Chiều	23CĐ.DD.18B	CSCK Trẻ em	LT	30	5	5		Ths. Dương	K. ĐD	P. B2.3	
23CĐ.DD.18A	5	4	01/10/2025	Sáng	23CĐ.DD.18B	CSCK Trẻ em	LT	30	10	5		Ths. Dương	K. ĐD	P. B2.3	
23CĐ.DD.18A	5	4	01/10/2025	Chiều		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	12	4	N1	Ths.Sang	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18A	5	4	01/10/2025	Chiều		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	12	4	N2	Ths.Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18A	5	5	02/10/2025	Sáng	23CĐ.DD.18B	CSCK Trẻ em	LT	30	15	5		Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. B2.3	
23CĐ.DD.18A	5	6	03/10/2025	Sáng	23CĐ.DD.18B	CSCK Trẻ em	LT	30	20	5		Ths. Dương	K. ĐD	P. B2.3	
23CĐ.DD.18A	5	7	04/10/2025	Sáng	23CĐ.DD.18B	CSCK Trẻ em	LT	30	25	5		Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. B2.3	
23CĐ.DD.18A	5	7	04/10/2025	Chiều		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	16	4	N1	Ths.Sang	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18B	5	2	29/09/2025	Sáng	23CĐ.DD.18B	CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	LT	15	15*	5		Ths.Sang (2LT) Ths.Nhung (3LT)	K. ĐD	P. B2.5	
23CĐ.DD.18B	5	3	30/09/2025	Chiều	23CĐ.DD.18B	CSCK Trẻ em	LT	30	5	5		Ths. Dương	K. ĐD	P. B2.3	
23CĐ.DD.18B	5	4	01/10/2025	Sáng	23CĐ.DD.18B	CSCK Trẻ em	LT	30	10	5		Ths. Dương	K. ĐD	P. B2.3	
23CĐ.DD.18B	5	5	02/10/2025	Sáng	23CĐ.DD.18A	CSCK Trẻ em	LT	30	15	5		Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. B2.3	
23CĐ.DD.18B	5	5	02/10/2025	Chiều		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	4	4	N1	Ths.Sang	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18B	5	5	02/10/2025	Chiều		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	4	4	N2	Ths.Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18B	5	6	03/10/2025	Sáng	23CĐ.DD.18A	CSCK Trẻ em	LT	30	20	5		Ths. Dương	K. ĐD	P. B2.3	
23CĐ.DD.18B	5	6	03/10/2025	Chiều		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	8	4	N1	Ths.Sang	K. ĐD	P. TH ĐD	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DD.18B	5	6	03/10/2025	Chiều		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	8	4	N2	Ths.Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18B	5	7	04/10/2025	Sáng	23CĐ.DD.18A	CSCK Trẻ em	LT	30	25	5		Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. B2.3	
23CĐ.DD.18B	5	7	04/10/2025	Chiều		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	12	4	N2	Ths.Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DU.13A	5	4	01/10/2025	Chiều		Xác suất thống kê Y học	LT	30	25	5		Ths. Thắng (GV mời)	K. KHCB	P. B3.3	
23CĐ.DU.13A	5	5	02/10/2025	Chiều		Xác suất thống kê Y học	LT	30	30*	5		Ths. Thắng (GV mời)	K. KHCB	P. B3.1	
23CĐ.DU.13B	5	2	29/09/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	20	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	P. THB.1.3	
23CĐ.DU.13B	5	3	30/09/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	20	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	P. THB.1.3	
23CĐ.DU.13B	5	4	01/10/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	24	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	P. THB.1.3	
23CĐ.DU.13B	5	5	02/10/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	24	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	P. THB.1.3	
23CĐ.DU.13B	5	6	03/10/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	28	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	P. B.1.3	
23CĐ.DU.13C	5	2	29/09/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	16	4	N1	Dsck1.Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13C	5	3	30/09/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	16	4	N2	Ds Trình (Gv mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13C	5	4	01/10/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	20	4	N1	Dsck1.Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13C	5	5	02/10/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	20	4	N2	Ds Trình (Gv mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13C	5	6	03/10/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	24	4	N1	Dsck1.Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13C	5	6	03/10/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	24	4	N2	Ds Trình (Gv mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	5	2	29/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13E	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	15	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.3	
23CĐ.DU.13D	5	3	30/09/2025	Chiều	23CĐ.DU.13E	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	20	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.5	
23CĐ.DU.13D	5	4	01/10/2025	Sáng	23CĐ.DU.13E	Kinh tế được	TH	30	12	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.4	
23CĐ.DU.13D	5	5	02/10/2025	Sáng	23CĐ.DU.13E	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	25	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.5	
23CĐ.DU.13D	5	6	03/10/2025	Chiều	23CĐ.DU.13E	Kinh tế được	TH	30	16	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B2.2	
23CĐ.DU.13E	5	2	29/09/2025	Sáng	23CĐ.DU.13D	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	15	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CD.DU.13E	5	3	30/09/2025	Chiều	23CD.DU.13D	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	20	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.5	
23CD.DU.13E	5	4	01/10/2025	Sáng	23CD.DU.13D	Kinh tế được	TH	30	12	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.4	
23CD.DU.13E	5	6	03/10/2025	Chiều	23CD.DU.13D	Kinh tế được	TH	30	16	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.4	
23CD.DU.13E	5	5	02/10/2025	Sáng	23CD.DU.13D	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	25	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.5	
23CD.HA.15	5	2	29/09/2025	Sáng		Kỹ thuật siêu âm	TH	60	44	4		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. TH	
23CD.HA.15	5	2	29/09/2025	Chiều		Chẩn đoán hình ảnh XQ	TH	30	16	4		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. TH	
23CD.HA.15	5	3	30/09/2025	Sáng		Kỹ thuật siêu âm	TH	60	48	4		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. TH	
23CD.HA.15	5	3	30/09/2025	Chiều		Chẩn đoán hình ảnh XQ	TH	30	20	4		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. TH	
23CD.HA.15	5	4	01/10/2025	Sáng		Kỹ thuật siêu âm	TH	60	52	4		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. TH	
23CD.HA.15	5	4	01/10/2025	Chiều		Chẩn đoán hình ảnh XQ	TH	30	24	4		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. TH	
23CD.HA.15	5	5	02/10/2025	Sáng		Kỹ thuật siêu âm	TH	60	56	4		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. TH	
23CD.HA.15	5	5	02/10/2025	Chiều		Chẩn đoán hình ảnh XQ	TH	30	28	4		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. TH	
23CD.HA.15	5	6	03/10/2025	Sáng		Kỹ thuật siêu âm	TH	60	60*	4		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. TH	
23CD.HA.15	5	6	03/10/2025	Chiều		Chẩn đoán hình ảnh XQ	TH	30	30*	2		Ths. Bs. Hiếu	K. KTYH	P. TH	
23CD.XN.15	5	2	29/09/2025	Sáng		Hoá sinh 2	TH	60	37	4		THS TRÀ	K. KTYH	27PCT	
23CD.XN.15	5	2	29/09/2025	Chiều		Hoá sinh 2	TH	60	41	4		THS TRÀ	K. KTYH	27PCT	
23CD.XN.15	5	3	30/09/2025	Sáng		Huyết học truyền máu	TH	30	8	4		Ths. Đức	K. KTYH	27PCT	
23CD.XN.15	5	3	30/09/2025	Chiều		Huyết học truyền máu	TH	30	12	4		Ths. Đức	K. KTYH	27PCT	
23CD.XN.15	5	4	01/10/2025	Sáng		Hoá sinh 2	TH	60	45	4		THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	
23CD.XN.15	5	4	01/10/2025	Tối		Hoá sinh 2	TH	60	48	3		THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	
23CD.XN.15	5	5	02/10/2025	Sáng		Huyết học truyền máu	TH	30	16	4		Ths.Đức	K. KTYH	27PCT	
23CD.XN.15	5	5	02/10/2025	Chiều		Huyết học truyền máu	TH	30	20	4		Ths.Đức	K. KTYH	27PCT	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.XN.15	5	6	03/10/2025	Sáng		Hoá sinh 2	TH	60	52	4		THS TRÀ	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.XN.15	5	6	03/10/2025	Chiều		Hoá sinh 2	TH	60	56	4		THS TRÀ	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.HS.11	5	2	29/09/2025	Chiều		Chăm sóc sơ sinh	TH	30	30	2		Ths. Huyền	Khoa ĐD	P. TH	
23CĐ.HS.11	5	3	30/09/2025	Sáng		Quản lý hộ sinh	LT	30	20	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.6	
23CĐ.HS.11	5	4	01/10/2025	Chiều		Thi TH Chăm sóc sơ sinh						Ths Dương Ths Huyền	Khoa ĐD	P. TH	
23CĐ.PHR.6	5	2	29/09/2025	Sáng		KT PH Mão, sứ ,KL	LT	15	5	5		CN.Anh	K. KTYH	P. B2.6	
23CĐ.PHR.6	5	2	29/09/2025	Chiều		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	52	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	5	3	30/09/2025	Sáng		KT PH Mão, sứ ,KL	LT	15	10	5		CN.Anh	K. KTYH	P. B3.3	
23CĐ.PHR.6	5	3	30/09/2025	Chiều		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	52	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	5	4	01/10/2025	Sáng		KT PH Mão, sứ ,KL	LT	15	15*	5		CN.Anh	K. KTYH	P. B3.3	
23CĐ.PHR.6	5	4	01/10/2025	Sáng		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	56	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	5	5	02/10/2025	Sáng		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	56	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	5	5	02/10/2025	Chiều		KT PH Mão sứ, KL	TH	60	4	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	5	6	03/10/2025	Sáng		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	60*	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	5	6	03/10/2025	Chiều		KT PH cố định 2 : mào, cầu KL	TH	60	60*	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	5	7	04/10/2025	Sáng		Thi KT PH cố định 2: mào, cầu KL					N1&N2	CN.Anh, CN.Luân	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHCN.6	5	2	29/09/2025	Sáng		BL&VLTL hệ cơ xương	TH	60	12	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	5	2	29/09/2025	Chiều		BL&VLTL hệ thần kinh cơ	LT	30	5	5		ThS. Vân	Khoa Y	P 2.13	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	5	3	30/09/2025	Sáng		BL&VLTL hệ thần kinh cơ	LT	30	10	5		ThS. Vân	Khoa Y	P 2.13	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	5	3	30/09/2025	Chiều		BL&VLTL hệ cơ xương	TH	60	16	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	5	4	01/10/2025	Sáng		BL&VLTL hệ cơ xương	TH	60	20	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	5	4	01/10/2025	Chiều		BL&VLTL hệ cơ xương	TH	60	24	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CB.PHCN.6	5	5	02/10/2025	Sáng		BL&VLTL hệ thần kinh cơ	LT	30	15	5		ThS. Vân	Khoa Y	P 2.13	27 Phan Chu Trinh
23CB.PHCN.6	5	5	02/10/2025	Chiều		BL&VLTL hệ cơ xương	TH	60	28	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CB.PHCN.6	5	7	04/10/2025	Sáng		BL&VLTL hệ cơ xương	TH	60	32	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
24CB.ĐD.19A	5	2	29/09/2025	Sáng	24CB.ĐD.19C	Giáo dục chính trị	LT	45	45*	5		Phạm Thị Như Ý	K. KHCB	P. B2.1	
24CB.ĐD.19A	5	3	30/09/2025	Tối	24CB.ĐD.19C	Giáo dục chính trị	TH	30	3	3		ThS. Tâm	K. KHCB	P. B2.3	Sáng chuyển Tối
24CB.ĐD.19A	5	4	01/10/2025	Sáng	24CB.ĐD.19C	Giáo dục chính trị	TH	30	7	4		ThS. Tâm	K. KHCB	P. B2.1	
24CB.ĐD.19A	5	4	01/10/2025	Chiều	24CB.ĐD.19C	Giáo dục chính trị	TH	30	11	4		ThS. Tâm	K. KHCB	P. B2.1	
24CB.ĐD.19A	5	6	03/10/2025	Tối	24CB.ĐD.19C	Giáo dục chính trị	TH	30	14	3		ThS. Tâm	K. KHCB	P. B2.1	Sáng chuyển Tối
24CB.ĐD.19A	5	7	04/10/2025	Sáng	24CB.ĐD.19C	Giáo dục chính trị	TH	30	16	2		ThS. Tâm	K. KHCB	P. B3.2	
24CB.ĐD.19B	5	2	29/09/2025	Chiều		Sinh lý bệnh - Miễn dịch	LT	30	25	5		ThS BS Nga	Khoa Y	P. B2.2	
24CB.ĐD.19B	5	3	30/09/2025	Sáng		Sinh lý bệnh - Miễn dịch	LT	30	30*	5		ThS BS Nga	Khoa Y	P. B3.1	
24CB.ĐD.19B	5	4	01/10/2025	Chiều		Dược lý	TH	30	20	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.1	
24CB.ĐD.19B	5	6	03/10/2025	Sáng		Dược lý	TH	30	24	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.1	
24CB.ĐD.19C	5	2	29/09/2025	Sáng	24CB.ĐD.19A	Giáo dục chính trị	LT	45	45*	5		Phạm Thị Như Ý	K. KHCB	P. B2.1	
24CB.ĐD.19C	5	3	30/09/2025	Sáng	24CB.ĐD.19A	Giáo dục chính trị	TH	30	4	4		ThS. Tâm	K. KHCB	P. B2.3	
24CB.ĐD.19C	5	4	01/10/2025	Sáng	24CB.ĐD.19A	Giáo dục chính trị	TH	30	8	4		ThS. Tâm	K. KHCB	P. B2.1	
24CB.ĐD.19C	5	4	01/10/2025	Chiều	24CB.ĐD.19A	Giáo dục chính trị	TH	30	12	4		ThS. Tâm	K. KHCB	P. B2.1	
24CB.ĐD.19C	5	6	03/10/2025	Sáng	24CB.ĐD.19A	Giáo dục chính trị	TH	30	16	4		ThS. Tâm	K. KHCB	P. B2.1	
24CB. DU.14A	5	2	29/09/2025	Sáng		Dược lý	TH	60	4	4		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.2	
24CB. DU.14A	5	3	30/09/2025	Sáng		Dược lý	TH	60	8	4		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.2	
24CB. DU.14A	5	4	01/10/2025	Sáng		Dược lý	TH	60	12	4		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.6	
24CB. DU.14A	5	5	02/10/2025	Sáng		Dược lý	TH	60	16	4		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B3.1	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ. DU.14A	5	6	03/10/2025	Sáng		Dược lý	TH	60	20	4		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.6	
24CĐ. DU.14B	5	2	29/09/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	4	4		Dsck1. Mai Lan	K. Dược	P. B3.3	
24CĐ. DU.14B	5	3	30/09/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	8	4		Dsck1. Mai Lan	K. Dược	P. B3.1	
24CĐ. DU.14B	5	4	01/10/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	12	4		Dsck1. Mai Lan	K. Dược	P. B2.6	
24CĐ. DU.14B	5	5	02/10/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	16	4		Dsck1. Mai Lan	K. Dược	P. B2.6	
24CĐ. DU.14B	5	6	03/10/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	20	4		Dsck1. Mai Lan	K. Dược	P. B2.6	
24CĐ. DU.14C	5	2	29/09/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	30*	2	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	Tiết 1&2
24CĐ. DU.14C	5	2	29/09/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	30*	2	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	Tiết 3&4
24CĐ. DU.14C	5	2	29/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14D	Dược liệu	LT	45	5	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14C	5	4	01/10/2025	Chiều		Thi Hóa phân tích					N1&N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14C	5	5	02/10/2025	Sáng	24CĐ. DU.14D	Dược liệu	LT	45	10	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.1	
24CĐ. DU.14C	5	6	03/10/2025	Sáng	24CĐ. DU.14D	Dược liệu	LT	45	15	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.4	
24CĐ. DU.14C	5	6	03/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	4	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14C	5	7	04/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	4	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14D	5	2	29/09/2025	Chiều	24CĐ. DU.14C	Dược liệu	LT	45	5	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14D	5	3	30/09/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	28	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14D	5	3	30/09/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	28	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14D	5	4	01/10/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	30*	2	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	Tiết 1&2
24CĐ. DU.14D	5	4	01/10/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	30*	2	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	Tiết 3&4
24CĐ. DU.14D	5	5	02/10/2025	Sáng	24CĐ. DU.14C	Dược liệu	LT	45	10	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.1	
24CĐ. DU.14D	5	5	02/10/2025	Chiều		Thi Hóa phân tích					N1&N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14D	5	6	03/10/2025	Sáng	24CĐ. DU.14C	Dược liệu	LT	45	15	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.4	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/TTLs	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ. DU.14Đ	5	6	03/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	4	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14Đ	5	7	04/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	4	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ.HA.16	5	5	02/10/2025	Chiều	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	LT	30	20	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.5	
24CĐ.HA.16	5	6	03/10/2025	Chiều	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	LT	30	25	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.5	
24CĐ.XN.16	5	5	02/10/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	LT	30	20	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.5	
24CĐ.XN.16	5	6	03/10/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	LT	30	25	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.5	
24CĐ.HS.12	5	5	02/10/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Tiếng Anh 1	LT	30	20	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.5	
24CĐ.HS.12	5	6	03/10/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Tiếng Anh 1	LT	30	25	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.5	
24CĐ.PHR.7	5	2	29/09/2025	Sáng		Cẩn khớp học	TH	30	24	4	N1	THS.TRÚC	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	5	2	29/09/2025	Sáng		Cẩn khớp học	TH	30	24	4	N2	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	5	3	30/09/2025	Sáng		Cẩn khớp học	TH	30	28	4	N1	THS.TRÚC	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	5	3	30/09/2025	Sáng		Cẩn khớp học	TH	30	28	4	N2	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	5	4	01/10/2025	Sáng		Cẩn khớp học	TH	30	30*	2	N1	THS.TRÚC	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	5	4	01/10/2025	Sáng		Cẩn khớp học	TH	30	30*	2	N2	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	5	5	02/10/2025	Sáng		Thi TH Dấu (khuôn) mẫu trong KTPHR						THS.TRÚC, CN.LUÂN	K.KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	5	6	03/10/2025	Sáng		Thi TH CẨN KHỚP HỌC						THS.TRÚC, CN.LUÂN	K.KTYH	27PCT	
24CĐ.PHCN.7	5	2	29/09/2025	Sáng		Bệnh học	LT	45	5	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.13	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	5	3	30/09/2025	Chiều		Bệnh học	LT	45	10	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.13	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	5	4	01/10/2025	Sáng		Bệnh học	LT	45	15	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.13	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	5	5	02/10/2025	Chiều		GP chức năng hệ vận động & thần kinh	LT	30	5	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.13	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	5	6	03/10/2025	Sáng		GP chức năng hệ vận động & thần kinh	LT	30	10	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.13	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	5	7	04/10/2025	Sáng		Quản lý và Tổ chức y tế	LT	30	25	5		Ths Đường	Khoa Y	P. B2.2	GV mời

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.PHCN.7	5	7	04/10/2025	Chiều		Quản lý và Tổ chức Y tế	LT	30	30	5*		Ths Đường	Khoa Y	P. B2.2	GV mời
25CĐ.ĐD.20A	5	2	29/09/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	4	4	N1	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20A	5	2	29/09/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	4	4	N2	Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20A	5	3	30/09/2025	Sáng		GDTC	TH	60	36	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20A	5	3	30/09/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	8	4	N1	Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20A	5	3	30/09/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	8	4	N2	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20A	5	4	01/10/2025	Sáng		GDTC	TH	60	40	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20A	5	4	01/10/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	12	4	N1	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20A	5	4	01/10/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	12	4	N2	Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20A	5	5	02/10/2025	Sáng		GDTC	TH	60	44	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20A	5	5	02/10/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	16	4	N1	Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20A	5	5	02/10/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	16	4	N2	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20A	5	6	03/10/2025	Sáng		GDTC	TH	60	48	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20A	5	6	03/10/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	20	4	N1	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20A	5	6	03/10/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	20	4	N2	CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20A	5	6	03/10/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	8	4	N3	Ths. Bs.Hạnh	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20A	5	7	04/10/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	24	4	N2	CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20B	5	2	29/09/2025	Sáng		GDTC	TH	60	32	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20B	5	2	29/09/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	4	4	N1	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20B	5	2	29/09/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	4	4	N2	Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20B	5	3	30/09/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	8	4	N1	Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20B	5	3	30/09/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	8	4	N2	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.ĐD.20B	5	3	30/09/2025	Chiều		GDTC	TH	60	36	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20B	5	4	01/10/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	12	4	N1	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20B	5	4	01/10/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	12	4	N2	Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20B	5	4	01/10/2025	Chiều		GDTC	TH	60	40	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20B	5	5	02/10/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	16	4	N1	Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20B	5	5	02/10/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	16	4	N2	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20B	5	5	02/10/2025	Chiều		GDTC	TH	60	44	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	P. TH	
25CĐ.ĐD.20B	5	6	03/10/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	20	4	N1	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20B	5	6	03/10/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	20	4	N2	CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20B	5	6	03/10/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	16	4	N3	Ths. Bs. Hạnh	Khoa Y	P. TH	BS lịch
25CĐ.ĐD.20B	5	6	03/10/2025	Chiều		GDTC	TH	60	48	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	P. TH	
25CĐ.ĐD.20C	5	2	29/09/2025	Sáng	25CĐ.HS.13	Sinh học và Di truyền	LT	30	15	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B3.2	
25CĐ.ĐD.20C	5	3	30/09/2025	Sáng	25CĐ.HS.13	Sinh học và Di truyền	LT	30	20	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B3.2	
25CĐ.ĐD.20C	5	3	30/09/2025	Chiều		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	5	5		Ths. Sang	BGH	P. B2.6	
25CĐ.ĐD.20C	5	3	30/09/2025	Tối		Hóa sinh	TH	30	9	3	N1	THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27 PCT
25CĐ.ĐD.20C	5	4	01/10/2025	Sáng	25CĐ.HS.13	Sinh học và Di truyền	LT	30	25	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B3.2	
25CĐ.ĐD.20C	5	5	02/10/2025	Sáng		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	10	5		Ths. Nhung	Khoa Y	P. B3.3	
25CĐ.ĐD.20C	5	5	02/10/2025	Tối		Hóa sinh	TH	30	9	3	N2	THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	
25CĐ.ĐD.20C	5	6	03/10/2025	Sáng		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	15	5		Ths. Sang	Khoa Y	P. B3.3	
25CĐ.ĐD.20C	5	7	04/10/2025	Sáng		Hóa sinh	TH	30	13	4	N1	THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27 PCT
25CĐ.ĐD.20C	5	7	04/10/2025	Chiều		Hóa sinh	TH	30	13	3	N2	THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27 PCT
25CĐ. DU.15A	5	2	29/09/2025	Chiều		Tin học	TH	60	8	4	N1	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ. DU.15A	5	3	30/09/2025	Chiều		Tin học	TH	60	4	4	N2	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	5	4	01/10/2025	Chiều		Tin học	TH	60	12	4	N1	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	5	5	02/10/2025	Chiều		Tin học	TH	60	8	4	N2	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	5	6	03/10/2025	Chiều		Tin học	TH	60	16	4	N1	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	5	7	04/10/2025	Chiều		Tin học	TH	60	12	4	N2	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	5	2	29/09/2025	Sáng		Tin học	TH	60	4	4	N2	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	5	3	30/09/2025	Sáng		Tin học	TH	60	4	4	N1	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	5	4	01/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	8	4	N2	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	5	5	02/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	8	4	N1	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	5	6	03/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	12	4	N2	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	5	7	04/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	12	4	N1	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	5	4	01/10/2025	Sáng	25CĐ.XN.17	Y đức	LT	30	25	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.HA.17	5	6	03/10/2025	Chiều	25CĐ.XN.17	Y đức	LT	30	30*	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.XN.17	5	4	01/10/2025	Sáng	25CĐ.HA.17	Y đức	LT	30	25	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.XN.17	5	6	03/10/2025	Chiều	25CĐ.HA.17	Y đức	LT	30	30*	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.HS.13	5	2	29/09/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20C	Sinh học và Di truyền	LT	30	15	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B3.2	
25CĐ.HS.13	5	3	30/09/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20C	Sinh học và Di truyền	LT	30	20	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B3.2	
25CĐ.HS.13	5	4	01/10/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20C	Sinh học và Di truyền	LT	30	25	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B3.2	
25CĐ.HS.13	5	4	01/10/2025	Tối		Hoá sinh	TH	30	7	3		THS TRÀ	K. KHCB	27PCT	
25CĐ.HS.13	5	5	02/10/2025	Tối		Vi sinh - KST	TH	30	3	3		CN.Việt (mời)	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.HS.13	5	6	03/10/2025	Tối		Vi sinh - KST	TH	30	6	3		CN.Việt (mời)	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.PHR.8	5	2	29/09/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Pháp luật	LT	30	5	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.5	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHIẾP	MÔN HỌC	LT/TH/TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CD.PHR.8	5	3	30/09/2025	Chiều	25CD.PHCN.8	Pháp luật	LT	30	10	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B3.2	
25CD.PHR.8	5	4	01/10/2025	Chiều	25CD.PHR.8	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	30*	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B3.2	
25CD.PHR.8	5	5	02/10/2025	Chiều	25CD.PHCN.8	Y đức	LT	30	30*	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.1	
25CD.PHR.8	5	6	03/10/2025	Sáng	25CD.PHCN.8	Pháp luật	LT	30	15	5		Cn.Dung	K. KHCB	P. B2.5	
25CD.PHCN.8	5	2	29/09/2025	Chiều	25CD.PHR.8	Pháp luật	LT	30	5	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.5	
25CD.PHCN.8	5	3	30/09/2025	Chiều	25CD.PHR.8	Pháp luật	LT	30	10	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B3.2	
25CD.PHCN.8	5	4	01/10/2025	Chiều	25CD.PHR.8	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	30*	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B3.2	
25CD.PHCN.8	5	5	02/10/2025	Chiều	25CD.PHR.8	Y đức	LT	30	30*	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.1	
25CD.PHCN.8	5	6	03/10/2025	Sáng	25CD.PHR.8	Pháp luật	LT	30	15	5		Cn.Dung	K. KHCB	P. B2.5	
24TC.YS.33	5	2	29/09/2025	Sáng		Cấp cứu ban đầu	TH	30	4	4		Ths. Hương	K. ĐD	P. TH	
24TC.YS.33	5	3	30/09/2025	Sáng		Cấp cứu ban đầu	TH	30	8	4		Ths. Hương	K. ĐD	P. TH	
24TC.YS.33	5	4	01/10/2025	Sáng		Cấp cứu ban đầu	TH	30	12	4		Ths. Hương	K. ĐD	P. TH	
24TC.YS.33	5	5	02/10/2025	Sáng		Cấp cứu ban đầu	TH	30	16	4		Ths. Hương	K. ĐD	P. TH	
24TC.YS.33	5	5	02/10/2025	Tối	24TC.YHCT.13	Y tế cộng đồng	LT	30	20	3		ThS. Son	K. ĐD	P. B2.5	
24TC.YS.33	5	6	03/10/2025	Sáng		Cấp cứu ban đầu	TH	30	20	4		Ths. Hương	K. ĐD	P. TH	
24TC.YHCT.13	5	2	29/09/2025	Sáng		Chăm cứu	TH	60	16	4		BS Phúc	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	5	2	29/09/2025	Chiều		Cấp cứu ban đầu	TH	30	4	4		Cn.Thanh	K. ĐD	P. TH	
24TC.YHCT.13	5	3	30/09/2025	Sáng		Chăm cứu	TH	60	20	4		BS Phúc	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	5	3	30/09/2025	Chiều		Cấp cứu ban đầu	TH	30	8	4		Cn.Thanh	K. ĐD	P. TH	
24TC.YHCT.13	5	4	01/10/2025	Sáng		Chăm cứu	TH	60	24	4		BS Phúc	Khoa Y	P2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	5	4	01/10/2025	Chiều		Cấp cứu ban đầu	TH	30	12	4		Cn.Thanh	K. ĐD	P. TH	
24TC.YHCT.13	5	5	02/10/2025	Sáng		Chăm cứu	TH	60	28	4		BS Phúc	Khoa Y	P2.13	27 PCT

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24TC.YHCT.13	5	5	02/10/2025	Chiều		Cấp cứu ban đầu	TH	30	16	4		Cn.Thanh	K. ĐD	P. TH	
24TC.YHCT.13	5	5	02/10/2025	Tối	24TC.YS.33	Y tế cộng đồng	LT	30	20	3		ThS. Sơn	K. ĐD	P. B2.5	
24TC.YHCT.13	5	6	03/10/2025	Sáng		Châm cứu	TH	60	32	4		BS Phúc	Khoa Y	P2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	5	6	03/10/2025	Chiều		Cấp cứu ban đầu	TH	30	20	4		Cn.Thanh	K. ĐD	P. TH	
25TC.YS.34	5	2	29/09/2025	Sáng	25TC.YHCT.14	Tiếng Anh	LT	30	25	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.4	
25TC.YS.34	5	2	29/09/2025	Chiều	25TC.YHCT.14	Tiếng Anh	TH	60	16	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.6	
25TC.YS.34	5	3	30/09/2025	Chiều	25TC.YHCT.14	Tiếng Anh	TH	60	20	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.2	
25TC.YS.34	5	4	01/10/2025	Sáng	25TC.YHCT.14	Tiếng Anh	TH	60	24	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.2	
25TC.YS.34	5	4	01/10/2025	Chiều	25TC.YHCT.14	Tiếng Anh	TH	60	28	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.5	
25TC.YS.34	5	5	02/10/2025	Sáng	25TC.YHCT.14	Tiếng Anh	TH	60	32	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.2	
25TC.YS.34	5	6	03/10/2025	Sáng	25TC.YHCT.14	Tiếng Anh	TH	60	36	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.2	
25TC.YHCT.14	5	2	29/09/2025	Sáng	25TC.YHCT.14	Tiếng Anh	LT	30	30*	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.4	
25TC.YHCT.14	5	2	29/09/2025	Chiều	25TC.YS.34	Tiếng Anh	TH	60	16	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.6	
25TC.YHCT.14	5	3	30/09/2025	Chiều	25TC.YS.34	Tiếng Anh	TH	60	20	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.2	
25TC.YHCT.14	5	4	01/10/2025	Sáng	25TC.YS.34	Tiếng Anh	TH	60	24	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.2	
25TC.YHCT.14	5	4	01/10/2025	Chiều	25TC.YHCT.14	Tiếng Anh	TH	60	28	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.5	
25TC.YHCT.14	5	5	02/10/2025	Sáng	25TC.YS.34	Tiếng Anh	TH	60	32	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.2	
25TC.YHCT.14	5	6	03/10/2025	Sáng	25TC.YS.34	Tiếng Anh	TH	60	36	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.2	
23CB.DD.18A	6	2	06/10/2025	Sáng		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	20	4	N1	Ths.Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CB.DD.18A	6	2	06/10/2025	Sáng		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	16	4	N2	Ths.Sang	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CB.DD.18A	6	3	07/10/2025	Sáng	23CB.DD.18B	CSCK Trẻ em	LT	30	30*	5		Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. B2.5	
23CB.DD.18A	6	3	07/10/2025	Chiều		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	20	4	N2	Ths.Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIẾN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DD.18A	6	4	08/10/2025	Sáng		CSCK Trẻ em	TH	30	4	4	N1	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18A	6	4	08/10/2025	Sáng		CSCK Trẻ em	TH	30	4	4	N2	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18A	6	4	08/10/2025	Chiều		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	24	4	N1	Ths.Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18A	6	4	08/10/2025	Chiều		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	24	4	N2	Ths.Sang	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18A	6	5	09/10/2025	Sáng		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	28	4	N1	Ths.Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18A	6	5	09/10/2025	Sáng		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	28	4	N2	Ths.Sang	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18A	6	5	09/10/2025	Chiều		CSCK Trẻ em	TH	30	8	4	N1	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18A	6	5	09/10/2025	Chiều		CSCK Trẻ em	TH	30	8	4	N2	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18A	6	6	10/10/2025	Sáng		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	30*	2	N1	Ths.Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18A	6	6	10/10/2025	Sáng		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	30*	2	N2	Ths.Sang	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18A	6	6	10/10/2025	Chiều		CSCK Trẻ em	TH	30	12	4	N1	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18A	6	6	10/10/2025	Chiều		CSCK Trẻ em	TH	30	12	4	N2	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18A	6	7	11/10/2025	Sáng		Thi TH CS NB Cấp cứu & CS Tích cực					N1&N2	Ths Sang Ths Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18B	6	2	06/10/2025	Chiều		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	12	4	N1	Ths.Sang	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18B	6	2	06/10/2025	Chiều		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	16	4	N2	Ths.Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18B	6	3	07/10/2025	Sáng	23CĐ.DD.18A	CSCK Trẻ em	LT	30	30*	5		Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. B2.5	
23CĐ.DD.18B	6	3	07/10/2025	Chiều		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	16	4	N1	Ths.Sang	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18B	6	4	08/10/2025	Sáng		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	20	4	N1	Ths.Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18B	6	4	08/10/2025	Sáng		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	20	4	N2	Ths.Sang	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18B	6	4	08/10/2025	Chiều		CSCK Trẻ em	TH	30	4	4	N1	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18B	6	4	08/10/2025	Chiều		CSCK Trẻ em	TH	30	4	4	N2	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18B	6	5	09/10/2025	Sáng		CSCK Trẻ em	TH	30	8	4	N1	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DD.18B	6	5	09/10/2025	Sáng		CSCK Trẻ em	TH	30	8	4	N2	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18B	6	5	09/10/2025	Chiều		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	24	4	N1	Ths.Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18B	6	5	09/10/2025	Chiều		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	24	4	N2	Ths.Sang	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18B	6	6	10/10/2025	Sáng		CSCK Trẻ em	TH	30	12	4	N1	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18B	6	6	10/10/2025	Sáng		CSCK Trẻ em	TH	30	12	4	N2	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18B	6	6	10/10/2025	Chiều		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	28	4	N1	Ths.Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18B	6	6	10/10/2025	Chiều		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	28	4	N2	Ths.Sang	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18B	6	7	11/10/2025	Chiều		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	30*	2	N1	Ths.Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DD.18B	6	7	11/10/2025	Chiều		CS NB Cấp cứu & CS Tích cực	TH	30	30*	2	N2	Ths.Sang	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CĐ.DU.13A	6	2	06/10/2025	Chiều		Kinh tế được	TH	30	30	2*		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.1	
23CĐ.DU.13A	6	4	08/10/2025	Chiều		Dược Lâm sàng	LT	30	5	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.6	
23CĐ.DU.13A	6	5	09/10/2025	Sáng		Dược Lâm sàng	LT	30	10	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.6	
23CĐ.DU.13A	6	6	10/10/2025	Sáng		Dược Lâm sàng	LT	30	15	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.6	
23CĐ.DU.13A	6	7	11/10/2025	Sáng		Dược Lâm sàng	LT	30	20	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.2	
23CĐ.DU.13B	6	2	06/10/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	28	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	P. THB.1.3	
23CĐ.DU.13B	6	3	07/10/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	32	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	P. THB.1.3	
23CĐ.DU.13B	6	4	08/10/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	32	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	P. TH B.1.3	
23CĐ.DU.13B	6	5	09/10/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	36	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	P. THB.1.3	
23CĐ.DU.13B	6	6	10/10/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	36	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	P. THB.1.3	
23CĐ.DU.13C	6	2	06/10/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	28	4	N1	Dsck1.Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13C	6	3	07/10/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	28	4	N2	Ds Trình (Gv mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13C	6	4	08/10/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	32	4	N1	Dsck1.Quảng	K. Dược	PTH B1.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DU.13C	6	5	09/10/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	32	4	N2	Ds Trinh (Gv mới)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13C	6	6	10/10/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	36	4	N1	Dsck1.Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	6	2	06/10/2025	Sáng	23CĐ.DU.13E	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	30*	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.5	
23CĐ.DU.13D	6	3	07/10/2025	Sáng	23CĐ.DU.13E	Kinh tế được	TH	30	20	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.2	
23CĐ.DU.13D	6	4	08/10/2025	Sáng	23CĐ.DU.13E	Kinh tế được	TH	30	24	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.2	
23CĐ.DU.13D	6	6	10/10/2025	Sáng	23CĐ.DU.13E	Kinh tế được	TH	30	28	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.2	
23CĐ.DU.13E	6	2	06/10/2025	Sáng	23CĐ.DU.13D	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	30*	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.5	
23CĐ.DU.13E	6	3	07/10/2025	Sáng	23CĐ.DU.13D	Kinh tế được	TH	30	20	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.2	
23CĐ.DU.13E	6	4	08/10/2025	Sáng	23CĐ.DU.13D	Kinh tế được	TH	30	24	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.2	
23CĐ.DU.13E	6	6	10/10/2025	Sáng	23CĐ.DU.13D	Kinh tế được	TH	30	28	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.2	
23CĐ.HA.15	6	4	08/10/2025	Chiều		KT chụp CLĐT và CHTHN	LT	15	5	5		CN Hùng	K. KTYH	P. B2.2	
23CĐ.HA.15	6	5	09/10/2025	Sáng		KT chụp CLĐT và CHTHN	LT	15	10	5		CN Hùng	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.HA.15	6	6	10/10/2025	Sáng		KT chụp CLĐT và CHTHN	LT	15	15*	5		CN Hùng	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.XN.15	6	2	06/10/2025	Sáng		Hoá sinh 2	TH	60	60*	4		ThS. Trà	K. KTYH	27 PCT	
23CĐ.XN.15	6	2	06/10/2025	Chiều		Thi TH Hoá sinh 2						ThS. Trà ThS. Quỳnh	K. KTYH	27 PCT	
23CĐ.XN.15	6	3	07/10/2025	Sáng		Huyết học truyền máu	TH	30	24	4		Ths.Đức	K. KTYH	27PCT	27 PCT
23CĐ.XN.15	6	4	08/10/2025	Sáng		Huyết học truyền máu	TH	30	28	4		Ths.Đức	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.XN.15	6	5	09/10/2025	Sáng		Huyết học truyền máu	TH	30	30*	2		Ths.Đức	K.KTYH	27PCT	
23CĐ.XN.15	6	6	10/10/2025	Sáng		Thi TH Huyết học truyền máu						Ths.Đức, Ths.Trà	K.KTYH	27PCT	
23CĐ.HS.11	6	3	07/10/2025	Sáng		Quản lý hộ sinh	LT	30	25	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B4.2	
23CĐ.HS.11	6	5	09/10/2025	Sáng		Quản lý hộ sinh	LT	30	30*	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.5	
23CĐ.PHR.6	6	2	06/10/2025	Sáng		KT PH Cầu sứ, KL	LT	15	5	5		CN. Hợp (mới)	K. KTYH	P. B2.6	
23CĐ.PHR.6	6	3	07/10/2025	Sáng		KT PH Cầu sứ, KL	LT	15	10	5		CN. Hợp (mới)	K. KTYH	P. B3.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.PHR.6	6	3	07/10/2025	Chiều		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	4	4	N1	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	6	4	08/10/2025	Sáng		KT PH Cầu sứ, KL	LT	15	15*	5		CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	6	4	08/10/2025	Chiều		KT PH Mão sứ, KL	TH	60	4	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	6	4	08/10/2025	Chiều		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	8	4	N1	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	6	5	09/10/2025	Sáng		KT PH Mão sứ, KL	TH	60	8	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	6	5	09/10/2025	Sáng		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	4	4	N2	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	6	5	09/10/2025	Chiều		KT PH Mão sứ, KL	TH	60	8	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	6	5	09/10/2025	Chiều		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	12	4	N1	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	6	6	10/10/2025	Sáng		KT PH Mão sứ, KL	TH	60	12	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	6	6	10/10/2025	Chiều		KT PH Mão sứ, KL	TH	60	12	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHCN.6	6	3	07/10/2025	Sáng		BL&VLTL hệ cơ xương	TH	60	36	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	6	3	07/10/2025	Chiều		BL&VLTL hệ cơ xương	TH	60	40	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	6	5	09/10/2025	Sáng		BL&VLTL hệ cơ xương	TH	60	44	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	6	5	09/10/2025	Chiều		BL&VLTL hệ cơ xương	TH	60	48	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.ĐD.19A	6	2	06/10/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Giáo dục chính trị	TH	30	20	4		ThS. Tâm	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19A	6	4	08/10/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Giáo dục chính trị	TH	30	24	4		ThS. Tâm	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19A	6	6	10/10/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Giáo dục chính trị	TH	30	28	4		ThS. Tâm	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19B	6	2	06/10/2025	Sáng		Dược lý	TH	30	28	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.1	
24CĐ.ĐD.19B	6	3	07/10/2025	Chiều		Dược lý	TH	30	30*	2		Ds. Dũng	K. Dược	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19B	6	4	08/10/2025	Sáng		Dinh dưỡng - Tiết chế	LT	30	5	5		ThS. Mỹ	K. ĐD	P. B2.5	
24CĐ.ĐD.19B	6	5	09/10/2025	Chiều		Dinh dưỡng - Tiết chế	LT	30	10	5		ThS. Mỹ	K. ĐD	P. B3.1	
24CĐ.ĐD.19C	6	2	06/10/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19A	Giáo dục chính trị	TH	30	20	4		ThS. Tâm	K. KHCB	P. B2.1	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.ĐD.19C	6	4	08/10/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19A	Giáo dục chính trị	TH	30	24	4		ThS. Tâm	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19C	6	6	10/10/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19A	Giáo dục chính trị	TH	30	28	4		ThS. Tâm	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ. DU.14A	6	2	06/10/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	24	4		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.6	
24CĐ. DU.14A	6	3	07/10/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	28	4		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.6	
24CĐ. DU.14A	6	4	08/10/2025	Sáng		Dược lý	TH	60	32	4		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B3.6	
24CĐ. DU.14A	6	5	09/10/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	36	4		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14A	6	6	10/10/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	40	4		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.6	
24CĐ. DU.14B	6	2	06/10/2025	Sáng		Dược lý	TH	60	24	4		Dsck1. Mai Lan	K. Dược	P. B3.5	
24CĐ. DU.14B	6	3	07/10/2025	Sáng		Dược lý	TH	60	28	4		Dsck1. Mai Lan	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14B	6	4	08/10/2025	Sáng		Dược lý	TH	60	32	4		Dsck1. Mai Lan	K. Dược	P. B3.1	
24CĐ. DU.14B	6	5	09/10/2025	Sáng		Dược lý	TH	60	36	4		Dsck1. Mai Lan	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14B	6	6	10/10/2025	Sáng		Dược lý	TH	60	40	4		Dsck1. Mai Lan	K. Dược	P. B3.1	
24CĐ. DU.14C	6	2	06/10/2025	Sáng	24CĐ. DU.14D	Dược liệu	LT	45	20	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14C	6	3	07/10/2025	Sáng	24CĐ. DU.14D	Dược liệu	LT	45	25	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.4	
24CĐ. DU.14C	6	4	08/10/2025	Sáng	24CĐ. DU.14D	Dược liệu	LT	45	30	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.4	
24CĐ. DU.14C	6	4	08/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	8	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14C	6	5	09/10/2025	Sáng	24CĐ. DU.14D	Dược liệu	LT	45	35	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.1	
24CĐ. DU.14C	6	5	09/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	8	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14C	6	6	10/10/2025	Sáng	24CĐ. DU.14D	Dược liệu	LT	45	40	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14C	6	6	10/10/2025	Chiều	24CĐ. DU.14D	Dược liệu	LT	45	45*	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.1	
24CĐ. DU.14D	6	2	06/10/2025	Sáng	24CĐ. DU.14C	Dược liệu	LT	45	20	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14D	6	3	07/10/2025	Sáng	24CĐ. DU.14C	Dược liệu	LT	45	25	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.4	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.DU.14D	6	4	08/10/2025	Sáng	24CĐ.DU.14C	Dược liệu	LT	45	30	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.4	
24CĐ.DU.14D	6	5	09/10/2025	Sáng	24CĐ.DU.14C	Dược liệu	LT	45	35	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.1	
24CĐ.DU.14D	6	5	09/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	8	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ.DU.14D	6	6	10/10/2025	Sáng	24CĐ.DU.14C	Dược liệu	LT	45	40	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ.DU.14D	6	6	10/10/2025	Chiều	24CĐ.DU.14C	Dược liệu	LT	45	45*	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.1	
24CĐ.HA.16	6	2	06/10/2025	Chiều	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	LT	30	30*			ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.3	
24CĐ.HA.16	6	3	07/10/2025	Chiều	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	TH	30	4	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.3	
24CĐ.HA.16	6	5	09/10/2025	Chiều	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	TH	30	8	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.2	
24CĐ.HA.16	6	6	10/10/2025	Chiều	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	TH	30	12	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.3	
24CĐ.XN.16	6	2	06/10/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	LT	30	30*			ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.3	
24CĐ.XN.16	6	3	07/10/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	TH	30	4	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.3	
24CĐ.XN.16	6	5	09/10/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	TH	30	8	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.2	
24CĐ.XN.16	6	6	10/10/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	TH	30	12	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.3	
24CĐ.HS.12	6	2	06/10/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Tiếng Anh 1	LT	30	30*			ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.3	
24CĐ.HS.12	6	3	07/10/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Tiếng Anh 1	TH	30	4	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.3	
24CĐ.HS.12	6	5	09/10/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Tiếng Anh 1	TH	30	8	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.2	
24CĐ.HS.12	6	6	10/10/2025	Chiều	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Tiếng Anh 1	TH	30	12	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.3	
24CĐ.PHR.7	6	2	06/10/2025	Sáng		Vật liệu nha khoa	LT	30	5	5		CN.LUÂN	K. KTYH	P. B1.2	
24CĐ.PHR.7	6	3	07/10/2025	Sáng		Vật liệu nha khoa	LT	30	10	5		CN.LUÂN	K. KTYH	P. B3.5	
24CĐ.PHR.7	6	3	07/10/2025	Chiều		Ghi và tái lập các tương quan	LT	15	5	5		THS.TRÚC	K. KTYH	P. B3.1	
24CĐ.PHR.7	6	4	08/10/2025	Sáng		Ghi và tái lập các tương quan	LT	15	10	5		THS.TRÚC	K. KTYH	P. B2.2	
24CĐ.PHR.7	6	4	08/10/2025	Chiều		Vật liệu nha khoa	LT	30	15	5		CN.LUÂN	K. KTYH	P. B3.1	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.PHR.7	6	5	09/10/2025	Sáng		Ghi và tái lập các tương quan	TH	30	4	4	N2	THS.TRÚC	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	6	5	09/10/2025	Chiều		Ghi và tái lập các tương quan	TH	30	4	4	N1	THS.TRÚC	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	6	6	10/10/2025	Sáng		Ghi và tái lập các tương quan	TH	30	8	4	N2	THS.TRÚC	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	6	6	10/10/2025	Chiều		Ghi và tái lập các tương quan	TH	30	8	4	N1	THS.TRÚC	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	6	7	11/10/2025	Sáng		Ghi và tái lập các tương quan	LT	15	15*	5		THS.TRÚC	K. KTYH	27PCT	BS lịch
24CĐ.PHCN.7	6	2	06/10/2025	Sáng		GP chức năng hệ vận động & thần kinh	LT	30	15	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.13	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	6	2	06/10/2025	Chiều		Bệnh học	LT	45	20	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.13	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	6	3	07/10/2025	Sáng		GP chức năng hệ vận động & thần kinh	LT	30	20	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.13	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	6	3	07/10/2025	Chiều		Bệnh học	LT	45	25	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	6	4	08/10/2025	Sáng		Bệnh học	LT	45	30	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.13	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	6	4	08/10/2025	Chiều		GP chức năng hệ vận động & thần kinh	TH	60	4	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.13	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	6	5	09/10/2025	Chiều		GP chức năng hệ vận động & thần kinh	TH	60	8	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.13	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	6	6	10/10/2025	Chiều		GP chức năng hệ vận động & thần kinh	TH	60	12	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.13	27 Phan Chu Trinh
25CĐ.ĐD.20A	6	2	06/10/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	24	4	N1	CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20A	6	2	06/10/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	28	4	N2	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20A	6	2	06/10/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	12	4	N3	Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20A	6	2	06/10/2025	Chiều		GDTC	TH	60	52	4		Th.s Diệp Tề	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20A	6	3	07/10/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	26	2	N1	Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	(Tiết 1&2)
25CĐ.ĐD.20A	6	3	07/10/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	30*	2	N2	Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	(Tiết 3&4)
25CĐ.ĐD.20A	6	3	07/10/2025	Chiều		GDTC	TH	60	56	4		Th.s Diệp Tề	K. KHCB	P. TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.ĐD.20A	6	4	08/10/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	30*	4	N1	CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20A	6	6	10/10/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	16	4	N3	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20A	6	7	11/10/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	20	4	N3	CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20A	6	4	08/10/2025	Chiều		GDTC	TH	60	60*	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	P. TH	
25CĐ.ĐD.20A	6	5	09/10/2025	Sáng		Sinh lý	LT	30	5	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20A	6	5	09/10/2025	Chiều		Thi TH Giải phẫu					N1&N2	Ths Bs Hương Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	Tiết 1&2
25CĐ.ĐD.20A	6	6	10/10/2025	Sáng		Sinh lý	LT	30	10	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20A	6	7	11/10/2025	Sáng		Sinh lý	LT	30	15	5		Ths Bs Nga	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20B	6	2	06/10/2025	Sáng		GDTC	TH	60	52	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	P. TH	
25CĐ.ĐD.20B	6	2	06/10/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	24	4	N1	CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20B	6	2	06/10/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	24	4	N2	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20B	6	2	06/10/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	20	4	N3	Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	BS lịch
25CĐ.ĐD.20B	6	3	07/10/2025	Sáng		GDTC	TH	60	56	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20B	6	3	07/10/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	26	2	N1	Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	Tiết 1&2
25CĐ.ĐD.20B	6	3	07/10/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	26	2	N2	Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	Tiết 3&4
25CĐ.ĐD.20B	6	4	08/10/2025	Sáng		GDTC	TH	60	60*	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20B	6	4	08/10/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	30*	4	N1	Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20B	6	4	08/10/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	30*	4	N2	CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20B	6	5	09/10/2025	Sáng		Sinh lý	LT	30	5	5		Ths Bs. Hạnh	Khoa Y	P. B2.3	
25CĐ.ĐD.20B	6	5	09/10/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	24	4	N3	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	BS lịch
25CĐ.ĐD.20B	6	7	11/10/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	28	4	N3	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	BS lịch
25CĐ.ĐD.20B	6	6	10/10/2025	Sáng		Sinh lý	LT	30	10	5		Ths Bs. Hạnh	Khoa Y	P. B3.6	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.ĐD.20B	6	7	11/10/2025	Sáng		Sinh lý	LT	30	15	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B3.3	
25CĐ.ĐD.20C	6	2	06/10/2025	Sáng	25CĐ.HS.13	Sinh học và Di truyền	LT	30	30*	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B3.2	
25CĐ.ĐD.20C	6	2	06/10/2025	Chiều		Vi sinh - KST	TH	30	4	4	N2	CN.Nguyệt (mời)	K. KTYH	PTH	27 PCT
25CĐ.ĐD.20C	6	2	06/10/2025	Tối		Hóa sinh	TH	30	16	3	N1	THS TRÀ	K. KTYH	PTH	27 PCT
25CĐ.ĐD.20C	6	3	07/10/2025	Sáng		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	20	5		Ths. Nhung	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20C	6	3	07/10/2025	Tối		Hóa sinh	TH	30	16	3	N2	THS TRÀ	K. KTYH	PTH	27 PCT
25CĐ.ĐD.20C	6	4	08/10/2025	Tối		Hóa sinh	TH	30	19	3	N1	THS TRÀ	K. KTYH	PTH	27 PCT
25CĐ.ĐD.20C	6	5	09/10/2025	Tối		Hóa sinh	TH	30	19	3	N2	THS TRÀ	K. KTYH	PTH	27 PCT
25CĐ.ĐD.20C	6	6	10/10/2025	Sáng		Vi sinh - KST	TH	30	4	4	N1	CN.Nguyệt (mời)	K. KTYH	PTH	27 PCT
25CĐ.ĐD.20C	6	6	10/10/2025	Chiều		Vi sinh - KST	TH	30	8	4	N2	CN.Nguyệt (mời)	K. KTYH	PTH	27 PCT
25CĐ. DU.15A	6	2	06/10/2025	Chiều		Tin học	TH	60	16	4	N2	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	6	3	07/10/2025	Chiều		Tin học	TH	60	20	4	N1	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	6	4	08/10/2025	Chiều		Tin học	TH	60	20	4	N2	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	6	5	09/10/2025	Chiều		Tin học	TH	60	24	4	N1	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	6	6	10/10/2025	Chiều		Tin học	TH	60	24	4	N2	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	6	2	06/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	16	4	N1	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	6	3	07/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	16	4	N2	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	6	4	08/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	20	4	N1	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	6	5	09/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	20	4	N2	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	6	6	10/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	24	4	N1	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	6	7	11/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	24	4	N2	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	6	3	07/10/2025	Chiều		Vật lý đại cương và Lý sinh	LT	30	5	5		ThS. Thuý	K. KHCB	P. B3.2	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.HA.17	6	4	08/10/2025	Chiều		Vật lý đại cương và Lý sinh	LT	30	10	5		ThS. Thuý	K. KHCB	P. B2.3	
25CĐ.HA.17	6	5	09/10/2025	Chiều		Vật lý đại cương và Lý sinh	LT	30	15	5		ThS. Thuý	K. KHCB	P. B2.6	
25CĐ.HA.17	6	7	11/10/2025	Sáng	25CĐ.XN.17	Quản lý và tổ chức y tế	LT	30	5	5		ThS Nguyễn Thị Đường	Khoa Y	P. B2.6	GV mời
25CĐ.HA.17	6	7	11/10/2025	Chiều	25CĐ.XN.17	Quản lý và tổ chức y tế	LT	30	10	5		ThS Nguyễn Thị Đường	Khoa Y	P. B2.6	GV mời
25CĐ.XN.17	6	3	07/10/2025	Sáng		Sinh học và Di truyền	LT	30	5	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B3.6	
25CĐ.XN.17	6	4	08/10/2025	Sáng		Sinh học và Di truyền	LT	30	10	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B3.5	
25CĐ.XN.17	6	5	09/10/2025	Sáng		Sinh học và Di truyền	LT	30	15	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B3.1	
25CĐ.XN.17	6	7	11/10/2025	Sáng	25CĐ.HA.17	Quản lý và tổ chức y tế	LT	30	5	5		ThS Nguyễn Thị Đường	Khoa Y	P. B2.6	GV mời
25CĐ.XN.17	6	7	11/10/2025	Chiều	25CĐ.HA.17	Quản lý và tổ chức y tế	LT	30	10	5		ThS Nguyễn Thị Đường	Khoa Y	P. B2.6	GV mời
25CĐ.HS.13	6	2	06/10/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20C	Sinh học và Di truyền	LT	30	30	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B3.2	
25CĐ.HS.13	6	3	07/10/2025	Chiều		Hóa sinh	TH	30	11	4		THS TRÀ	K. KTYH	PTH	27 PCT
25CĐ.HS.13	6	3	07/10/2025	Tối		Vi sinh - KST	TH	30	9	3		CN.Việt	K.KTYH	PTH	27 PCT
25CĐ.HS.13	6	4	08/10/2025	Chiều		Hoá sinh	TH	30	15	4		THS TRÀ	K.KTYH	PTH	27 PCT
25CĐ.HS.13	6	4	08/10/2025	Tối		Vi sinh - KST	TH	30	12	3		CN.Việt	K.KTYH	PTH	27 PCT
25CĐ.HS.13	6	5	09/10/2025	Chiều		Hoá sinh	TH	30	19	4		THS TRÀ	K.KTYH	PTH	27 PCT
25CĐ.HS.13	6	5	09/10/2025	Tối		Vi sinh - KST	TH	30	15	3		CN.Việt	K.KTYH	PTH	27 PCT
25CĐ.HS.13	6	7	11/10/2025	Sáng		Hoá sinh	TH	30	23	4		THS TRÀ	K. KTYH	PTH	27 PCT
25CĐ.HS.13	6	7	11/10/2025	Chiều		Hoá sinh	TH	30	27	4		THS TRÀ	K. KTYH	PTH	27 PCT
25CĐ.PHR.8	6	2	06/10/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Pháp luật	LT	30	20	5		Cn.Dung	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ.PHR.8	6	3	07/10/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Pháp luật	LT	30	25	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B3.4	
25CĐ.PHR.8	6	4	08/10/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Pháp luật	LT	30	30*	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B3.4	
25CĐ.PHR.8	6	5	09/10/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	LT	30	5	5		ThS. Vân	Khoa Y	P. B3.2	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CD.PHR.8	6	6	10/10/2025	Sáng	25CD.PHCN.8	Giải phẫu	LT	30	10	5		ThS. Vân	Khoa Y	P. B3.4	
25CD.PHCN.8	6	2	06/10/2025	Sáng	25CD.PHR.8	Pháp luật	LT	30	20	5		Cn.Dung	K. KHCB	P. B2.4	
25CD.PHCN.8	6	3	07/10/2025	Sáng	25CD.PHR.8	Pháp luật	LT	30	25	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B3.4	
25CD.PHCN.8	6	4	08/10/2025	Sáng	25CD.PHR.8	Pháp luật	LT	30	30*	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B3.4	
25CD.PHCN.8	6	5	09/10/2025	Sáng	25CD.PHR.8	Giải phẫu	LT	30	5	5		ThS. Vân	Khoa Y	P. B3.2	
25CD.PHCN.8	6	6	10/10/2025	Sáng	25CD.PHR.8	Giải phẫu	LT	30	10	5		ThS. Vân	Khoa Y	P. B3.4	
24TC.YS.33	6	2	06/10/2025	Chiều		Cấp cứu ban đầu	TH	30	24	4		Ths.Hương	K. ĐD	P. TH	
24TC.YS.33	6	3	07/10/2025	Chiều		Cấp cứu ban đầu	TH	30	28	4		Ths.Hương	K. ĐD	P. TH	
24TC.YS.33	6	4	08/10/2025	Sáng		Cấp cứu ban đầu	TH	30	30*	2		Ths.Hương	K. ĐD	P. TH	Tiết 1&2
24TC.YS.33	6	5	09/10/2025	Sáng		Thi TH Cấp cứu ban đầu						Cn.Thanh Ths.Hương	K. ĐD	P. TH	
24TC.YS.33	6	7	11/10/2025	Sáng	24TC.YHCT.13	Y tế cộng đồng	LT	30	25	5		Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. B2.5	
24TC.YS.33	6	7	11/10/2025	Chiều	24TC.YHCT.13	Y tế cộng đồng	LT	30	30*	5		Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. B3.3	
24TC.YHCT.13	6	2	06/10/2025	Sáng		Cấp cứu ban đầu	TH	30	24	4		Cn.Thanh	K. ĐD	P. TH	
24TC.YHCT.13	6	2	06/10/2025	Chiều		Châm cứu	TH	60	36	4		BS Phúc	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	6	3	07/10/2025	Sáng		Cấp cứu ban đầu	TH	30	28	4		Cn.Thanh	K. ĐD	P. TH	
24TC.YHCT.13	6	3	07/10/2025	Chiều		Châm cứu	TH	60	40	4		BS Phúc	Khoa Y	P2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	6	4	08/10/2025	Sáng		Cấp cứu ban đầu	TH	30	30*	2		Cn.Thanh	K. ĐD	P. TH	Tiết 3&4
24TC.YHCT.13	6	4	08/10/2025	Chiều		Châm cứu	TH	60	44	4		BS Phúc	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	6	5	09/10/2025	Sáng		Châm cứu	TH	60	48	4		BS Phúc	Khoa Y	P2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	6	5	09/10/2025	Chiều		Thi TH Cấp cứu ban đầu						Cn.Thanh Ths.Hương	K. ĐD	P. TH	
24TC.YHCT.13	6	6	10/10/2025	Sáng		Châm cứu	TH	60	52	4		BS Phúc	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	6	7	11/10/2025	Sáng	24TC.YS.33	Y tế cộng đồng	LT	30	25	5		Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. B2.5	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24TC.YHCT.13	6	7	11/10/2025	Sáng	24TC.YS.33	Y tế cộng đồng	LT	30	30*	5		Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. B3.3	
25TC.YS.34	6	2	06/10/2025	Sáng	25TC.YHCT.14	Tiếng Anh	TH	60	40	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.2	
25TC.YS.34	6	3	07/10/2025	Sáng	25TC.YHCT.14	Tiếng Anh	TH	60	44	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.6	
25TC.YS.34	6	4	08/10/2025	Sáng	25TC.YHCT.14	Tiếng Anh	TH	60	48	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.6	
25TC.YS.34	6	4	08/10/2025	Chiều	25TC.YHCT.14	Tiếng Anh	TH	60	52	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.5	
25TC.YS.34	6	5	09/10/2025	Sáng	25TC.YHCT.14	Tiếng Anh	TH	60	56	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.2	
25TC.YS.34	6	6	10/10/2025	Sáng	25TC.YHCT.14	Tiếng Anh	TH	60	60*	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.2	
25TC.YHCT.14	6	2	06/10/2025	Sáng	25TC.YS.34	Tiếng Anh	TH	60	40	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.2	
25TC.YHCT.14	6	3	07/10/2025	Sáng	25TC.YS.34	Tiếng Anh	TH	60	44	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.6	
25TC.YHCT.14	6	4	08/10/2025	Sáng	25TC.YS.34	Tiếng Anh	TH	60	48	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.6	
25TC.YHCT.14	6	4	08/10/2025	Chiều	25TC.YS.34	Tiếng Anh	TH	60	52	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.5	
25TC.YHCT.14	6	5	09/10/2025	Sáng	25TC.YS.34	Tiếng Anh	TH	60	56	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.2	
25TC.YHCT.14	6	6	10/10/2025	Sáng	25TC.YS.34	Tiếng Anh	TH	60	60*	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.2	
23CB.DD.18A	7	2	13/10/2025	Sáng		CSCK Trẻ em	TH	30	16	4	N1	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CB.DD.18A	7	2	13/10/2025	Sáng		CSCK Trẻ em	TH	30	16	4	N2	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CB.DD.18A	7	3	14/10/2025	Sáng	23CB.DD.18B	CSSK PN, BM, Gia đình	LT	30	5	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B2.1	
23CB.DD.18A	7	3	14/10/2025	Chiều		CSCK Trẻ em	TH	30	20	4	N1	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CB.DD.18A	7	3	14/10/2025	Chiều		CSCK Trẻ em	TH	30	20	4	N2	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CB.DD.18A	7	4	15/10/2025	Chiều	23CB.DD.18B	CSSK PN, BM, Gia đình	LT	30	10	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B2.1	
23CB.DD.18A	7	5	16/10/2025	Sáng	23CB.DD.18B	CSSK PN, BM, Gia đình	LT	30	15	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B2.1	
23CB.DD.18A	7	5	16/10/2025	Chiều		CSCK Trẻ em	TH	30	24	4	N2	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CB.DD.18A	7	5	16/10/2025	Chiều		CSCK Trẻ em	TH	30	24	4	N1	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CB.DD.18A	7	6	17/10/2025	Chiều	23CB.DD.18B	CSSK PN, BM, Gia đình	LT	30	20	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B2.1	
23CB.DD.18A	7	7	18/10/2025	Sáng	23CB.DD.18B	CSSK PN, BM, Gia đình	LT	30	25	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B2.1	
23CB.DD.18A	7	7	18/10/2025	Chiều		CSCK Trẻ em	TH	30	28	4	N1	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CB.DD.18A	7	7	18/10/2025	Chiều		CSCK Trẻ em	TH	30	28	4	N2	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CB.DD.18B	7	2	13/10/2025	Sáng		Thi TH CS NB Cấp cứu & CS Tích cực					N1&N2	Ths.Sang Ths.Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CB.DD.18B	7	2	13/10/2025	Chiều		CSCK Trẻ em	TH	30	16	4	N1	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CB.DD.18B	7	2	13/10/2025	Chiều		CSCK Trẻ em	TH	30	16	4	N2	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CB.DD.18B	7	3	14/10/2025	Sáng	23CB.DD.18A	CSSK PN, BM, Gia đình	LT	30	5	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B2.1	
23CB.DD.18B	7	4	15/10/2025	Sáng		CSCK Trẻ em	TH	30	20	4	N1	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CB.DD.18B	7	4	15/10/2025	Sáng		CSCK Trẻ em	TH	30	20	4	N2	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CB.DD.18B	7	4	15/10/2025	Chiều	23CB.DD.18A	CSSK PN, BM, Gia đình	LT	30	10	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B2.1	
23CB.DD.18B	7	5	16/10/2025	Sáng	23CB.DD.18A	CSSK PN, BM, Gia đình	LT	30	15	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B2.1	
23CB.DD.18B	7	6	17/10/2025	Sáng		CSCK Trẻ em	TH	30	24	4	N2	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CB.DD.18B	7	6	17/10/2025	Sáng		CSCK Trẻ em	TH	30	24	4	N1	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CB.DD.18B	7	6	17/10/2025	Chiều	23CB.DD.18A	CSSK PN, BM, Gia đình	LT	30	20	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B2.1	
23CB.DD.18B	7	7	18/10/2025	Sáng	23CB.DD.18A	CSSK PN, BM, Gia đình	LT	30	25	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B2.1	
23CB.DU.13A	7	2	13/10/2025	Chiều		Dược Lâm sàng	LT	30	25	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.5	
23CB.DU.13A	7	3	14/10/2025	Sáng		Dược Lâm sàng	LT	30	30*	5		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.3	
23CB.DU.13B	7	2	13/10/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	40	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	P. THB.1.3	
23CB.DU.13B	7	2	13/10/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	40	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	P. THB.1.3	
23CB.DU.13B	7	3	14/10/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	44	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	P. THB.1.3	
23CB.DU.13B	7	4	15/10/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	44	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	P. THB.1.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DU.13B	7	4	15/10/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	48	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	P. THB.1.3	
23CĐ.DU.13B	7	6	17/10/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	48	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	P. THB.1.3	
23CĐ.DU.13C	7	2	13/10/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	36	4	N2	Ds Trình (Gv mời)	K. Dược	P. TH Dược	
23CĐ.DU.13C	7	3	14/10/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	40	4	N1	Dsck1.Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13C	7	4	15/10/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	40	4	N2	Ds Trình (Gv mời)	K. Dược	P. THB.1.3	
23CĐ.DU.13C	7	5	16/10/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	44	4	N1	Dsck1.Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13C	7	5	16/10/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	44	4	N2	Ds Trình (Gv mời)	K. Dược	P. THB.1.3	
23CĐ.DU.13C	7	6	17/10/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	48	4	N1	Dsck1.Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	7	2	13/10/2025	Sáng	23CĐ.DU.13E	Kinh tế được	TH	30	30*	2		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.4	
23CĐ.DU.13E	7	2	13/10/2025	Sáng	23CĐ.DU.13D	Kinh tế được	TH	30	30*	2		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.4	
23CĐ.PHR.6	7	2	13/10/2025	Sáng		KT PH Mảo sứ, KL	TH	60	16	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	7	2	13/10/2025	Chiều		KT PH Mảo sứ, KL	TH	60	16	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	7	3	14/10/2025	Sáng		KT PH Mảo sứ, KL	TH	60	20	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	7	3	14/10/2025	Sáng		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	16	4	N1	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	7	3	14/10/2025	Chiều		KT PH Mảo sứ, KL	TH	60	20	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	7	3	14/10/2025	Chiều		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	8	4	N2	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	7	3	14/10/2025	Tối		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	11	3	N2	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	7	4	15/10/2025	Sáng		KT PH Mảo sứ, KL	TH	60	24	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	7	4	15/10/2025	Sáng		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	20	4	N1	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	7	4	15/10/2025	Chiều		KT PH Mảo sứ, KL	TH	60	24	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	7	4	15/10/2025	Chiều		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	15	4	N2	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	7	4	15/10/2025	Tối		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	23	3	N1	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.PHR.6	7	5	16/10/2025	Sáng		KT PH Mão sứ, KL	TH	60	28	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	7	5	16/10/2025	Sáng		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	27	4	N1	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	7	5	16/10/2025	Tối		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	28	1	N1	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	Tiết 2
23CĐ.PHR.6	7	5	16/10/2025	Chiều		KT PH Mão sứ, KL	TH	60	28	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	7	5	16/10/2025	Chiều		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	19	4	N2	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	7	5	16/10/2025	Tối		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	20	1	N2	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	Tiết 1
23CĐ.PHR.6	7	6	17/10/2025	Sáng		KT PH Mão sứ, KL	TH	60	32	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	7	6	17/10/2025	Sáng		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	32	4	N1	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	7	6	17/10/2025	Chiều		KT PH Mão sứ, KL	TH	60	32	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	7	6	17/10/2025	Chiều		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	24	4	N2	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	7	7	18/10/2025	Sáng		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	28	4	N2	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	7	7	18/10/2025	Chiều		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	32	4	N2	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHCN.6	7	3	14/10/2025	Sáng		BL&VLTL hệ cơ xương	TH	60	52	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	7	3	14/10/2025	Chiều		BL&VLTL hệ cơ xương	TH	60	56	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	7	4	15/10/2025	Chiều		BL&VLTL hệ cơ xương	TH	60	60*	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.ĐD.19A	7	2	13/10/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Giáo dục chính trị	TH	30	30*	2		ThS. Tâm	K. KHCB	P. B2.1	Tiết 1&2
24CĐ.ĐD.19A	7	4	15/10/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Pháp luật	LT	30	5	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19A	7	6	17/10/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Pháp luật	LT	30	10	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19B	7	3	14/10/2025	Chiều		Dinh dưỡng - Tiết chế	LT	30	15	5		ThS. Tuyền	K. ĐD	P. B2.4	
24CĐ.ĐD.19B	7	5	16/10/2025	Chiều		Dinh dưỡng - Tiết chế	LT	30	20	5		ThS. Tuyền	K. ĐD	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19C	7	2	13/10/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Giáo dục chính trị	TH	30	30*	2		ThS. Tâm	K. KHCB	P. B2.1	Tiết 3&4
24CĐ.ĐD.19C	7	4	15/10/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Pháp luật	LT	30	5	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.1	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.ĐD.19C	7	6	17/10/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Pháp luật	LT	30	10	5		Ths. Văn Anh	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ. DU.14A	7	2	13/10/2025	Sáng		Dược lý	TH	60	44	4		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.6	
24CĐ. DU.14A	7	3	14/10/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	48	4		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.1	
24CĐ. DU.14A	7	4	15/10/2025	Sáng		Dược lý	TH	60	52	4		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B3.3	
24CĐ. DU.14A	7	5	16/10/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	56	4		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.6	
24CĐ. DU.14A	7	6	17/10/2025	Sáng		Dược lý	TH	60	60*	4		Ths. Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.2	
24CĐ. DU.14B	7	2	13/10/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	44	4		Dsck1. Mai Lan	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14B	7	3	14/10/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	48	4		Dsck1. Mai Lan	K. Dược	P. B2.6	
24CĐ. DU.14B	7	4	15/10/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	52	4		Dsck1. Mai Lan	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14B	7	5	16/10/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	56	4		Dsck1. Mai Lan	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14B	7	6	17/10/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	60*	4		Dsck1. Mai Lan	K. Dược	P. B2.2	
24CĐ. DU.14C	7	2	13/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	12	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14C	7	2	13/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	12	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14C	7	3	14/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	16	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14C	7	3	14/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	16	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14C	7	4	15/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	20	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14C	7	4	15/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	20	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14C	7	5	16/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	24	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14C	7	5	16/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	24	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14C	7	6	17/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	28	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14C	7	6	17/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	28	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14D	7	2	13/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	12	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ. DU.14Đ	7	2	13/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	8	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14Đ	7	3	14/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	16	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14Đ	7	3	14/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	12	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14Đ	7	4	15/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	20	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14Đ	7	4	15/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	16	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14Đ	7	5	16/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	24	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14Đ	7	5	16/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	20	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14Đ	7	6	17/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	28	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14Đ	7	6	17/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	24	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ.HA.16	7	2	13/10/2025	Sáng	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	TH	30	16	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.2	
24CĐ.HA.16	7	3	14/10/2025	Sáng	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	TH	30	20	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.6	
24CĐ.HA.16	7	4	15/10/2025	Sáng	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	TH	30	24	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.6	
24CĐ.HA.16	7	5	16/10/2025	Sáng	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	TH	30	28	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.3	
24CĐ.HA.16	7	6	17/10/2025	Sáng	24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	TH	30	30*	2		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.3	
24CĐ.XN.16	7	2	13/10/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	TH	30	16	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.2	
24CĐ.XN.16	7	3	14/10/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	TH	30	20	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.6	
24CĐ.XN.16	7	4	15/10/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	TH	30	24	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.6	
24CĐ.XN.16	7	5	16/10/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	TH	30	28	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.3	
24CĐ.XN.16	7	6	17/10/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12	Tiếng Anh 1	TH	30	30*	2		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.3	
24CĐ.HS.12	7	2	13/10/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Tiếng Anh 1	TH	30	16	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.2	
24CĐ.HS.12	7	3	14/10/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Tiếng Anh 1	TH	30	20	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.6	
24CĐ.HS.12	7	4	15/10/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Tiếng Anh 1	TH	30	24	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.6	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.HS.12	7	5	16/10/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Tiếng Anh 1	TH	30	28	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.3	
24CĐ.HS.12	7	6	17/10/2025	Sáng	24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16	Tiếng Anh 1	TH	30	30*	2		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.3	
24CĐ.PHR.7	7	2	13/10/2025	Sáng		Ghi và tái lập các tương quan	TH	30	12	4	N1	THS.TRÚC	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	7	2	13/10/2025	Chiều		Ghi và tái lập các tương quan	TH	30	12	4	N2	THS.TRÚC	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	7	3	14/10/2025	Sáng		Ghi và tái lập các tương quan	TH	30	16	4	N1	THS.TRÚC	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	7	3	14/10/2025	Chiều		Ghi và tái lập các tương quan	TH	30	16	4	N2	THS.TRÚC	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	7	4	15/10/2025	Sáng		Ghi và tái lập các tương quan	TH	30	20	4	N1	THS.TRÚC	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	7	4	15/10/2025	Chiều		Ghi và tái lập các tương quan	TH	30	20	4	N2	THS.TRÚC	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	7	5	16/10/2025	Sáng		Ghi và tái lập các tương quan	TH	30	24	4	N1	THS.TRÚC	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	7	5	16/10/2025	Chiều		Ghi và tái lập các tương quan	TH	30	24	4	N2	THS.TRÚC	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	7	6	17/10/2025	Sáng		Ghi và tái lập các tương quan	TH	30	28	2	N1	THS.TRÚC	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	7	6	17/10/2025	Chiều		Ghi và tái lập các tương quan	TH	30	28	2	N2	THS.TRÚC	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHCN.7	7	2	13/10/2025	Sáng		GP chức năng hệ vận động & thần kinh	LT	30	25	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	7	2	13/10/2025	Chiều		Bệnh học	LT	45	35	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	7	3	14/10/2025	Sáng		GP chức năng hệ vận động & thần kinh	TH	60	16	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	7	3	14/10/2025	Chiều		GP chức năng hệ vận động & thần kinh	LT	30	30*	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	7	4	15/10/2025	Sáng		Bệnh học	LT	45	40	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	7	4	15/10/2025	Chiều		GP chức năng hệ vận động & thần kinh	TH	60	20	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	7	7	18/10/2025	Sáng		Bệnh học	LT	45	45*	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	7	7	18/10/2025	Chiều		GP chức năng hệ vận động & thần kinh	TH	60	24	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
25CĐ.ĐD.20A	7	2	13/10/2025	Sáng		Sinh lý	LT	30	20	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20A	7	3	14/10/2025	Sáng		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	LT	15	5	5		Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. B2.4	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.ĐD.20A	7	4	15/10/2025	Sáng		Sinh lý	LT	30	25	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20A	7	5	16/10/2025	Sáng		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	LT	15	10	5		Ths. Dương	K. ĐD	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20A	7	6	17/10/2025	Sáng		Sinh lý	LT	30	30*	5		Ths Bs Nga	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20A	7	7	18/10/2025	Sáng		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	LT	15	15*	5		Ths.Nhung	K. ĐD	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20B	7	2	13/10/2025	Sáng		Sinh lý	LT	30	20	5		Ths Bs Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.3	
25CĐ.ĐD.20B	7	3	14/10/2025	Sáng		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	LT	15	5	5		Ths. Dương	K. ĐD	P. B4.5	
25CĐ.ĐD.20B	7	4	15/10/2025	Sáng		Sinh lý	LT	30	25	5		Ths Bs Khánh Nga	Khoa Y	P. B3.2	
25CĐ.ĐD.20B	7	5	16/10/2025	Sáng		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	LT	15	10	5		Ths. Huyền	K. ĐD	P. B4.5	
25CĐ.ĐD.20B	7	5	16/10/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	30*	2	N3	Ths Bs Khánh Nga	Khoa Y	P. TH	Tiết 3&4
25CĐ.ĐD.20B	7	6	17/10/2025	Sáng		Sinh lý	LT	30	30*	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	p. B2.5	
25CĐ.ĐD.20B	7	6	17/10/2025	Chiều		Thi TH Giải phẫu					N1, N2 & N3	ThS. Bs. Hạnh & ThS. Bs. Hương	Khoa Y	P. TH	Tiết 3&4
25CĐ.ĐD.20B	7	7	18/10/2025	Sáng		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	LT	15	15*	5		Ths. Huyền	K. ĐD	P. B4.5	
25CĐ.ĐD.20C	7	2	13/10/2025	Tối		Hóa sinh	TH	30	22	3	N1	THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20C	7	3	14/10/2025	Sáng		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	25	5		Ths. Sang	Khoa Y	P. B3.1	Mời K.ĐD
25CĐ.ĐD.20C	7	3	14/10/2025	Tối		Hóa sinh	TH	30	22	3	N2	THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20C	7	4	15/10/2025	Sáng		Vi sinh - KST	TH	30	8	4	N1	CN. Nguyệt (Mời)	K.KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20C	7	4	15/10/2025	Chiều		Vi sinh - KST	TH	30	12	4	N2	CN. Nguyệt (Mời)	K.KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20C	7	4	15/10/2025	Tối		Hóa sinh	TH	30	25	3	N1	THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20C	7	5	16/10/2025	Sáng		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	30*	5		Ths. Nhung	Khoa Y	P. B2.5	
25CĐ.ĐD.20C	7	5	16/10/2025	Tối		Hóa sinh	TH	30	25	3	N2	THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20C	7	7	18/10/2025	Sáng		Vi sinh - KST	TH	30	12	4	N1	CN. Nguyệt (Mời)	K.KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20C	7	7	18/10/2025	Chiều		Vi sinh - KST	TH	30	16	4	N2	CN. Nguyệt (Mời)	K.KTYH	P. TH	27PCT

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ. DU.15A	7	2	13/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	28	4	N1	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	7	3	14/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	28	4	N2	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	7	4	15/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	32	4	N1	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	7	5	16/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	32	4	N2	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	7	6	17/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	36	4	N1	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	7	7	18/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	36	4	N2	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	7	2	13/10/2025	Chiều		Tin học	TH	60	28	4	N2	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	7	3	14/10/2025	Chiều		Tin học	TH	60	28	4	N1	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	7	4	15/10/2025	Chiều		Tin học	TH	60	32	4	N2	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	7	5	16/10/2025	Chiều		Tin học	TH	60	32	4	N1	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	7	6	17/10/2025	Chiều		Tin học	TH	60	36	4	N2	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	7	7	18/10/2025	Chiều		Tin học	TH	60	36	4	N1	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	7	2	13/10/2025	Chiều		Vật lý đại cương và Lý sinh	LT	30	20	5		ThS. Thuý	K. KHCB	P. B2.2	
25CĐ.HA.17	7	4	15/10/2025	Chiều		Vật lý đại cương và Lý sinh	LT	30	25	5		ThS. Thuý	K. KHCB	P. B3.3	
25CĐ.HA.17	7	5	16/10/2025	Chiều		Vật lý đại cương và Lý sinh	LT	30	30*	5		ThS. Thuý	K. KHCB	P. B2.2	
25CĐ.XN.17	7	2	13/10/2025	Sáng		Sinh học và Di truyền	LT	30	20	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B3.3	
25CĐ.XN.17	7	4	15/10/2025	Sáng		Sinh học và Di truyền	LT	30	25	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B3.1	
25CĐ.XN.17	7	5	16/10/2025	Sáng		Sinh học và Di truyền	LT	30	30*	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B2.6	
25CĐ.HS.13	7	3	14/10/2025	Tối		Vi sinh - KST	TH	30	18	3		CN.Việt	K.KTYH	27PCT	
25CĐ.HS.13	7	4	15/10/2025	Chiều		Hoá sinh	TH	30	30*	3		THS TRÀ	K.KTYH	27PCT	
25CĐ.HS.13	7	7	18/10/2025	Chiều		Vi sinh - KST	TH	30	26	4		CN.Việt	K.KTYH	27PCT	
25CĐ.HS.13	7	7	18/10/2025	Tối		Thi TH Hoá sinh						THS TRÀ THS QUỲNH	K.KTYH	27PCT	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.HS.13	7	7	18/10/2025	Sáng		Vi sinh - KST	TH	30	22	4		CN.Việt	K.KTYH	27PCT	
25CĐ.PHR.8	7	2	13/10/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	GDTC	TH	60	4	4		Th.s Thanh Hùng	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.DD.20A	7	2	13/10/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	24	4	N3	CN. Mai Lan	Khoa Y	P. TH	BS Lịch
25CĐ.DD.20A	7	4	15/10/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	28	4	N3	CN. Mai Lan	Khoa Y	P. TH	BS Lịch
25CĐ.DD.20A	7	5	16/10/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	30*	2	N3	Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	Tiết 1&2
25CĐ.DD.20A	7	6	17/10/2025	Chiều		Thi TH Giải phẫu					N1, N2 &N3	Ths Bs Hạnh & Ths. Bs. Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHR.8	7	2	13/10/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	LT	30	15	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.PHR.8	7	3	14/10/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	GDTC	TH	60	8	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.PHR.8	7	3	14/10/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	LT	30	20	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.3	
25CĐ.PHR.8	7	4	15/10/2025	Sáng		GDTC	TH	60	12	4		ThS. Hùng	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.PHR.8	7	4	15/10/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	LT	30	25	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.PHR.8	7	5	16/10/2025	Sáng		GDTC	TH	60	16	4		ThS. Thanh Hùng	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.PHR.8	7	5	16/10/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	LT	30	30*	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.PHR.8	7	6	17/10/2025	Sáng		GDTC	TH	60	20	4		ThS. Thanh Hùng	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.PHCN.8	7	2	13/10/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	GDTC	TH	60	4	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.PHCN.8	7	2	13/10/2025	Chiều	25CĐ.PHR.8	Giải phẫu	LT	30	15	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.PHCN.8	7	3	14/10/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	GDTC	TH	60	8	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.PHCN.8	7	3	14/10/2025	Chiều	25CĐ.PHR.8	Giải phẫu	LT	30	20	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.3	
25CĐ.PHCN.8	7	4	15/10/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	GDTC	TH	60	12	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.PHCN.8	7	4	15/10/2025	Chiều	25CĐ.PHR.8	Giải phẫu	LT	30	25	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.PHCN.8	7	5	16/10/2025	Sáng		GDTC	TH	60	16	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.PHCN.8	7	5	16/10/2025	Chiều	25CĐ.PHR.8	Giải phẫu	LT	30	30*	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.4	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CD.PHCN.8	7	6	17/10/2025	Sáng		GDTC	TH	60	20	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
24TC.YS.33	7	2	13/10/2025	Chiều		Y học cổ truyền	LT	15	5	5		BS Phúc	Khoa Y	P. B2.6	
24TC.YS.33	7	3	14/10/2025	Sáng		Sức khỏe trẻ em	LT	60	5	5		Bs.Ck2. Tú Anh (Mời)	Khoa Y	P. B2.2	
24TC.YS.33	7	3	14/10/2025	Chiều		Y học cổ truyền	LT	15	10	5		BS Phúc	Khoa Y	P. B3.3	
24TC.YS.33	7	4	15/10/2025	Chiều		Y học cổ truyền	LT	15	15*	5		BS Phúc	Khoa Y	P. B3.5	
24TC.YS.33	7	5	16/10/2025	Sáng		Sức khỏe trẻ em	LT	60	10	5		BS. Ý Nhi (Mời)	Khoa Y	P. B2.2	
24TC.YS.33	7	5	16/10/2025	Chiều		Y học cổ truyền	TH	30	4	4		BS Phúc	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YS.33	7	6	17/10/2025	Chiều		Y học cổ truyền	TH	30	8	4		BS Phúc	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YS.33	7	7	18/10/2025	Sáng		Sức khỏe trẻ em	LT	60	15	5		Bs.Ck2. Tú Anh (Mời)	Khoa Y	P. B2.2	GV mời
24TC.YS.33	7	7	18/10/2025	Chiều		Y học cổ truyền	TH	30	12	4		BS Phúc	Khoa Y	2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	7	3	14/10/2025	Sáng		Châm cứu	TH	60	56	4		BS Phúc	Khoa Y	P2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	7	4	15/10/2025	Sáng		Châm cứu	TH	60	60*	4		BS Phúc	Khoa Y	P2.13	27 PCT
25TC.YS.34	7	4	15/10/2025	Chiều	25TC.YHCT.14	Vi sinh - KST	LT	30	5	5		Ths.Hương (mời)	K. KTYH	P. B3.1	
25TC.YS.34	7	5	16/10/2025	Sáng		Giải phẫu - Sinh lý	LT	45	5	5		ThS. Vân	Khoa Y	P. B3.3	
25TC.YS.34	7	6	17/10/2025	Sáng		Giải phẫu - Sinh lý	LT	45	10	5		ThS. Vân	Khoa Y	P. B2.6	
25TC.YS.34	7	7	18/10/2025	Sáng		Giải phẫu - Sinh lý	LT	45	15	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.6	
25TC.YS.34	7	7	18/10/2025	Chiều	25TC.YHCT.14	Vi sinh - KST	LT	30	10	5		Ths.Hương (mời)	K. KTYH	P. B2.5	
25TC.YHCT.14	7	4	15/10/2025	Chiều	25TC.YHCT.14	Vi sinh - KST	LT	30	5	5		Ths.Hương (mời)	K. KTYH	P. B3.1	
25TC.YHCT.14	7	5	16/10/2025	Chiều		Giải phẫu - Sinh lý	LT	60	5	5		ThS. Vân	Khoa Y	P. B2.3	
25TC.YHCT.14	7	6	17/10/2025	Chiều		Giải phẫu - Sinh lý	LT	60	5	5		ThS. Vân	Khoa Y	P. B2.6	
25TC.YHCT.14	7	6	17/10/2025	Tối		Giải phẫu - Sinh lý	LT	60	8	3		ThS. Vân	Khoa Y	P. B2.6	
25TC.YHCT.14	7	7	18/10/2025	Tối		Giải phẫu - Sinh lý	LT	60	10	2		ThS. Vân	Khoa Y	P. B2.6	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25TC.YHCT.14	7	7	18/10/2025	Chiều	25TC.YS.34	Vi sinh - KST	LT	30	10	5		Ths.Huong (mời)	K. KTYH	P. B2.5	
23CB.DD.18A	8	2	20/10/2025	Sáng	23CB.DD.18B	CSSK PN, BM, Gia đình	LT	30	30*	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B2.3	
23CB.DD.18A	8	3	21/10/2025	Sáng		CSSK PN, BM, Gia đình	TH	30	4	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.5	
23CB.DD.18A	8	3	21/10/2025	Chiều		CSCK Trẻ em	TH	30	30*	2	N1	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CB.DD.18A	8	3	21/10/2025	Chiều		CSCK Trẻ em	TH	30	30*	2	N2	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CB.DD.18A	8	4	22/10/2025	Chiều		CSSK PN, BM, Gia đình	TH	30	8	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.5	
23CB.DD.18A	8	4	22/10/2025	Tối		Thi TH CSCK Trẻ em					N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CB.DD.18A	8	5	23/10/2025	Sáng	23CB.DD.18B	Thực hành dựa trên bằng chứng	LT	15	5	5		Ths.Chi	K. ĐD	P. B2.4	MHTC 2
23CB.DD.18A	8	5	23/10/2025	Chiều		CSSK PN, BM, Gia đình	TH	30	12	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.5	
23CB.DD.18A	8	6	24/10/2025	Sáng	23CB.DD.18B	Thực hành dựa trên bằng chứng	LT	15	10	5		Ths.Chi	K. ĐD	P. B2.3	MHTC 2
23CB.DD.18A	8	7	25/10/2025	Chiều	23CB.DD.18B	Thực hành dựa trên bằng chứng	LT	15	15*	5		Ths.Chi	K. ĐD	P. B2.3	MHTC 2
23CB.DD.18B	8	2	20/10/2025	Sáng	23CB.DD.18A	CSSK PN, BM, Gia đình	LT	30	30*	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B2.3	
23CB.DD.18B	8	2	20/10/2025	Chiều		CSCK Trẻ em	TH	30	28	4	N1	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CB.DD.18B	8	2	20/10/2025	Chiều		CSCK Trẻ em	TH	30	28	4	N2	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CB.DD.18B	8	3	21/10/2025	Sáng		CSCK Trẻ em	TH	30	30*	2	N1	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CB.DD.18B	8	3	21/10/2025	Sáng		CSCK Trẻ em	TH	30	30*	2	N2	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CB.DD.18B	8	3	21/10/2025	Chiều		CSSK PN, BM, Gia đình	TH	30	4	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.5	
23CB.DD.18B	8	4	22/10/2025	Sáng		CSSK PN, BM, Gia đình	TH	30	8	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.5	
23CB.DD.18B	8	4	22/10/2025	Chiều		Thi TH CSCK Trẻ em					N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
23CB.DD.18B	8	5	23/10/2025	Sáng	23CB.DD.18A	Thực hành dựa trên bằng chứng	LT	15	5	5		Ths.Chi	K. ĐD	P. B2.4	MHTC 2
23CB.DD.18B	8	6	24/10/2025	Sáng	23CB.DD.18A	Thực hành dựa trên bằng chứng	LT	15	10	5		Ths.Chi	K. ĐD	P. B2.3	MHTC 2
23CB.DD.18B	8	6	24/10/2025	Chiều		CSSK PN, BM, Gia đình	TH	30	12	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.1	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DD.18B	8	7	25/10/2025	Chiều	23CĐ.DD.18B	Thực hành dựa trên bằng chứng	LT	15	15*	5		Ths.Chi	K. ĐD	P. B2.3	MHTC 2
23CĐ.DU.13B	8	2	20/10/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	52	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	P. THB.1.3	
23CĐ.DU.13B	8	3	21/10/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	52	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	P. THB.1.3	
23CĐ.DU.13B	8	4	22/10/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	56	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	P. THB.1.3	
23CĐ.DU.13B	8	5	23/10/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	56	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	P. THB.1.3	
23CĐ.DU.13B	8	6	24/10/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	60*	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	P. B.1.3	
23CĐ.DU.13C	8	2	20/10/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	48	4	N2	Ds Trinh (Gv mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13C	8	3	21/10/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	52	4	N1	Dsck1.Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13C	8	4	22/10/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	52	4	N2	Ds Trinh (Gv mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13C	8	5	23/10/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	56	4	N1	Dsck1.Quảng	K. Dược	P. TH B1.3	
23CĐ.DU.13C	8	6	24/10/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	56	4	N2	Ds Trinh (Gv mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.XN.15	8	2	20/10/2025	Sáng		Ký sinh trùng 2	LT	15	5	5		Ths.Phước	K. KTYH	P. B2.2	
23CĐ.XN.15	8	3	21/10/2025	Sáng		Ký sinh trùng 2	LT	15	10	5		Ths.Phước	K. KTYH	P. B2.2	
23CĐ.XN.15	8	4	22/10/2025	Sáng		Ký sinh trùng 2	LT	15	15*	5		Ths.Phước	K. KTYH	P. B2.2	
23CĐ.XN.15	8	5	23/10/2025	Chiều		Ký sinh trùng 2	TH	30	4	4		Ths.Phước	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CĐ.XN.15	8	6	24/10/2025	Sáng		Hoá sinh 3	LT	15	5	5		THS TRÀ	K. KTYH	27 PCT	
23CĐ.XN.15	8	6	24/10/2025	Chiều		Ký sinh trùng 2	TH	30	8	4		Ths.Phước	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CĐ.HS.11	8	2	20/10/2025	Sáng		CS trong phẫu thuật sản phụ khoa	LT	30	5	5		BS CK1 Minh Luân	Khoa Y	P. B3.5	
23CĐ.HS.11	8	2	20/10/2025	Chiều		CS trong phẫu thuật sản phụ khoa	LT	30	10	5		BS CK1 Minh Luân	Khoa Y	P. B3.5	
23CĐ.HS.11	8	3	21/10/2025	Tối		CS trong phẫu thuật sản phụ khoa	LT	30	14	4		BS CK1 Minh Luân	Khoa Y	P. B2.2	
23CĐ.HS.11	8	4	22/10/2025	Tối		CS trong phẫu thuật sản phụ khoa	LT	30	18	4		BS CK1 Minh Luân	Khoa Y	P. B2.2	
23CĐ.HS.11	8	5	23/10/2025	Tối		CS trong phẫu thuật sản phụ khoa	LT	30	22	4		BS CK1 Minh Luân	Khoa Y	P. B2.2	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIẾN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CD.HS.11	8	6	24/10/2025	Sáng		Bệnh lý liên quan đến thai nghén và sinh đẻ	LT	15	5	5		BS CK1 Minh Luân	Khoa Y	P. B3.5	
23CD.HS.11	8	6	24/10/2025	Chiều		CS trong phẫu thuật sản phụ khoa	LT	30	27	5		BS CK1 Minh Luân	Khoa Y	P. B2.2	
23CD.PHR.6	8	2	20/10/2025	Sáng		KT PH Mão sứ, KL	TH	60	36	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CD.PHR.6	8	2	20/10/2025	Sáng		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	36	4	N2	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CD.PHR.6	8	2	20/10/2025	Chiều		KT PH Mão sứ, KL	TH	60	36	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CD.PHR.6	8	2	20/10/2025	Chiều		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	36	4	N1	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CD.PHR.6	8	3	21/10/2025	Sáng		KT PH Mão sứ, KL	TH	60	40	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CD.PHR.6	8	3	21/10/2025	Sáng		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	40	4	N2	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CD.PHR.6	8	3	21/10/2025	Chiều		KT PH Mão sứ, KL	TH	60	40	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CD.PHR.6	8	3	21/10/2025	Chiều		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	40	4	N1	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CD.PHR.6	8	4	22/10/2025	Sáng		KT PH Mão sứ, KL	TH	60	44	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CD.PHR.6	8	4	22/10/2025	Sáng		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	44	4	N2	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CD.PHR.6	8	4	22/10/2025	Chiều		KT PH Mão sứ, KL	TH	60	44	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CD.PHR.6	8	4	22/10/2025	Chiều		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	44	4	N1	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CD.PHR.6	8	5	23/10/2025	Sáng		KT PH Mão sứ, KL	TH	60	48	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CD.PHR.6	8	5	23/10/2025	Sáng		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	48	4	N2	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CD.PHR.6	8	5	23/10/2025	Chiều		KT PH Mão sứ, KL	TH	60	48	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CD.PHR.6	8	5	23/10/2025	Chiều		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	48	4	N1	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CD.PHR.6	8	6	24/10/2025	Sáng		KT PH Mão sứ, KL	TH	60	52	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CD.PHR.6	8	6	24/10/2025	Sáng		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	52	4	N2	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CD.PHR.6	8	6	24/10/2025	Chiều		KT PH Mão sứ, KL	TH	60	52	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CD.PHR.6	8	6	24/10/2025	Chiều		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	52	4	N1	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.PHR.6	8	7	25/10/2025	Sáng		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	56	4	N2	CN. Hợp (mới)	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	8	7	25/10/2025	Chiều		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	56	4	N1	CN. Hợp (mới)	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHCN.6	8	4	22/10/2025	Chiều		BL&VLTL hệ TK - Cơ	TH	60	4	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	8	5	23/10/2025	Sáng		BL&VLTL hệ TK - Cơ	LT	30	20	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	8	6	24/10/2025	Sáng		BL&VLTL hệ TK - Cơ	LT	30	25	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	8	7	25/10/2025	Sáng		BL&VLTL hệ TK - Cơ	TH	60	8	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	8	7	25/10/2025	Chiều		BL&VLTL hệ TK - Cơ	TH	60	12	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.ĐD.19A	8	2	20/10/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Pháp luật	LT	30	15	5		Ths.Dung	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19A	8	4	22/10/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Pháp luật	LT	30	20	5		Ths.Dung	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19A	8	5	23/10/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Pháp luật	LT	30	25	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19B	8	3	21/10/2025	Chiều		Dinh dưỡng - Tiết chế	LT	30	25	5		TS.Thuyền	K. ĐD	P. B2.3	
24CĐ.ĐD.19B	8	5	23/10/2025	Chiều		Dinh dưỡng - Tiết chế	LT	30	30*	5		TS.Thuyền	K. ĐD	P. B2.6	
24CĐ.ĐD.19C	8	2	20/10/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19A	Pháp luật	LT	30	15	5		Ths.Dung	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19C	8	4	22/10/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19A	Pháp luật	LT	30	20	5		Ths.Dung	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19C	8	5	23/10/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19A	Pháp luật	LT	30	25	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ. DU.14A	8	3	21/10/2025	Sáng	24CĐ. DU.14B	Thi TH Dược lý						Ths. Mỹ Hiếu Dsckl. Mai Lan	K. Dược	P. B2.4	
24CĐ. DU.14B	8	3	21/10/2025	Sáng	24CĐ. DU.14A	Thi TH Dược lý						Ths. Mỹ Hiếu Dsckl. Mai Lan	K. Dược	P. B2.4	
24CĐ. DU.14C	8	2	20/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	32	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14C	8	2	20/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	32	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14C	8	3	21/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	36	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14C	8	3	21/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	36	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14C	8	4	22/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	40	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIẾN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.DU.14C	8	4	22/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	40	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ.DU.14C	8	5	23/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	44	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ.DU.14C	8	5	23/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	44	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ.DU.14C	8	6	24/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	48	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ.DU.14C	8	6	24/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	48	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ.DU.14D	8	2	20/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	32	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ.DU.14D	8	2	20/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	28	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ.DU.14D	8	3	21/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	36	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ.DU.14D	8	3	21/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	32	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ.DU.14D	8	4	22/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	40	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ.DU.14D	8	4	22/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	36	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ.DU.14D	8	5	23/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	44	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ.DU.14D	8	5	23/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	40	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ.DU.14D	8	6	24/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	48	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ.DU.14D	8	6	24/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	44	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ.HA.16	8	2	20/10/2025	Sáng		Vật lý tia X-Điện kỹ thuật	LT	30	5	5		CN Hùng	K. KTYH	P.. B3.1	
24CĐ.HA.16	8	3	21/10/2025	Sáng		Vật lý tia X-Điện kỹ thuật	LT	30	10	5		CN Hùng	K. KTYH	P. B2.6	
24CĐ.HA.16	8	4	22/10/2025	Sáng		Vật lý tia X-Điện kỹ thuật	LT	30	15	5		CN Hùng	K. KTYH	P. B2.6	
24CĐ.HA.16	8	5	23/10/2025	Sáng		Vật lý tia X-Điện kỹ thuật	LT	30	20	5		CN Hùng	K. KTYH	P. B2.2	
24CĐ.HA.16	8	6	24/10/2025	Sáng		Vật lý tia X-Điện kỹ thuật	LT	30	25	5		CN Hùng	K. KTYH	P. B2.2	
24CĐ.XN.16	8	2	20/10/2025	Chiều		Giải phẫu bệnh	LT	15	5	5		Ths. BS. Minh Cảnh (GV mời)	Khoa Y	P. B2.4	27 PCT
24CĐ.XN.16	8	3	21/10/2025	Chiều		Giải phẫu bệnh	LT	15	10	5		Ths. BS. Minh Cảnh (GV mời)	Khoa Y	P. B2.4	27 PCT

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.XN.16	8	4	22/10/2025	Chiều		Giải phẫu bệnh	LT	15	15*	5		Ths. BS. Minh Cảnh (GV mời)	Khoa Y	P. B2.4	27 PCT
24CĐ.XN.16	8	5	23/10/2025	Chiều		Giải phẫu bệnh	TH	30	4	4		Ths. BS. Minh Cảnh (GV mời)	Khoa Y	P. B2.4	27 PCT
24CĐ.XN.16	8	6	24/10/2025	Chiều		Giải phẫu bệnh	TH	30	8	4		Ths. BS. Minh Cảnh (GV mời)	Khoa Y	27 PCT	27 PCT
24CĐ.HS.12	8	2	20/10/2025	Sáng		Điều dưỡng Nội khoa	LT	15	5	5		Ths. Nhung	K. ĐD	P.. B3.3	
24CĐ.HS.12	8	3	21/10/2025	Sáng		Điều dưỡng Nội khoa	LT	15	10	5		Ths. Sang	K. ĐD	P. B3.1	
24CĐ.HS.12	8	4	22/10/2025	Sáng		Điều dưỡng Nội khoa	LT	15	15*	5		Ths. Nhung (2 Tiết) Ths. Sang (3 Tiết)	K. ĐD	P. B3.3	
24CĐ.HS.12	8	4	22/10/2025	Chiều		Điều dưỡng Nội khoa	TH	30	4	4		Ths. Nhung	K. ĐD	P. TH	
24CĐ.HS.12	8	5	23/10/2025	Sáng		Điều dưỡng Nội khoa	TH	30	8	4		Ths. Nhung	K. ĐD	P. TH	
24CĐ.HS.12	8	5	23/10/2025	Chiều		Điều dưỡng Nội khoa	TH	30	12	4		Ths. Sang	K. ĐD	P. TH	
24CĐ.HS.12	8	6	24/10/2025	Sáng		Điều dưỡng Ngoại khoa	LT	15	5	5		ThS. Tuyền	K. ĐD	P. B3.3	
24CĐ.HS.12	8	6	24/10/2025	Chiều		Điều dưỡng Nội khoa	TH	30	16	4		Ths. Sang	K. ĐD	P. TH	
24CĐ.PHR.7	8	2	20/10/2025	Sáng		Ghi và tái lập các tương quan	TH	30	30*	2	N1	THS.TRÚC	K. KTYH	27PCT	Tiết 1&2
24CĐ.PHR.7	8	2	20/10/2025	Sáng		Ghi và tái lập các tương quan	TH	30	30*	2	N2	THS.TRÚC	K. KTYH	27PCT	Tiết 3&4
24CĐ.PHR.7	8	2	20/10/2025	Chiều		Thi TH Ghi và tái lập các tương quan	TH				N1&N2	THS.TRÚC CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	8	3	21/10/2025	Sáng		Vật liệu nha khoa	LT	30	20	5		CN.LUÂN	K. KTYH	P. B3.3	
24CĐ.PHR.7	8	4	22/10/2025	Sáng		Vật liệu nha khoa	LT	30	25	5		CN.LUÂN	K. KTYH	P. B2.5	
24CĐ.PHR.7	8	5	23/10/2025	Sáng		Vật liệu nha khoa	LT	30	30*	5		CN.LUÂN	K. KTYH	P. B2.5	
24CĐ.PHCN.7	8	2	20/10/2025	Sáng		Quá trình phát triển con người	LT	15	5	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	8	2	20/10/2025	Chiều		GP chức năng hệ vận động & thần kinh	TH	60	28	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	8	3	21/10/2025	Sáng		Quá trình phát triển con người	LT	15	10	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	8	3	21/10/2025	Chiều		GP chức năng hệ vận động & thần kinh	TH	60	32	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.PHCN.7	8	4	22/10/2025	Sáng		Quá trình phát triển con người	LT	15	15*	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	8	4	22/10/2025	Chiều		GP chức năng hệ vận động & thần kinh	TH	60	36	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	8	5	23/10/2025	Chiều		GP chức năng hệ vận động & thần kinh	TH	60	40	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	8	6	24/10/2025	Chiều		GP chức năng hệ vận động & thần kinh	TH	60	44	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	8	7	25/10/2025	Sáng		GP chức năng hệ vận động & thần kinh	TH	60	48	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	8	7	25/10/2025	Chiều		Quá trình phát triển con người	TH	30	4	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
25CĐ.ĐD.20A	8	2	20/10/2025	Sáng		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	4	4	N2	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20A	8	2	20/10/2025	Sáng		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	4	4	N1	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20A	8	2	20/10/2025	Sáng		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	4	4	N3	Ths. Tuyền	K. ĐD	P. TH ĐD	BS
25CĐ.ĐD.20A	8	4	22/10/2025	Sáng		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	8	4	N1	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20A	8	4	22/10/2025	Sáng		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	8	4	N2	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20A	8	4	22/10/2025	Sáng		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	8	4	N3	Ths. Tuyền	K. ĐD	P. TH ĐD	BS
25CĐ.ĐD.20A	8	5	23/10/2025	Sáng		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	12	4	N1	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20A	8	5	23/10/2025	Sáng		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	12	4	N2	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20A	8	5	23/10/2025	Sáng		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	12	4	N3	Ths. Tuyền	K. ĐD	P. TH ĐD	BS
25CĐ.ĐD.20A	8	6	24/10/2025	Sáng		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	16	4	N1	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20A	8	6	24/10/2025	Sáng		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	16	4	N2	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20A	8	6	24/10/2025	Sáng		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	16	4	N2	Ths. Hương	K. ĐD	P. TH ĐD	BS
25CĐ.ĐD.20B	8	5	23/10/2025	Chiều		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	4	4	N1	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20B	8	5	23/10/2025	Chiều		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	4	4	N2	Ths.Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20B	8	5	23/10/2025	Chiều		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	4	4	N3	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	BS
25CĐ.ĐD.20B	8	6	24/10/2025	Chiều		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	8	4	N1	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.ĐD.20B	8	6	24/10/2025	Chiều		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	8	4	N2	Ths.Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20B	8	6	24/10/2025	Chiều		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	8	4	N3	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	BS
25CĐ.ĐD.20B	8	7	25/10/2025	Sáng		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	12	4	N1	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20B	8	7	25/10/2025	Sáng		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	12	4	N2	Ths.Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20B	8	7	25/10/2025	Sáng		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	12	4	N3	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	BS
25CĐ.ĐD.20B	8	7	25/10/2025	Chiều		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	16	4	N1	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20B	8	7	25/10/2025	Chiều		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	16	4	N2	Ths.Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20B	8	7	25/10/2025	Chiều		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	16	4	N3	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	BS
25CĐ.ĐD.20C	8	2	20/10/2025	Tối		Hóa sinh	TH	30	28	3	N1	THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27 PCT
25CĐ.ĐD.20C	8	3	21/10/2025	Tối		Hóa sinh	TH	30	28	3	N2	THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27 PCT
25CĐ.ĐD.20C	8	4	22/10/2025	Tối		Hóa sinh	TH	30	30*	2	N1	THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27 PCT
25CĐ.ĐD.20C	8	5	23/10/2025	Tối		Hóa sinh	TH	30	30*	2	N2	THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27 PCT
25CĐ.ĐD.20C	8	6	24/10/2025	Sáng		Vi sinh - KST	TH	30	16	4	N1	CN. Nguyệt (GV Môi)	K. KTYH	P. TH	27 PCT
25CĐ.ĐD.20C	8	6	24/10/2025	Tối		Thi TH Hoá sinh					N1&N2	THS TRÀ Ths. QUỲNH	K. KTYH	P. TH	27 PCT
25CĐ.ĐD.20C	8	7	25/10/2025	Sáng		Vi sinh - KST	TH	30	20	4	N1	CN. Nguyệt (GV Môi)	K.KTYH	P. TH	27 PCT
25CĐ.ĐD.20C	8	7	25/10/2025	Chiều		Vi sinh - KST	TH	30	20	4	N2	CN. Nguyệt (GV Môi)	K.KTYH	P. TH	27 PCT
25CĐ. DU.15A	8	2	20/10/2025	Chiều		Tin học	TH	60	40	4	N2	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	8	3	21/10/2025	Chiều		Tin học	TH	60	40	4	N1	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	8	4	22/10/2025	Chiều		Tin học	TH	60	44	4	N2	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	8	5	23/10/2025	Chiều		Tin học	TH	60	44	4	N1	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	8	6	24/10/2025	Chiều		Tin học	TH	60	48	4	N2	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	8	7	25/10/2025	Chiều		Tin học	TH	60	48	4	N1	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ. DU.15B	8	2	20/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	40	4	N1	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	8	3	21/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	40	4	N2	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	8	4	22/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	44	4	N1	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	8	5	23/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	44	4	N2	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	8	6	24/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	48	4	N1	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	8	7	25/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	48	4	N2	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	8	2	20/10/2025	Sáng		GDTC	TH	60	4	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.HA.17	8	3	21/10/2025	Sáng		GDTC	TH	60	8	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.HA.17	8	4	22/10/2025	Sáng		GDTC	TH	60	12	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.HA.17	8	5	23/10/2025	Sáng		GDTC	TH	60	16	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.HA.17	8	6	24/10/2025	Sáng		GDTC	TH	60	20	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.HA.17	8	7	25/10/2025	Sáng	25CĐ.XN.17	Quản lý và tổ chức y tế	LT	30	15	5		ThS Nguyễn Thị Đường	Khoa Y	P. B2.5	GV mời
25CĐ.HA.17	8	7	25/10/2025	Chiều	25CĐ.XN.17	Quản lý và tổ chức y tế	LT	30	20	5		ThS Nguyễn Thị Đường	Khoa Y	P. B2.5	GV mời
25CĐ.XN.17	8	2	20/10/2025	Chiều	MHTC 1	Hoá học	LT	30	5	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.6	
25CĐ.XN.17	8	3	21/10/2025	Chiều	MHTC 1	Hoá học	LT	30	10	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.2	
25CĐ.XN.17	8	4	22/10/2025	Chiều	MHTC 1	Hoá học	LT	30	15	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.6	
25CĐ.XN.17	8	5	23/10/2025	Chiều	MHTC 1	Hoá học	LT	30	20	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.2	
25CĐ.XN.17	8	7	25/10/2025	Sáng	25CĐ.HA.17	Quản lý và tổ chức y tế	LT	30	15	5		ThS Nguyễn Thị Đường	Khoa Y	P. B2.5	GV mời
25CĐ.XN.17	8	7	25/10/2025	Chiều	25CĐ.HA.17	Quản lý và tổ chức y tế	LT	30	20	5		ThS Nguyễn Thị Đường	Khoa Y	P. B2.5	GV mời
25CĐ.HS.13	8	7	25/10/2025	Sáng		Vi sinh - KST	TH	30	30	4		CN.Việt	K.KTYH	27PCT	
25CĐ.HS.13	8	7	25/10/2025	Chiều		Thi TH Vi sinh - KST						CN.Việt; Ths. Đức	K.KTYH	27PCT	
25CĐ.PHR.8	8	2	20/10/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	TH	30	4	4	N1	CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.PHR.8	8	2	20/10/2025	Chiều		GDTC	TH	60	24	4		Th.s Thanh Hùng	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.PHR.8	8	3	21/10/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	TH	30	4	4	N2	CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHR.8	8	3	21/10/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	TH	30	4	4	N3	Ths. Bs. Khánh Nga	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHR.8	8	4	22/10/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	TH	30	8	4	N1	CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHR.8	8	4	22/10/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	TH	30	8	4	N2	Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHR.8	8	5	23/10/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	TH	30	8	4	N3	Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHR.8	8	4	22/10/2025	Chiều		GDTC	TH	60	28	4		Ths. Thanh Hùng	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.PHR.8	8	5	23/10/2025	Chiều		GDTC	TH	60	32	4		Ths. Thanh Hùng	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.PHR.8	8	6	24/10/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	TH	30	12	4	N1	Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHR.8	8	6	24/10/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	TH	30	12	4	N2	CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHR.8	8	6	24/10/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	TH	30	10	2	N3	Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHCN.8	8	2	20/10/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	Giải phẫu	TH	30	4	4	N1	CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHCN.8	8	2	20/10/2025	Chiều		GDTC	TH	60	24	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.PHCN.8	8	3	21/10/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	Giải phẫu	TH	30	4	4	N2	Ths. Bs. Khánh Nga	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHCN.8	8	3	21/10/2025	Chiều	25CĐ.PHR.8	Giải phẫu	TH	30	4	4	N3	Ths. Bs. Khánh Nga	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHCN.8	8	4	22/10/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	Giải phẫu	TH	30	8	4	N1	CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHCN.8	8	4	22/10/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	Giải phẫu	TH	30	8	4	N2	Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHCN.8	8	5	23/10/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	Giải phẫu	TH	30	8	4	N3	Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHCN.8	8	4	22/10/2025	Chiều		GDTC	TH	60	28	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.PHCN.8	8	5	23/10/2025	Chiều		GDTC	TH	60	32	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.PHCN.8	8	6	24/10/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	Giải phẫu	TH	30	12	4	N1	Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHCN.8	8	6	24/10/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	Giải phẫu	TH	30	12	4	N2	CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CD.PHCN.8	8	6	24/10/2025	Chiều	25CD.PHR.8	Giải phẫu	TH	30	10	2	N3	Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. TH	
24TC.YS.33	8	2	20/10/2025	Sáng		Dinh dưỡng, Vệ sinh ATTP	LT	15	5	5		ThS. Đình Hải	Khoa Y	P. B2.6	
24TC.YS.33	8	2	20/10/2025	Chiều		Y học cổ truyền	TH	30	16	4		Ths Huyền	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YS.33	8	3	21/10/2025	Sáng		Dinh dưỡng, Vệ sinh ATTP	LT	15	10	5		ThS. Đình Hải	Khoa Y	P. B2.3	
24TC.YS.33	8	3	21/10/2025	Chiều		Y học cổ truyền	TH	30	20	4		Ths Huyền	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YS.33	8	4	22/10/2025	Sáng		Dinh dưỡng, Vệ sinh ATTP	LT	15	15	5		ThS. Đình Hải	Khoa Y	P. B2.3	
24TC.YS.33	8	4	22/10/2025	Chiều		Y học cổ truyền	TH	30	24	4		Ths Huyền	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YS.33	8	5	23/10/2025	Sáng		Dinh dưỡng, Vệ sinh ATTP	LT	30	20	5		ThS. Đình Hải	Khoa Y	P. B2.6	
24TC.YS.33	8	5	23/10/2025	Chiều		Y học cổ truyền	TH	30	28	4		Ths Huyền	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YS.33	8	6	24/10/2025	Sáng		Sức khỏe trẻ em	LT	60	20	5		Bs.Ck2. Tú Anh (Mời)	Khoa Y	P. B2.6	
24TC.YS.33	8	6	24/10/2025	Chiều		Y học cổ truyền	TH	30	30	4		BS Phúc	Khoa Y	2.13	27 PCT
24TC.YS.33	8	7	25/10/2025	Sáng		Sức khỏe trẻ em	LT	60	25	5		Bs.Ck2. Tú Anh (Mời)	Khoa Y	P. B2.6	
24TC.YS.33	8	7	25/10/2025	Chiều		Sức khỏe trẻ em	LT	60	30	5		BS. Ý Nhi (Mời)	Khoa Y	P. B2.6	
24TC.YHCT.13	8	2	20/10/2025	Sáng		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	5	5		BS Phúc	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
24TC.YHCT.13	8	2	20/10/2025	Chiều		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	9	4		BS Phúc	Khoa Y		
24TC.YHCT.13	8	3	21/10/2025	Sáng		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	14	5		BS Phúc	Khoa Y		
24TC.YHCT.13	8	3	21/10/2025	Chiều		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	18	4		BS Phúc	Khoa Y		
24TC.YHCT.13	8	4	22/10/2025	Sáng		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	23	5		BS Phúc	Khoa Y		
24TC.YHCT.13	8	4	22/10/2025	Chiều		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	27	4		BS Phúc	Khoa Y		
24TC.YHCT.13	8	5	23/10/2025	Sáng		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	32	5		BS Phúc	Khoa Y		
24TC.YHCT.13	8	5	23/10/2025	Chiều		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	36	4		BS Phúc	Khoa Y		
24TC.YHCT.13	8	6	24/10/2025	Sáng		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	41	5		BS Phúc	Khoa Y		

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/TTLS	TỔNG SỐ	TIẾN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24TC.YHCT.13	8	6	24/10/2025	Chiều		THỰC TẬP CHÂM CỨU	TTLS	135	45	4		BS Phúc	Khoa Y		
25TC.YS.34	8	2	20/10/2025	Chiều		Giải phẫu - Sinh lý	LT	60	20	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.2	
25TC.YS.34	8	3	21/10/2025	Chiều		Giải phẫu - Sinh lý	LT	60	25	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.6	
25TC.YS.34	8	4	22/10/2025	Sáng		Giải phẫu - Sinh lý	TH	30	4	4		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25TC.YS.34	8	4	22/10/2025	Tối	25TC.YHCT.14	Vi sinh - KST	LT	30	14	4		Ths.Hương (mời)	K. KTYH	P. 1.2	27 PCT
25TC.YS.34	8	5	23/10/2025	Tối	25TC.YHCT.14	Vi sinh - KST	LT	30	18	4		Ths.Hương (mời)	K. KTYH	P. 1.2	27 PCT
25TC.YS.34	8	6	24/10/2025	Tối	25TC.YHCT.14	Vi sinh - KST	LT	30	22	4		Ths.Hương (mời)	K. KTYH	P. 1.2	27 PCT
25TC.YS.34	8	7	25/10/2025	Sáng	25TC.YHCT.14	Vi sinh - KST	LT	30	27	5		Ths.Hương (mời)	K. KTYH	P. B3.1	
25TC.YS.34	8	7	25/10/2025	Chiều	25TC.YHCT.14	Vi sinh - KST	LT	30	30*	3		Ths.Hương (mời)	K. KTYH	P. B3.1	
25TC.YHCT.14	8	3	21/10/2025	Sáng		Giải phẫu - Sinh lý	LT	45	15	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.5	
25TC.YHCT.14	8	3	21/10/2025	Chiều		Giải phẫu - Sinh lý	LT	45	20	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.5	
25TC.YHCT.14	8	4	22/10/2025	Tối	25TC.YS.34	Vi sinh - KST	LT	30	14	4		Ths.Hương (mời)	K. KTYH	P. 1.2	27 PCT
25TC.YHCT.14	8	5	23/10/2025	Tối	25TC.YS.34	Vi sinh - KST	LT	30	18	4		Ths.Hương (mời)	K. KTYH	P. 1.2	27 PCT
25TC.YHCT.14	8	5	23/10/2025	Sáng		Giải phẫu - Sinh lý	TH	30	4	4		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25TC.YHCT.14	8	6	24/10/2025	Sáng		Giải phẫu - Sinh lý	TH	30	8	4		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25TC.YHCT.14	8	6	24/10/2025	Tối	25TC.YS.34	Vi sinh - KST	LT	30	22	4		Ths.Hương (mời)	K. KTYH	P. 1.2	27 PCT
25TC.YHCT.14	8	7	25/10/2025	Sáng	25TC.YS.34	Vi sinh - KST	LT	30	27	5		Ths.Hương (mời)	K. KTYH	P. B3.1	
25TC.YHCT.14	8	7	25/10/2025	Chiều	25TC.YS.34	Vi sinh - KST	LT	30	30*	3		Ths.Hương (mời)	K. KTYH	P. B3.1	
23CĐ.DD.18A	9	2	27/10/2025	Sáng		Thực hành dựa trên bằng chứng	TH	30	4	4		Ths.Chi	K. ĐD	P. B2.5	
23CĐ.DD.18A	9	2	27/10/2025	Chiều		CSSK PN, BM, Gia đình	TH	30	16	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.6	
23CĐ.DD.18A	9	3	28/10/2025	Sáng		CSSK PN, BM, Gia đình	TH	30	20	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.3	
23CĐ.DD.18A	9	3	28/10/2025	Chiều		Thực hành dựa trên bằng chứng	TH	30	8	4		Ths.Chi	K. ĐD	P. B2.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DD.18A	9	4	29/10/2025	Sáng		Thực hành dựa trên bằng chứng	TH	30	12	4		Ths.Chi	K. ĐD	P. B2.3	
23CĐ.DD.18A	9	4	29/10/2025	Chiều		CSSK PN, BM, Gia đình	TH	30	24	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.3	
23CĐ.DD.18A	9	5	30/10/2025	Sáng		CSSK PN, BM, Gia đình	TH	30	28	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.3	
23CĐ.DD.18A	9	5	30/10/2025	Chiều		Thực hành dựa trên bằng chứng	TH	30	16	4		Ths.Chi	K. ĐD	P. B2.4	
23CĐ.DD.18A	9	6	31/10/2025	Sáng		Thực hành dựa trên bằng chứng	TH	30	20	4		Ths.Chi	K. ĐD	P. B2.3	
23CĐ.DD.18B	9	2	27/10/2025	Sáng		CSSK PN, BM, Gia đình	TH	30	16	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.5	
23CĐ.DD.18B	9	2	27/10/2025	Chiều		Thực hành dựa trên bằng chứng	TH	30	4	4		Ths.Tramg	K. ĐD	P. B2.3	
23CĐ.DD.18B	9	3	28/10/2025	Sáng		Thực hành dựa trên bằng chứng	TH	30	8	4		Ths.Tramg	K. ĐD	P. B2.3	
23CĐ.DD.18B	9	3	28/10/2025	Chiều		CSSK PN, BM, Gia đình	TH	30	20	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.3	
23CĐ.DD.18B	9	4	29/10/2025	Sáng		CSSK PN, BM, Gia đình	TH	30	24	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.3	
23CĐ.DD.18B	9	4	29/10/2025	Chiều		Thực hành dựa trên bằng chứng	TH	30	12	4		Ths.Tramg	K. ĐD	P. B2.3	
23CĐ.DD.18B	9	5	30/10/2025	Sáng		Thực hành dựa trên bằng chứng	TH	30	16	4		Ths.Tramg	K. ĐD	P. B2.3	
23CĐ.DD.18B	9	5	30/10/2025	Chiều		CSSK PN, BM, Gia đình	TH	30	28	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.3	
23CĐ.DD.18B	9	6	31/10/2025	Chiều		Thực hành dựa trên bằng chứng	TH	30	20	4		Ths.Tramg	K. ĐD	P. B2.3	
23CĐ.DU.13A	9	2	27/10/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	LT	30	5	5		Dsck1. Quảng	K. Dược	P. B2.5	
23CĐ.DU.13A	9	3	28/10/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	LT	30	10	5		Dsck1. Quảng	K. Dược	P. B2.6	
23CĐ.DU.13A	9	4	29/10/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	LT	30	15	5		Dsck1. Quảng	K. Dược	P. B2.5	
23CĐ.DU.13A	9	5	30/10/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	LT	30	20	5		Dsck1. Quảng	K. Dược	P. B2.5	
23CĐ.DU.13A	9	6	31/10/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	LT	30	25	5		Dsck1. Quảng	K. Dược	P. B3.1	
23CĐ.DU.13A	9	7	01/11/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	LT	30	30*	5		Dsck1. Quảng	K. Dược	P. B2.1	
23CĐ.DU.13B	9	2	27/10/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	60*	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13B	9	4	29/10/2025	Sáng		Thi TH Kiểm nghiệm					N1&N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DU.13B	9	5	30/10/2025	Chiều	23CĐ.DU.13C	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	5	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.1	
23CĐ.DU.13B	9	6	31/10/2025	Chiều	23CĐ.DU.13C	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	10	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.1	
23CĐ.DU.13C	9	3	28/10/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	60*	4	N1	Dsck1.Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13C	9	3	28/10/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	60*	4	N2	Ds Trinh (Gv mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13C	9	5	30/10/2025	Sáng		Thi TH Kiểm nghiệm					N1&N2	Dsck1.Quảng Ds Trinh	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13C	9	5	30/10/2025	Chiều	23CĐ.DU.13B	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	5	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.1	
23CĐ.DU.13C	9	6	31/10/2025	Chiều	23CĐ.DU.13B	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	10	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.1	
23CĐ.DU.13D	9	2	27/10/2025	Sáng		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	5	5		Ds. CK1. Tổ Vy	Khoa Dược		BV Ung Bướu KH (Tiết 1&2)
23CĐ.DU.13D	9	2	27/10/2025	Chiều		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	9	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13D	9	3	28/10/2025	Sáng		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	14	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13D	9	3	28/10/2025	Chiều		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	18	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13D	9	4	29/10/2025	Sáng		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	23	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13D	9	4	29/10/2025	Chiều		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	27	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13D	9	5	30/10/2025	Sáng		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	32	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13D	9	5	30/10/2025	Chiều		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	36	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13D	9	6	31/10/2025	Sáng		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	41	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13D	9	6	31/10/2025	Chiều		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	45	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13E	9	2	27/10/2025	Sáng		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	5	5		Ds. Tiến Dũng	Khoa Dược		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.DU.13E	9	2	27/10/2025	Chiều		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	9	4			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13E	9	3	28/10/2025	Sáng		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	14	5			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13E	9	3	28/10/2025	Chiều		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	18	4			Khoa Dược		

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIẾN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DU.13E	9	4	29/10/2025	Sáng		DUỘC LÂM SÀNG	TTLS	135	23	5			Khoa Dược		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.DU.13E	9	4	29/10/2025	Chiều		DUỘC LÂM SÀNG	TTLS	135	27	4			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13E	9	5	30/10/2025	Sáng		DUỘC LÂM SÀNG	TTLS	135	32	5			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13E	9	5	30/10/2025	Chiều		DUỘC LÂM SÀNG	TTLS	135	36	4			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13E	9	6	31/10/2025	Sáng		DUỘC LÂM SÀNG	TTLS	135	41	5			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13E	9	6	31/10/2025	Chiều		DUỘC LÂM SÀNG	TTLS	135	45	4			Khoa Dược		
23CĐ.HA.15	9	2	27/10/2025	Sáng		KT CHỤP CLĐT VÀ CHTHON	TTLS	45	5	5		Bs Hiếu	K. KTYH		BV ĐK Khánh Hoà
23CĐ.HA.15	9	2	27/10/2025	Chiều		KT CHỤP CLĐT VÀ CHTHON	TTLS	45	9	4		Bs Hiếu	K. KTYH		BV ĐK Khánh Hoà
23CĐ.HA.15	9	3	28/10/2025	Sáng		KT CHỤP CLĐT VÀ CHTHON	TTLS	45	14	5		Bs Hiếu	K. KTYH		BV ĐK Khánh Hoà
23CĐ.HA.15	9	3	28/10/2025	Chiều		KT CHỤP CLĐT VÀ CHTHON	TTLS	45	18	4		Bs Hiếu	K. KTYH		BV ĐK Khánh Hoà
23CĐ.HA.15	9	4	29/10/2025	Sáng		KT CHỤP CLĐT VÀ CHTHON	TTLS	45	23	5		Bs Hiếu	K. KTYH		BV ĐK Khánh Hoà
23CĐ.HA.15	9	4	29/10/2025	Chiều		KT CHỤP CLĐT VÀ CHTHON	TTLS	45	27	4		Bs Hiếu	K. KTYH		BV ĐK Khánh Hoà
23CĐ.HA.15	9	5	30/10/2025	Sáng		KT CHỤP CLĐT VÀ CHTHON	TTLS	45	32	5		Bs Hiếu	K. KTYH		BV ĐK Khánh Hoà
23CĐ.HA.15	9	5	30/10/2025	Chiều		KT CHỤP CLĐT VÀ CHTHON	TTLS	45	36	4		Bs Hiếu	K. KTYH		BV ĐK Khánh Hoà
23CĐ.HA.15	9	6	31/10/2025	Sáng		KT CHỤP CLĐT VÀ CHTHON	TTLS	45	41	5		Bs Hiếu	K. KTYH		BV ĐK Khánh Hoà
23CĐ.HA.15	9	6	31/10/2025	Chiều		KT CHỤP CLĐT VÀ CHTHON	TTLS	45	45	4		Bs Hiếu	K. KTYH		BV ĐK Khánh Hoà
23CĐ.XN.15	9	2	27/10/2025	Sáng		Hoá sinh 3	LT	15	10	5		THS TRÀ	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.XN.15	9	2	27/10/2025	Chiều		Ký sinh trùng 2	TH	30	12	4		Ths.Phước	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CĐ.XN.15	9	3	28/10/2025	Sáng		Hoá sinh 3	LT	15	15*	5		THS TRÀ	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.XN.15	9	3	28/10/2025	Chiều		Ký sinh trùng 2	TH	30	16	4		Ths.Phước	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CĐ.XN.15	9	4	29/10/2025	Sáng		Ký sinh trùng 2	TH	30	20	4		Ths.Phước	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CĐ.XN.15	9	4	29/10/2025	Chiều		Ký sinh trùng 2	TH	30	24	4		Ths.Phước	K. KTYH	P. TH	27 PCT

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.XN.15	9	5	30/10/2025	Sáng		Hoá sinh 3	TH	60	4	4		THS TRÀ	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.XN.15	9	5	30/10/2025	Chiều		Hoá sinh 3	TH	60	8	4		THS TRÀ	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.XN.15	9	6	31/10/2025	Sáng		Ký sinh trùng 2	TH	30	28	4		Ths.Phước	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CĐ.XN.15	9	6	31/10/2025	Chiều		Ký sinh trùng 2	TH	30	30*	2		Ths.Phước	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CĐ.HS.11	9	2	27/10/2025	Sáng		Bệnh lý liên quan đến thai nghén và sinh đẻ	LT	15	10	5		BS CK1 Minh Luân	Khoa Y	P. B3.3	
23CĐ.HS.11	9	2	27/10/2025	Chiều		Bệnh lý liên quan đến thai nghén và sinh đẻ	LT	15	15*	5		BS CK1 Minh Luân	Khoa Y	P. B3.3	
23CĐ.HS.11	9	3	28/10/2025	Tối		CS trong phẫu thuật sản phụ khoa	LT	30	30*	3		BS CK1 Minh Luân	Khoa Y	P. B2.2	
23CĐ.PHR.6	9	2	27/10/2025	Sáng		KT PH Mão sứ, KL	TH	60	56	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	9	2	27/10/2025	Sáng		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	60*	4	N2	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	9	2	27/10/2025	Chiều		KT PH Mão sứ, KL	TH	60	56	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	9	2	27/10/2025	Chiều		KT PH Cầu sứ, KL	TH	60	60*	4	N1	CN. Hợp (mời)	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	9	3	28/10/2025	Sáng		KT PH Mão sứ, KL	TH	60	60*	4	N1	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	9	3	28/10/2025	Chiều		KT PH Mão sứ, KL	TH	60	60*	4	N2	CN.Anh	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	9	4	29/10/2025	Sáng		Thi KT PH Cầu sứ, KL	TH				N1&N2	Ths.Trúc, CN.Luân	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHCN.6	9	2	27/10/2025	Chiều		BL&VLTL hệ TK - Cơ	TH	60	16	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
23CĐ.PHCN.6	9	3	28/10/2025	Chiều		BL&VLTL hệ TK - Cơ	TH	60	20	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	9	4	29/10/2025	Sáng		BL&VLTL hệ TK - Cơ	TH	60	24	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	9	5	30/10/2025	Chiều		BL&VLTL hệ TK - Cơ	LT	30	30*	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	9	6	31/10/2025	Sáng		BL&VLTL hệ Da-Tiêu hoá-Sinh dục	LT	15	5	5		ThS. Vân	Khoa Y	P. 2.11	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	9	7	01/11/2025	Sáng		BL&VLTL hệ TK - Cơ	TH	60	28	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P. 2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.ĐD.19A	9	3	28/10/2025	Chiều	24CĐ.ĐD.19C	Pháp luật	LT	30	30*	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19B	9	2	27/10/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	LT	30	5	5		CN. Ngọc Diên	K. KHCB	P. B2.6	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.ĐD.19B	9	3	28/10/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	LT	30	10	5		CN. Ngọc Diên	K. KHCB	P. B2.2	
24CĐ.ĐD.19B	9	4	29/10/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	LT	30	15	5		CN. Ngọc Diên	K. KHCB	P. B2.6	
24CĐ.ĐD.19B	9	5	30/10/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	LT	30	20	5		CN. Ngọc Diên	K. KHCB	P. B2.2	
24CĐ.ĐD.19B	9	6	31/10/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	LT	30	25	5		CN. Ngọc Diên	K. KHCB	P. B2.2	
24CĐ.ĐD.19C	9	3	28/10/2025	Chiều	24CĐ.ĐD.19A	Pháp luật	LT	30	30*	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ. DU.14A	9	2	27/10/2025	Sáng	24CĐ. DU.14B	Hóa phân tích	LT	30	5	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.4	
24CĐ. DU.14A	9	3	28/10/2025	Sáng	24CĐ. DU.14B	Hóa phân tích	LT	30	10	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ. DU.14A	9	4	29/10/2025	Sáng	24CĐ. DU.14B	Hóa phân tích	LT	30	15	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ. DU.14A	9	5	30/10/2025	Sáng	24CĐ. DU.14B	Hóa phân tích	LT	30	20	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ. DU.14A	9	6	31/10/2025	Sáng	24CĐ. DU.14B	Hóa phân tích	LT	30	25	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ. DU.14A	9	6	31/10/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	4	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14B	9	2	27/10/2025	Sáng	24CĐ. DU.14A	Hóa phân tích	LT	30	5	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.4	
24CĐ. DU.14B	9	3	28/10/2025	Sáng	24CĐ. DU.14A	Hóa phân tích	LT	30	10	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ. DU.14B	9	4	29/10/2025	Sáng	24CĐ. DU.14A	Hóa phân tích	LT	30	15	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ. DU.14B	9	4	29/10/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	4	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14B	9	5	30/10/2025	Sáng	24CĐ. DU.14A	Hóa phân tích	LT	30	20	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ. DU.14B	9	5	30/10/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	4	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14B	9	6	31/10/2025	Sáng	24CĐ. DU.14A	Hóa phân tích	LT	30	25	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.1	
24CĐ. DU.14C	9	2	27/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	50	2	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	Tiết 3&4
24CĐ. DU.14C	9	2	27/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	52	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14C	9	2	27/10/2025	Tối		Dược liệu	TH	60	52	2	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14C	9	3	28/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	56	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ. DU.14C	9	3	28/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	56	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14C	9	4	29/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	60	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14C	9	4	29/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	60	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14C	9	5	30/10/2025	Sáng		Thi TH Dược liệu					N1&N2	Ds. Đoàn Dung Dsc1. Tổ Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14D	9	2	27/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	52	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14D	9	2	27/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	48	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14D	9	3	28/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	56	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14D	9	3	28/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	52	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14D	9	4	29/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	60	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14D	9	4	29/10/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	56	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14D	9	5	30/10/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	60*	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14D	9	5	30/10/2025	Chiều		Thi TH Dược liệu					N1&N2	Ds. Đoàn Dung Dsc1. Tổ Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ.HA.16	9	2	27/10/2025	Sáng		Vật lý tia X-Điện kỹ thuật	LT	30	30*	5		CN Hùng	K. KTYH	P. B2.6	
24CĐ.HA.16	9	2	27/10/2025	Chiều		Vật lý tia X-Điện kỹ thuật	TH	30	4	4		CN Hùng	K. KTYH	P. TH	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.HA.16	9	3	28/10/2025	Sáng		Kỹ thuật phòng tối	LT	15	5	5		CN Hùng	K. KTYH	P. B2.2	
24CĐ.HA.16	9	3	28/10/2025	Chiều		Vật lý tia X-Điện kỹ thuật	TH	30	8	4		CN Hùng	K. KTYH	P. TH	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.HA.16	9	4	29/10/2025	Sáng		Kỹ thuật phòng tối	LT	15	10	5		CN Hùng	K. KTYH	P. B2.2	
24CĐ.HA.16	9	5	30/10/2025	Sáng		Kỹ thuật phòng tối	LT	15	15*	5		CN Hùng	K. KTYH	P. B2.2	
24CĐ.HA.16	9	6	31/10/2025	Sáng		Vật lý tia X-Điện kỹ thuật	TH	30	12	4		CN Hùng	K. KTYH	P. TH	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.HA.16	9	6	31/10/2025	Chiều		Vật lý tia X-Điện kỹ thuật	TH	30	16	4		CN Hùng	K. KTYH	P. TH	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.HA.16	9	7	31/10/2025	Sáng		Vật lý tia X-Điện kỹ thuật	TH	30	20	4		CN Hùng	K. KTYH	P. TH	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.HA.16	9	7	31/10/2025	Chiều		Vật lý tia X-Điện kỹ thuật	TH	30	24	4		CN Hùng	K. KTYH	P. TH	27 Phan Chu Trinh

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.XN.16	9	2	27/10/2025	Sáng		Vi sinh 1	LT	15	5	5		Ths Quỳnh	K. KTYH	27 PCT	
24CĐ.XN.16	9	2	27/10/2025	Chiều		Giải phẫu bệnh	TH	30	12	4		ThS. Bs. Minh Cảnh (GV Mời)	Khoa Y	P. B2.4	27 PCT
24CĐ.XN.16	9	3	28/10/2025	Sáng		Vi sinh 1	LT	15	10	5		Ths Quỳnh	K. KTYH	27 PCT	
24CĐ.XN.16	9	3	28/10/2025	Chiều		Giải phẫu bệnh	TH	30	16	4		ThS. Bs. Minh Cảnh (GV Mời)	Khoa Y	P. B2.4	27 PCT
24CĐ.XN.16	9	4	29/10/2025	Sáng		Vi sinh 1	LT	15	15*	5		Ths Quỳnh	K. KTYH	27 PCT	
24CĐ.XN.16	9	4	29/10/2025	Chiều		Giải phẫu bệnh	TH	30	20	4		ThS. Bs. Minh Cảnh (GV Mời)	Khoa Y	P. B2.4	27 PCT
24CĐ.XN.16	9	5	30/10/2025	Sáng		Vi sinh 1	TH	30	4	4		Ths Quỳnh	K. KTYH	27 PCT	
24CĐ.XN.16	9	5	30/10/2025	Chiều		Giải phẫu bệnh	TH	30	24	4		ThS. Bs. Minh Cảnh (GV Mời)	Khoa Y	P. B2.4	27 PCT
24CĐ.XN.16	9	6	31/10/2025	Sáng		Vi sinh 1	TH	30	8	4		Ths Quỳnh	K. KTYH	27 PCT	
24CĐ.XN.16	9	6	31/10/2025	Chiều		Giải phẫu bệnh	TH	30	28	4		ThS. Bs. Minh Cảnh (GV Mời)	Khoa Y	P. B2.4	27 PCT
24CĐ.HS.12	9	2	27/10/2025	Sáng		Điều dưỡng Ngoại khoa	LT	15	10	5		ThS. Mỹ	K. ĐD	P. B2.2	
24CĐ.HS.12	9	2	27/10/2025	Chiều		Điều dưỡng Nội khoa	TH	30	20	4		Ths. Sang	K. ĐD	P. TH	
24CĐ.HS.12	9	3	28/10/2025	Sáng		Điều dưỡng Ngoại khoa	LT	15	15*	5		ThS. Tuyền	K. ĐD	P. B2.6	
24CĐ.HS.12	9	3	28/10/2025	Chiều		Điều dưỡng Nội khoa	TH	30	24	4		Ths. Nhung	K. ĐD	P. TH	
24CĐ.HS.12	9	4	29/10/2025	Sáng		Điều dưỡng Ngoại khoa	TH	30	4	4		ThS. Tuyền	K. ĐD	P. TH	
24CĐ.HS.12	9	4	29/10/2025	Chiều		Điều dưỡng Nội khoa	TH	30	28	4		Ths. Nhung	K. ĐD	P. TH	
24CĐ.HS.12	9	5	30/10/2025	Sáng		Điều dưỡng Ngoại khoa	TH	30	8	4		ThS. Tuyền	K. ĐD	P. TH	
24CĐ.HS.12	9	5	30/10/2025	Chiều		Điều dưỡng Nội khoa	TH	30	30*	2		Ths. Sang	K. ĐD	P. TH	
24CĐ.HS.12	9	6	31/10/2025	Sáng		Dược lý	LT	30	5	5		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.2	
24CĐ.HS.12	9	6	31/10/2025	Chiều		Thi TH Điều dưỡng Nội khoa						Ths. Nhung Ths. Sang	K. ĐD	P. TH	
24CĐ.PHR.7	9	4	29/10/2025	Sáng		Tạo mẫu & KT sáp	LT	15	5	5		CN.ANH	K. KTYH	P. B2.5	
24CĐ.PHR.7	9	4	29/10/2025	Chiều		Tạo mẫu & KT sáp	TH	30	4	4	N1	CN.ANH	K. KTYH	27PCT	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.PHCN.7	9	2	27/10/2025	Sáng		GP chức năng hệ vận động & thần kinh	TH	60	52	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	9	3	28/10/2025	Sáng		GP chức năng hệ vận động & thần kinh	TH	60	56	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	9	3	28/10/2025	Chiều		Quá trình phát triển con người	TH	30	8	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	9	4	29/10/2025	Sáng		GP chức năng hệ vận động & thần kinh	TH	60	60*	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	9	5	30/10/2025	Sáng		Quá trình phát triển con người	TH	30	12	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
25CĐ.ĐD.20A	9	2	27/10/2025	Sáng		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	20	4	N1	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20A	9	2	27/10/2025	Sáng		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	20	4	N2	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20A	9	2	27/10/2025	Sáng		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	20	4	N3	Ths. Tuyền	K. ĐD	P. TH ĐD	BS
25CĐ.ĐD.20A	9	3	28/10/2025	Chiều		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	24	4	N1	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20A	9	3	28/10/2025	Chiều		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	24	4	N2	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20A	9	3	28/10/2025	Chiều		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	24	4	N3	Ths. Hương	K. ĐD	P. TH ĐD	BS
25CĐ.ĐD.20A	9	4	29/10/2025	Chiều		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	28	4	N1	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20A	9	4	29/10/2025	Chiều		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	28	4	N2	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20A	9	4	29/10/2025	Chiều		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	28	4	N3	Ths. Hương	K. ĐD	P. TH ĐD	BS
25CĐ.ĐD.20A	9	5	30/10/2025	Sáng		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	30*	2	N1	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20A	9	5	30/10/2025	Sáng		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	30*	2	N2	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20A	9	5	30/10/2025	Sáng		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	30*	2	N3	Ths. Hương	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20A	9	6	31/10/2025	Chiều		Thi TH Giáo tiếp và TH Điều dưỡng					N1, N2	Ths.Dương Ths.T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20A	9	6	31/10/2025	Chiều		Thi TH Giáo tiếp và TH Điều dưỡng					N3	Ths.Hương Ths.Tuyền	K. ĐD	P. TH ĐD	BS
25CĐ.ĐD.20B	9	2	27/10/2025	Chiều		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	20	4	N1	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20B	9	2	27/10/2025	Chiều		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	20	4	N2	Ths. Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20B	9	2	27/10/2025	Chiều		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	20	4	N3	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	BS

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.ĐD.20B	9	3	28/10/2025	Sáng		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	24	4	N1	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20B	9	3	28/10/2025	Sáng		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	24	4	N2	Ths. Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20B	9	3	28/10/2025	Sáng		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	24	4	N3	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	BS
25CĐ.ĐD.20B	9	4	29/10/2025	Sáng		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	28	4	N1	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20B	9	4	29/10/2025	Sáng		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	28	4	N2	Ths. Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20B	9	4	29/10/2025	Sáng		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	28	4	N3	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	BS
25CĐ.ĐD.20B	9	5	30/10/2025	Chiều		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	30*	2	N1	Ths. T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	Tiết 1&2
25CĐ.ĐD.20B	9	5	30/10/2025	Chiều		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	30*	2	N2	Ths. Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	Tiết 1&2
25CĐ.ĐD.20B	9	5	30/10/2025	Chiều		Giáo tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	30*	2	N3	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	BS
25CĐ.ĐD.20B	9	6	31/10/2025	Sáng		Thi TH Giáo tiếp và TH Điều dưỡng					N1&N2	Ths.Nhung Ths.T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20B	9	6	31/10/2025	Sáng		Thi TH Giáo tiếp và TH Điều dưỡng					N3	Ths. Sang ThS. Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	BS
25CĐ.ĐD.20C	9	3	28/10/2025	Sáng		Vi sinh - KST	TH	30	24	4	N1	CN. Nguyệt (GV Môi)	K.KTYH	P. TH	27 PCT
25CĐ.ĐD.20C	9	3	28/10/2025	Chiều		Vi sinh - KST	TH	30	24	4	N2	CN. Nguyệt (GV Môi)	K.KTYH	P. TH	27 PCT
25CĐ.ĐD.20C	9	7	01/11/2025	Sáng		Vi sinh - KST	TH	30	28	4	N1	CN. Nguyệt (GV Môi)	K.KTYH	P. TH	27 PCT
25CĐ.ĐD.20C	9	7	01/11/2025	Chiều		Vi sinh - KST	TH	30	28	4	N2	CN. Nguyệt (GV Môi)	K.KTYH	P. TH	27 PCT
25CĐ. DU.15A	9	2	27/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	52	4	N2	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	9	3	28/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	56	4	N1	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	9	4	29/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	56	4	N2	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	9	5	30/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	60*	4	N1	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	9	6	31/10/2025	Sáng		Tin học	TH	60	60*	4	N2	Ths. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	9	2	27/10/2025	Chiều		Tin học	TH	60	56	4	N1	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	9	3	28/10/2025	Chiều		Tin học	TH	60	56	4	N2	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIẾN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ. DU.15B	9	4	29/10/2025	Chiều		Tin học	TH	60	60	4	N1	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	9	5	30/10/2025	Chiều		Tin học	TH	60	60	4	N2	Ths. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	9	7	01/11/2025	Sáng		Tin học	TH	60	4	4	N3	ThS. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	9	7	01/11/2025	Chiều		Tin học	TH	60	8	4	N3	ThS. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	9	2	27/10/2025	Sáng		GDTC	TH	60	24	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.HA.17	9	3	28/10/2025	Sáng		GDTC	TH	60	28	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.HA.17	9	4	29/10/2025	Sáng		GDTC	TH	60	32	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.HA.17	9	5	30/10/2025	Sáng		GDTC	TH	60	36	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.HA.17	9	6	31/10/2025	Sáng		GDTC	TH	60	40	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.HA.17	9	6	31/10/2025	Tối	25CĐ.XN.17	Quản lý và tổ chức y tế	LT	30	23	3		ThS Nguyễn Thị Đường	Khoa Y	P.B2.4	GV mời
25CĐ.HA.17	9	7	01/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17	Quản lý và tổ chức y tế	LT	30	28	5		ThS Nguyễn Thị Đường	Khoa Y	P.B2.1	GV mời
25CĐ.HA.17	9	7	01/11/2025	Tối	25CĐ.XN.17	Quản lý và tổ chức y tế	LT	30	30*	2		ThS Nguyễn Thị Đường	Khoa Y	P.B2.4	GV mời
25CĐ.XN.17	9	6	31/10/2025	Tối	25CĐ.HA.17	Quản lý và tổ chức y tế	LT	30	23	3		ThS Nguyễn Thị Đường	Khoa Y	P.B2.4	GV mời
25CĐ.XN.17	9	7	01/11/2025	Sáng	MHTC 1	Hoá học	LT	30	25	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.5	
25CĐ.XN.17	9	7	01/11/2025	Chiều	25CĐ.HA.17	Quản lý và tổ chức y tế	LT	30	28	5		ThS Nguyễn Thị Đường	Khoa Y	P.B2.1	GV mời
25CĐ.XN.17	9	7	01/11/2025	Tối	25CĐ.HA.17	Quản lý và tổ chức y tế	LT	30	30*	2		ThS Nguyễn Thị Đường	Khoa Y	P.B2.4	GV mời
25CĐ.PHR.8	9	2	27/10/2025	Chiều		GDTC	TH	60	36	4		Th.s Thanh Hùng	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.PHR.8	9	3	28/10/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	TH	30	16	4	N2	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHR.8	9	3	28/10/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	TH	30	16	4	N1	Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHR.8	9	3	28/10/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	TH	30	20	4	N2	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHR.8	9	4	29/10/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	TH	30	20	4	N1	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHR.8	9	4	29/10/2025	Chiều		GDTC	TH	60	40	4		Ths. Thanh Hùng	K. KHCB	Sân Trường	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GẮP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CD.PHR.8	9	6	31/10/2025	Chiều		GDTC	TH	60	44	4		Ths. Thanh Hùng	K. KHCB	Sân Trường	
25CD.PHR.8	9	7	01/11/2025	Sáng	25CD.PHCN.8	Giải phẫu	TH	30	24	4	N2	Cn. Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25CD.PHR.8	9	7	01/11/2025	Sáng	25CD.PHCN.8	Giải phẫu	TH	30	24	4	N1	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CD.PHCN.8	9	2	27/10/2025	Chiều		GDTC	TH	60	36	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CD.PHCN.8	9	3	28/10/2025	Sáng	25CD.PHR.8	Giải phẫu	TH	30	16	4	N2	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CD.PHCN.8	9	3	28/10/2025	Sáng	25CD.PHR.8	Giải phẫu	TH	30	16	4	N1	Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. TH	
25CD.PHCN.8	9	3	28/10/2025	Chiều	25CD.PHR.8	Giải phẫu	TH	30	20	4	N2	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CD.PHCN.8	9	4	29/10/2025	Sáng	25CD.PHR.8	Giải phẫu	TH	30	20	4	N1	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CD.PHCN.8	9	4	29/10/2025	Chiều		GDTC	TH	60	40	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CD.PHCN.8	9	6	31/10/2025	Chiều		GDTC	TH	60	44	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CD.PHCN.8	9	7	01/11/2025	Sáng	25CD.PHCN.8	Giải phẫu	TH	30	24	4	N2	Cn. Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25CD.PHCN.8	9	7	01/11/2025	Sáng	25CD.PHCN.8	Giải phẫu	TH	30	24	4	N1	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
24TC.YS.33	9	2	27/10/2025	Chiều		Y học cổ truyền	TH	30	4	4		Ths. Bs. Huyền	Khoa Y	P. TH	27 PCT
24TC.YS.33	9	4	29/10/2025	Sáng		Sức khỏe trẻ em	LT	60	35	5		BS. Ý Nhi (Môi)	Khoa Y	P. B2.6	
24TC.YS.33	9	5	30/10/2025	Sáng		Sức khỏe trẻ em	LT	60	40	5		BS. Ý Nhi (Môi)	Khoa Y	P. B2.6	
24TC.YS.33	9	7	01/11/2025	Sáng		Sức khỏe trẻ em	LT	60	45	5		BS. Ý Nhi (Môi)	Khoa Y	P. B2.6	
24TC.YS.33	9	7	01/11/2025	Chiều		Dinh dưỡng, Vệ sinh ATTP	LT	30	25	5		ThS. Đình Hải	Khoa Y	P. B2.2	
24TC.YHCT.13	9	2	27/10/2025	Sáng		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	50	5		BS Phúc	Khoa Y		
24TC.YHCT.13	9	2	27/10/2025	Chiều		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	54	4		BS Phúc	Khoa Y		
24TC.YHCT.13	9	3	28/10/2025	Sáng		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	59	5		BS Phúc	Khoa Y		

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24TC.YHCT.13	9	3	28/10/2025	Chiều		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	63	4		BS Phúc	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
24TC.YHCT.13	9	4	29/10/2025	Sáng		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	68	5		BS Phúc	Khoa Y		
24TC.YHCT.13	9	4	29/10/2025	Chiều		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	72	4		BS Phúc	Khoa Y		
24TC.YHCT.13	9	5	30/10/2025	Sáng		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	77	5		BS Phúc	Khoa Y		
24TC.YHCT.13	9	5	30/10/2025	Chiều		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	81	4		BS Phúc	Khoa Y		
24TC.YHCT.13	9	6	31/10/2025	Sáng		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	86	5		BS Phúc	Khoa Y		
24TC.YHCT.13	9	6	31/10/2025	Chiều		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	90	4		BS Phúc	Khoa Y		
25TC.YS.34	9	2	27/10/2025	Sáng	25TC.YHCT.14	Dược lý	LT	30	5	5		DS CK1. MAI LAN	Khoa Dược	P. B2.3	
25TC.YS.34	9	2	27/10/2025	Chiều		Giải phẫu - Sinh lý	TH	30	8	4		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25TC.YS.34	9	3	28/10/2025	Sáng	25TC.YHCT.14	Dược lý	LT	30	10	5		DS CK1. MAI LAN	Khoa Dược	P. B2.5	
25TC.YS.34	9	4	29/10/2025	Sáng	25TC.YHCT.14	Dược lý	LT	30	15	5		DS CK1. MAI LAN	Khoa Dược	P. B3.1	
25TC.YS.34	9	4	29/10/2025	Chiều		Giải phẫu - Sinh lý	TH	30	12	4		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25TC.YS.34	9	5	30/10/2025	Sáng		Giải phẫu - Sinh lý	LT	60	30	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.5	
25TC.YS.34	9	6	31/10/2025	Sáng		Giải phẫu - Sinh lý	LT	60	35	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.6	
25TC.YS.34	9	6	31/10/2025	Chiều		Giải phẫu - Sinh lý	TH	30	16	4		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	
25TC.YS.34	9	7	01/11/2025	Sáng		Giải phẫu - Sinh lý	LT	60	40	5		Ths Bs Nga	Khoa Y	P. B2.3	
25TC.YHCT.14	9	2	27/10/2025	Sáng	25TC.YS.34	Dược lý	LT	30	5	5		DS CK1. MAI LAN	Khoa Dược	P. B2.3	
25TC.YHCT.14	9	3	28/10/2025	Sáng	25TC.YS.34	Dược lý	LT	30	10	5		DS CK1. MAI LAN	Khoa Dược	P. B2.5	
25TC.YHCT.14	9	3	28/10/2025	Chiều		Giải phẫu - Sinh lý	TH	30	12	4		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	
25TC.YHCT.14	9	4	29/10/2025	Sáng	25TC.YS.34	Dược lý	LT	30	15	5		DS CK1. MAI LAN	Khoa Dược	P. B3.1	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25TC.YHCT.14	9	4	29/10/2025	Chiều		Giải phẫu - Sinh lý	TH	30	16	4		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	
25TC.YHCT.14	9	5	30/10/2025	Sáng		Giải phẫu - Sinh lý	LT	45	25	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.5	
25TC.YHCT.14	9	5	30/10/2025	Chiều		Giải phẫu - Sinh lý	LT	45	30	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.6	
25TC.YHCT.14	9	6	31/10/2025	Sáng		Giải phẫu - Sinh lý	TH	30	20	4		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25TC.YHCT.14	9	6	31/10/2025	Chiều		Giải phẫu - Sinh lý	LT	45	35	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.6	
23CĐ.DD.18A	10	2	03/11/2025	Chiều		CSSK PN, BM, Gia đình	TH	30	30*	2		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.3	
23CĐ.DD.18A	10	3	04/11/2025	Sáng		Thực hành dựa trên bằng chứng	TH	30	24	4		Ths.Chi	K. ĐD	P. B2.2	
23CĐ.DD.18A	10	5	06/11/2025	Sáng		Thực hành dựa trên bằng chứng	TH	30	28	4		Ths.Chi	K. ĐD	P. B2.5	
23CĐ.DD.18B	10	2	03/11/2025	Chiều		CSSK PN, BM, Gia đình	TH	30	30*	2		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.3	
23CĐ.DD.18B	10	4	05/11/2025	Sáng		Thực hành dựa trên bằng chứng	TH	30	24	4		Ths.Trang	K. ĐD	P. B2.2	
23CĐ.DD.18B	10	6	07/11/2025	Sáng		Thực hành dựa trên bằng chứng	TH	30	28	4		Ths.Trang	K. ĐD	P. B3.1	
23CĐ.DU.13A	10	2	03/11/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	4	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	10	2	03/11/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	4	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	10	3	04/11/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	8	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	10	3	04/11/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	8	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	10	4	05/11/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	12	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	10	4	05/11/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	12	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	10	4	05/11/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	12	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	10	5	06/11/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	16	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	10	5	06/11/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	16	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	10	6	07/11/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	20	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	10	6	07/11/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	20	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DU.13B	10	3	04/11/2025	Sáng	23CĐ.DU.13C	Xác suất thống kê Y học	LT	30	5	5		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B2.3	
23CĐ.DU.13B	10	4	05/11/2025	Chiều	23CĐ.DU.13C	Xác suất thống kê Y học	LT	30	10	5		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B2.3	
23CĐ.DU.13B	10	7	08/11/2025	Sáng	23CĐ.DU.13C	Xác suất thống kê Y học	LT	30	15	5		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B3.2	
23CĐ.DU.13C	10	3	04/11/2025	Sáng	23CĐ.DU.13B	Xác suất thống kê Y học	LT	30	5	5		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B2.3	
23CĐ.DU.13C	10	4	05/11/2025	Chiều	23CĐ.DU.13B	Xác suất thống kê Y học	LT	30	10	5		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B2.3	
23CĐ.DU.13C	10	7	08/11/2025	Sáng	23CĐ.DU.13B	Xác suất thống kê Y học	LT	30	15	5		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B3.2	
23CĐ.DU.13D	10	2	03/11/2025	Sáng		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	50	5		Dsck1. Tô Vy	Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13D	10	2	03/11/2025	Chiều		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	54	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13D	10	3	04/11/2025	Sáng		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	59	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13D	10	3	04/11/2025	Chiều		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	63	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13D	10	4	05/11/2025	Sáng		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	68	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13D	10	4	05/11/2025	Chiều		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	72	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13D	10	5	06/11/2025	Sáng		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	77	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13D	10	5	06/11/2025	Chiều		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	81	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13D	10	6	07/11/2025	Sáng		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	86	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13D	10	6	07/11/2025	Chiều		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	90	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13E	10	2	03/11/2025	Sáng		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	50	5		Ds. Tiến Dũng	Khoa Dược		
23CĐ.DU.13E	10	2	03/11/2025	Chiều		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	54	4			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13E	10	3	04/11/2025	Sáng		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	59	5			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13E	10	3	04/11/2025	Chiều		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	63	4			Khoa Dược		

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DU.13E	10	4	05/11/2025	Sáng		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	68	5			Khoa Dược		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.DU.13E	10	4	05/11/2025	Chiều		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	72	4			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13E	10	5	06/11/2025	Sáng		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	77	5			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13E	10	5	06/11/2025	Chiều		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	81	4			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13E	10	6	07/11/2025	Sáng		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	86	5			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13E	10	6	07/11/2025	Chiều		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	90	4			Khoa Dược		
23CĐ.HA.15	10	2	03/11/2025	Sáng		KTXQ CÓ DỪNG THUỐC CẢN QUANG	TTLS	90	5	5		Bs Hiếu	K. KTYH		BV ĐK KH
23CĐ.HA.15	10	2	03/11/2025	Chiều		KTXQ CÓ DỪNG THUỐC CẢN QUANG	TTLS	90	9	4		Bs Hiếu	K. KTYH		BV ĐK KH
23CĐ.HA.15	10	3	04/11/2025	Sáng		KTXQ CÓ DỪNG THUỐC CẢN QUANG	TTLS	90	14	5		Bs Hiếu	K. KTYH		BV ĐK KH
23CĐ.HA.15	10	3	04/11/2025	Chiều		KTXQ CÓ DỪNG THUỐC CẢN QUANG	TTLS	90	18	4		Bs Hiếu	K. KTYH		BV ĐK KH
23CĐ.HA.15	10	4	05/11/2025	Sáng		KTXQ CÓ DỪNG THUỐC CẢN QUANG	TTLS	90	23	5		Bs Hiếu	K. KTYH		BV ĐK KH
23CĐ.HA.15	10	4	05/11/2025	Chiều		KTXQ CÓ DỪNG THUỐC CẢN QUANG	TTLS	90	27	4		CN Hùng	K. KTYH		BV ĐK KH
23CĐ.HA.15	10	5	06/11/2025	Sáng		KTXQ CÓ DỪNG THUỐC CẢN QUANG	TTLS	90	32	5		Bs Hiếu	K. KTYH		BV ĐK KH
23CĐ.HA.15	10	5	06/11/2025	Chiều		KTXQ CÓ DỪNG THUỐC CẢN QUANG	TTLS	90	36	4		CN Hùng	K. KTYH		BV ĐK KH
23CĐ.HA.15	10	6	07/11/2025	Sáng		KTXQ CÓ DỪNG THUỐC CẢN QUANG	TTLS	90	41	5		CN Hùng	K. KTYH		BV ĐK KH
23CĐ.HA.15	10	6	07/11/2025	Chiều		KTXQ CÓ DỪNG THUỐC CẢN QUANG	TTLS	90	45	4		CN Hùng	K. KTYH		BV ĐK KH
23CĐ.XN.15	10	2	03/11/2025	Sáng		Hoá sinh 3	TH	30	12	4		THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CĐ.XN.15	10	2	03/11/2025	Chiều		Hoá sinh 3	TH	30	16	4		THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CĐ.XN.15	10	3	04/11/2025	Sáng		Thi TH Ký sinh trùng 2						Ths.Phước & Ths.Đức	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CĐ.XN.15	10	4	05/11/2025	Sáng		Vi sinh 3	LT	15	5	5		Ths Quỳnh	K. KTYH	27 PCT	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.XN.15	10	4	05/11/2025	Chiều		Hoá sinh 3	TH	60	16	4		THS TRÀ	K. KTYH	27 PCT	
23CĐ.XN.15	10	5	06/11/2025	Sáng		Vi sinh 3	LT	15	10	5		Ths Quỳnh	K. KTYH	27 PCT	
23CĐ.XN.15	10	5	06/11/2025	Chiều		Hoá sinh 3	TH	60	20	4		THS TRÀ	K. KTYH	27 PCT	
23CĐ.XN.15	10	6	07/11/2025	Sáng		Hoá sinh 3	TH	60	24	4		THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CĐ.XN.15	10	6	07/11/2025	Chiều		Hoá sinh 3	TH	60	28	4		THS TRÀ	K. KTYH	27 PCT	
23CĐ.HS.11	10	7	08/11/2025	Sáng		Sức khoẻ môi trường và vệ sinh	LT	30	5	5		ThS Nguyễn Kim Soạn	Khoa Y	P. B3.1	GV mời
23CĐ.HS.11	10	7	08/11/2025	Chiều		Sức khoẻ môi trường và vệ sinh	LT	30	10	5		ThS Nguyễn Kim Soạn	Khoa Y	P. B2.3	GV mời
23CĐ.PHCN.6	10	2	03/11/2025	Sáng		BL&VLTL hệ TK - Cơ	TH	60	32	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	10	3	04/11/2025	Sáng		BL&VLTL hệ Đa-Tiêu hoá-Sinh dục	LT	15	10	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	10	4	05/11/2025	Sáng		BL&VLTL hệ TK - Cơ	TH	60	36	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	10	5	06/11/2025	Sáng		BL&VLTL hệ Đa-Tiêu hoá-Sinh dục	LT	15	15*	5		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	10	6	07/11/2025	Sáng		BL&VLTL hệ TK - Cơ	TH	60	40	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.ĐD.19A	10	2	03/11/2025	Chiều	24CĐ.ĐD.19C	Dược lý	LT	30	5	5		DS. Dũng	K. Dược	P. B4.5	
24CĐ.ĐD.19A	10	3	04/11/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Dược lý	LT	30	10	5		DS. Dũng	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ.ĐD.19A	10	4	05/11/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Dược lý	LT	30	15	5		Ds. Dũng	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ.ĐD.19A	10	5	06/11/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Dược lý	LT	30	20	5		Ds. Dũng	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ.ĐD.19A	10	6	07/11/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Dược lý	LT	30	25	5		Ds. Dũng	K. Dược	B. B2.4	
24CĐ.ĐD.19B	10	2	03/11/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	LT	30	30*	5		CN. Ngọc Diên	K. KHCB	P. B2.2	
24CĐ.ĐD.19B	10	3	04/11/2025	Sáng		Tiếng Anh 1	TH	30	4	4		CN. Ngọc Diên	K. KHCB	P. B3.1	
24CĐ.ĐD.19B	10	4	05/11/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	TH	30	8	4		CN. Ngọc Diên	K. KHCB	P. B2.2	
24CĐ.ĐD.19B	10	5	06/11/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	TH	30	12	4		CN. Ngọc Diên	K. KHCB	P. B2.2	
24CĐ.ĐD.19B	10	6	07/11/2025	Sáng		Tiếng Anh 1	TH	30	16	4		CN. Ngọc Diên	K. KHCB	P. B2.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.ĐD.19C	10	2	03/11/2025	Chiều	24CĐ.ĐD.19A	Dược lý	LT	30	5	5		DS. Dũng	K. Dược	P. B4.5	
24CĐ.ĐD.19C	10	3	04/11/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19A	Dược lý	LT	30	10	5		DS. Dũng	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ.ĐD.19C	10	4	05/11/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19A	Dược lý	LT	30	15	5		Ds. Dũng	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ.ĐD.19C	10	5	06/11/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19A	Dược lý	LT	30	20	5		Ds. Dũng	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ.ĐD.19C	10	6	07/11/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19A	Dược lý	LT	30	25	5		Ds. Dũng	K. Dược	B. B2.4	
24CĐ. DU.14A	10	2	03/11/2025	Sáng	24CĐ. DU.14B	Hóa phân tích	LT	30	30*	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.4	
24CĐ. DU.14A	10	2	03/11/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	4	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14A	10	3	04/11/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	8	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14A	10	4	05/11/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	8	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14A	10	5	06/11/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	12	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14A	10	6	07/11/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	12	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14A	10	7	08/11/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	16	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14B	10	2	03/11/2025	Sáng	24CĐ. DU.14A	Hóa phân tích	LT	30	30*	5		ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. B2.4	
24CĐ. DU.14B	10	3	04/11/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	8	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14B	10	4	05/11/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	8	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14B	10	5	06/11/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	12	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14B	10	6	07/11/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	12	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14B	10	7	08/11/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	16	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14C	10	2	03/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14D	Bệnh học	LT	45	5	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.4	
24CĐ. DU.14C	10	3	04/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14D	Bệnh học	LT	45	10	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.1	
24CĐ. DU.14C	10	4	05/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14D	Bệnh học	LT	45	15	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.3	
24CĐ. DU.14C	10	5	06/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14B	Bệnh học	LT	45	20	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.1	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ. DU.14Đ	10	2	03/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14C	Bệnh học	LT	45	5	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.4	
24CĐ. DU.14Đ	10	3	04/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14C	Bệnh học	LT	45	10	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.1	
24CĐ. DU.14Đ	10	4	05/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14C	Bệnh học	LT	45	15	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.3	
24CĐ. DU.14Đ	10	5	06/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14C	Bệnh học	LT	45	20	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.1	
24CĐ.HA.16	10	2	03/11/2025	Sáng		Vật lý tia X-Điện kỹ thuật	TH	30	28	4		CN Hùng	K. KTYH	P. TH	
24CĐ.HA.16	10	2	03/11/2025	Chiều		Kỹ thuật phòng tối	TH	30	4	4		CN Hùng	K. KTYH	P. TH	
24CĐ.HA.16	10	3	04/11/2025	Sáng		Vật lý tia X-Điện kỹ thuật	TH	30	30*	2		CN Hùng	K. KTYH	P. TH	
24CĐ.HA.16	10	3	04/11/2025	Chiều		Kỹ thuật phòng tối	TH	30	8	4		CN Hùng	K. KTYH	P. TH	
24CĐ.HA.16	10	4	05/11/2025	Sáng		Kỹ thuật phòng tối	TH	30	12	4		CN Hùng	K. KTYH	P. TH	
24CĐ.HA.16	10	5	06/11/2025	Sáng		Kỹ thuật phòng tối	TH	30	16	4		CN Hùng	K. KTYH	P. TH	
24CĐ.XN.16	10	2	03/11/2025	Sáng		Vi sinh 1	TH	30	12	4		Ths Quỳnh	K. KTYH	27 PCT	
24CĐ.XN.16	10	2	03/11/2025	Chiều		Giải phẫu bệnh	TH	30	30*	2		Ths. Bs. Minh Cảnh	Khoa Y	P. 2.4	27 PCT
24CĐ.XN.16	10	2	03/11/2025	Chiều		Thi TH Giải phẫu bệnh						Ths. Bs. Minh Cảnh	Khoa Y	P. 2.4	27 PCT
24CĐ.XN.16	10	3	04/11/2025	Sáng		Vi sinh 1	TH	30	16	4		Ths Quỳnh	K. KTYH	27 PCT	
24CĐ.XN.16	10	4	05/11/2025	Sáng		Ký sinh trùng 1	LT	30	5	5		Ths.Phước	K. KTYH	P. B2.6	
24CĐ.XN.16	10	4	05/11/2025	Chiều		Vi sinh 1	TH	30	20	4		Ths Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27 PCT
24CĐ.XN.16	10	5	06/11/2025	Sáng		Ký sinh trùng 1	LT	30	10	5		Ths.Phước	K. KTYH	P. B2.6	
24CĐ.XN.16	10	5	06/11/2025	Chiều		Vi sinh 1	TH	30	24	4		Ths Quỳnh	K. KTYH	27 PCT	
24CĐ.XN.16	10	6	07/11/2025	Sáng		Ký sinh trùng 1	LT	30	15	5		Ths.Phước	K. KTYH	P. B2.2	
24CĐ.XN.16	10	6	07/11/2025	Chiều		Vi sinh 1	TH	30	28	4		Ths Quỳnh	K. KTYH	27 PCT	
24CĐ.HS.12	10	2	03/11/2025	Sáng		Điều dưỡng Ngoại khoa	TH	30	12	4		ThS. Tuyền	K. ĐD	P. TH	
24CĐ.HS.12	10	3	04/11/2025	Sáng		Dược lý	LT	30	10	5		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B3.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CD.HS.12	10	3	04/11/2025	Chiều		Điều dưỡng Ngoại khoa	TH	30	16	4		TS. Thuyền	K. ĐD	P. TH	
24CD.HS.12	10	4	05/11/2025	Chiều		Điều dưỡng Ngoại khoa	TH	30	20	4		ThS. Tuyền	K. ĐD	P. TH	
24CD.HS.12	10	5	06/11/2025	Sáng		Dược lý	LT	30	15	5		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B3.3	
24CD.HS.12	10	5	06/11/2025	Chiều		Điều dưỡng Ngoại khoa	TH	30	24	4		ThS. Tuyền	K. ĐD	P. TH	
24CD.HS.12	10	6	07/11/2025	Sáng		Dược lý	LT	30	20	5		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B3.3	
24CD.HS.12	10	6	07/11/2025	Chiều		Điều dưỡng Ngoại khoa	TH	30	28	4		TS. Thuyền	K. ĐD	P. TH	
24CD.HS.12	10	7	08/11/2025	Sáng		Dược lý	LT	30	25	5		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B3.6	
24CD.HS.12	10	7	08/11/2025	Chiều		Dược lý	LT	30	30*	5		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.6	
24CD.PHR.7	10	2	03/11/2025	Sáng		Tạo mẫu & KT sáp	LT	15	10	5		CN.ANH	K. KTYH		
24CD.PHR.7	10	2	03/11/2025	Chiều		Tạo mẫu & KT sáp	TH	30	4	4	N2	CN.ANH	K. KTYH	27PCT	
24CD.PHR.7	10	3	04/11/2025	Sáng		Tạo mẫu & KT sáp	TH	30	8	4	N1	CN.ANH	K. KTYH	P. TH	27PCT
24CD.PHR.7	10	3	04/11/2025	Chiều		Tạo mẫu & KT sáp	TH	30	8	4	N2	CN.ANH	K. KTYH	27PCT	
24CD.PHR.7	10	4	05/11/2025	Sáng		Tạo mẫu & KT nhựa	LT	15	5	5		CN.ANH	K. KTYH	P. B3.3	
24CD.PHR.7	10	4	05/11/2025	Chiều		Tạo mẫu & KT sáp	LT	15	15*	5		CN.ANH	K. KTYH		
24CD.PHR.7	10	4	05/11/2025	Chiều		Tạo mẫu & KT nhựa	TH	30	4	4	N2	CN.Phương (mời)	K. KTYH	P. TH	27PCT
24CD.PHR.7	10	5	06/11/2025	Sáng		Tạo mẫu & KT nhựa	LT	15	10	5		CN.ANH	K. KTYH	P. B3.1	
24CD.PHR.7	10	5	06/11/2025	Chiều		Tạo mẫu & KT sáp	TH	30	12	4	N1	CN.ANH	K. KTYH	P. TH	27PCT
24CD.PHR.7	10	5	06/11/2025	Chiều		Tạo mẫu & KT nhựa	TH	30	4	4	N1	CN.Phương (mời)	K. KTYH	P. TH	27PCT
24CD.PHR.7	10	6	07/11/2025	Sáng		Tạo mẫu & KT nhựa	LT	15	15*	5		CN.ANH	K. KTYH	P. B2.5	
24CD.PHR.7	10	6	07/11/2025	Chiều		Tạo mẫu & KT sáp	TH	30	12	4	N2	CN.ANH	K. KTYH	P. TH	27PCT
24CD.PHR.7	10	7	08/11/2025	Sáng		Tạo mẫu & KT nhựa	TH	30	8	4	N1	CN.Phương(mời)	K. KTYH	27PCT	
24CD.PHR.7	10	7	08/11/2025	Chiều		Tạo mẫu & KT nhựa	TH	30	8	4	N2	CN.Phương(mời)	K. KTYH	27PCT	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.PHCN.7	10	2	03/11/2025	Sáng		Quá trình phát triển con người	TH	30	16	4		ThS. Vân	Khoa Y	P. TH	
24CĐ.PHCN.7	10	4	05/11/2025	Sáng		Quá trình phát triển con người	TH	30	20	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	10	6	07/11/2025	Sáng		Quá trình phát triển con người	TH	30	24	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
25CĐ.ĐD.20A	10	2	03/11/2025	Sáng		Sinh học và Di truyền	LT	30	5	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20A	10	3	04/11/2025	Sáng		Sinh học và Di truyền	LT	30	10	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20A	10	3	04/11/2025	Chiều		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	5	5		Ths. Sang	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20A	10	4	05/11/2025	Sáng		Sinh học và Di truyền	LT	30	15	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20A	10	5	06/11/2025	Sáng		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	10	5		Ths.Nhung	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20A	10	6	07/11/2025	Sáng		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	15	5		Ths. Sang	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20B	10	2	03/11/2025	Chiều		Sinh học và Di truyền	LT	30	5	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20B	10	3	04/11/2025	Chiều		Sinh học và Di truyền	LT	30	10	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B3.1	
25CĐ.ĐD.20B	10	3	04/11/2025	Chiều		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	5	5		Ths.Nhung	Khoa Y	P. B3.4	
25CĐ.ĐD.20B	10	4	05/11/2025	Chiều		Sinh học và Di truyền	LT	30	15	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20B	10	5	06/11/2025	Sáng		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	10	5		Ths. Sang	Khoa Y	P. B3.4	
25CĐ.ĐD.20B	10	6	07/11/2025	Sáng		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	15	5		Ths.Nhung	Khoa Y	P. B3.4	
25CĐ.ĐD.20C	10	2	03/11/2025	Sáng		Vi sinh - KST	TH	30	30*	2	N1	CN.Nguyệt (mời)	K.KTYH	P. TH (27 PCT)	Tiết 1&2
25CĐ.ĐD.20C	10	2	03/11/2025	Sáng		Vi sinh - KST	TH	30	30*	2	N2	CN.Nguyệt (mời)	K.KTYH	P. TH (27 PCT)	Tiết 3&4
25CĐ.ĐD.20C	10	2	03/11/2025	Chiều		Thi TH Vi sinh - KST					N1&N2	CN.Nguyệt (mời) & ThS. Đức	K.KTYH	P. TH (27 PCT)	
25CĐ.ĐD.20C	10	2	02/11/2025	Chiều		Thi TH Vi sinh - KST					N1&N2	CN.Nguyệt (mời) & ThS. Đức	K.KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20C	10	7	08/11/2025	Chiều		Thi TH Vi sinh - KST					N1&N2	CN.Nguyệt (mời) & Ths Đức	K.KTYH	P. TH	27 PCT
25CĐ. DU.15A	10	2	03/11/2025	Sáng		Tin học	TH	60	4	4	N3	ThS. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	10	2	03/11/2025	Chiều		Giáo dục chính trị	LT	45	5	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.5	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIẾN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ. DU.15A	10	3	04/11/2025	Sáng		Tin học	TH	60	8	4	N3	ThS. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	10	3	04/11/2025	Chiều		Giáo dục chính trị	LT	45	10	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.3	
25CĐ. DU.15A	10	4	05/11/2025	Sáng		Tin học	TH	60	12	4	N3	ThS. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	10	4	05/11/2025	Chiều		Giáo dục chính trị	LT	45	15	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.5	
25CĐ. DU.15A	10	5	06/11/2025	Sáng		Tin học	TH	60	16	4	N3	ThS. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	10	5	06/11/2025	Chiều		Giáo dục chính trị	LT	45	20	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.3	
25CĐ. DU.15A	10	6	07/11/2025	Sáng		Tin học	TH	60	20	4	N3	ThS. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	10	6	07/11/2025	Chiều		Giáo dục chính trị	LT	45	25	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.3	
25CĐ. DU.15B	10	2	03/11/2025	Chiều		Giáo dục chính trị	LT	45	5	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.3	
25CĐ. DU.15B	10	3	04/11/2025	Chiều		Giáo dục chính trị	LT	45	10	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.2	
25CĐ. DU.15B	10	4	05/11/2025	Chiều		Giáo dục chính trị	LT	45	15	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ. DU.15B	10	5	06/11/2025	Chiều		Giáo dục chính trị	LT	45	20	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.5	
25CĐ. DU.15B	10	6	07/11/2025	Chiều		Giáo dục chính trị	LT	45	25	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.2	
25CĐ. DU.15B	10	7	08/11/2025	Sáng		Tin học	TH	60	12	4	N3	ThS. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	10	7	08/11/2025	Chiều		Tin học	TH	60	16	4	N3	ThS. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	10	2	03/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 25CĐ.HS.13	Giải phẫu	LT	30	5	5		ThS Vân	Khoa Y	P. B3.1	
25CĐ.HA.17	10	3	04/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 25CĐ.HS.13	Giải phẫu	LT	30	10	5		ThS Vân	Khoa Y	P. B2.5	
25CĐ.HA.17	10	4	05/11/2025	Sáng		GDTC	TH	60	44	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.HA.17	10	5	06/11/2025	Sáng		GDTC	TH	60	48	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.HA.17	10	5	06/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 25CĐ.HS.13	Giải phẫu	LT	30	15	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.HA.17	10	6	07/11/2025	Sáng		GDTC	TH	60	52	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.XN.17	10	2	03/11/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 25CĐ.HS.13	Giải phẫu	LT	30	5	5		ThS Vân	Khoa Y	P. B3.1	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.XN.17	10	3	04/11/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 25CĐ.HS.13	Giải phẫu	LT	30	10	5		ThS Vân	Khoa Y	P. B2.5	
25CĐ.XN.17	10	5	06/11/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 25CĐ.HS.13	Giải phẫu	LT	30	15	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.HS.13	10	2	03/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CDD.HA.17	Giải phẫu	LT	30	5	5		ThS Vân	Khoa Y	P. B3.1	
25CĐ.HS.13	10	3	04/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CDD.HA.17	Giải phẫu	LT	30	10	5		ThS Vân	Khoa Y	P. B2.5	
25CĐ.HS.13	10	5	06/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CDD.HA.17	Giải phẫu	LT	30	15	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.PHR.8	10	2	03/11/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	GDTC	TH	60	48	4		Ths. Thanh Hùng	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.PHR.8	10	3	04/11/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	GDTC	TH	60	52	4		Th.s Thanh Hùng	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.PHR.8	10	2	03/11/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	TH	30	14	4	N3	CN. Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHR.8	10	4	05/11/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	TH	30	28	4	N2	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHR.8	10	4	05/11/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	TH	30	28	4	N1	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHR.8	10	5	06/11/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	TH	30	18	4	N3	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHR.8	10	6	07/11/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	TH	30	22	4	N3	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHR.8	10	7	08/11/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	TH	30	26	4	N3	CN. Mai lan	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHCN.8	10	2	03/11/2025	Chiều	25CĐ.PHR.8	Giải phẫu	TH	30	14	4	N3	CN. Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHCN.8	10	5	06/11/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	Giải phẫu	TH	30	18	4	N3	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHCN.8	10	5	06/11/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	TH	30	30*	2	N1	Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. TH	Tiết 1&2
25CĐ.PHCN.8	10	5	06/11/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	TH	30	30*	2	N2	Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. TH	Tiết 3&4
25CĐ.PHR.8	10	6	07/11/2025	Chiều		GDTC	TH	60	56	4		Ths. Thanh Hùng	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.PHR.8	10	7	08/11/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	GDTC	TH	60	60*	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.PHCN.8	10	2	03/11/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	GDTC	TH	60	48	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.PHCN.8	10	3	04/11/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	GDTC	TH	60	52	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.PHCN.8	10	4	05/11/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	Giải phẫu	TH	30	28	4	N2	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CD.PHCN.8	10	4	05/11/2025	Chiều	25CD.PHR.8	Giải phẫu	TH	30	28	4	N1	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CD.PHCN.8	10	6	07/11/2025	Sáng	25CD.PHR.8	Giải phẫu	TH	30	22	4	N3	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CD.PHCN.8	10	7	08/11/2025	Chiều	25CD.PHR.8	Giải phẫu	TH	30	26	4	N3	CN. Mai lan	Khoa Y	P. TH	
25CD.PHCN.8	10	6	07/11/2025	Chiều		GDTC	TH	60	56	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
25CD.PHCN.8	10	5	06/11/2025	Chiều	25CD.PHR.8	Giải phẫu	TH	30	30*	2	N1	Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. TH	Tiết 1&2
25CD.PHCN.8	10	5	06/11/2025	Chiều	25CD.PHR.8	Giải phẫu	TH	30	30*	2	N2	Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. TH	Tiết 3&4
25CD.PHCN.8	10	7	08/11/2025	Sáng	25CD.PHR.8	GDTC	TH	60	60*	4		Th.s Diệp Tế	K. KHCB	Sân Trường	
24TC.YS.33	10	3	04/11/2025	Sáng		Sức khỏe trẻ em	LT	60	50	5		Bs.Ck2. Tú Anh (Mời)	Khoa Y	P. B2.6	
24TC.YS.33	10	5	06/11/2025	Sáng		Sức khỏe trẻ em	LT	60	55	5		BS. Ý Nhi (Mời)	Khoa Y	P. B2.2	
24TC.YS.33	10	7	08/11/2025	Sáng		Sức khỏe trẻ em	LT	60	60*	5		Bs.Ck2. Tú Anh (Mời)	Khoa Y	P. B2.5	
24TC.YHCT.13	10	2	03/11/2025	Sáng		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	95	5		BS Phúc	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
24TC.YHCT.13	10	2	03/11/2025	Chiều		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	99	4		BS Phúc	Khoa Y		
24TC.YHCT.13	10	3	04/11/2025	Sáng		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	104	5		BS Phúc	Khoa Y		
24TC.YHCT.13	10	3	04/11/2025	Chiều		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	108	4		BS Phúc	Khoa Y		
24TC.YHCT.13	10	4	05/11/2025	Sáng		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	113	5		BS Phúc	Khoa Y		
24TC.YHCT.13	10	4	05/11/2025	Chiều		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	117	4		BS Phúc	Khoa Y		
24TC.YHCT.13	10	5	06/11/2025	Sáng		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	122	5		BS Phúc	Khoa Y		
24TC.YHCT.13	10	5	06/11/2025	Chiều		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	126	4		BS Phúc	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
24TC.YHCT.13	10	6	07/11/2025	Sáng		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	134	5		BS Phúc	Khoa Y		
24TC.YHCT.13	10	6	07/11/2025	Chiều		THỰC TẬP CHĂM CỨU	TTLS	135	135*	4		BS Phúc	Khoa Y		
25TC.YS.34	10	2	03/11/2025	Sáng		Giải phẫu - Sinh lý	LT	60	45	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.6	
25TC.YS.34	10	2	03/11/2025	Chiều	25TC.YHCT.14	Dược lý	LT	30	20	5		DS CK1. MAI LAN	Khoa Dược	P. B2.6	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25TC.YS.34	10	3	04/11/2025	Chiều	25TC.YHCT.14	Dược lý	LT	30	25	5		DS CK1. MAI LAN	Khoa Dược	P. B2.6	
25TC.YS.34	10	4	05/11/2025	Sáng	25TC.YHCT.14	Dược lý	LT	30	30*	5		DS CK1. MAI LAN	Khoa Dược	P. B3.1	
25TC.YS.34	10	4	05/11/2025	Chiều		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	15	5	5		CK1. ĐDPs Minh Lộc	Khoa Y	P. B2.6	
25TC.YS.34	10	5	06/11/2025	Sáng		Giải phẫu - Sinh lý	TH	30	20	4		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	
25TC.YS.34	10	6	07/11/2025	Sáng		Giải phẫu - Sinh lý	LT	60	50	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B3.5	
25TC.YS.34	10	6	07/11/2025	Chiều		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	15	10	5		CK1. ĐDPs Minh Lộc	Khoa Y	P. B2.6	
25TC.YS.34	10	7	08/11/2025	Sáng		Giải phẫu - Sinh lý	LT	60	55	5		Ths Bs Nga	Khoa Y	P. B3.3	
25TC.YHCT.14	10	2	03/11/2025	Chiều	25TC.YS.34	Dược lý	LT	30	20	5		DS CK1. MAI LAN	Khoa Dược	P. B2.6	
25TC.YHCT.14	10	3	04/11/2025	Chiều	25TC.YS.34	Dược lý	LT	30	25	5		DS CK1. MAI LAN	Khoa Dược	P. B2.6	
25TC.YHCT.14	10	4	05/11/2025	Sáng	25TC.YS.34	Dược lý	LT	30	30*	5		DS CK1. MAI LAN	Khoa Dược	P. B3.1	
25TC.YHCT.14	10	4	05/11/2025	Chiều		Giải phẫu - Sinh lý	TH	30	24	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25TC.YHCT.14	10	5	06/11/2025	Sáng		Giải phẫu - Sinh lý	LT	45	40	5		Ths Bs Nga	Khoa Y	P. B3.5	
25TC.YHCT.14	10	5	06/11/2025	Chiều		Giải phẫu - Sinh lý	TH	30	28	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25TC.YHCT.14	10	6	07/11/2025	Sáng		Giải phẫu - Sinh lý	LT	45	45*	5		Ths Bs Nga	Khoa Y	P. B2.6	
25TC.YHCT.14	10	6	07/11/2025	Chiều		Giải phẫu - Sinh lý	TH	30	30*	2		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	
25TC.YHCT.14	10	7	08/11/2025	Chiều	25TC.YHCT.14	Vi sinh - KST	LT	30	25	5		CN.việt (mời)	K. KTYH	P. B2.2	
23CĐ.DD.18A	11	3	11/11/2025	Sáng		Thực hành dựa trên bằng chứng	TH	30	30*	2		Ths.Chi	K. ĐD	P. B2.6	
23CĐ.DD.18B	11	6	14/11/2025	Sáng		Thực hành dựa trên bằng chứng	TH	30	30*	2		Ths.Trang	K. ĐD	P. B2.2	
23CĐ.DU.13A	11	2	10/11/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	24	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	11	2	10/11/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	24	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	11	3	11/11/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	28	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	11	3	11/11/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	28	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DU.13A	11	4	12/11/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	32	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	11	4	12/11/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	32	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	11	5	13/11/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	36	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	11	5	13/11/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	36	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	11	6	14/11/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	40	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	11	6	14/11/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	40	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13B	11	2	10/11/2025	Sáng	23CĐ.DU.13C	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	15	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.3	
23CĐ.DU.13B	11	3	11/11/2025	Sáng	23CĐ.DU.13C	Xác suất thống kê Y học	LT	30	20	5		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B2.1	
23CĐ.DU.13B	11	3	11/11/2025	Chiều	23CĐ.DU.13C	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	20	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.3	
23CĐ.DU.13B	11	4	12/11/2025	Sáng	23CĐ.DU.13C	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	25	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.3	
23CĐ.DU.13B	11	4	12/11/2025	Chiều	23CĐ.DU.13C	Xác suất thống kê Y học	LT	30	25	5		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B2.3	
23CĐ.DU.13B	11	5	13/11/2025	Chiều	23CĐ.DU.13C	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	30*	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.1	
23CĐ.DU.13B	11	7	14/11/2025	Sáng	23CĐ.DU.13C	Xác suất thống kê Y học	LT	30	30*	5		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B2.4	
23CĐ.DU.13C	11	2	10/11/2025	Sáng	23CĐ.DU.13B	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	15	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.3	
23CĐ.DU.13C	11	3	11/11/2025	Sáng	23CĐ.DU.13B	Xác suất thống kê Y học	LT	30	20	5		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B2.1	
23CĐ.DU.13C	11	3	11/11/2025	Chiều	23CĐ.DU.13B	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	20	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.3	
23CĐ.DU.13C	11	4	12/11/2025	Sáng	23CĐ.DU.13B	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	25	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.3	
23CĐ.DU.13C	11	4	12/11/2025	Chiều	23CĐ.DU.13B	Xác suất thống kê Y học	LT	30	25	5		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B2.3	
23CĐ.DU.13C	11	5	13/11/2025	Chiều	23CĐ.DU.13B	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	30*	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.1	
23CĐ.DU.13C	11	7	14/11/2025	Sáng	23CĐ.DU.13C	Xác suất thống kê Y học	LT	30	30*	5		Ths. Thế Anh (GV mời)	K. KHCB	P. B2.4	
23CĐ.DU.13D	11	2	10/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	95	5		Dsck1. Tô Vỹ	Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13D	11	2	10/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	99	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIẾN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DU.13D	11	3	11/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	104	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13D	11	3	11/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	108	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13D	11	4	12/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	113	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13D	11	4	12/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	117	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13D	11	5	13/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	122	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13D	11	5	13/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	126	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13D	11	6	14/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	131	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13D	11	6	14/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	135*	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13E	11	2	10/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	95	5		Ds. Tiến Dũng	Khoa Dược		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.DU.13E	11	2	10/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	99	4			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13E	11	3	11/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	104	5			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13E	11	3	11/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	108	4			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13E	11	4	12/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	113	5			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13E	11	4	12/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	117	4			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13E	11	5	13/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	122	5			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13E	11	5	13/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	126	4			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13E	11	6	14/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	131	5			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13E	11	6	14/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	135*	4			Khoa Dược		
23CĐ.HA.15	11	2	10/11/2025	Sáng		KTXQ CÓ DỪNG THUỐC CÀN QUANG	TTLS	90	50	5		Bs Hiếu	K. KTYH		BV ĐK Khánh Hoà
23CĐ.HA.15	11	2	10/11/2025	Chiều		KTXQ CÓ DỪNG THUỐC CÀN QUANG	TTLS	90	54	4		CN Hùng	K. KTYH		BV ĐK Khánh Hoà
23CĐ.HA.15	11	3	11/11/2025	Sáng		KTXQ CÓ DỪNG THUỐC CÀN QUANG	TTLS	90	59	5		CN Hùng	K. KTYH		BV ĐK Khánh Hoà
23CĐ.HA.15	11	3	11/11/2025	Chiều		KTXQ CÓ DỪNG THUỐC CÀN QUANG	TTLS	90	63	4		CN Hùng	K. KTYH		BV ĐK Khánh Hoà

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CD.HA.15	11	4	12/11/2025	Sáng		KTXQ CÓ DỪNG THUỐC CẦN QUANG	TTLS	90	68	5		Bs Hiếu	K. KTYH		BV ĐK Khánh Hoà
23CD.HA.15	11	4	12/11/2025	Chiều		KTXQ CÓ DỪNG THUỐC CẦN QUANG	TTLS	90	72	4		CN Hùng	K. KTYH		BV ĐK Khánh Hoà
23CD.HA.15	11	5	13/11/2025	Sáng		KTXQ CÓ DỪNG THUỐC CẦN QUANG	TTLS	90	77	5		CN Hùng	K. KTYH		BV ĐK Khánh Hoà
23CD.HA.15	11	5	13/11/2025	Chiều		KTXQ CÓ DỪNG THUỐC CẦN QUANG	TTLS	90	81	4		CN Hùng	K. KTYH		BV ĐK Khánh Hoà
23CD.HA.15	11	6	14/11/2025	Sáng		KTXQ CÓ DỪNG THUỐC CẦN QUANG	TTLS	90	86	5		Bs Hiếu	K. KTYH		BV ĐK Khánh Hoà
23CD.HA.15	11	6	14/11/2025	Chiều		KTXQ CÓ DỪNG THUỐC CẦN QUANG	TTLS	90	90	4		CN Hùng	K. KTYH		BV ĐK Khánh Hoà
23CD.XN.15	11	2	10/11/2025	Sáng		Hoá sinh 3	TH	60	32	4		THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CD.XN.15	11	2	10/11/2025	Chiều		Vi sinh 3	LT	15	15*	5		Ths Quỳnh	K. KTYH	27 PCT	
23CD.XN.15	11	3	11/11/2025	Sáng		Hoá sinh 3	TH	60	36	4		THS TRÀ	K. KTYH	27 PCT	
23CD.XN.15	11	3	11/11/2025	Chiều		Hoá sinh 3	TH	60	40	4		THS TRÀ	K. KTYH	27 PCT	
23CD.XN.15	11	4	12/11/2025	Sáng		Vi sinh 3	TH	60	4	4		Ths Quỳnh	K. KTYH	27PCT	
23CD.XN.15	11	4	12/11/2025	Chiều		Vi sinh 3	TH	60	8	4		Ths Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CD.XN.15	11	5	13/11/2025	Sáng		Hoá sinh 3	TH	60	44	4		THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CD.XN.15	11	5	13/11/2025	Chiều		Hoá sinh 3	TH	60	48	4		THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CD.XN.15	11	6	14/11/2025	Sáng		Vi sinh 3	TH	60	12	4		Ths Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CD.HS.11	11	7	15/11/2025	Sáng		Sức khoẻ môi trường và vệ sinh	LT	30	15	5		ThS Nguyễn Kim Soạn	Khoa Y	P. B2.2	GV mời
23CD.HS.11	11	7	15/11/2025	Chiều		Sức khoẻ môi trường và vệ sinh	LT	30	20	5		ThS Nguyễn Kim Soạn	Khoa Y	P. B2.2	GV mời
23CD.PHR.6	11	6	14/11/2025	Sáng		Th TH KT PH Mão, sứ, KL					N1,N2	CN. Ngọc Anh & CN. Luân	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CD.PHCN.6	11	2	10/11/2025	Sáng		BL&VLTL hệ TK - Cơ	TH	60	44	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CD.PHCN.6	11	3	11/11/2025	Chiều		BL&VLTL hệ Da-Tiêu hoá-Sinh dục	TH	30	4	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CD.PHCN.6	11	4	12/11/2025	Sáng		BL&VLTL hệ TK - Cơ	TH	60	48	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CD.PHCN.6	11	5	13/11/2025	Sáng		BL&VLTL hệ Da-Tiêu hoá-Sinh dục	TH	30	8	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CB.PHCN.6	11	6	14/11/2025	Sáng		BL&VLTL hệ TK - Cơ	TH	60	52	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
24CB.ĐD.19A	11	2	10/11/2025	Chiều	24CB.ĐD.19C	Dược lý	LT	30	30*	5		Ds. Dũng	K. Dược	P. B2.5	
24CB.ĐD.19A	11	3	11/11/2025	Sáng	24CB.ĐD.19C	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	LT	30	5	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.5	
24CB.ĐD.19A	11	3	11/11/2025	Chiều		Dược lý	TH	30	4	4		DS. Dũng	K. Dược	P. B2.6	
24CB.ĐD.19A	11	4	12/11/2025	Sáng	24CB.ĐD.19C	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	LT	30	10	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.5	
24CB.ĐD.19A	11	5	13/11/2025	Sáng	24CB.ĐD.19C	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	LT	30	15	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.1	
24CB.ĐD.19A	11	5	13/11/2025	Chiều		Dược lý	TH	30	8	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.1	
24CB.ĐD.19A	11	6	14/11/2025	Chiều		Dược lý	TH	30	12	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B2.2	
24CB.ĐD.19B	11	2	10/11/2025	Sáng		Tiếng Anh 1	TH	30	20	4		CN. Ngọc Diên	K. KHCB	P. B2.2	
24CB.ĐD.19B	11	3	11/11/2025	Chiều		Giáo dục chính trị	LT	45	5	5		Ths. Dung	K. KHCB	P. B3.1	
24CB.ĐD.19B	11	4	12/11/2025	Chiều		Giáo dục chính trị	LT	45	10	5		Ths. Dung	K. KHCB	P. B3.1	
24CB.ĐD.19B	11	5	13/11/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	TH	30	24	4		CN. Ngọc Diên	K. KHCB	P. B2.6	
24CB.ĐD.19B	11	6	14/11/2025	Sáng		Tiếng Anh 1	TH	30	28	4		CN. Ngọc Diên	K. KHCB	P. B2.6	
24CB.ĐD.19B	11	6	14/11/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	TH	30	30*	2		CN. Ngọc Diên	K. KHCB	P. B2.6	
24CB.ĐD.19C	11	2	10/11/2025	Chiều	24CB.ĐD.19A	Dược lý	LT	30	30*	5		Ds. Dũng	K. Dược	P. B2.5	
24CB.ĐD.19C	11	3	11/11/2025	Sáng	24CB.ĐD.19A	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	LT	30	5	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.5	
24CB.ĐD.19C	11	4	12/11/2025	Sáng	24CB.ĐD.19A	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	LT	30	10	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.5	
24CB.ĐD.19C	11	4	12/11/2025	Chiều		Dược lý	TH	30	4	4		DS. Dũng	K. Dược	P. B3.3	
24CB.ĐD.19C	11	5	13/11/2025	Sáng	24CB.ĐD.19A	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	LT	30	15	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.1	
24CB.ĐD.19C	11	6	14/11/2025	Sáng		Dược lý	TH	30	8	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.1	
24CB. DU.14A	11	2	10/11/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	16	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CB. DU.14A	11	3	11/11/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	20	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ. DU.14A	11	4	12/11/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	20	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14A	11	5	13/11/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	24	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14A	11	6	14/11/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	24	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14A	11	7	15/11/2025	Sáng		Hóa phân tích	TH	30	28	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14B	11	2	10/11/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	16	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14B	11	3	11/11/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	20	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14B	11	4	12/11/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	20	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14B	11	4	12/11/2025	Tối		Hóa phân tích	TH	30	24	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14B	11	5	13/11/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	24	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14B	11	6	14/11/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	28	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14B	11	7	15/11/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	28	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14C	11	2	10/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14D	Dược lý	LT	45	5	5		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14C	11	3	11/11/2025	Sáng	24CĐ. DU.14D	Bệnh học	LT	45	25	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.3	
24CĐ. DU.14C	11	4	12/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14D	Dược lý	LT	45	10	5		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14C	11	5	13/11/2025	Sáng	24CĐ. DU.14D	Bệnh học	LT	45	30	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.5	
24CĐ. DU.14C	11	5	13/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14D	Dược lý	LT	45	15	5		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14C	11	6	14/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14D	Bệnh học	LT	45	35	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.1	
24CĐ. DU.14C	11	7	15/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14D	Dược lý	LT	45	20	5		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.1	
24CĐ. DU.14D	11	2	10/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14C	Dược lý	LT	45	5	5		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14D	11	3	11/11/2025	Sáng	24CĐ. DU.14C	Bệnh học	LT	45	25	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.3	
24CĐ. DU.14D	11	4	12/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14C	Dược lý	LT	45	10	5		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14D	11	5	13/11/2025	Sáng	24CĐ. DU.14C	Bệnh học	LT	45	30	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.5	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ. DU.14Đ	11	5	13/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14C	Dược lý	LT	45	15	5		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14Đ	11	6	14/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14C	Bệnh học	LT	45	35	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.1	
24CĐ. DU.14Đ	11	7	15/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14C	Dược lý	LT	45	20	5		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.1	
24CĐ.HA.16	11	2	10/11/2025	Sáng		Kỹ thuật phòng tối	TH	30	20	4		CN Hùng	K. KTYH	P. TH	
24CĐ.HA.16	11	4	12/11/2025	Sáng		Kỹ thuật phòng tối	TH	30	24	4		CN Hùng	K. KTYH	P. TH	
24CĐ.HA.16	11	6	14/11/2025	Sáng		Kỹ thuật phòng tối	TH	30	28	4		CN Hùng	K. KTYH	P. TH	
24CĐ.XN.16	11	2	10/11/2025	Sáng		Ký sinh trùng 1	LT	30	20	5		Ths.Phước	K. KTYH	P. B2.6	
24CĐ.XN.16	11	2	10/11/2025	Tối		Vi sinh 1	TH	30	30*	2		Ths Quỳnh	K. KTYH	27 PCT	
24CĐ.XN.16	11	3	11/11/2025	Sáng		Ký sinh trùng 1	LT	30	25	5		Ths.Phước	K. KTYH	P. B2.2	
24CĐ.XN.16	11	3	11/11/2025	Chiều		Thi TH Vi sinh 1						Ths Quỳnh ThsS. Trà	K. KTYH	P. TH	27 PCT
24CĐ.XN.16	11	4	12/11/2025	Sáng		Ký sinh trùng 1	LT	30	30*	5		Ths.Phước	K. KTYH	P. B2.6	
24CĐ.XN.16	11	4	12/11/2025	Chiều		Ký sinh trùng 1	TH	30	4	4		Ths.Phước	K. KTYH	P. TH	27 PCT
24CĐ.XN.16	11	5	13/11/2025	Sáng		Hoá sinh 1	LT	30	5	5		THS TRÀ	K. KTYH	27 PCT	27 PCT
24CĐ.XN.16	11	5	13/11/2025	Chiều		Ký sinh trùng 1	TH	30	8	4		Ths.Phước	K. KTYH	P. TH	27 PCT
24CĐ.XN.16	11	6	14/11/2025	Sáng		Hoá sinh 1	LT	30	10	5		THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27 PCT
24CĐ.XN.16	11	6	14/11/2025	Chiều		Ký sinh trùng 1	TH	30	12	4		Ths.Phước	K. KTYH	P. TH	27 PCT
24CĐ.HS.12	11	2	10/11/2025	Sáng		Điều dưỡng Ngoại khoa	TH	30	30*	2		ThS. Mỹ	K. ĐD	P. TH	
24CĐ.HS.12	11	3	11/11/2025	Sáng		Thi TH Điều dưỡng Ngoại khoa						ThS. Mỹ ThS. Tuyền	K. ĐD	P. TH	
24CĐ.HS.12	11	3	11/11/2025	Chiều		Dược lý	TH	30	4	4		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.2	
24CĐ.HS.12	11	4	12/11/2025	Sáng		Dược lý	TH	30	8	4		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.2	
24CĐ.HS.12	11	5	13/11/2025	Sáng		Dược lý	TH	30	12	4		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B3.1	
24CĐ.HS.12	11	6	14/11/2025	Sáng		Dược lý	TH	30	16	4		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B3.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHIẾP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIẾN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.PHR.7	11	2	10/11/2025	Sáng		Tạo mẫu & KT nhựa	TH	30	12	4	N2	CN.Phương(mời)	K. KTYH	P. TH	27PCT
24CĐ.PHR.7	11	2	10/11/2025	Sáng		Tạo mẫu & KT sáp	TH	30	16	4	N1	CN.ANH	K. KTYH	P. TH	27PCT
24CĐ.PHR.7	11	2	10/11/2025	Chiều		Tạo mẫu & KT nhựa	TH	30	12	4	N1	CN.Phương(mời)	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	11	2	10/11/2025	Chiều		Tạo mẫu & KT sáp	TH	30	16	4	N2	CN.ANH	K. KTYH	P. TH	27PCT
24CĐ.PHR.7	11	3	11/11/2025	Sáng		Tạo mẫu & KT nhựa	TH	30	16	4	N2	CN.Phương (mời)	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	11	3	11/11/2025	Sáng		Tạo mẫu & KT sáp	TH	30	20	4	N1	CN.ANH	K. KTYH	P. TH	27PCT
24CĐ.PHR.7	11	3	11/11/2025	Chiều		Tạo mẫu & KT nhựa	TH	30	16	4	N1	CN.Phương (mời)	K. KTYH	P. TH	27 PCT
24CĐ.PHR.7	11	3	11/11/2025	Chiều		Tạo mẫu & KT sáp	TH	30	20	4	N2	CN.ANH	K. KTYH	P. TH	27 PCT
24CĐ.PHR.7	11	4	12/11/2025	Sáng		Tạo mẫu & KT nhựa	TH	30	20	4	N2	CN.Phương (mời)	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	11	4	12/11/2025	Sáng		Tạo mẫu & KT sáp	TH	30	24	4	N1	CN.ANH	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	11	4	12/11/2025	Chiều		Tạo mẫu & KT nhựa	TH	30	20	4	N1	CN.Phương (mời)	K. KTYH	P. TH	27 PCT
24CĐ.PHR.7	11	4	12/11/2025	Chiều		Tạo mẫu & KT sáp	TH	30	24	4	N2	CN.ANH	K. KTYH	P. TH	27 PCT
24CĐ.PHR.7	11	5	13/11/2025	Sáng		Tạo mẫu & KT nhựa	TH	30	24	4	N2	CN.Phương(mời)	K. KTYH	P. TH	27PCT
24CĐ.PHR.7	11	5	13/11/2025	Sáng		Tạo mẫu & KT sáp	TH	30	28	4	N1	CN.ANH	K. KTYH	P. TH	27PCT
24CĐ.PHR.7	11	5	13/11/2025	Chiều		Tạo mẫu & KT nhựa	TH	30	24	4	N1	CN.Phương(mời)	K. KTYH	P. TH	27PCT
24CĐ.PHR.7	11	5	13/11/2025	Chiều		Tạo mẫu & KT sáp	TH	30	28	4	N2	CN.ANH	K. KTYH	P. TH	27PCT
24CĐ.PHR.7	11	6	14/11/2025	Sáng		Tạo mẫu & KT nhựa	TH	30	28	4	N1	CN.Phương(mời)	K. KTYH	P. TH	27PCT
24CĐ.PHR.7	11	6	14/11/2025	Chiều		Tạo mẫu & KT nhựa	TH	30	28	4	N2	CN.Phương(mời)	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	11	7	15/11/2025	Sáng		Tạo mẫu & KT nhựa	TH	30	30*	2	N1	CN.Phương(mời)	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	11	7	15/11/2025	Sáng		Tạo mẫu & KT nhựa	TH	30	30*	2	N2	CN.Phương(mời)	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	11	7	15/11/2025	Chiều		Tạo mẫu & KT nhựa	TH	30	30*	2	N1	CN.ANH	K. KTYH	P. TH	27PCT
24CĐ.PHR.7	11	7	15/11/2025	Chiều		Tạo mẫu & KT nhựa	TH	30	30*	2	N2	CN.ANH	K. KTYH	P. TH	27PCT

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.PHCN.7	11	2	10/11/2025	Sáng		Lượng giá chức năng vận động	LT	15	5	5		ThS. Vân	Khoa Y	P.2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	11	2	10/11/2025	Chiều		Lượng giá chức năng vận động	LT	15	10	5		ThS. Vân	Khoa Y	P.2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	11	3	11/11/2025	Sáng		Quá trình phát triển con người	TH	30	28	4		ThS. Vân	Khoa Y	P.2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	11	4	12/11/2025	Sáng		Quá trình phát triển con người	TH	30	30*	2		ThS. Vân	Khoa Y	P.2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	11	5	13/11/2025	Sáng		Lượng giá chức năng vận động	LT	15	15*	5		ThS. Vân	Khoa Y	P.2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	11	5	13/11/2025	Chiều		Lượng giá chức năng vận động	TH	90	4	4		ThS. Vân	Khoa Y	P.2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	11	6	14/11/2025	Sáng		Lượng giá chức năng vận động	TH	90	8	4		ThS. Vân	Khoa Y	P.2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	11	6	14/11/2025	Chiều		Lượng giá chức năng vận động	TH	90	12	4		ThS. Vân	Khoa Y	P.2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	11	7	15/11/2025	Sáng		Lượng giá chức năng vận động	TH	90	16	4		ThS. Vân	Khoa Y	P.2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	11	7	15/11/2025	Chiều		Lượng giá chức năng vận động	TH	90	16	4		ThS. Vân	Khoa Y	P.2.11	27 Phan Chu Trinh
25CĐ.ĐD.20A	11	2	10/11/2025	Sáng		Sinh học và Di truyền	LT	30	20	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20A	11	3	11/11/2025	Sáng		Sinh học và Di truyền	LT	30	25	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20A	11	3	11/11/2025	Chiều		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	20	5		Ths. Nhung	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20A	11	4	12/11/2025	Sáng		Sinh học và Di truyền	LT	30	30*	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20A	11	5	13/11/2025	Chiều		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	25	5		Ths. Sang	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20A	11	6	14/11/2025	Chiều		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	30*	5		Ths. Nhung	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20B	11	2	10/11/2025	Chiều		Sinh học và Di truyền	LT	30	20	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20B	11	3	11/11/2025	Chiều		Sinh học và Di truyền	LT	30	25	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20B	11	3	11/11/2025	Chiều		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	20	5		Ths. Sang	Khoa Y	P. B3.4	
25CĐ.ĐD.20B	11	4	12/11/2025	Chiều		Sinh học và Di truyền	LT	30	30*	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20B	11	5	13/11/2025	Chiều		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	25	5		Ths. Nhung	Khoa Y	P. B3.4	
25CĐ.ĐD.20B	11	6	14/11/2025	Chiều		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	30	30*	5		Ths. Sang	Khoa Y	P. B3.4	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.ĐD.20C	11	2	10/11/2025	Sáng		GDTC	TH	60	4	4		Th.s Diệp Tế	K. KTYH	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20C	11	2	10/11/2025	Chiều		GDTC	TH	60	8	4		Th.s Diệp Tế	K. KTYH	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20C	11	3	11/11/2025	Sáng		GDTC	TH	60	12	4		Th.s Diệp Tế	K. KTYH	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20C	11	3	11/11/2025	Chiều	25CĐ.ĐD.20D	Giải phẫu	LT	30	5	5		ThS. Vân	Khoa Y	P. B2.5	
25CĐ.ĐD.20C	11	4	12/11/2025	Sáng		GDTC	TH	60	16	4		Th.s Diệp Tế	K. KTYH	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20C	11	4	12/11/2025	Chiều	25CĐ.ĐD.20D	Giải phẫu	LT	30	10	5		ThS. Vân	Khoa Y	P. B3.4	
25CĐ.ĐD.20C	11	5	13/11/2025	Sáng		GDTC	TH	60	20	4		Th.s Diệp Tế	K. KTYH	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20C	11	5	13/11/2025	Chiều		Giải phẫu	LT	30	15	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.3	
25CĐ.ĐD.20C	11	6	14/11/2025	Sáng		GDTC	TH	60	24	4		Th.s Diệp Tế	K. KTYH	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20C	11	6	14/11/2025	Chiều	25CĐ.ĐD.20D	Giải phẫu	LT	30	20	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.5	
25CĐ. DU.15A	11	2	10/11/2025	Sáng		Giáo dục chính trị	LT	45	30	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.5	
25CĐ. DU.15A	11	2	10/11/2025	Chiều		Tin học	TH	60	24	4	N3	ThS. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	11	3	11/11/2025	Sáng		Giáo dục chính trị	LT	45	35	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B3.1	
25CĐ. DU.15A	11	3	11/11/2025	Chiều		Tin học	TH	60	28	4	N3	ThS. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	11	4	12/11/2025	Sáng		Giáo dục chính trị	LT	45	40	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B3.1	
25CĐ. DU.15A	11	4	12/11/2025	Chiều		Tin học	TH	60	32	4	N3	ThS. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	11	5	13/11/2025	Sáng		Giáo dục chính trị	LT	45	45*	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.3	
25CĐ. DU.15A	11	5	13/11/2025	Sáng		Tin học	TH	60	36	4	N3	ThS. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	11	6	14/11/2025	Sáng		Giáo dục chính trị	TH	30	4	4		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.3	
25CĐ. DU.15A	11	6	14/11/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	LT	30	5	5		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B3.1	
25CĐ. DU.15B	11	2	10/11/2025	Sáng		Giáo dục chính trị	LT	45	30	5		Cn.Dung	K. KHCB	P. B3.2	
25CĐ. DU.15B	11	3	11/11/2025	Sáng		Giáo dục chính trị	LT	45	35	5		Cn.Dung	K. KHCB	P. B3.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ. DU.15B	11	4	12/11/2025	Sáng		Giáo dục chính trị	LT	45	40	5		Cn.Dung	K. KHCB	P. B3.3	
25CĐ. DU.15B	11	5	13/11/2025	Sáng		Giáo dục chính trị	LT	45	45*	5		Cn.Dung	K. KHCB	P. B2.6	
25CĐ. DU.15B	11	6	14/11/2025	Sáng		Giáo dục chính trị	TH	30	4	4		Cn.Dung	K. KHCB	P. B2.5	
25CĐ. DU.15B	11	6	14/11/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	LT	30	5	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B3.3	
25CĐ. DU.15B	11	7	15/11/2025	Sáng		Tin học	TH	60	20	4	N3	ThS. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	11	7	14/11/2025	Chiều		Tin học	TH	60	24	4	N3	ThS. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	11	2	10/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 25CĐ.HS.13	Giải phẫu	LT	30	20	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.HA.17	11	3	11/11/2025	Chiều		GDTC	TH	60	56	4		Th.s Diệp Tề	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.HA.17	11	4	12/11/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 25CĐ.HS.13	Giải phẫu	LT	30	25	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.HA.17	11	4	12/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 25CĐ.HS.13	Sinh lý	LT	30	5	5		Ths Bs Nga	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.HA.17	11	6	14/11/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 25CĐ.HS.13	Sinh lý	LT	30	10	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.HA.17	11	6	14/11/2025	Chiều		GDTC	TH	60	60*	4		Th.s Diệp Tề	K. KHCB	Sân Trường	
25CĐ.XN.17	11	2	10/11/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 25CĐ.HS.13	Giải phẫu	LT	30	20	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.XN.17	11	4	12/11/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 25CĐ.HS.13	Giải phẫu	LT	30	25	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.XN.17	11	4	12/11/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 25CĐ.HS.13	Sinh lý	LT	30	5	5		Ths Bs Nga	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.XN.17	11	6	14/11/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 25CĐ.HS.13	Sinh lý	LT	30	10	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.HS.13	11	2	10/11/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 25CĐ.XN.17	Giải phẫu	LT	30	25	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.HS.13	11	4	12/11/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 25CĐ.XN.17	Giải phẫu	LT	30	20	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.HS.13	11	4	12/11/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 25CĐ.XN.17	Sinh lý	LT	30	5	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.HS.13	11	6	14/11/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 25CĐ.XN.17	Sinh lý	LT	30	10	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.PHR.8	11	2	10/11/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Giải phẫu	TH	30	30*	4		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHR.8	11	7	15/11/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Thi TH Giải phẫu					N1, N2 &N3	Ths Bs Hương ThS. Bs. Khánh Nga	Khoa Y	P. TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CD.PHCN.8	11	2	10/11/2025	Chiều	25CD.PHR.8	Giải phẫu	TH	30	30*	4		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CD.PHCN.8	11	7	15/11/2025	Sáng	25CD.PHR.8	Thi TH Giải phẫu					N1, N2 &N3	Ths Bs Hương ThS. Bs. Khánh Nga	Khoa Y	P. TH	
24TC.YS.33	11	2	10/11/2025	Sáng	24TC.YHCT.13	Y TẾ CỘNG ĐỒNG	TTLS	45	5	5		ThS. Dương ThS. Huyền	K. ĐD		TT YT Khu vực Nha Trang
24TC.YS.33	11	2	10/11/2025	Chiều	24TC.YHCT.13	Y TẾ CỘNG ĐỒNG	TTLS	45	9	4		ThS. Dương ThS. Huyền	K. ĐD		
24TC.YS.33	11	3	11/11/2025	Sáng	24TC.YHCT.13	Y TẾ CỘNG ĐỒNG	TTLS	45	14	5		ThS. Dương ThS. Huyền	K. ĐD		
24TC.YS.33	11	3	11/11/2025	Chiều	24TC.YHCT.13	Y TẾ CỘNG ĐỒNG	TTLS	45	18	4		ThS. Dương ThS. Huyền	K. ĐD		
24TC.YS.33	11	4	12/11/2025	Sáng	24TC.YHCT.13	Y TẾ CỘNG ĐỒNG	TTLS	45	23	5		ThS. Dương ThS. Huyền	K. ĐD		
24TC.YS.33	11	4	12/11/2025	Chiều	24TC.YHCT.13	Y TẾ CỘNG ĐỒNG	TTLS	45	27	4		ThS. Dương ThS. Huyền	K. ĐD		
24TC.YS.33	11	5	13/11/2025	Sáng	24TC.YHCT.13	Y TẾ CỘNG ĐỒNG	TTLS	45	32	5		ThS. Dương ThS. Huyền	K. ĐD		
24TC.YS.33	11	5	13/11/2025	Chiều	24TC.YHCT.13	Y TẾ CỘNG ĐỒNG	TTLS	45	36	4		ThS. Dương ThS. Huyền	K. ĐD		
24TC.YS.33	11	6	14/11/2025	Sáng	24TC.YHCT.13	Y TẾ CỘNG ĐỒNG	TTLS	45	41	5		ThS. Dương ThS. Huyền	K. ĐD		
24TC.YS.33	11	6	14/11/2025	Chiều	24TC.YHCT.13	Y TẾ CỘNG ĐỒNG	TTLS	45	45*	4		ThS. Dương ThS. Huyền	K. ĐD		
24TC.YHCT.13	11	2	10/11/2025	Sáng	24TC.YS.33	Y TẾ CỘNG ĐỒNG	TTLS	45	5	5		ThS. Dương ThS. Huyền	K. ĐD		TT YT Khu vực Nha Trang
24TC.YHCT.13	11	2	10/11/2025	Chiều	24TC.YS.33	Y TẾ CỘNG ĐỒNG	TTLS	45	9	4		ThS. Dương ThS. Huyền	K. ĐD		
24TC.YHCT.13	11	3	11/11/2025	Sáng	24TC.YS.33	Y TẾ CỘNG ĐỒNG	TTLS	45	14	5		ThS. Dương ThS. Huyền	K. ĐD		
24TC.YHCT.13	11	3	11/11/2025	Chiều	24TC.YS.33	Y TẾ CỘNG ĐỒNG	TTLS	45	18	4		ThS. Dương ThS. Huyền	K. ĐD		
24TC.YHCT.13	11	4	12/11/2025	Sáng	24TC.YS.33	Y TẾ CỘNG ĐỒNG	TTLS	45	23	5		ThS. Dương ThS. Huyền	K. ĐD		
24TC.YHCT.13	11	4	12/11/2025	Chiều	24TC.YS.33	Y TẾ CỘNG ĐỒNG	TTLS	45	27	4		ThS. Dương ThS. Huyền	K. ĐD		TT YT Khu vực Nha Trang
24TC.YHCT.13	11	5	13/11/2025	Sáng	24TC.YS.33	Y TẾ CỘNG ĐỒNG	TTLS	45	32	5		ThS. Dương ThS. Huyền	K. ĐD		
24TC.YHCT.13	11	5	13/11/2025	Chiều	24TC.YS.33	Y TẾ CỘNG ĐỒNG	TTLS	45	36	4		ThS. Dương ThS. Huyền	K. ĐD		
24TC.YHCT.13	11	6	14/11/2025	Sáng	24TC.YS.33	Y TẾ CỘNG ĐỒNG	TTLS	45	41	5		ThS. Dương ThS. Huyền	K. ĐD		

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24TC.YHCT.13	11	6	14/11/2025	Chiều	24TC.YS.33	Y TẾ CỘNG ĐỒNG	TTLS	45	45*	4		ThS. Dương ThS. Huyền	K. ĐD		
25TC.YS.34	11	2	10/11/2025	Sáng		Giải phẫu - Sinh lý	LT	60	60*	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B3.3	
25TC.YS.34	11	2	10/11/2025	Chiều		Giải phẫu - Sinh lý	TH	30	24	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25TC.YS.34	11	3	11/11/2025	Sáng		Giải phẫu - Sinh lý	TH	30	28	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25TC.YS.34	11	3	11/11/2025	Chiều		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	15	15*	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.5	
25TC.YS.34	11	4	12/11/2025	Chiều		Giải phẫu - Sinh lý	TH	30	30*	2		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	
25TC.YS.34	11	5	13/11/2025	Sáng		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	LT	15	4	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B2.2	
25TC.YS.34	11	5	13/11/2025	Chiều		Thi TH Giải phẫu - Sinh lý						Ths Bs Hạnh Ths Bs Nga	Khoa Y	P. TH	Tiết 1&2
25TC.YS.34	11	6	14/11/2025	Sáng		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	TH	30	8	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.5	
25TC.YS.34	11	7	15/11/2025	Sáng	25TC.YHCT.14	Vi sinh - KST	LT	30	30*	5		CN.việt(mời)	K. KTYH	P. B2.6	
25TC.YHCT.14	11	2	10/11/2025	Chiều		Tâm lý - GDSK	LT	15	5	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B2.2	
25TC.YHCT.14	11	3	11/11/2025	Chiều		Tâm lý - GDSK	LT	15	10	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B3.3	
25TC.YHCT.14	11	4	12/11/2025	Chiều		Tâm lý - GDSK	LT	15	15*	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B2.6	
25TC.YHCT.14	11	5	13/11/2025	Sáng		Tâm lý - GDSK	TH	30	4	4		Ths Huyền	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
25TC.YHCT.14	11	5	13/11/2025	Chiều		Thi TH Giải phẫu - Sinh lý						Ths Bs Hạnh Ths Bs Nga	Khoa Y	P. TH	Tiết 3&4
25TC.YHCT.14	11	6	14/11/2025	Sáng		Tâm lý - GDSK	TH	30	8	4		Ths Huyền	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
25TC.YHCT.14	11	6	14/11/2025	Chiều		Tâm lý - GDSK	TH	30	12	4		Ths Huyền	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
25TC.YHCT.14	11	7	15/11/2025	Sáng	25TC.YHCT.14	Vi sinh - KST	LT	30	30*	5		CN.việt(mời)	K. KTYH	P. B2.6	
23CĐ.DD.18A	12	2	17/11/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	5	5	N1.1	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	12	2	17/11/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	5	5	N1.2	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	12	2	17/11/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	4	4	N2.1	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIẾN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DD.18A	12	2	17/11/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	4	4	N2.2	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	12	3	18/11/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	10	5	N1.1	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	12	3	18/11/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	10	5	N1.2	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	12	3	18/11/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	8	4	N2.1	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	12	3	18/11/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	8	4	N2.2	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	12	4	19/11/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	15	5	N1.1	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	12	4	19/11/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	15	5	N1.2	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	12	4	19/11/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	12	4	N2.1	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	12	4	19/11/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	12	4	N2.2	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	12	5	20/11/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	20	5	N1.1	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	12	5	20/11/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	20	5	N1.2	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	12	5	20/11/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	16	4	N2.1	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	12	5	20/11/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	16	4	N2.2	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	12	6	21/11/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	25	5	N1.1	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	12	6	21/11/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	25	5	N1.2	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	12	6	21/11/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	20	4	N2.1	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	12	6	21/11/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	20	4	N2.2	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	12	2	17/11/2025	Sáng		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	5	5	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	12	2	17/11/2025	Chiều		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	9	4	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	12	3	18/11/2025	Sáng		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	14	5	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	12	3	18/11/2025	Chiều		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	18	4	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	12	4	19/11/2025	Sáng		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	23	5	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DD.18B	12	4	19/11/2025	Chiều		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	27	4	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	12	5	20/11/2025	Sáng		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	32	5	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	12	5	20/11/2025	Chiều		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	36	4	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	12	6	21/11/2025	Sáng		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	41	5	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	12	6	21/11/2025	Chiều		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	45	4	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DU.13A	12	2	17/11/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	44	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	12	2	17/11/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	44	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	12	3	18/11/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	48	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	12	3	18/11/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	48	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	12	4	19/11/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	52	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	12	4	19/11/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	52	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	12	5	20/11/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	56	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	12	5	20/11/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	56	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	12	6	21/11/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	60*	4	N1	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13A	12	6	21/11/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	60*	4	N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13B	12	2	17/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	5	5		Ds. Đoàn Dung	Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	12	2	17/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	9	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	12	3	18/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	14	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	12	3	18/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	18	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	12	4	19/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	23	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	12	4	19/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	27	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	12	5	20/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	32	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DU.13B	12	5	20/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	36	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	12	6	21/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	41	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	12	6	21/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	45	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13C	12	2	17/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	5	5		Ds. CK1 Mai Lan	Khoa Dược		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.DU.13C	12	2	17/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	9	4			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13C	12	3	18/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	14	5			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13C	12	3	18/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	18	4			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13C	12	4	19/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	23	5			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13C	12	4	19/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	27	4			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13C	12	5	20/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	32	5			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13C	12	5	20/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	36	4			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13C	12	6	21/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	41	5			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13C	12	6	21/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	45	4			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13D	12	2	17/11/2025	Sáng	23CĐ.DU.13E	Kiểm nghiệm	LT	30	5	5		Ds. Trinh (Gv mời)	K. Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13D	12	3	18/11/2025	Chiều	23CĐ.DU.13E	Kiểm nghiệm	LT	30	10	5		Ds. Trinh (Gv mời)	K. Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13D	12	4	19/11/2025	Sáng	23CĐ.DU.13E	Kiểm nghiệm	LT	30	15	5		Ds. Trinh (Gv mời)	K. Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13D	12	5	20/11/2025	Chiều	23CĐ.DU.13E	Kiểm nghiệm	LT	30	20	5		Ds. Trinh (Gv mời)	K. Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13D	12	6	21/11/2025	Sáng	23CĐ.DU.13E	Kiểm nghiệm	LT	30	25	5		Ds. Trinh (Gv mời)	K. Dược	P. B2.1	
23CĐ.DU.13E	12	2	17/11/2025	Sáng	23CĐ.DU.13D	Kiểm nghiệm	LT	30	5	5		Ds. Trinh (Gv mời)	K. Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13E	12	3	18/11/2025	Chiều	23CĐ.DU.13D	Kiểm nghiệm	LT	30	10	5		Ds. Trinh (Gv mời)	K. Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13E	12	4	19/11/2025	Sáng	23CĐ.DU.13D	Kiểm nghiệm	LT	30	15	5		Ds. Trinh (Gv mời)	K. Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13E	12	5	20/11/2025	Chiều	23CĐ.DU.13D	Kiểm nghiệm	LT	30	20	5		Ds. Trinh (Gv mời)	K. Dược	P. B2.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CD.DU.13E	12	6	21/11/2025	Sáng	23CD.DU.13D	Kiểm nghiệm	LT	30	25	5		Ds. Trinh (Gv mời)	K. Dược	P. B2.1	
23CD.HA.15	12	2	17/11/2025	Sáng		Bệnh học chuyên khoa	LT	30	5	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.2	
23CD.HA.15	12	3	18/11/2025	Tối		Bệnh học chuyên khoa	LT	30	9	4		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.2	
23CD.HA.15	12	4	19/11/2025	Tối		Bệnh học chuyên khoa	LT	30	13	4		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.2	
23CD.HA.15	12	5	20/11/2025	Tối		Bệnh học chuyên khoa	LT	30	17	4		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.2	
23CD.XN.15	12	2	17/11/2025	Sáng		Vi sinh 3	TH	60	16	4		Ths Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CD.XN.15	12	2	17/11/2025	Chiều		Vi sinh 3	TH	60	20	4		Ths Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CD.XN.15	12	3	18/11/2025	Chiều		Vi sinh 3	TH	60	24	4		Ths Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CD.XN.15	12	5	20/11/2025	Chiều		Vi sinh 3	TH	60	28	4		Ths Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CD.XN.15	12	6	21/11/2025	Chiều		Hoá sinh 3	TH	60	52	4		THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CD.XN.15	12	7	22/11/2025	Sáng		Hoá sinh 3	TH	60	56	4		THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CD.XN.15	12	7	22/11/2025	Chiều		Hoá sinh 3	TH	60	60*	4		THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CD.XN.15	12	7	22/11/2025	Tối		Thi TH Hoá sinh 3						THS TRÀ & Ths. Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CD.HS.11	12	7	22/11/2025	Sáng		Sức khoẻ môi trường và vệ sinh	LT	30	25	5		ThS Nguyễn Kim Soạn	Khoa Y	P. B3.1	GV mời
23CD.HS.11	12	7	22/11/2025	Chiều		Sức khoẻ môi trường và vệ sinh	LT	30	30*	5		ThS Nguyễn Kim Soạn	Khoa Y	P. B2.2	GV mời
23CD.PHR.6	12	2	17/11/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	5	5	N1	CN.LUÂN	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CD.PHR.6	12	2	17/11/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	5	5	N2	Ths.Linh	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CD.PHR.6	12	2	17/11/2025	Chiều		KT PH Khung liên kết	LT	15	5	5		CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	P. B3.1	
23CD.PHR.6	12	3	18/11/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	10	5	N1	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
23CD.PHR.6	12	3	18/11/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	10	5	N2	Ths.Linh	K. KTYH	27PCT	
23CD.PHR.6	12	3	18/11/2025	Chiều		KT PH Khung liên kết	LT	15	10	5		CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	P. B3.1	
23CD.PHR.6	12	4	19/11/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	15	5	N1	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.PHR.6	12	4	19/11/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	15	5	N2	Ths.Linh	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	12	4	19/11/2025	Chiều		KT PH Khung liên kết	LT	15	15*	5		CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	P. B2.2	
23CĐ.PHR.6	12	5	20/11/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	20	5	N1	Ths.Trúc	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CĐ.PHR.6	12	5	20/11/2025	Sáng		KT PH Khung liên kết	TH	60	4	4	N2	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CĐ.PHR.6	12	5	20/11/2025	Chiều		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	19	4	N2	Ths.Linh	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CĐ.PHR.6	12	5	20/11/2025	Chiều		KT PH Khung liên kết	TH	60	4	4	N1	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CĐ.PHR.6	12	6	21/11/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	24	5	N2	Ths.Linh	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CĐ.PHR.6	12	6	21/11/2025	Sáng		KT PH Khung liên kết	TH	60	8	4	N1	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CĐ.PHR.6	12	6	21/11/2025	Chiều		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	24	4	N1	Ths.Trúc	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CĐ.PHR.6	12	6	21/11/2025	Chiều		KT PH Khung liên kết	TH	60	8	4	N2	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CĐ.PHR.6	12	7	22/11/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	29	5	N1	Ths.Trúc	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CĐ.PHR.6	12	7	22/11/2025	Sáng		KT PH Khung liên kết	TH	60	12	4	N2	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CĐ.PHR.6	12	7	22/11/2025	Chiều		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	28	4	N2	Ths.Linh	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CĐ.PHR.6	12	7	22/11/2025	Chiều		KT PH Khung liên kết	TH	60	12	4	N1	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CĐ.PHCN.6	12	2	17/11/2025	Sáng		BL&VLTL hệ TK - Cơ	TH	60	56	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	12	2	17/11/2025	Chiều		BL&VLTL hệ TK - Cơ	TH	60	60*	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	12	3	18/11/2025	Sáng		BL&VLTL hệ Da-Tiêu hoá-Sinh dục	TH	30	12	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	12	4	19/11/2025	Sáng		BL&VLTL hệ Da-Tiêu hoá-Sinh dục	TH	30	16	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	12	5	20/11/2025	Sáng		BL&VLTL hệ Da-Tiêu hoá-Sinh dục	TH	30	20	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	12	5	20/11/2025	Chiều		BL&VLTL hệ Da-Tiêu hoá-Sinh dục	TH	30	24	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.ĐD.19A	12	2	17/11/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	LT	30	20	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.5	
24CĐ.ĐD.19A	12	3	18/11/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	LT	30	25	5		Ths Bs Nga	Khoa Y	P. B2.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.ĐD.19A	12	4	19/11/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	LT	30	30*	5		Ths Bs Nga	Khoa Y	P. B2.5	
24CĐ.ĐD.19A	12	4	19/11/2025	Chiều	24CĐ.ĐD.19C	Dược lý	TH	30	12	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.2	
24CĐ.ĐD.19A	12	5	20/11/2025	Chiều	24CĐ.ĐD.19C	Dược lý	TH	30	16	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B4.5	
24CĐ.ĐD.19A	12	6	21/11/2025	Chiều	24CĐ.ĐD.19C	Dược lý	TH	30	20	4		DS. Dũng	K. Dược	P. B2.4	
24CĐ.ĐD.19B	12	2	17/11/2025	Chiều		Giáo dục chính trị	LT	45	15	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B3.6	
24CĐ.ĐD.19B	12	3	18/11/2025	Chiều		Giáo dục chính trị	LT	45	20	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.6	
24CĐ.ĐD.19B	12	4	19/11/2025	Chiều		Giáo dục chính trị	LT	45	25	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B3.1	
24CĐ.ĐD.19B	12	5	20/11/2025	Chiều		Giáo dục chính trị	LT	45	30	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.2	
24CĐ.ĐD.19B	12	6	21/11/2025	Chiều		Giáo dục chính trị	LT	45	35	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.2	
24CĐ.ĐD.19C	12	2	17/11/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19A	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	LT	30	20	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.5	
24CĐ.ĐD.19C	12	3	18/11/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19A	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	LT	30	25	5		Ths Bs Nga	Khoa Y	P. B2.3	
24CĐ.ĐD.19C	12	4	19/11/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19A	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	LT	30	30*	5		Ths Bs Nga	Khoa Y	P. B2.5	
24CĐ.ĐD.19C	12	4	19/11/2025	Chiều	24CĐ.ĐD.19A	Dược lý	TH	30	12	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B3.2	
24CĐ.ĐD.19C	12	5	20/11/2025	Chiều	24CĐ.ĐD.19A	Dược lý	TH	30	16	4		DS. Dũng	K. Dược	P. B4.5	
24CĐ.ĐD.19C	12	6	21/11/2025	Chiều	24CĐ.ĐD.19A	Dược lý	TH	30	20	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B2.4	
24CĐ. DU.14A	12	2	17/11/2025	Sáng	24CĐ. DU.14B	Dược liệu	LT	45	5	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.1	
24CĐ. DU.14A	12	2	17/11/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	28	4	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14A	12	3	18/11/2025	Sáng	24CĐ. DU.14B	Dược liệu	LT	45	10	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14A	12	3	18/11/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	30*	2	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	Tiết 1&2
24CĐ. DU.14A	12	3	18/11/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	30*	2	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	Tiết 3&4
24CĐ. DU.14A	12	4	19/11/2025	Sáng	24CĐ. DU.14B	Dược liệu	LT	45	15	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.1	
24CĐ. DU.14A	12	4	19/11/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	4	4	N1	Ds.Vy	K. Dược	P. TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ. DU.14A	12	5	20/11/2025	Sáng	24CĐ. DU.14B	Dược liệu	LT	45	20	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14A	12	5	20/11/2025	Chiều		Thi TH Hóa phân tích					N1&N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14A	12	6	21/11/2025	Sáng	24CĐ. DU.14B	Dược liệu	LT	45	25	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14A	12	6	21/11/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	4	4	N2	Ds.Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14A	12	7	22/11/2025	Sáng	24CĐ. DU.14B	Dược liệu	LT	45	30	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14B	12	2	17/11/2025	Sáng	24CĐ. DU.14A	Dược liệu	LT	45	5	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.1	
24CĐ. DU.14B	12	2	17/11/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	4	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	12	3	18/11/2025	Sáng	24CĐ. DU.14A	Dược liệu	LT	45	10	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14B	12	3	18/11/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	4	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	12	4	19/11/2025	Sáng	24CĐ. DU.14A	Dược liệu	LT	45	15	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.1	
24CĐ. DU.14B	12	4	19/11/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	30*	4	N1	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	Tiết 1&2
24CĐ. DU.14B	12	4	19/11/2025	Chiều		Hóa phân tích	TH	30	30*	2	N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	Tiết 3&4
24CĐ. DU.14B	12	5	20/11/2025	Sáng	24CĐ. DU.14A	Dược liệu	LT	45	20	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14B	12	5	20/11/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	8	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	12	6	21/11/2025	Sáng	24CĐ. DU.14A	Dược liệu	LT	45	25	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14B	12	6	21/11/2025	Chiều		Thi TH Hóa phân tích					N1&N2	ThS. Đình Hải	K. KHCB	P. TH	
24CĐ. DU.14B	12	7	22/11/2025	Sáng	24CĐ. DU.14A	Dược liệu	LT	45	30	5		Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14B	12	7	22/11/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	8	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14C	12	2	17/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14D	Bệnh học	LT	45	40	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.3	
24CĐ. DU.14C	12	3	18/11/2025	Sáng		Dược lý	TH	60	4	4		Ths.Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.6	
24CĐ. DU.14C	12	3	18/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14D	Dược lý	LT	45	25	5		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14C	12	4	19/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14D	Bệnh học	LT	45	45*	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.4	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ. DU.14C	12	5	20/11/2025	Sáng		Dược lý	TH	60	8	4		Ths.Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.2	
24CĐ. DU.14C	12	5	20/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14D	Dược lý	LT	45	30	5		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14C	12	6	21/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14D	Dược lý	LT	45	35	5		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14D	12	2	17/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14C	Bệnh học	LT	45	40	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.3	
24CĐ. DU.14D	12	3	18/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14C	Dược lý	LT	45	25	5		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14D	12	4	19/11/2025	Sáng		Dược lý	TH	60	4	4		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.2	
24CĐ. DU.14D	12	4	19/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14C	Bệnh học	LT	45	45*	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.4	
24CĐ. DU.14D	12	5	20/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14C	Dược lý	LT	45	30	5		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14D	12	6	21/11/2025	Sáng		Dược lý	TH	60	8	4		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.2	
24CĐ. DU.14D	12	6	21/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14C	Dược lý	LT	45	35	5		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ.HA.16	12	3	18/11/2025	Chiều		Kỹ thuật phòng tối	TH	30	30*	2		CN Hùng	K. KTYH	P. TH	
24CĐ.XN.16	12	2	17/11/2025	Chiều		Ký sinh trùng 1	TH	30	16	4		Ths.Phước	K. KTYH	P. TH	27 PCT
24CĐ.XN.16	12	3	18/11/2025	Chiều		Ký sinh trùng 1	TH	30	20	4		Ths.Phước	K. KTYH	P. TH	27 PCT
24CĐ.XN.16	12	4	19/11/2025	Chiều		Ký sinh trùng 1	TH	30	24	4		Ths.Phước	K. KTYH	P. TH	27 PCT
24CĐ.XN.16	12	6	21/11/2025	Sáng		Ký sinh trùng 1	TH	30	28	4		Ths.Phước	K. KTYH	P. TH	27 PCT
24CĐ.HS.12	12	2	17/11/2025	Chiều		Dược lý	TH	30	20	4		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.2	
24CĐ.HS.12	12	4	19/11/2025	Chiều		Dược lý	TH	30	24	4		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.6	
24CĐ.HS.12	12	7	22/11/2025	Sáng		Dược lý	TH	30	28	4		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.2	
24CĐ.PHR.7	12	2	17/11/2025	Sáng		Vật liệu PHR	LT	15	5	5		CN.ANH	K. KTYH	P. B3.3	
24CĐ.PHR.7	12	2	17/11/2025	Chiều		THI Tạo mẫu & KT sáp	TH					CN.Anh, CN.luân	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	12	3	18/11/2025	Sáng		Vật liệu PHR	LT	15	10	5		CN.ANH	K. KTYH	P. B3.1	
24CĐ.PHR.7	12	3	18/11/2025	Chiều		THI Tạo mẫu & KT nhựa						CN.Anh, CN.luân	K. KTYH	P. TH	27PCT

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.PHR.7	12	4	19/11/2025	Sáng		Vật liệu PHR	LT	15	15*	5		CN.ANH	K. KTYH	P. B3.1	
24CĐ.PHR.7	12	5	20/11/2025	Sáng		Vật liệu PHR	TH	30	4	4	N1	CN.LUÂN	K. KTYH	P. TH	27 PCT
24CĐ.PHR.7	12	5	20/11/2025	Chiều		Vật liệu PHR	TH	30	4	4	N2	CN.LUÂN	K. KTYH	P. TH	27PCT
24CĐ.PHR.7	12	6	21/11/2025	Sáng		Vật liệu PHR	TH	30	8	4	N1	CN.LUÂN	K. KTYH	P. TH	27PCT
24CĐ.PHR.7	12	6	21/11/2025	Chiều		Vật liệu PHR	TH	30	8	4	N2	CN.LUÂN	K. KTYH	P. TH	27PCT
24CĐ.PHCN.7	12	2	17/11/2025	Sáng		Lượng giá chức năng vận động	TH	90	20	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	12	2	17/11/2025	Chiều		Lượng giá chức năng vận động	TH	90	24	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	12	3	18/11/2025	Sáng		Lượng giá chức năng vận động	TH	90	28	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	12	3	18/11/2025	Chiều		Lượng giá chức năng vận động	TH	90	32	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	12	4	19/11/2025	Sáng		Lượng giá chức năng vận động	TH	90	36	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	12	4	19/11/2025	Chiều		Lượng giá chức năng vận động	TH	90	40	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	12	5	20/11/2025	Sáng		Lượng giá chức năng vận động	TH	90	44	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	12	5	20/11/2025	Chiều		Lượng giá chức năng vận động	TH	90	48	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	12	6	21/11/2025	Sáng		Lượng giá chức năng vận động	TH	90	52	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	12	6	21/11/2025	Chiều		Lượng giá chức năng vận động	TH	90	56	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	12	7	22/11/2025	Sáng		Lượng giá chức năng vận động	TH	90	60	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	12	7	22/11/2025	Chiều		Lượng giá chức năng vận động	TH	90	64	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
25CĐ.ĐD.20A	12	2	17/11/2025	Sáng		Y đức	LT	30	5	5		Ths.Minh Son	P. ĐT	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20A	12	3	18/11/2025	Sáng		Y đức	LT	30	10	5		Ths.Minh Son	P. ĐT	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20A	12	4	19/11/2025	Sáng		Y đức	LT	30	15	5		Ths.Sang	Khoa ĐD	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20A	12	5	20/11/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20B	Hóa sinh	LT	15	5	5		Ths Quỳnh	K. KTYH	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20A	12	6	21/11/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20B	Hóa sinh	LT	15	10	5		Ths Quỳnh	K. KTYH	P. B2.4	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.ĐD.20A	12	7	22/11/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20B	Hóa sinh	LT	15	15*	5		Ths Quỳnh	K. KTYH	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20B	12	2	17/11/2025	Sáng		Y đức	LT	30	5	5		Ths.Sang	Khoa ĐD	P. B3.4	
25CĐ.ĐD.20B	12	3	18/11/2025	Sáng		Y đức	LT	30	10	5		Ths.Sang	Khoa ĐD	P. B4.5	
25CĐ.ĐD.20B	12	4	19/11/2025	Sáng		Y đức	LT	30	15	5		Ths.Minh Son	P. ĐT	P. B3.2	
25CĐ.ĐD.20B	12	5	20/11/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20A	Hóa sinh	LT	15	5	5		Ths Quỳnh	K. KTYH	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20B	12	6	21/11/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20A	Hóa sinh	LT	15	10	5		Ths Quỳnh	K. KTYH	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20B	12	7	22/11/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20A	Hóa sinh	LT	15	15*	5		Ths Quỳnh	K. KTYH	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20C	12	2	17/11/2025	Sáng		GDTC	TH	60	28	4		Th.s Diệp Tế	K. KTYH	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20C	12	2	17/11/2025	Chiều	25CĐ.ĐD.20Đ	Giải phẫu	LT	30	25	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.5	
25CĐ.ĐD.20C	12	3	18/11/2025	Sáng		GDTC	TH	60	32	4		Th.s Diệp Tế	K. KTYH	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20C	12	3	18/11/2025	Chiều	25CĐ.ĐD.20Đ	Giải phẫu	LT	30	30*	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B3.4	
25CĐ.ĐD.20C	12	4	19/11/2025	Sáng		GDTC	TH	60	36	4		Th.s Diệp Tế	K. KTYH	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20C	12	4	19/11/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	4	4	N1	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20C	12	4	19/11/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	4	4	N2	Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20C	12	5	20/11/2025	Sáng		GDTC	TH	60	40	4		Th.s Diệp Tế	K. KTYH	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20C	12	6	21/11/2025	Sáng		GDTC	TH	60	44	4		Th.s Diệp Tế	K. KTYH	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20C	12	6	21/11/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	8	4	N1	Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20C	12	6	21/11/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	8	4	N2	CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20C	12	7	22/11/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	12	4	N1	CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20C	12	7	22/11/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	12	4	N2	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ. DU.15A	12	2	17/11/2025	Sáng		Giáo dục chính trị	TH	30	8	4		Cn.Dung	K. KHCB	P. B2.6	
25CĐ. DU.15A	12	2	17/11/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	LT	30	10	5		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B3.2	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ. DU.15A	12	3	18/11/2025	Sáng		Giáo dục chính trị	TH	30	12	4		Ths.Hiền (01 Tiết) Cn.Dung (03 Tiết)	K. KHCB	P. B3.2	
25CĐ. DU.15A	12	3	18/11/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	LT	30	15	5		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B3.2	
25CĐ. DU.15A	12	4	19/11/2025	Sáng		Giáo dục chính trị	TH	30	16	4		Cn.Dung	K. KHCB	P. B2.6	
25CĐ. DU.15A	12	4	19/11/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	LT	30	20	5		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B2.3	
25CĐ. DU.15A	12	5	20/11/2025	Sáng		Giáo dục chính trị	TH	30	20	4		Cn.Dung	K. KHCB	P. B3.1	
25CĐ. DU.15A	12	5	20/11/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	LT	30	25	5		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ. DU.15A	12	6	21/11/2025	Sáng		Giáo dục chính trị	TH	30	24	4		Cn.Dung	K. KHCB	P. B2.5	
25CĐ. DU.15A	12	6	21/11/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	LT	30	30*	5		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B2.6	
25CĐ. DU.15B	12	2	17/11/2025	Sáng		Giáo dục chính trị	TH	30	7	3		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B3.1	
25CĐ. DU.15B	12	2	17/11/2025	Tối		Giáo dục chính trị	TH	30	8	1		Cn.Dung	K. KHCB	P. B2.2	
25CĐ. DU.15B	12	2	17/11/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	LT	30	10	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.6	
25CĐ. DU.15B	12	3	18/11/2025	Sáng		Giáo dục chính trị	TH	30	12	4		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B3.3	
25CĐ. DU.15B	12	3	18/11/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	LT	30	15	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.2	
25CĐ. DU.15B	12	4	19/11/2025	Sáng		Giáo dục chính trị	TH	30	16	4		ThS. Vân Anh	K. KHCB	P. B3.3	
25CĐ. DU.15B	12	4	19/11/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	LT	30	20	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.5	
25CĐ. DU.15B	12	5	20/11/2025	Sáng		Giáo dục chính trị	TH	30	20	4		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B3.2	
25CĐ. DU.15B	12	5	20/11/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	LT	30	25	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ. DU.15B	12	6	21/11/2025	Sáng		Giáo dục chính trị	TH	30	24	4		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.6	
25CĐ. DU.15B	12	6	21/11/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	LT	30	30*	5		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B3.3	
25CĐ. DU.15B	12	7	21/11/2025	Sáng		Tin học	TH	60	28	4	N3	ThS. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	12	7	21/11/2025	Chiều		Tin học	TH	60	32	4	N3	ThS. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	12	2	17/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Sinh lý	LT	30	15	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.4	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.HA.17	12	3	18/11/2025	Sáng	MHTC 1	Hoá học	LT	30	30*	5		ThS. Đinh Hải	K. KHCB	P. B2.2	
25CĐ.HA.17	12	3	18/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	LT	30	30*	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.HA.17	12	4	19/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	4	4	N1	CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.HA.17	12	5	20/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Sinh lý	LT	30	20	5		Ths Bs Nga	Khoa Y	P. B3.2	
25CĐ.HA.17	12	6	21/11/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	8	4	N1	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.HA.17	12	6	21/11/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	4	4	N2	CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.HA.17	12	6	21/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	12	4	N1	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.HA.17	12	6	21/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	8	4	N2	Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.XN.17	12	2	17/11/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Sinh lý	LT	30	15	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B3.4	
25CĐ.XN.17	12	3	18/11/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	LT	30	30*	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.XN.17	12	4	19/11/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	4	4	N1	CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.XN.17	12	5	20/11/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Sinh lý	LT	30	20	5		Ths Bs Nga	Khoa Y	P. B3.2	
25CĐ.XN.17	12	6	21/11/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	8	4	N1	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.XN.17	12	6	21/11/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	4	4	N2	CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.XN.17	12	6	21/11/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	12	4	N1	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.XN.17	12	6	21/11/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	8	4	N2	Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.HS.13	12	2	17/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HA.17	Sinh lý	LT	30	15	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.HS.13	12	3	18/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HA.17	Giải phẫu	LT	30	30*	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.HS.13	12	4	19/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HA.17	Giải phẫu	TH	30	4	4	N1	CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.HS.13	12	5	20/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HA.17	Sinh lý	LT	30	20	5		Ths Bs Nga	Khoa Y	P. B3.2	
25CĐ.HS.13	12	6	21/11/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HA.17	Giải phẫu	TH	30	8	4	N1	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.HS.13	12	6	21/11/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HA.17	Giải phẫu	TH	30	4	4	N2	CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.HS.13	12	6	21/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HA.17	Giải phẫu	TH	30	8	4	N2	Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.HS.13	12	6	21/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HA.17	Giải phẫu	TH	30	12	4	N1	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.PHR.8	12	2	17/11/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Giáo dục chính trị	LT	45	5	5		Cn.Dung	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.PHR.8	12	3	18/11/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Giáo dục chính trị	LT	45	10	5		Cn.Dung	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ.PHR.8	12	4	19/11/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Giáo dục chính trị	LT	45	15	5		Cn.Dung	K. KHCB	P. B3.4	
25CĐ.PHR.8	12	5	20/11/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Giáo dục chính trị	LT	45	20	5		Cn.Dung	K. KHCB	P. B3.4	
25CĐ.PHR.8	12	7	22/11/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Tiếng Anh 1	LT	30	5	5		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.3	
25CĐ.PHCN.8	12	2	17/11/2025	Chiều	25CĐ.PHR.8	Giáo dục chính trị	LT	45	5	5		Cn.Dung	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.PHCN.8	12	3	18/11/2025	Chiều	25CĐ.PHR.8	Giáo dục chính trị	LT	45	10	5		Cn.Dung	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ.PHCN.8	12	4	19/11/2025	Chiều	25CĐ.PHR.8	Giáo dục chính trị	LT	45	15	5		Cn.Dung	K. KHCB	P. B3.4	
25CĐ.PHCN.8	12	5	20/11/2025	Chiều	25CĐ.PHR.8	Giáo dục chính trị	LT	45	20	5		Cn.Dung	K. KHCB	P. B3.4	
25CĐ.PHCN.8	12	7	22/11/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	Tiếng Anh 1	LT	30	5	5		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.3	
24TC.YS.33	12	2	17/11/2025	Sáng		THỰC TẬP LS SẴN	TTLS	90	5	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	12	2	17/11/2025	Chiều		THỰC TẬP LS SẴN	TTLS	90	9	4			Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	12	3	18/11/2025	Sáng		THỰC TẬP LS SẴN	TTLS	90	14	5			Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	12	3	18/11/2025	Chiều		THỰC TẬP LS SẴN	TTLS	90	18	4			Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	12	4	19/11/2025	Sáng		THỰC TẬP LS SẴN	TTLS	90	23	5			Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	12	4	19/11/2025	Chiều		THỰC TẬP LS SẴN	TTLS	90	27	4			Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	12	5	20/11/2025	Sáng		THỰC TẬP LS SẴN	TTLS	90	32	5			Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	12	5	20/11/2025	Chiều		THỰC TẬP LS SẴN	TTLS	90	36	4			Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	12	6	21/11/2025	Sáng		THỰC TẬP LS SẴN	TTLS	90	41	5			Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	12	6	21/11/2025	Chiều		THỰC TẬP LS SẴN	TTLS	90	45	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV 22-12

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24TC.YS.33	12	7	22/11/2025	Chiều		Dinh dưỡng, Vệ sinh ATTP	LT	30	30*	5		ThS. Đinh Hải	Khoa Y	P. B2.6	
24TC.YHCT.13	12	2	17/11/2025	Chiều		Bài thuốc cổ phương	LT	30	5	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B3.5	
24TC.YHCT.13	12	3	18/11/2025	Chiều		Bài thuốc cổ phương	LT	30	10	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B3.5	
24TC.YHCT.13	12	4	19/11/2025	Chiều		Bài thuốc cổ phương	LT	30	15	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B3.5	
24TC.YHCT.13	12	5	20/11/2025	Sáng		Bệnh học Y học cổ truyền II	LT	30	5	5		BS Phúc	Khoa Y	P. B2.6	
24TC.YHCT.13	12	6	21/11/2025	Sáng		Bệnh học Y học cổ truyền II	LT	30	10	5		BS Phúc	Khoa Y	P. B3.3	
24TC.YHCT.13	12	7	22/11/2025	Sáng		Bệnh học Y học cổ truyền II	LT	30	15	5		BS Phúc	Khoa Y	P. B2.6	
25TC.YS.34	12	2	17/11/2025	Chiều		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	TH	30	12	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.3	
25TC.YS.34	12	3	18/11/2025	Sáng		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	TH	30	16	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.6	
25TC.YS.34	12	4	19/11/2025	Sáng		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	TH	30	20	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.5	
25TC.YS.34	12	5	20/11/2025	Sáng		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	TH	30	24	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.5	
25TC.YS.34	12	6	21/11/2025	Sáng		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	TH	30	28	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.5	
25TC.YS.34	12	6	21/11/2025	Tối		Kỹ năng giao tiếp - GDSK	TH	30	30	2		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B2.2	
25TC.YHCT.14	12	2	17/11/2025	Sáng		Tâm lý - GDSK	TH	30	16	4		Ths Huyền	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
25TC.YHCT.14	12	3	18/11/2025	Sáng		Tâm lý - GDSK	TH	30	20	4		Ths Huyền	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
25TC.YHCT.14	12	4	19/11/2025	Sáng		Tâm lý - GDSK	TH	30	24	4		Ths Huyền	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
25TC.YHCT.14	12	5	20/11/2025	Sáng		Tâm lý - GDSK	TH	30	28	4		Ths Huyền	Khoa Y	P. 2.13	27PCT
25TC.YHCT.14	12	6	21/11/2025	Sáng		Tâm lý - GDSK	TH	30	30*	2		Ths Huyền	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT (T3&4 Thi TH)
23CĐ.DD.18A	13	2	24/11/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	25	5	N2.1	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	13	2	24/11/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	25	5	N2.2	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	13	2	24/11/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	29	4	N1.1	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	13	2	24/11/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	29	4	N1.2	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHIẾP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIẾN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DD.18A	13	3	25/11/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	30	5	N2.1	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	13	3	25/11/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	30	5	N2.2	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	13	3	25/11/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	33	4	N1.1	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	13	3	25/11/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	33	4	N1.2	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	13	4	26/11/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	35	5	N2.1	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	13	4	26/11/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	35	5	N2.2	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	13	4	26/11/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	37	4	N1.1	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	13	4	26/11/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	37	4	N1.2	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	13	5	27/11/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	40	5	N2.1	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	13	5	27/11/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	40	5	N2.2	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	13	5	27/11/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	41	4	N1.1	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	13	5	27/11/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	41	4	N1.2	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	13	6	28/11/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	45*	5	N2.1	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	13	6	28/11/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	45*	5	N2.2	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	13	6	28/11/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	45*	4	N1.1	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18A	13	6	28/11/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	45*	4	N1.2	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	13	2	24/11/2025	Sáng		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	50	5	N1&N2	ThS. Huyền ThS. Dương	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	13	2	24/11/2025	Chiều		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	54	4	N1&N2	ThS. Huyền ThS. Dương	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	13	3	25/11/2025	Sáng		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	59	5	N1&N2	ThS. Huyền ThS. Dương	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	13	3	25/11/2025	Chiều		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	63	4	N1&N2	ThS. Huyền ThS. Dương	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	13	4	26/11/2025	Sáng		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	68	5	N1&N2	ThS. Huyền ThS. Dương	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	13	4	26/11/2025	Chiều		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	72	4	N1&N2	ThS. Huyền ThS. Dương	K. ĐD		BV ĐK KH

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DD.18B	13	5	27/11/2025	Sáng		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	77	5	N1&N2	ThS. Huyền ThS. Dương	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	13	5	27/11/2025	Chiều		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	81	4	N1&N2	ThS. Huyền ThS. Dương	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	13	6	28/11/2025	Sáng		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	86	5	N1&N2	ThS. Huyền ThS. Dương	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	13	6	28/11/2025	Chiều		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	90*	4	N1&N2	ThS. Huyền ThS. Dương	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DU.13A	13	2	24/11/2025	Sáng		Thi TH Kiểm nghiệm					N1&N2	Dsck1. Quảng	K. Dược	PTH	
23CĐ.DU.13B	13	2	24/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	50	5		Ds Đoàn Dung	Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	13	2	24/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	54	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	13	3	25/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	59	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	13	3	25/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	63	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	13	4	26/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	68	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	13	4	26/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	72	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	13	5	27/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	77	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	13	5	27/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	81	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	13	6	28/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	86	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	13	6	28/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	90	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13C	13	2	24/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	50	5		Dsck1.Mai Lan	Khoa Dược		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.DU.13C	13	2	24/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	54	4			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13C	13	3	25/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	59	5			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13C	13	3	25/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	63	4			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13C	13	4	26/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	68	5			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13C	13	4	26/11/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	72	4			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13C	13	5	27/11/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	77	5			Khoa Dược		

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DU.13C	13	5	27/11/2025	Chiều		DUỐC LÂM SÀNG	TTLS	135	81	4			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13C	13	6	28/11/2025	Sáng		DUỐC LÂM SÀNG	TTLS	135	86	5			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13C	13	6	28/11/2025	Chiều		DUỐC LÂM SÀNG	TTLS	135	90	4			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13D	13	2	24/11/2025	Chiều	23CĐ.DU.13E	Kiểm nghiệm	LT	30	30*	5		Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13D	13	3	25/11/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	4	4	N1	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	13	3	25/11/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	4	4	N2	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	13	5	27/11/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	8	4	N1	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	13	5	27/11/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	8	4	N2	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13E	13	2	24/11/2025	Chiều	23CĐ.DU.13E	Kiểm nghiệm	LT	30	30*	5		Ds. Trinh (Gv mời)	K. Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13E	13	4	26/11/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	4	4	N1	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13E	13	4	26/11/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	4	4	N2	Ds. Son (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13E	13	6	28/11/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	8	4	N1	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	P. TH	
23CĐ.DU.13E	13	6	28/11/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	8	4	N2	Ds. Son (GV mời)	K. Dược	P. TH	
23CĐ.HA.15	13	3	25/11/2025	Sáng		Bệnh học chuyên khoa	LT	30	22	5		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B3.3	
23CĐ.HA.15	13	4	26/11/2025	Chiều		Bệnh học chuyên khoa	LT	30	27	5		ThS. Bs. Mỹ Lnh	Khoa KTYH	P. B3.3	
23CĐ.HA.15	13	5	27/11/2025	Chiều		Bệnh học chuyên khoa	LT	30	29	2		ThS. Bs. Mỹ Lnh	Khoa KTYH	P. B2.2	Tiết 1&2
23CĐ.HA.15	13	5	27/11/2025	Chiều		Bệnh học chuyên khoa	LT	30	30*	1		Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.2	Tiết 3
23CĐ.XN.15	13	2	24/11/2025	Sáng		Ký sinh trùng 3	LT	15	5	5		Ths.Phước	K. KTYH	P. 2.2	
23CĐ.XN.15	13	3	25/11/2025	Sáng		Ký sinh trùng 3	LT	15	10	5		Ths.Phước	K. KTYH	P. B2.6	
23CĐ.XN.15	13	4	26/11/2025	Sáng		Vi sinh 3	TH	60	32	4		Ths Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27 PCT
23CĐ.XN.15	13	4	26/11/2025	Chiều		Ký sinh trùng 3	LT	15	15*	5		Ths.Phước	K. KTYH	P. B2.2	
23CĐ.XN.15	13	6	28/11/2025	Sáng		Ký sinh trùng 3	TH	30	4	4		Ths.Phước	K. KTYH	P. TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CD.HS.11	13	2	24/11/2025	Sáng		CHĂM SÓC SAU ĐẼ	TTLS	45	5	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV 22-12
23CD.HS.11	13	2	24/11/2025	Chiều		CHĂM SÓC SAU ĐẼ	TTLS	45	9	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV 22-12
23CD.HS.11	13	3	25/11/2025	Sáng		CHĂM SÓC SAU ĐẼ	TTLS	45	14	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV 22-12
23CD.HS.11	13	3	25/11/2025	Chiều		CHĂM SÓC SAU ĐẼ	TTLS	45	18	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV 22-12
23CD.HS.11	13	4	26/11/2025	Sáng		CHĂM SÓC SAU ĐẼ	TTLS	45	23	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV 22-12
23CD.HS.11	13	4	26/11/2025	Chiều		CHĂM SÓC SAU ĐẼ	TTLS	45	27	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV 22-12
23CD.HS.11	13	5	27/11/2025	Sáng		CHĂM SÓC SAU ĐẼ	TTLS	45	32	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV 22-12
23CD.HS.11	13	5	27/11/2025	Chiều		CHĂM SÓC SAU ĐẼ	TTLS	45	36	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV 22-12
23CD.HS.11	13	6	28/11/2025	Sáng		CHĂM SÓC SAU ĐẼ	TTLS	45	41	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV 22-12
23CD.HS.11	13	6	28/11/2025	Chiều		CHĂM SÓC SAU ĐẼ	TTLS	45	45*	4			Khoa Y		BV 22-12
23CD.PHR.6	13	2	24/11/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	33	5	N2	Ths.Linh	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CD.PHR.6	13	2	24/11/2025	Sáng		KT PH Khung liên kết	TH	60	16	4	N1	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CD.PHR.6	13	2	24/11/2025	Chiều		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	33	4	N1	Ths.Trúc	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CD.PHR.6	13	2	24/11/2025	Chiều		KT PH Khung liên kết	TH	60	16	4	N2	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CD.PHR.6	13	3	25/11/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	38	5	N1	Ths.Trúc	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CD.PHR.6	13	3	25/11/2025	Sáng		KT PH Khung liên kết	TH	60	20	4	N2	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CD.PHR.6	13	3	25/11/2025	Chiều		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	37	4	N2	Ths.Linh	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CD.PHR.6	13	3	25/11/2025	Chiều		KT PH Khung liên kết	TH	60	20	4	N1	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CD.PHR.6	13	4	26/11/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	42	5	N2	Ths.Linh	K. KTYH	27PCT	
23CD.PHR.6	13	4	26/11/2025	Sáng		KT PH Khung liên kết	TH	60	24	4	N1	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	27PCT	
23CD.PHR.6	13	4	26/11/2025	Chiều		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	42	4	N1	Ths.Trúc	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CD.PHR.6	13	4	26/11/2025	Chiều		KT PH Khung liên kết	TH	60	24	4	N2	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	P. TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GẮP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.PHR.6	13	5	27/11/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	47	5	N1	Ths.Trúc	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CĐ.PHR.6	13	5	27/11/2025	Sáng		KT PH Khung liên kết	TH	60	28	4	N2	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CĐ.PHR.6	13	5	27/11/2025	Chiều		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	46	4	N2	Ths.Linh	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CĐ.PHR.6	13	5	27/11/2025	Chiều		KT PH Khung liên kết	TH	60	28	4	N1	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.PHR.6	13	6	28/11/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	51	5	N2	Ths.Linh	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CĐ.PHR.6	13	6	28/11/2025	Sáng		KT PH Khung liên kết	TH	60	32	4	N1	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CĐ.PHR.6	13	6	28/11/2025	Chiều		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	51	4	N1	Ths.Trúc	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CĐ.PHR.6	13	6	28/11/2025	Chiều		KT PH Khung liên kết	TH	60	32	4	N2	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CĐ.PHR.6	13	7	29/11/2025	Sáng		KT PH Khung liên kết	TH	60	36	4	N1	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	13	7	29/11/2025	Chiều		KT PH Khung liên kết	TH	60	36	4	N2	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CĐ.PHCN.6	13	3	25/11/2025	Sáng		BL&VLTL hệ Đa-Tiêu hoá-Sinh dục	TH	30	28	4		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
23CĐ.PHCN.6	13	4	26/11/2025	Sáng		BL&VLTL hệ Đa-Tiêu hoá-Sinh dục	TH	30	30*	2		CN Mai Lan	Khoa Y	P2.15	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.ĐD.19A	13	2	24/11/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Dược lý	TH	30	24	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B4.5	
24CĐ.ĐD.19A	13	3	25/11/2025	Chiều	24CĐ.ĐD.19C	Dược lý	TH	30	28	4		DS. Dũng	K. Dược	P. B2.4	
24CĐ.ĐD.19A	13	5	27/11/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Dược lý	TH	30	30*	2		DS. Dũng	K. Dược	P. B3.4	
24CĐ.ĐD.19B	13	2	24/11/2025	Sáng		Giáo dục chính trị	LT	45	40	5		Ths.Dung	K. KHCB	P. B3.1	
24CĐ.ĐD.19B	13	3	25/11/2025	Sáng		Giáo dục chính trị	LT	45	45*	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B3.5	
24CĐ.ĐD.19B	13	4	26/11/2025	Sáng		Pháp luật	LT	30	5	5		Ths.Dung	K. KHCB	P. B2.2	
24CĐ.ĐD.19B	13	4	26/11/2025	Chiều		Giáo dục chính trị	TH	30	4	4		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.3	
24CĐ.ĐD.19B	13	5	27/11/2025	Sáng		Giáo dục chính trị	TH	30	8	4		Ths.Dung	K. KHCB	P. B2.3	
24CĐ.ĐD.19B	13	6	28/11/2025	Sáng		Pháp luật	LT	30	10	5		Ths.Dung	K. KHCB	P. B2.5	
24CĐ.ĐD.19B	13	6	28/11/2025	Chiều		Giáo dục chính trị	TH	30	12	4		Ths.Dung	K. KHCB	P. B2.2	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.ĐD.19C	13	2	24/11/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19A	Dược lý	TH	30	24	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B4.5	
24CĐ.ĐD.19C	13	3	25/11/2025	Chiều	24CĐ.ĐD.19A	Dược lý	TH	30	28	4		Ds. Dũng	K. Dược	P. B2.4	
24CĐ.ĐD.19C	13	5	27/11/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19A	Dược lý	TH	30	30*	2		DS. Dũng	K. Dược	P. B3.4	
24CĐ. DU.14A	13	2	24/11/2025	Sáng	24CĐ. DU.14B	Dược liệu	LT	45	35	5		Ds. Đoan Dung	K. Dược	P. B2.4	
24CĐ. DU.14A	13	2	24/11/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	8	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14A	13	3	25/11/2025	Sáng	24CĐ. DU.14B	Dược liệu	LT	45	40	5		Ds. Đoan Dung	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14A	13	3	25/11/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	8	4	N2	Ds.Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14A	13	4	26/11/2025	Sáng	24CĐ. DU.14B	Dược liệu	LT	45	45*	5		Ds. Đoan Dung	K. Dược	P. B2.1	
24CĐ. DU.14A	13	4	26/11/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	12	4	N1	Ds.Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14A	13	5	27/11/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	12	4	N2	Ds.Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14A	13	6	28/11/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	16	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14A	13	6	28/11/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	16	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	13	2	24/11/2025	Sáng	24CĐ. DU.14A	Dược liệu	LT	45	35	5		Ds. Đoan Dung	K. Dược	P. B2.4	
24CĐ. DU.14B	13	2	24/11/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	12	4	N1	Ds. Đoan Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	13	3	25/11/2025	Sáng	24CĐ. DU.14A	Dược liệu	LT	45	40	5		Ds. Đoan Dung	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14B	13	3	25/11/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	12	4	N2	Ds. Đoan Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	13	4	26/11/2025	Sáng	24CĐ. DU.14A	Dược liệu	LT	45	45*	5		Ds. Đoan Dung	K. Dược	P. B2.1	
24CĐ. DU.14B	13	4	26/11/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	16	4	N1	Ds. Đoan Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	13	5	27/11/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	16	4	N2	Ds. Đoan Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	13	6	28/11/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	20	4	N1	Ds. Đoan Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	13	6	28/11/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	20	4	N2	Ds. Đoan Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14C	13	2	24/11/2025	Sáng		Dược lý	TH	60	12	4		Ths.Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.4	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ. DU.14C	13	2	24/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14D	Dược lý	LT	45	40	5		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.4	
24CĐ. DU.14C	13	3	25/11/2025	Sáng	24CĐ. DU.14D	Dược lý	LT	45	45*	5		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14C	13	4	26/11/2025	Sáng		Dược lý	TH	60	16	4		Ths.Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B3.3	
24CĐ. DU.14C	13	5	27/11/2025	Sáng		Dược lý	TH	60	20	4		Ths.Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.6	
24CĐ. DU.14C	13	6	28/11/2025	Sáng		Dược lý	TH	60	24	4		Ths.Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.1	
24CĐ. DU.14D	13	2	24/11/2025	Chiều	24CĐ. DU.14C	Dược lý	LT	45	40	5		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.4	
24CĐ. DU.14D	13	3	25/11/2025	Sáng	24CĐ. DU.14C	Dược lý	LT	45	45*	5		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14D	13	3	25/11/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	12	4		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14D	13	4	26/11/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	16	4		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.6	
24CĐ. DU.14D	13	5	27/11/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	20	4		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14D	13	6	28/11/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	24	4		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ.HA.16	13	2	24/11/2025	Sáng		Giải phẫu X Quang	LT	30	5	5		Bs Hiếu	K. KTYH	P. B2.6	
24CĐ.HA.16	13	3	25/11/2025	Sáng		Giải phẫu X Quang	LT	30	10	5		Bs Hiếu	K. KTYH	P. 2.2	
24CĐ.HA.16	13	4	26/11/2025	Sáng		Giải phẫu X Quang	LT	30	15	5		Bs Hiếu	K. KTYH	P. B2.6	
24CĐ.HA.16	13	5	27/11/2025	Sáng		Giải phẫu X Quang	LT	30	20	5		Bs Hiếu	K. KTYH	P. B2.2	
24CĐ.HA.16	13	6	28/11/2025	Sáng		Giải phẫu X Quang	LT	30	25	5		Bs Hiếu	K. KTYH	P. B2.6	
24CĐ.XN.16	13	2	24/11/2025	Sáng		Ký sinh trùng 1	TH	30	30*	2		Ths.Phước	K. KTYH	P. TH	27 PCT
24CĐ.XN.16	13	2	24/11/2025	Chiều		Hoá sinh 1	LT	30	15	5		THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27 PCT
24CĐ.XN.16	13	3	25/11/2025	Sáng		Hoá sinh 1	TH	30	4	4		THS TRÀ	K. KTYH	27 PCT	
24CĐ.XN.16	13	3	25/11/2025	Chiều		Hoá sinh 1	LT	30	20	5		THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27 PCT
24CĐ.XN.16	13	4	26/11/2025	Sáng		Thi TH Ký sinh trùng 1						Ths.Phước &Ths.Đức	K. KTYH	P. TH	27 PCT
24CĐ.XN.16	13	4	26/11/2025	Chiều		Hoá sinh 1	LT	30	25	5		THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27 PCT

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.XN.16	13	5	27/11/2025	Sáng		Hoá sinh 1	TH	30	8	4		THS TRÀ	K. KTYH	27 PCT	
24CĐ.XN.16	13	5	27/11/2025	Chiều		Hoá sinh 1	LT	30	30*	5		THS TRÀ	K. KTYH	P. TH	27 PCT
24CĐ.HS.12	13	4	26/11/2025	Sáng		Dược lý	TH	30	30*	2		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B3.5	
24CĐ.HS.12	13	5	27/11/2025	Sáng		Thi TH Dược lý						DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B3.1	
24CĐ.PHR.7	13	2	24/11/2025	Sáng		Vật liệu PHR	TH	30	12	4	N1	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	13	2	24/11/2025	Chiều		Vật liệu PHR	TH	30	12	4	N2	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	13	3	25/11/2025	Sáng		Vật liệu PHR	TH	30	16	4	N1	CN.LUÂN	K. KTYH	P. TH	27PCT
24CĐ.PHR.7	13	3	25/11/2025	Sáng		Vật liệu PHR	TH	30	16	4	N2	CN.LUÂN	K. KTYH	P. TH	27PCT
24CĐ.PHR.7	13	4	26/11/2025	Sáng		Vật liệu PHR	TH	30	20	4	N1	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	13	4	26/11/2025	Chiều		Vật liệu PHR	TH	30	20	4	N2	CN.LUÂN	K. KTYH	P. TH	27PCT
24CĐ.PHR.7	13	5	27/11/2025	Sáng		Vật liệu PHR	TH	30	24	4	N1	CN.LUÂN	K. KTYH	P. TH	27PCT
24CĐ.PHR.7	13	5	27/11/2025	Chiều		Vật liệu PHR	TH	30	24	4	N2	CN.LUÂN	K. KTYH	P. TH	27PCT
24CĐ.PHR.7	13	6	28/11/2025	Sáng		Vật liệu PHR	TH	30	28	4	N1	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	13	6	28/11/2025	Chiều		Vật liệu PHR	TH	30	28	4	N2	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHCN.7	13	2	24/11/2025	Sáng		Lượng giá chức năng vận động	TH	90	60	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	13	2	24/11/2025	Chiều		Lượng giá chức năng vận động	TH	90	64	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	13	3	25/11/2025	Sáng		Lượng giá chức năng vận động	TH	90	68	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	13	3	25/11/2025	Chiều		Lượng giá chức năng vận động	TH	90	72	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	13	4	26/11/2025	Sáng		Lượng giá chức năng vận động	TH	90	76	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	13	4	26/11/2025	Chiều		Lượng giá chức năng vận động	TH	90	80	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	13	5	27/11/2025	Sáng		Lượng giá chức năng vận động	TH	90	84	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
24CĐ.PHCN.7	13	5	27/11/2025	Chiều		Lượng giá chức năng vận động	TH	90	88	4		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.PHCN.7	13	6	28/11/2025	Sáng		Lượng giá chức năng vận động	TH	90	90*	2		ThS. Vân	Khoa Y	P2.11	27 Phan Chu Trinh
25CĐ.ĐD.20A	13	2	24/11/2025	Chiều		Hóa sinh	TH	30	4	4	N1	Ths Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27 PCT
25CĐ.ĐD.20A	13	3	25/11/2025	Sáng		Y đức	LT	30	20	5		Ths.Sang	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20A	13	4	26/11/2025	Sáng		Y đức	LT	30	25	5		Ths.Minh Sơn	Khoa Y	P. B4.5	
25CĐ.ĐD.20A	13	4	26/11/2025	Chiều		Hóa sinh	TH	30	4	4	N2	Ths Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27 PCT
25CĐ.ĐD.20A	13	5	27/11/2025	Sáng		Y đức	LT	30	30*	5		Ths.Sang	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ.ĐD.20A	13	6	28/11/2025	Sáng		Hóa sinh	TH	30	8	4	N1	Ths Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27 PCT
25CĐ.ĐD.20A	13	6	28/11/2025	Chiều		Hóa sinh	TH	30	8	4	N2	Ths Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20B	13	2	24/11/2025	Sáng		Hóa sinh	TH	30	4	4	N1	Ths Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27 PCT
25CĐ.ĐD.20B	13	3	25/11/2025	Sáng		Y đức	LT	30	20	5		Ths.Minh Sơn	Khoa Y	P. B4.1	
25CĐ.ĐD.20B	13	3	25/11/2025	Chiều		Hóa sinh	TH	30	4	4	N2	Ths Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20B	13	4	26/11/2025	Sáng		Y đức	LT	30	25	5		Ths.Sang	Khoa Y	P. B3.2	
25CĐ.ĐD.20B	13	5	27/11/2025	Sáng		Y đức	LT	30	30*	5		Ths.Minh Sơn	Khoa Y	P. B4.5	
25CĐ.ĐD.20B	13	7	29/11/2025	Sáng		Hóa sinh	TH	30	8	4	N1	Ths Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20B	13	7	29/11/2025	Chiều		Hóa sinh	TH	30	8	4	N2	Ths Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20C	13	2	24/11/2025	Sáng		GDTC	TH	60	48	4		Th.s Diệp Tế	K. KTYH	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20C	13	2	24/11/2025	Chiều	25CĐ.ĐD.20D	Sinh lý	LT	30	5	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20C	13	3	25/11/2025	Sáng		GDTC	TH	60	52	4		Th.s Diệp Tế	K. KTYH	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20C	13	3	25/11/2025	Chiều	25CĐ.ĐD.20D	Sinh lý	LT	30	10	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20C	13	4	26/11/2025	Sáng		GDTC	TH	60	56	4		Th.s Diệp Tế	K. KTYH	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20C	13	4	26/11/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	16	4	N1	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20C	13	4	26/11/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	16	4	N2	Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.ĐD.20C	13	5	27/11/2025	Sáng		GDTC	TH	60	60*	4		Th.s Diệp Tề	K. KTYH	Sân Trường	
25CĐ.ĐD.20C	13	5	27/11/2025	Chiều	25CĐ.ĐD.20D	Sinh lý	LT	30	15	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ. DU.15A	13	2	24/11/2025	Sáng		Tiếng Anh 1	TH	30	4	4		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B2.3	
25CĐ. DU.15A	13	2	24/11/2025	Chiều		Giáo dục chính trị	TH	30	28	4		Cn.Dung	K. KHCB	P. B2.6	
25CĐ. DU.15A	13	3	25/11/2025	Sáng		Tin học	TH	60	40	4	N3	ThS. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	13	3	25/11/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	TH	30	8	4		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B2.6	
25CĐ. DU.15A	13	4	26/11/2025	Sáng		Tiếng Anh 1	TH	30	12	4		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B2.3	
25CĐ. DU.15A	13	4	26/11/2025	Chiều		Giáo dục chính trị	TH	30	30*	2		Cn.Dung	K. KHCB	P. B2.5	
25CĐ. DU.15A	13	5	27/11/2025	Sáng		Tin học	TH	60	44	4	N3	ThS. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	13	5	27/11/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	TH	30	16	4		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B2.5	
25CĐ. DU.15A	13	6	28/11/2025	Sáng		Tin học	TH	60	48	4	N3	ThS. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	13	6	28/11/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	TH	30	20	4		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B2.5	
25CĐ. DU.15B	13	2	24/11/2025	Sáng		Tiếng Anh 1	TH	30	4	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ. DU.15B	13	2	24/11/2025	Chiều		Giáo dục chính trị	TH	30	28	4		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B3.1	
25CĐ. DU.15B	13	3	25/11/2025	Sáng		Tiếng Anh 1	TH	30	8	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B3.6	
25CĐ. DU.15B	13	3	25/11/2025	Chiều		Tin học	TH	60	36	4	N3	ThS. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	13	4	26/11/2025	Sáng		Tiếng Anh 1	TH	30	12	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.5	
25CĐ. DU.15B	13	4	26/11/2025	Chiều		Giáo dục chính trị	TH	30	30*	2		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ. DU.15B	13	5	27/11/2025	Sáng		Tiếng Anh 1	TH	30	16	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.5	
25CĐ. DU.15B	13	5	27/11/2025	Chiều		Tin học	TH	60	40	4	N3	ThS. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	13	6	28/11/2025	Sáng		Tiếng Anh 1	TH	30	20	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.3	
25CĐ. DU.15B	13	6	28/11/2025	Chiều		Tin học	TH	60	44	4	N3	ThS. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ. DU.15B	13	7	29/11/2025	Sáng		Tin học	TH	60	48	4	N3	ThS. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	13	7	29/11/2025	Chiều		Tin học	TH	60	52	4	N3	ThS. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	13	2	24/11/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	LT	30	16	4	N1	Ths Bs Hương	Khoa Y	P.TH	
25CĐ.HA.17	13	2	24/11/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	12	4	N2	Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P.TH	
25CĐ.HA.17	13	2	24/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Sinh lý	LT	30	25	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.HA.17	13	3	25/11/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Sinh lý	LT	30	30*	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B3.2	
25CĐ.HA.17	13	3	25/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	20	4	N1	Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P.TH	
25CĐ.HA.17	13	3	25/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	16	4	N2	Ths Bs Hương	Khoa Y	P.TH	
25CĐ.HA.17	13	4	26/11/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	LT	15	5	5		Ths. Đồng	K. KHCB	P. B3.4	
25CĐ.HA.17	13	5	27/11/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	20	4	N2	Ths Bs Hương	Khoa Y	P.TH	
25CĐ.HA.17		5	27/11/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	24	4	N1	Cn. Mai Lan	Khoa Y	P.TH	
25CĐ.HA.17	13	5	27/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	24	4	N2	Cn. Mai Lan	Khoa Y	P.TH	
25CĐ.HA.17	13	6	28/11/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	28	4	N2	Ths Bs Hương	Khoa Y	P.TH	
25CĐ.HA.17	13	6	28/11/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	28	4	N1	Ths Bs Khánh Nga	Khoa Y	P.TH	
25CĐ.HA.17	13	6	28/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	30*	2	N1	Ths Bs Khánh Nga	Khoa Y	P.TH	Tiết 1 & 2
25CĐ.HA.17	13	6	28/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	30*	2	N2	Ths Bs Khánh Nga	Khoa Y	P.TH	Tiết 3 & 4
25CĐ.XN.17	13	2	24/11/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	16	4	N1	Ths Bs Hương	Khoa Y	P.TH	
25CĐ.XN.17	13	2	24/11/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	12	4	N2	Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P.TH	
25CĐ.XN.17	13	2	24/11/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Sinh lý	LT	30	25	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.XN.17	13	3	25/11/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Sinh lý	LT	30	30*	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B3.2	
25CĐ.XN.17	13	3	25/11/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	20	4	N1	Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P.TH	
25CĐ.XN.17	13	3	25/11/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	16	4	N2	Ths Bs Hương	Khoa Y	P.TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.XN.17	13	4	26/11/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	LT	15	5	5		Ths. Đồng	K. KHCB	P. B3.4	
25CĐ.XN.17	13	5	27/11/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	20	4	N2	Ths Bs Hương	Khoa Y	P.TH	
25CĐ.XN.17	13	5	27/11/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	24	4	N1	Cn. Mai Lan	Khoa Y	P.TH	
25CĐ.XN.17	13	5	27/11/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	24	4	N2	CN Mai Lan	Khoa Y	P.TH	
25CĐ.XN.17	13	6	28/11/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	28	4	N1	Ths Bs Khánh Nga	Khoa Y	P.TH	
25CĐ.XN.17	13	6	28/11/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	28	4	N2	Ths Bs Hương	Khoa Y	P.TH	
25CĐ.XN.17	13	6	28/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	30*	2	N1	Ths Bs Khánh Nga	Khoa Y	P.TH	Tiết 1 & 2
25CĐ.XN.17	13	6	28/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	30*	2	N2	Ths Bs Khánh Nga	Khoa Y	P.TH	Tiết 3 & 4
25CĐ.HS.13	13	2	24/11/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐXN.17	Giải phẫu	TH	30	16	4	N1	Ths Bs Hương	Khoa Y	P.TH	
25CĐ.HS.13	13	2	24/11/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐXN.17	Giải phẫu	TH	30	12	4	N2	Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P.TH	
25CĐ.HS.13	13	2	24/11/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐXN.17	Sinh lý	LT	30	25	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.HS.13	13	3	25/11/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐXN.17	Sinh lý	LT	30	30*	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B3.2	
25CĐ.HS.13	13	3	25/11/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐXN.17	Giải phẫu	TH	30	20	4	N1	Ths.Bs.Khánh Nga	Khoa Y	P.TH	
25CĐ.HS.13	13	3	25/11/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐXN.17	Giải phẫu	TH	30	16	4	N2	Ths Bs Hương	Khoa Y	P.TH	
25CĐ.HS.13	13	4	26/11/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐXN.17	Tin học	LT	15	5	5		Ths. Đồng	K. KHCB	P. B3.4	
25CĐ.HS.13	13	5	27/11/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	24	4	N1	CN Mai Lan	Khoa Y	P.TH	
25CĐ.HS.13	13	5	27/11/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐXN.17	Giải phẫu	TH	30	20	4	N2	Ths Bs Hương	Khoa Y	P.TH	
25CĐ.HS.13	13	5	27/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	24	4	N2	CN Mai Lan	Khoa Y	P.TH	
25CĐ.HS.13	13	6	28/11/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	28	4	N1	Ths Bs Khánh Nga	Khoa Y	P.TH	
25CĐ.HS.13	13	6	28/11/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	28	4	N2	Ths Bs Hương	Khoa Y	P.TH	
25CĐ.HS.13	13	6	28/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	30*	2	N1	Ths Bs Khánh Nga	Khoa Y	P.TH	Tiết 1 & 2
25CĐ.HS.13	13	6	28/11/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Giải phẫu	TH	30	30*	2	N2	Ths Bs Khánh Nga	Khoa Y	P.TH	Tiết 3 & 4

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CD.PHR.8	13	2	24/11/2025	Chiều	25CD.PHCN.8	Tiếng Anh 1	LT	30	10	5		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.5	
25CD.PHR.8	13	3	25/11/2025	Sáng	25CD.PHCN.8	Giáo dục chính trị	LT	45	25	5		Cn.Dung	K. KHCB	P. B3.4	
25CD.PHR.8	13	4	26/11/2025	Chiều	25CD.PHCN.8	Tiếng Anh 1	LT	30	15	5		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.4	
25CD.PHR.8	13	5	27/11/2025	Chiều	25CD.PHCN.8	Giáo dục chính trị	LT	45	30	5		Th.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.4	
25CD.PHR.8	13	6	28/11/2025	Sáng	25CD.PHCN.8	Giáo dục chính trị	LT	45	35	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.4	
25CD.PHCN.8	13	2	24/11/2025	Chiều	25CD.PHR.8	Tiếng Anh 1	LT	30	10	5		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.5	
25CD.PHCN.8	13	3	25/11/2025	Sáng	25CD.PHR.8	Giáo dục chính trị	LT	45	25	5		Cn.Dung	K. KHCB	P. B3.4	
25CD.PHCN.8	13	4	26/11/2025	Chiều	25CD.PHR.8	Tiếng Anh 1	LT	30	15	5		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.4	
25CD.PHCN.8	13	5	27/11/2025	Chiều	25CD.PHR.8	Giáo dục chính trị	LT	45	30	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.4	
25CD.PHCN.8	13	6	28/11/2025	Sáng	25CD.PHR.8	Giáo dục chính trị	LT	45	35	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.4	
24TC.YS.33	13	2	24/11/2025	Sáng		THỰC TẬP LS SẢN	TTLS	90	50	5			Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	13	2	24/11/2025	Chiều		THỰC TẬP LS SẢN	TTLS	90	54	4			Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	13	3	25/11/2025	Sáng		THỰC TẬP LS SẢN	TTLS	90	59	5			Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	13	3	25/11/2025	Chiều		THỰC TẬP LS SẢN	TTLS	90	63	4			Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	13	4	26/11/2025	Sáng		THỰC TẬP LS SẢN	TTLS	90	68	5			Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	13	4	26/11/2025	Chiều		THỰC TẬP LS SẢN	TTLS	90	72	4			Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	13	5	27/11/2025	Sáng		THỰC TẬP LS SẢN	TTLS	90	77	5			Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	13	5	27/11/2025	Chiều		THỰC TẬP LS SẢN	TTLS	90	81	4			Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	13	6	28/11/2025	Sáng		THỰC TẬP LS SẢN	TTLS	90	86	5			Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	13	6	28/11/2025	Chiều		THỰC TẬP LS SẢN	TTLS	90	90*	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YHCT.13	13	2	24/11/2025	Sáng		Bệnh học Y học cổ truyền II	TH	60	4	4		BS Phúc	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	13	2	24/11/2025	Chiều		Bài thuốc cổ phương	LT	30	20	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24TC.YHCT.13	13	3	25/11/2025	Sáng		Bệnh học Y học cổ truyền II	TH	60	8	4		BS Phúc	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	13	3	25/11/2025	Chiều		Bài thuốc cổ phương	LT	30	25	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	13	4	26/11/2025	Sáng		Bệnh học Y học cổ truyền II	TH	60	12	4		BS Phúc	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	13	4	26/11/2025	Chiều		Bài thuốc cổ phương	LT	30	30*	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	13	5	27/11/2025	Sáng		Bệnh học Y học cổ truyền II	LT	30	20	5		BS Phúc	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	13	5	27/11/2025	Chiều		Bệnh học Y học cổ truyền II	TH	60	16	4		BS Phúc	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	13	6	28/11/2025	Sáng		Bệnh học Y học cổ truyền II	LT	30	25	5		BS Phúc	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	13	6	28/11/2025	Chiều		Bệnh học Y học cổ truyền II	TH	60	20	4		BS Phúc	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	13	7	29/11/2025	Sáng		Bệnh học Y học cổ truyền II	LT	30	30*	5		BS Phúc	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
25TC.YS.34	13	2	24/11/2025	Sáng		Điều dưỡng cơ sở	LT	30	5	5		Ths.Trang	K. ĐD	P. B3.5	
25TC.YS.34	13	3	25/11/2025	Sáng		Điều dưỡng cơ sở	LT	30	10	5		Cn.Thanh	K. ĐD	P. B3.6	
25TC.YS.34	13	4	26/11/2025	Sáng		Điều dưỡng cơ sở	LT	30	15	5		Ths.Trang	K. ĐD	P. B3.1	
25TC.YS.34	13	5	27/11/2025	Sáng		Điều dưỡng cơ sở	LT	30	20	5		Cn.Thanh	K. ĐD	P. B3.5	
25TC.YS.34	13	6	28/11/2025	Sáng		Điều dưỡng cơ sở	LT	30	25	5		Ths.Trang	K. ĐD	P. B2.2	
25TC.YHCT.14	13	2	24/11/2025	Chiều		Kỹ năng giao tiếp	LT	30	5	5		Ths. Bs Khánh Nga	Khoa Y	P. B3.5	
25TC.YHCT.14	13	3	25/11/2025	Sáng		Kỹ năng giao tiếp	LT	30	10	5		Ths. Bs Khánh Nga	Khoa Y	P. B4.1	
25TC.YHCT.14	13	4	26/11/2025	Chiều		Kỹ năng giao tiếp	LT	30	15	5		Ths. Bs Khánh Nga	Khoa Y	P. B3.5	
25TC.YHCT.14	13	5	27/11/2025	Sáng		Kỹ năng giao tiếp	LT	30	20	5		Ths. Bs Khánh Nga	Khoa Y	P. B3.6	
25TC.YHCT.14	13	6	28/11/2025	Sáng		Kỹ năng giao tiếp	LT	30	25	5		Ths. Bs Khánh Nga	Khoa Y	P. B3.1	
25TC.YHCT.14	13	7	29/11/2025	Sáng		Bệnh học Y học hiện đại I	LT	60	5	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.2	
23CĐ.DD.18A	14	2	01/12/2025	Sáng		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	5	5	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	14	2	01/12/2025	Chiều		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	9	4	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DD.18A	14	3	02/12/2025	Sáng		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	14	5	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	14	3	02/12/2025	Chiều		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	18	4	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	14	4	03/12/2025	Sáng		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	23	5	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	14	4	03/12/2025	Chiều		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	27	4	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	14	5	04/12/2025	Sáng		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	32	5	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	14	5	04/12/2025	Chiều		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	36	4	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	14	6	05/12/2025	Sáng		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	41	5	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	14	6	05/12/2025	Chiều		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	45	4	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	14	2	01/12/2025	Sáng		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	5	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	14	2	01/12/2025	Chiều		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	9	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	14	3	02/12/2025	Sáng		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	14	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	14	3	02/12/2025	Chiều		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	18	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	14	4	03/12/2025	Sáng		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	23	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	14	4	03/12/2025	Chiều		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	27	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	14	5	04/12/2025	Sáng		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	32	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	14	5	04/12/2025	Chiều		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	36	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	14	6	05/12/2025	Sáng		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	41	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	14	6	05/12/2025	Chiều		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	45	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DU.13B	14	2	01/12/2025	Sáng		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	95	5		Ds. Đoàn Dung	Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	14	2	01/12/2025	Chiều		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	99	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	14	3	02/12/2025	Sáng		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	104	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	14	3	02/12/2025	Chiều		DƯỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	108	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DU.13B	14	4	03/12/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	113	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	14	4	03/12/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	117	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	14	5	04/12/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	122	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	14	5	04/12/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	126	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	14	6	05/12/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	131	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	14	6	05/12/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	135*	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13C	14	2	01/12/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	95	5		Dsck1. Mai Lan	Khoa Dược		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.DU.13C	14	2	01/12/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	99	4			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13C	14	3	02/12/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	104	5			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13C	14	3	02/12/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	108	4			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13C	14	4	03/12/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	113	5			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13C	14	4	03/12/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	117	4			Khoa Dược		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.DU.13C	14	5	04/12/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	122	5			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13C	14	5	04/12/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	126	4			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13C	14	6	05/12/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	131	5			Khoa Dược		
23CĐ.DU.13C	14	6	05/12/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	135*	4			Khoa Dược		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.DU.13D	14	2	01/12/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	12	4	N1	Ds Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	14	2	01/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	12	4	N2	Ds Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	14	4	03/12/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	16	4	N1	Ds Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	14	4	03/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	16	4	N2	Ds Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	14	6	05/12/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	20	4	N1	Ds Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	14	6	05/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	20	4	N2	Ds Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CD.DU.13E	14	3	02/12/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	12	4	N1	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CD.DU.13E	14	3	02/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	12	4	N2	Ds. Sơn (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CD.DU.13E	14	5	04/12/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	16	4	N1	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CD.DU.13E	14	5	04/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	16	4	N2	Ds. Sơn (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CD.DU.13E	14	7	06/12/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	20	4	N1	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CD.DU.13E	14	7	06/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	20	4	N2	Ds. Sơn (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CD.HA.15	14	2	01/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	5	5		CN Hùng	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CD.HA.15	14	2	01/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	9	4		Bs Hiếu	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CD.HA.15	14	3	02/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	14	5		Bs Hiếu	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CD.HA.15	14	3	02/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	18	4		CN Hùng	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CD.HA.15	14	4	03/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	23	5		Bs Hiếu	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CD.HA.15	14	4	03/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	27	4		CN Hùng	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CD.HA.15	14	5	04/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	32	5		Bs Hiếu	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CD.HA.15	14	5	04/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	36	4		CN Hùng	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CD.HA.15	14	6	05/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	41	5		CN Hùng	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CD.HA.15	14	6	05/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	45	4		Bs Hiếu	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CD.XN.15	14	2	01/12/2025	Sáng		Vi sinh 3	TH	60	36	4		Ths Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CD.XN.15	14	3	02/12/2025	Sáng		Ký sinh trùng 3	TH	30	8	4		Ths.Phước	K. KTYH	P. TH	
23CD.XN.15	14	3	02/12/2025	Chiều		Ký sinh trùng 3	TH	30	12	4		Ths.Phước	K. KTYH	P. TH	
23CD.XN.15	14	4	03/12/2025	Sáng		Vi sinh 3	TH	60	40	4		Ths Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CD.XN.15	14	4	03/12/2025	Chiều		Vi sinh 3	TH	60	44	4		Ths Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CD.XN.15	14	6	05/12/2025	Sáng		Ký sinh trùng 3	TH	30	16	4		Ths.Phước	K. KTYH	P. TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIẾN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CD.HS.11	14	2	01/12/2025	Sáng		CS SỨC KHOẺ SƠ SINH	TTLS	45	5	5		ThS. Sang	Khoa ĐD		BV ĐK KH
23CD.HS.11	14	2	01/12/2025	Chiều		CS SỨC KHOẺ SƠ SINH	TTLS	45	9	4		ThS. Sang	Khoa ĐD		BV ĐK KH
23CD.HS.11	14	3	02/12/2025	Sáng		CS SỨC KHOẺ SƠ SINH	TTLS	45	14	5		ThS. Sang	Khoa ĐD		BV ĐK KH
23CD.HS.11	14	3	02/12/2025	Chiều		CS SỨC KHOẺ SƠ SINH	TTLS	45	18	4		ThS. Sang	Khoa ĐD		BV ĐK KH
23CD.HS.11	14	4	03/12/2025	Sáng		CS SỨC KHOẺ SƠ SINH	TTLS	45	23	5		ThS. Sang	Khoa ĐD		BV ĐK KH
23CD.HS.11	14	4	03/12/2025	Chiều		CS SỨC KHOẺ SƠ SINH	TTLS	45	27	4		ThS. Sang	Khoa ĐD		BV ĐK KH
23CD.HS.11	14	5	04/12/2025	Sáng		CS SỨC KHOẺ SƠ SINH	TTLS	45	32	5		ThS. Sang	Khoa ĐD		BV ĐK KH
23CD.HS.11	14	5	04/12/2025	Chiều		CS SỨC KHOẺ SƠ SINH	TTLS	45	36	4		ThS. Sang	Khoa ĐD		BV ĐK KH
23CD.HS.11	14	6	05/12/2025	Sáng		CS SỨC KHOẺ SƠ SINH	TTLS	45	41	5		ThS. Sang	Khoa ĐD		BV ĐK KH
23CD.HS.11	14	6	05/12/2025	Chiều		CS SỨC KHOẺ SƠ SINH	TTLS	45	45*	4		ThS. Sang	Khoa ĐD		BV ĐK KH
23CD.PHR.6	14	2	01/12/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	56	5	N1	Ths.Trúc	K. KTYH	27PCT	
23CD.PHR.6	14	2	01/12/2025	Sáng		KT PH Khung liên kết	TH	60	36	4	N2	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	27PCT	
23CD.PHR.6	14	2	01/12/2025	Chiều		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	55	4	N2	CN.Luân	K. KTYH	27PCT	
23CD.PHR.6	14	2	01/12/2025	Chiều		KT PH Khung liên kết	TH	60	36	4	N1	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	27PCT	
23CD.PHR.6	14	3	02/12/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	60	5	N2	Ths.Linh	K. KTYH	27PCT	
23CD.PHR.6	14	3	02/12/2025	Sáng		KT PH Khung liên kết	TH	60	40	4	N1	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	27PCT	
23CD.PHR.6	14	3	02/12/2025	Chiều		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	60	4	N1	CN.Luân	K. KTYH	27PCT	
23CD.PHR.6	14	3	02/12/2025	Chiều		KT PH Khung liên kết	TH	60	40	4	N2	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	27PCT	
23CD.PHR.6	14	4	03/12/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	65	5	N1	Ths.Trúc	K. KTYH	27PCT	
23CD.PHR.6	14	4	03/12/2025	Sáng		KT PH Khung liên kết	TH	60	44	4	N2	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	27PCT	
23CD.PHR.6	14	4	03/12/2025	Chiều		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	64	4	N2	Ths.Linh	K. KTYH	27PCT	
23CD.PHR.6	14	4	03/12/2025	Chiều		KT PH Khung liên kết	TH	60	44	4	N1	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	27PCT	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.PHR.6	14	5	04/12/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	69	5	N2	Ths.Linh	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	14	5	04/12/2025	Sáng		KT PH Khung liên kết	TH	60	48	4	N1	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	14	5	04/12/2025	Chiều		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	69	4	N1	CN.Luân	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	14	5	04/12/2025	Chiều		KT PH Khung liên kết	TH	60	48	4	N2	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	14	6	05/12/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	74	5	N1	Ths.Trúc	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	14	6	05/12/2025	Sáng		KT PH Khung liên kết	TH	60	52	4	N2	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	14	6	05/12/2025	Chiều		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	73	4	N2	Ths.Linh	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	14	6	05/12/2025	Chiều		KT PH Khung liên kết	TH	60	52	4	N1	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	14	7	06/12/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	78	5	N2	CN.Luân	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	14	7	06/12/2025	Sáng		KT PH Khung liên kết	TH	60	56	4	N1	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	14	7	06/12/2025	Chiều		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	78	4	N1	CN.Luân	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	14	7	06/12/2025	Chiều		KT PH Khung liên kết	TH	60	56	4	N2	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHCN.6	14	2	01/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	5	5		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.PHCN.6	14	2	01/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	9	4		ThS. Vân	Khoa Y		
23CĐ.PHCN.6	14	3	02/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	14	5		ThS. Vân	Khoa Y		
23CĐ.PHCN.6	14	3	02/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	18	4		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.PHCN.6	14	4	03/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	23	5		ThS. Vân	Khoa Y		
23CĐ.PHCN.6	14	4	03/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	27	4		ThS. Vân	Khoa Y		
23CĐ.PHCN.6	14	5	04/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	32	5		ThS. Vân	Khoa Y		
23CĐ.PHCN.6	14	5	04/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	36	4		ThS. Vân	Khoa Y		
23CĐ.PHCN.6	14	6	05/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	41	5		ThS. Vân	Khoa Y		
23CĐ.PHCN.6	14	6	05/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	45	4		ThS. Vân	Khoa Y		

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.ĐD.19A	14	2	01/12/2025	Chiều	24CĐ.ĐD.19C	Dinh dưỡng - Tiết chế	LT	30	5	5		Ths. Mỹ	K. ĐD	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19A	14	4	03/12/2025	Chiều	24CĐ.ĐD.19C	Dinh dưỡng - Tiết chế	LT	30	10	5		ThS. Mỹ	K. ĐD	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19A	14	6	05/12/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Dinh dưỡng - Tiết chế	LT	30	15	5		ThS. Tuyền	K. ĐD	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19B	14	2	01/12/2025	Chiều		Pháp luật	LT	30	15	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.2	
24CĐ.ĐD.19B	14	4	03/12/2025	Sáng		Pháp luật	LT	30	20	5		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.2	
24CĐ.ĐD.19B	14	5	04/12/2025	Sáng		Giáo dục chính trị	TH	30	16	4		Ths.Hiền (01 Tiết) Ths.Vân Anh (02 Tiết)	K. KHCB	P. B2.2	
24CĐ.ĐD.19B	14	6	05/12/2025	Chiều		Giáo dục chính trị	TH	30	20	4		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.2	
24CĐ.ĐD.19C	14	2	01/12/2025	Chiều	24CĐ.ĐD.19A	Dinh dưỡng - Tiết chế	LT	30	5	5		ThS. Mỹ	K. ĐD	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19C	14	4	03/12/2025	Chiều	24CĐ.ĐD.19A	Dinh dưỡng - Tiết chế	LT	30	10	5		ThS. Mỹ	K. ĐD	P. B2.1	
24CĐ.ĐD.19C	14	6	05/12/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19A	Dinh dưỡng - Tiết chế	LT	30	15	5		ThS. Tuyền	K. ĐD	P. B2.1	
24CĐ. DU.14A	14	2	01/12/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	20	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14A	14	2	01/12/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	20	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14A	14	3	02/12/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	24	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14A	14	3	02/12/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	24	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14A	14	4	03/12/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	28	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14A	14	4	03/12/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	28	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14A	14	5	04/12/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	32	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14A	14	5	04/12/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	32	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14A	14	6	05/12/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	36	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14A	14	6	05/12/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	36	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	14	2	01/12/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	24	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	14	2	01/12/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	24	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ. DU.14B	14	3	02/12/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	28	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	14	3	02/12/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	28	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	14	4	03/12/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	32	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	14	4	03/12/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	32	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	14	5	04/12/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	36	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	14	5	04/12/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	36	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	14	6	05/12/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	40	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	14	6	05/12/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	40	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14C	14	2	01/12/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	28	4		Ths.Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14C	14	3	02/12/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	32	4		Ths.Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14C	14	4	03/12/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	36	4		Ths.Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14C	14	5	04/12/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	40	4		Ths.Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.2	
24CĐ. DU.14C	14	6	05/12/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	44	4		Ths.Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14D	14	2	01/12/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	28	4		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14D	14	3	02/12/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	32	4		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.2	
24CĐ. DU.14D	14	4	03/12/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	36	4		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14D	14	5	04/12/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	40	4		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14D	14	6	05/12/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	44	4		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ.HA.16	14	2	01/12/2025	Sáng		Giải phẫu X Quang	LT	30	30*	5		Bs Hiếu	K. KTYH	P. B2.2	
24CĐ.HA.16	14	3	02/12/2025	Chiều		Giải phẫu X Quang	TH	30	4	4		Bs Hiếu	K. KTYH	P. TH	
24CĐ.HA.16	14	4	03/12/2025	Chiều		Giải phẫu X Quang	TH	30	8	4		Bs Hiếu	K. KTYH	P. TH	
24CĐ.HA.16	14	5	04/12/2025	Chiều		Giải phẫu X Quang	TH	30	12	4		Bs Hiếu	K. KTYH	P. TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.HA.16	14	6	05/12/2025	Sáng		Giải phẫu X Quang	TH	30	16	4		Bs Hiếu	K. KTYH	P. TH	
24CĐ.XN.16	14	3	02/12/2025	Chiều		Hoá sinh 1	TH	30	12	4		ThS. Trà	K. KTYH	P. TH	27 PCT
24CĐ.XN.16	14	5	04/12/2025	Chiều		Hoá sinh 1	TH	30	16	4		THS TRÀ	K. KTYH	27 PCT	27 PCT
24CĐ.XN.16	14	6	05/12/2025	Sáng		Hoá sinh 1	TH	30	20	4		THS TRÀ	K. KTYH	27 PCT	27 PCT
24CĐ.HS.12	14	2	01/12/2025	Sáng		ĐD NỘI KHOA	TTLS	45	5	5		Ths. Nhung	K. ĐD		BV ĐK KH
24CĐ.HS.12	14	2	01/12/2025	Chiều		ĐD NỘI KHOA	TTLS	45	9	4		Ths. Nhung	K. ĐD		BV ĐK KH
24CĐ.HS.12	14	3	02/12/2025	Sáng		ĐD NỘI KHOA	TTLS	45	14	5		Ths. Nhung	K. ĐD		BV ĐK KH
24CĐ.HS.12	14	3	02/12/2025	Chiều		ĐD NỘI KHOA	TTLS	45	18	4		Ths. Nhung	K. ĐD		BV ĐK KH
24CĐ.HS.12	14	4	03/12/2025	Sáng		ĐD NỘI KHOA	TTLS	45	23	5		Ths. Nhung	K. ĐD		BV ĐK KH
24CĐ.HS.12	14	4	03/12/2025	Chiều		ĐD NỘI KHOA	TTLS	45	27	4		Ths. Nhung	K. ĐD		BV ĐK KH
24CĐ.HS.12	14	5	04/12/2025	Sáng		ĐD NỘI KHOA	TTLS	45	32	5		Ths. Nhung	K. ĐD		BV ĐK KH
24CĐ.HS.12	14	5	04/12/2025	Chiều		ĐD NỘI KHOA	TTLS	45	36	4		Ths. Nhung	K. ĐD		BV ĐK KH
24CĐ.HS.12	14	6	05/12/2025	Sáng		ĐD NỘI KHOA	TTLS	45	41	5		Ths. Nhung	K. ĐD		BV ĐK KH
24CĐ.HS.12	14	6	05/12/2025	Chiều		ĐD NỘI KHOA	TTLS	45	45*	4		Ths. Nhung Ths. Sang	K. ĐD		Thi LS
24CĐ.PHR.7	14	2	01/12/2025	Sáng		Vật liệu PHR	TH	30	30*	2	N1	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	Tiết 1&2
24CĐ.PHR.7	14	2	01/12/2025	Sáng		Vật liệu PHR	TH	30	30*	2	N2	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	Tiết 3&4
24CĐ.PHR.7	14	3	02/12/2025	Sáng		KSNK trong chuyên ngành RHM	LT	15	5	5		CN.LUÂN	K. KTYH	P. B2.2	
24CĐ.PHR.7	14	4	03/12/2025	Sáng		KSNK trong chuyên ngành RHM	LT	15	10	5		CN.LUÂN	K. KTYH	P. B3.3	
24CĐ.PHR.7	14	4	03/12/2025	Chiều		THI Vật liệu PHR	TH					CN.Luân, CN.Anh	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	14	5	04/12/2025	Sáng		KSNK trong chuyên ngành RHM	LT	15	15*	5		CN.LUÂN	K. KTYH	P. B2.3	
24CĐ.PHR.7	14	6	05/12/2025	Sáng		KSNK trong chuyên ngành RHM	TH	30	4	4	N1	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	14	6	05/12/2025	Chiều		KSNK trong chuyên ngành RHM	TH	30	4	4	N2	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.ĐD.20A	14	2	01/12/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20B	Vì sinh - Ký sinh trùng	LT	15	5	5		Ths. Đức	K. KTYH	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20A	14	3	02/12/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20B	Vì sinh - Ký sinh trùng	LT	15	10	5		Ths. Đức	K. KTYH	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20A	14	4	03/12/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20B	Vì sinh - Ký sinh trùng	LT	15	15*	5		Ths. Đức	K. KTYH	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20A	14	5	04/12/2025	Sáng		Hóa sinh	TH	30	12	4	N1	Ths. Quỳnh	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20A	14	5	04/12/2025	Sáng		Vì sinh - Ký sinh trùng	TH	30	4		N2	Ths. Đức	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20A	14	5	04/12/2025	Chiều		Hóa sinh	TH	30	12	4	N2	Ths. Quỳnh	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20A	14	5	04/12/2025	Chiều		Vì sinh - Ký sinh trùng	TH	30	4		N1	Ths. Đức	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20A	14	7	06/12/2025	Sáng		Hóa sinh	TH	30	16	4	N1	Ths. Quỳnh	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20A	14	7	06/12/2025	Chiều		Hóa sinh	TH	30	16	4	N2	Ths. Quỳnh	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20B	14	2	01/12/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20B	Vì sinh - Ký sinh trùng	LT	15	5	5		Ths.Đức	KTYH	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20B	14	2	01/12/2025	Chiều		Hóa sinh	TH	30	12	4	N1	Ths. Quỳnh	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20B	14	3	02/12/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20B	Vì sinh - Ký sinh trùng	LT	15	10	5		Ths.Đức	KTYH	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20B	14	3	02/12/2025	Chiều		Hóa sinh	TH	30	12	4	N2	Ths. Quỳnh	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20B	14	4	03/12/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20B	Vì sinh - Ký sinh trùng	LT	15	15*	5		Ths.Đức	KTYH	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20B	14	6	05/12/2025	Sáng		Hóa sinh	TH	30	16	4	N1	Ths. Quỳnh	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20B	14	6	05/12/2025	Sáng		Vì sinh - Ký sinh trùng	TH	30	4	4	N2	Ths.Đức	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20B	14	6	05/12/2025	Chiều		Hóa sinh	TH	30	16	4	N2	Ths. Quỳnh	K. KTYH	27 PCT	
25CĐ.ĐD.20B	14	6	05/12/2025	Chiều		Vì sinh - Ký sinh trùng	TH	30	4	4	N1	Ths.Đức	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20C	14	2	01/12/2025	Chiều	25CĐ.ĐD.20D	Sinh lý	LT	30	20	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B3.4	
25CĐ.ĐD.20C	14	3	02/12/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	20	4	N1	Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20C	14	3	02/12/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	20	4	N2	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20C	14	4	03/12/2025	Sáng		Sinh lý	LT	30	25	5		Ths Bs Nga	Khoa Y	P. B2.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.ĐD.20C	14	5	04/12/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	24	4	N1	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20C	14	5	04/12/2025	Sáng		Giải phẫu	TH	30	24	4	N2	CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20C	14	6	05/12/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20D	Sinh lý	LT	30	30*	5		Ths Bs Nga	Khoa Y	P. B2.5	
25CĐ.ĐD.20C	14	6	05/12/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	28	4	N1	CN Mai Lan	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.ĐD.20C	14	6	05/12/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	28	4	N2	Ths Bs Hương	Khoa Y	P. TH	
25CĐ. DU.15A	14	3	02/12/2025	Sáng		Tiếng Anh 1	TH	30	24	4		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B2.6	
25CĐ. DU.15A	14	3	02/12/2025	Chiều		Tin học	TH	60	52	4	N3	ThS. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	14	4	03/12/2025	Sáng		Tiếng Anh 1	TH	30	28	4		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B2.5	
25CĐ. DU.15A	14	4	03/12/2025	Chiều		Tin học	TH	60	56	4	N3	ThS. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15A	14	5	04/12/2025	Sáng		Tiếng Anh 1	TH	30	30*	2		Ths. Thảo Vy	K. KHCB	P. B2.5	
25CĐ. DU.15A	14	5	04/12/2025	Chiều		Tin học	TH	60	60*	4	N3	ThS. Khoa	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	14	3	02/12/2025	Sáng		Tin học	TH	60	56	4	N3	ThS. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	14	3	02/12/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	TH	30	24	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.6	
25CĐ. DU.15B	14	4	03/12/2025	Sáng		Tin học	TH	60	60*	4	N3	ThS. Hiếu	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ. DU.15B	14	4	03/12/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	TH	30	28	4		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.6	
25CĐ. DU.15B	14	5	04/12/2025	Chiều		Tiếng Anh 1	TH	30	30*	2		ThS. Nhã Trúc	K. KHCB	P. B2.6	
25CĐ.HA.17	14	2	01/12/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	LT	15	10	5		Ths. Đồng	K. KHCB	P. B2.3	
25CĐ.HA.17	14	2	01/12/2025	Tối	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	3	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	14	3	02/12/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	LT	15	15*	5		Ths. Đồng	K. KHCB	P. B2.5	
25CĐ.HA.17	14	3	02/12/2025	Tối	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	3	3	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	14	4	03/12/2025	Tối	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	6	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	14	5	04/12/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	4	4	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.HA.17	14	5	04/12/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Thi TH Giải phẫu						Ths Bs Hương Ths Bs Khánh Nga	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.HA.17	14	5	04/12/2025	Tối	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	6	3	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	14	6	05/12/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	8	4	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	14	6	05/12/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	12	4	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	14	7	06/12/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	10	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	14	7	06/12/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	10	4	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	14	2	01/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	LT	15	10	5		Ths. Đồng	K. KHCB	P. B2.3	
25CĐ.XN.17	14	2	01/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	3	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	14	3	02/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	LT	15	15*	5		Ths. Đồng	K. KHCB	P. B2.5	
25CĐ.XN.17	14	3	02/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	3	3	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	14	4	03/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	6	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	14	5	04/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	4	4	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	14	5	04/12/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Thi TH Giải phẫu						Ths Bs Hương Ths Bs Khánh Nga	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.XN.17	14	5	04/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	6	3	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	14	6	05/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	8	4	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	14	6	05/12/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	12	4	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	14	7	06/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	10	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	14	7	06/12/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	10	4	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	14	2	01/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	LT	15	10	5		Ths. Đồng	K. KHCB	P. B2.3	
25CĐ.HS.13	14	2	01/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	3	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	14	3	02/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	LT	15	15*	5		Ths. Đồng	K. KHCB	P. B2.5	
25CĐ.HS.13	14	3	02/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	3	3	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.HS.13	14	4	03/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	6	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	14	5	04/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	4	4	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	14	5	04/12/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Thi TH Giải phẫu						Ths Bs Hương Ths Bs Khánh Nga	Khoa Y	P. TH	
25CĐ.HS.13	14	5	04/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	6	3	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	14	6	05/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	8	4	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	14	6	05/12/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	12	4	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	14	7	06/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	10	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	14	7	06/12/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	10	4	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.PHR.8	14	2	01/12/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Giáo dục chính trị	LT	45	40	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ.PHR.8	14	2	01/12/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Tiếng Anh 1	TH	30	4	4		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ.PHR.8	14	3	02/12/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Giáo dục chính trị	LT	45	45*	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ.PHR.8	14	4	03/12/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Giáo dục chính trị	TH	30	4	4		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ.PHR.8	14	4	03/12/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Giáo dục chính trị	TH	30	8	4		Ths.Vân Anh (01 Tiết) Ths.Hiền (03 Tiết)	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ.PHR.8	14	5	04/12/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Giáo dục chính trị	TH	30	12	4		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.PHR.8	14	6	05/12/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Giáo dục chính trị	TH	30	16	4		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ.PHR.8	14	6	05/12/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Tiếng Anh 1	TH	30	8	4		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ.PHCN.8	14	2	01/12/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	Giáo dục chính trị	LT	45	40	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ.PHCN.8	14	2	01/12/2025	Chiều	25CĐ.PHR.8	Tiếng Anh 1	TH	30	4	4		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ.PHCN.8	14	3	02/12/2025	Chiều	25CĐ.PHR.8	Giáo dục chính trị	LT	45	45*	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ.PHCN.8	14	4	03/12/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	Giáo dục chính trị	TH	30	4	4		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.4	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHIẾP	MÔN HỌC	LT/TH/TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.PHCN.8	14	4	03/12/2025	Chiều	25CĐ.PHR.8	Giáo dục chính trị	TH	30	8	4		Ths.Vân Anh (01 Tiết) Ths.Hiền (03 Tiết)	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ.PHCN.8	14	5	04/12/2025	Chiều	25CĐ.PHR.8	Giáo dục chính trị	TH	30	12	4		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.PHCN.8	14	6	05/12/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	Giáo dục chính trị	TH	30	16	4		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ.PHCN.8	14	6	05/12/2025	Chiều	25CĐ.PHR.8	Tiếng Anh 1	TH	30	8	4		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.4	
24TC.YS.33	14	2	01/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	5	5		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	14	2	01/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	9	4			Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	14	3	02/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	14	5			Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	14	3	02/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	18	4			Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	14	4	03/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	23	5		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	14	4	03/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	27	4			Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	14	5	04/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	32	5			Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	14	5	04/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	36	4			Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	14	6	05/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	41	5			Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	14	6	05/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	45	4		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YHCT.13	14	2	01/12/2025	Sáng		Bệnh học Y học cổ truyền II	TH	60	24	4		BS Phúc	Khoa Y	P. B2.6	
24TC.YHCT.13	14	2	01/12/2025	Chiều		Bào chế Đông dược	LT	30	5	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B3.1	
24TC.YHCT.13	14	3	02/12/2025	Sáng		Bệnh học Y học cổ truyền II	TH	60	28	4		BS Phúc	Khoa Y	P. TH	
24TC.YHCT.13	14	3	02/12/2025	Chiều		Bào chế Đông dược	LT	30	10	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B3.3	
24TC.YHCT.13	14	4	03/12/2025	Sáng		Bệnh học Y học cổ truyền II	TH	60	32	4		BS Phúc	Khoa Y	P. TH	
24TC.YHCT.13	14	4	03/12/2025	Chiều		Bào chế Đông dược	LT	30	15	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B2.2	
24TC.YHCT.13	14	5	04/12/2025	Sáng		Bào chế Đông dược	LT	30	20	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24TC.YHCT.13	14	5	04/12/2025	Chiều		Bào chế Đông dược	TH	30	4	4		Ths Huyền	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	14	6	05/12/2025	Sáng		Bào chế Đông dược	LT	30	25	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	14	6	05/12/2025	Chiều		Bào chế Đông dược	TH	30	8	4		Ths Huyền	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	14	7	06/12/2025	Sáng		Bệnh học Y học cổ truyền II	TH	60	36	4		BS Phúc	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	14	7	06/12/2025	Chiều		Bệnh học Y học cổ truyền II	TH	60	40	4		BS Phúc	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
25TC.YS.34	14	2	01/12/2025	Sáng		Điều dưỡng cơ sở	LT	30	30*	5		Cn.Thanh	K. ĐD	P. B2.5	
25TC.YS.34	14	2	01/12/2025	Chiều		Điều dưỡng cơ sở	TH	30	4	4		Ths.Trang	K. ĐD	P. TH	
25TC.YS.34	14	3	02/12/2025	Sáng		Điều dưỡng cơ sở	TH	30	8	4		Ths.Trang	K. ĐD	P. TH	
25TC.YS.34	14	4	03/12/2025	Sáng		Điều dưỡng cơ sở	TH	30	12	4		Cn.Thanh	K. ĐD	P. TH	
25TC.YS.34	14	5	04/12/2025	Sáng		Điều dưỡng cơ sở	TH	30	16	4		Cn.Thanh	K. ĐD	P. TH	
25TC.YS.34	14	6	05/12/2025	Sáng		Điều dưỡng cơ sở	TH	30	20	4		Ths.Trang	K. ĐD	P. TH	
25TC.YHCT.14	14	2	01/12/2025	Chiều		Kỹ năng giao tiếp	LT	30	30*	5		Ths. Bs. Khánh nga	Khoa Y	P. B3.3	
25TC.YHCT.14	14	3	02/12/2025	Chiều		Bệnh học Y học hiện đại I	LT	60	10	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B3.1	
25TC.YHCT.14	14	4	03/12/2025	Sáng		Bệnh học Y học hiện đại I	LT	60	15	5		Ths Bs Hương	Khoa Y	P. B2.6	
25TC.YHCT.14	14	5	04/12/2025	Sáng		Bệnh học Y học hiện đại I	LT	60	20	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.6	
25TC.YHCT.14	14	6	05/12/2025	Sáng		Bệnh học Y học hiện đại I	LT	60	25	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.6	
25TC.YHCT.14	14	7	06/12/2025	Sáng		Bệnh học Y học hiện đại I	LT	60	30	5		Ths Hương	Khoa Y	P. B2.2	
23CĐ.DD.18A	15	2	08/12/2025	Sáng		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	50	5	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	15	2	08/12/2025	Chiều		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	54	4	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	15	3	09/12/2025	Sáng		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	59	5	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	15	3	09/12/2025	Chiều		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	63	4	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	15	4	10/12/2025	Sáng		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	68	5	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DD.18A	15	4	10/12/2025	Chiều		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	72	4	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	15	5	11/12/2025	Sáng		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	77	5	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	15	5	11/12/2025	Chiều		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	81	4	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	15	6	12/12/2025	Sáng		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	86	5	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	15	6	12/12/2025	Chiều		LS CSSK TRẺ EM	TTLS	90	90*	4	N1&N2	Ths.Dương Ths.T. T. Huyền	K. ĐD		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	15	2	08/12/2025	Sáng		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	50	5			Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	15	2	08/12/2025	Chiều		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	54	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	15	3	09/12/2025	Sáng		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	59	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	15	3	09/12/2025	Chiều		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	63	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	15	4	10/12/2025	Sáng		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	68	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	15	4	10/12/2025	Chiều		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	72	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	15	5	11/12/2025	Sáng		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	77	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	15	5	11/12/2025	Chiều		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	81	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	15	6	12/12/2025	Sáng		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	86	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	15	6	12/12/2025	Chiều		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	90*	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DU.13A	15	2	08/12/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	5	5		Dsck1. Quảng	Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13A	15	2	08/12/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	9	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13A	15	3	09/12/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	14	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13A	15	3	09/12/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	18	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13A	15	4	10/12/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	23	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13A	15	4	10/12/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	27	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13A	15	5	11/12/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	32	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DU.13A	15	5	11/12/2025	Chiều		DUỘC LÂM SÀNG	TTLS	135	36	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13A	15	6	12/12/2025	Sáng		DUỘC LÂM SÀNG	TTLS	135	41	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13A	15	6	12/12/2025	Chiều		DUỘC LÂM SÀNG	TTLS	135	45	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	15	2	08/12/2025	Sáng	23CĐ.DU.13C	Kinh tế được	LT	15	5	5		Ds. Dũng	Khoa Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13B	15	3	09/12/2025	Chiều	23CĐ.DU.13C	Kinh tế được	LT	15	10	5		Ds. Dũng	Khoa Dược	P. B2.1	
23CĐ.DU.13B	15	4	10/12/2025	Sáng	23CĐ.DU.13C	Kinh tế được	LT	15	15*	5		Ds. Dũng	Khoa Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13B	15	4	10/12/2025	Chiều	23CĐ.DU.13C	Kinh tế được	TH	30	4	4		Ds. Dũng	Khoa Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13B	15	5	11/12/2025	Sáng	23CĐ.DU.13C	Kinh tế được	TH	30	8	4		Ds. Dũng	Khoa Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13B	15	6	12/12/2025	Chiều	23CĐ.DU.13C	Kinh tế được	TH	30	12	4		Ds. Dũng	Khoa Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13C	15	2	08/12/2025	Sáng	23CĐ.DU.13B	Kinh tế được	LT	15	5	5		Ds. Dũng	Khoa Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13C	15	3	09/12/2025	Chiều	23CĐ.DU.13B	Kinh tế được	LT	15	10	5		Ds. Dũng	Khoa Dược	P. B2.1	
23CĐ.DU.13C	15	4	10/12/2025	Sáng	23CĐ.DU.13B	Kinh tế được	LT	15	15*	5		Ds. Dũng	Khoa Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13C	15	4	10/12/2025	Chiều	23CĐ.DU.13B	Kinh tế được	TH	30	4	4		Ds. Dũng	Khoa Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13C	15	5	11/12/2025	Sáng	23CĐ.DU.13B	Kinh tế được	TH	30	8	4		Ds. Dũng	Khoa Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13C	15	6	12/12/2025	Chiều	23CĐ.DU.13B	Kinh tế được	TH	30	12	4		Ds. Dũng	Khoa Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13D	15	3	09/12/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	24	4	N1	Ds.Trình (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	15	3	09/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	24	4	N2	Ds.Trình (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	15	5	11/12/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	28	4	N1	Ds.Trình (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	15	5	11/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	28	4	N2	Ds.Trình (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	15	7	13/12/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	32	4	N1	Ds.Trình (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	15	7	13/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	32	4	N2	Ds.Trình (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13E	15	2	08/12/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	24	4	N1	Ds.Trình (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CD.DU.13E	15	2	08/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	24	4	N2	Ds. Sơn (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CD.DU.13E	15	4	10/12/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	28	4	N1	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CD.DU.13E	15	4	10/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	28	4	N2	Ds. Sơn (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CD.DU.13E	15	6	12/12/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	32	4	N1	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CD.DU.13E	15	6	12/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	32	4	N2	Ds. Sơn (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CD.HA.15	15	2	08/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	50	5		Cn Hùng	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CD.HA.15	15	2	08/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	54	4		Bs Hiếu	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CD.HA.15	15	3	09/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	59	5		Cn Hùng	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CD.HA.15	15	3	09/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	63	4		Bs Hiếu	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CD.HA.15	15	4	10/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	68	5		Cn Hùng	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CD.HA.15	15	4	10/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	72	4		Bs Hiếu	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CD.HA.15	15	5	11/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	77	5		Cn Hùng	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CD.HA.15	15	5	11/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	81	4		Bs Hiếu	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CD.HA.15	15	6	12/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	86	5		Cn Hùng	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CD.HA.15	15	6	12/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	90	4		Bs Hiếu	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CD.XN.15	15	2	08/12/2025	Chiều		Ký sinh trùng 3	TH	30	20	4		Ths.Phước	K. KTYH	P. TH	
23CD.XN.15	15	2	08/12/2025	Tối		Vi sinh 3	TH	60	47	3		Ths Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CD.XN.15	15	3	09/12/2025	Tối		Vi sinh 3	TH	60	50	3		Ths Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CD.XN.15	15	4	10/12/2025	Tối		Vi sinh 3	TH	60	53	3		Ths Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CD.XN.15	15	5	11/12/2025	Tối		Vi sinh 3	TH	60	56	3		Ths Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CD.XN.15	15	6	12/12/2025	Tối		Vi sinh 3	TH	60	59	3		Ths Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27PCT
23CD.XN.15	15	6	12/12/2025	Sáng		Ký sinh trùng 3	TH	30	24	4		Ths.Phước	K. KTYH	P. TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.HS.11	15	2	08/12/2025	Sáng		BL liên quan đến Thai nghén và Sinh đẻ	TTLS	45	5	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	15	2	08/12/2025	Chiều		BL liên quan đến Thai nghén và Sinh đẻ	TTLS	45	9	4			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	15	3	09/12/2025	Sáng		BL liên quan đến Thai nghén và Sinh đẻ	TTLS	45	14	5			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	15	3	09/12/2025	Chiều		BL liên quan đến Thai nghén và Sinh đẻ	TTLS	45	18	4			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	15	4	10/12/2025	Sáng		BL liên quan đến Thai nghén và Sinh đẻ	TTLS	45	23	5			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	15	4	10/12/2025	Chiều		BL liên quan đến Thai nghén và Sinh đẻ	TTLS	45	27	4			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	15	5	11/12/2025	Sáng		BL liên quan đến Thai nghén và Sinh đẻ	TTLS	45	32	5			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	15	5	11/12/2025	Chiều		BL liên quan đến Thai nghén và Sinh đẻ	TTLS	45	36	4			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	15	6	12/12/2025	Sáng		BL liên quan đến Thai nghén và Sinh đẻ	TTLS	45	41	5			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	15	6	12/12/2025	Chiều		BL liên quan đến Thai nghén và Sinh đẻ	TTLS	45	45*	4			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.PHR.6	15	2	08/12/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	83	5	N1	Ths.Trúc	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	15	2	08/12/2025	Sáng		KT PH Khung liên kết	TH	60	60*	4	N2	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	15	2	08/12/2025	Chiều		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	82	4	N2	Ths.Linh	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	15	2	08/12/2025	Chiều		KT PH Khung liên kết	TH	60	60*	4	N1	CN. Phương (GV mời)	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	15	3	09/12/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	88	5	N1	Ths.Trúc	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	15	3	09/12/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	87	5	N2	Ths.Linh	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	15	3	09/12/2025	Chiều		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	90*	2	N1	Ths.Trúc	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	15	3	09/12/2025	Chiều		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	90*	3	N2	Ths.Linh	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	15	4	10/12/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	95	5	N1	Ths.Trúc	K. KTYH	27PCT	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.PHR.6	15	4	10/12/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	95	5	N2	Ths.Linh	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	15	4	10/12/2025	Chiều		Thi TH KT PH Khung liên kết					N1&N2	CN.Luân, Ths.Trúc	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	15	5	11/12/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	100	5		Ths.Trúc	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	15	6	12/12/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	105	5		Ths.Trúc	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	15	7	13/12/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	110	5		Ths.Trúc	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHCN.6	15	2	08/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	50	5		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN
23CĐ.PHCN.6	15	2	08/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	54	4		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN
23CĐ.PHCN.6	15	3	09/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	59	5		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN
23CĐ.PHCN.6	15	3	09/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	63	4		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN
23CĐ.PHCN.6	15	4	10/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	68	5		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN
23CĐ.PHCN.6	15	4	10/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	72	4		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN
23CĐ.PHCN.6	15	5	11/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	77	5		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN
23CĐ.PHCN.6	15	5	11/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	81	4		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN
23CĐ.PHCN.6	15	6	12/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	86	5		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN
23CĐ.PHCN.6	15	6	12/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	90	4		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN
24CĐ.ĐD.19A	15	3	09/12/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Dinh dưỡng - Tiết chế	LT	30	20	5		ThS. Tuyền	K. ĐD	P. B2.3	
24CĐ.ĐD.19A	15	5	11/12/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19C	Dinh dưỡng - Tiết chế	LT	30	25	5		TS. Thuyên	K. ĐD	P. B2.5	
24CĐ.ĐD.19B	15	2	08/12/2025	Sáng		Pháp luật	LT	30	25	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.2	
24CĐ.ĐD.19B	15	3	09/12/2025	Sáng		Giáo dục chính trị	TH	30	24	4		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.2	
24CĐ.ĐD.19B	15	4	10/12/2025	Sáng		Giáo dục chính trị	TH	30	28	4		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.2	
24CĐ.ĐD.19B	15	4	10/12/2025	Chiều		Giáo dục chính trị	TH	30	30*	2		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.5	
24CĐ.ĐD.19C	15	3	09/12/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19A	Dinh dưỡng - Tiết chế	LT	30	20	5		ThS. Tuyền	K. ĐD	P. B2.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIẾN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.ĐD.19C	15	5	11/12/2025	Sáng	24CĐ.ĐD.19A	Dinh dưỡng - Tiết chế	LT	30	25	5		TS. Thuyền	K. ĐD	P. B2.5	
24CĐ. DU.14A	15	2	08/12/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	40	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14A	15	2	08/12/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	40	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14A	15	3	09/12/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	44	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14A	15	3	09/12/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	44	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14A	15	4	10/12/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	48	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14A	15	4	10/12/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	48	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14A	15	5	11/12/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	52	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14A	15	5	11/12/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	52	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14A	15	6	12/12/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	56	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14A	15	6	12/12/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	56	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	15	2	08/12/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	44	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	15	2	08/12/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	44	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	15	3	09/12/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	48	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	15	3	09/12/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	48	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	15	4	10/12/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	52	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	15	4	10/12/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	52	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	15	5	11/12/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	56	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	15	5	11/12/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	56	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	15	6	12/12/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	60	4	N1	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14B	15	6	12/12/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	60	4	N2	Ds. Đoàn Dung	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14C	15	2	08/12/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	48	4		Ths.Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.2	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ. DU.14C	15	3	09/12/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	52	4		Ths.Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.2	
24CĐ. DU.14C	15	4	10/12/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	56	4		Ths.Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.2	
24CĐ. DU.14C	15	5	11/12/2025	Chiều		Dược lý	TH	60	60*	4		Ths.Mỹ Hiếu	K. Dược	P. B2.2	
24CĐ. DU.14Đ	15	2	08/12/2025	Sáng		Dược lý	TH	60	48	4		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14Đ	15	3	09/12/2025	Sáng		Dược lý	TH	60	52	4		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B3.1	
24CĐ. DU.14Đ	15	4	10/12/2025	Sáng		Dược lý	TH	60	56	4		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14Đ	15	5	11/12/2025	Sáng		Dược lý	TH	60	60	4		DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.2	
24CĐ.HA.16	15	2	08/12/2025	Sáng		Giải phẫu X Quang	TH	30	20	4		Bs Hiếu	K. KTYH	P. TH	
24CĐ.HA.16	15	3	09/12/2025	Sáng		Giải phẫu X Quang	TH	30	24	4		Bs Hiếu	K. KTYH	P. TH	
24CĐ.HA.16	15	4	10/12/2025	Sáng		Giải phẫu X Quang	TH	30	28	4		Bs Hiếu	K. KTYH	P. TH	
24CĐ.HA.16	15	5	11/12/2025	Sáng		Giải phẫu X Quang	TH	30	30*	2		Bs Hiếu	K. KTYH	P. TH	
24CĐ.XN.16	15	2	08/12/2025	Chiều		Hoá sinh 1	TH	30	24	4		ThS. Trà	K. KTYH	P. TH	27 PCT
24CĐ.XN.16	15	5	11/12/2025	Sáng		Hoá sinh 1	TH	30	28	4		ThS. Trà	K. KTYH	P. TH	27 PCT
24CĐ.XN.16	15	5	11/12/2025	Chiều		Hoá sinh 1	TH	30	30*	2		ThS. Trà	K. KTYH	P. TH	Tiết 1&2
24CĐ.XN.16	15	5	11/12/2025	Chiều		Thi TH Hoá sinh 1						Ths Trà ThS. Đức	K. KTYH	P. TH	Tiết 3&4
24CĐ.HS.12	15	2	08/12/2025	Sáng		ĐD NGOẠI KHOA	TTLS	45	5	5		ThS. Mỹ	K. ĐD		BV ĐK KH
24CĐ.HS.12	15	2	08/12/2025	Chiều		ĐD NGOẠI KHOA	TTLS	45	9	4		ThS. Mỹ	K. ĐD		BV ĐK KH
24CĐ.HS.12	15	3	09/12/2025	Sáng		ĐD NGOẠI KHOA	TTLS	45	14	5		ThS. Mỹ	K. ĐD		BV ĐK KH
24CĐ.HS.12	15	3	09/12/2025	Chiều		ĐD NGOẠI KHOA	TTLS	45	18	4		ThS. Mỹ	K. ĐD		BV ĐK KH
24CĐ.HS.12	15	4	10/12/2025	Sáng		ĐD NGOẠI KHOA	TTLS	45	23	5		TS. Thuyền	K. ĐD		BV ĐK KH
24CĐ.HS.12	15	4	10/12/2025	Chiều		ĐD NGOẠI KHOA	TTLS	45	27	4		TS. Thuyền	K. ĐD		BV ĐK KH
24CĐ.HS.12	15	5	11/12/2025	Sáng		ĐD NGOẠI KHOA	TTLS	45	32	5		TS. Thuyền	K. ĐD		BV ĐK KH

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ.HS.12	15	5	11/12/2025	Chiều		ĐD NGOẠI KHOA	TTLS	45	36	4		TS. Thuyền	K. ĐD		BV ĐK KH
24CĐ.HS.12	15	6	12/12/2025	Sáng		ĐD NGOẠI KHOA	TTLS	45	41	5		TS. Thuyền	K. ĐD		BV ĐK KH
24CĐ.HS.12	15	6	12/12/2025	Chiều		ĐD NGOẠI KHOA	TTLS	45	45*	4		TS. Thuyền+ ThS. Mỹ	K. ĐD		Thi LS
24CĐ.PHR.7	15	2	08/12/2025	Sáng		KSNK trong chuyên ngành RHM	TH	30	8	4	N1	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	15	2	08/12/2025	Chiều		KSNK trong chuyên ngành RHM	TH	30	8	4	N2	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	15	3	09/12/2025	Sáng		KSNK trong chuyên ngành RHM	TH	30	12	4	N1	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	15	3	09/12/2025	Chiều		KSNK trong chuyên ngành RHM	TH	30	12	4	N2	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	15	4	10/12/2025	Sáng		KSNK trong chuyên ngành RHM	TH	30	16	4	N1	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	15	4	10/12/2025	Chiều		KSNK trong chuyên ngành RHM	TH	30	16	4	N2	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	15	5	11/12/2025	Sáng		KSNK trong chuyên ngành RHM	TH	30	20	4	N1	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	15	5	11/12/2025	Chiều		KSNK trong chuyên ngành RHM	TH	30	20	4	N2	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	15	6	12/12/2025	Sáng		KSNK trong chuyên ngành RHM	TH	30	24	4	N1	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	15	6	12/12/2025	Chiều		KSNK trong chuyên ngành RHM	TH	30	24	4	N2	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20A	15	2	08/12/2025	Sáng		Hóa sinh	TH	30	20	4	N1	ThS. Trà	K. KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20A	15	2	08/12/2025	Sáng		Vĩ sinh - Ký sinh trùng	TH	30	8	4	N2	Ths. Đức	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20A	15	2	08/12/2025	Chiều		Hóa sinh	TH	30	20	4	N2	ThS. Trà	K. KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20A	15	2	08/12/2025	Chiều		Vĩ sinh - Ký sinh trùng	TH	30	8	4	N1	Ths. Đức	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20A	15	4	10/12/2025	Sáng		Hóa sinh	TH	30	24	4	N1	ThS. Trà	K. KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20A	15	4	10/12/2025	Sáng		Vĩ sinh - Ký sinh trùng	TH	30	12	4	N2	Ths. Đức	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20A	15	4	10/12/2025	Chiều		Hóa sinh	TH	30	24	4	N2	ThS. Trà	K. KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20A	15	4	10/12/2025	Chiều		Vĩ sinh - Ký sinh trùng	TH	30	12	4	N1	Ths. Đức	K. KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20A	15	6	12/12/2025	Sáng		Hóa sinh	TH	30	28	4	N1	ThS. Trà	K. KTYH	P. TH	27PCT

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.ĐD.20A	15	6	12/12/2025	Sáng		Vĩ sinh - Ký sinh trùng	TH	30	16	4	N2	Ths. Đức	K. KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20A	15	6	12/12/2025	Chiều		Hóa sinh	TH	30	28	4	N2	ThS. Trà	K. KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20A	15	6	12/12/2025	Chiều		Vĩ sinh - Ký sinh trùng	TH	30	16	4	N1	Ths. Đức	K. KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20B	15	3	09/12/2025	Sáng		Hóa sinh	TH	30	20	4	N1	Ths. Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20B	15	3	09/12/2025	Sáng		Vĩ sinh - Ký sinh trùng	TH	30	8	4	N2	Ths. Đức	K. KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20B	15	3	09/12/2025	Chiều		Hóa sinh	TH	30	20	4	N2	Ths. Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20B	15	3	09/12/2025	Chiều		Vĩ sinh - Ký sinh trùng	TH	30	8	4	N1	Ths. Đức	K. KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20B	15	5	11/12/2025	Sáng		Hóa sinh	TH	30	24	4	N1	Ths. Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20B	15	5	11/12/2025	Sáng		Vĩ sinh - Ký sinh trùng	TH	30	12	4	N2	Ths. Đức	K. KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20B	15	5	11/12/2025	Chiều		Hóa sinh	TH	30	24	4	N2	Ths. Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20B	15	5	11/12/2025	Chiều		Vĩ sinh - Ký sinh trùng	TH	30	12	4	N1	Ths. Đức	K. KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20B	15	7	13/12/2025	Sáng		Hóa sinh	TH	30	28	4	N1	Ths. Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20B	15	7	13/12/2025	Chiều		Hóa sinh	TH	30	28	4	N2	Ths. Quỳnh	K. KTYH	P. TH	27PCT
25CĐ.ĐD.20C	15	2	08/12/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20D	Giao tiếp và TH Điều dưỡng	LT	15	5	5		Ths.T.T.Huyền	K. ĐD	P. B3.4	
25CĐ.ĐD.20C	15	2	08/12/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	30*	2	N1	Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	Tiết 1&2
25CĐ.ĐD.20C	15	2	08/12/2025	Chiều		Giải phẫu	TH	30	30*	2	N2	Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. TH	Tiết 3&4
25CĐ.ĐD.20C	15	3	09/12/2025	Sáng	25CĐ.ĐD.20D	Giao tiếp và TH Điều dưỡng	LT	15	10	5		Ths. Dương	K. ĐD	P. B2.5	
25CĐ.ĐD.20C	15	4	10/12/2025	Chiều	25CĐ.ĐD.20D	Giao tiếp và TH Điều dưỡng	LT	15	15*	5		Ths. Nhung	K. ĐD	P. B2.1	
25CĐ.ĐD.20C	15	6	12/12/2025	Chiều		Thi TH Giải phẫu					N1&N2	Ths Bs Hương ThS. Hạnh	Khoa Y	P. TH	(Tiết 1&2)
25CĐ.ĐD.20C	15	7	13/12/2025	Sáng		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	4	4	N1	Ths.T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20C	15	7	13/12/2025	Sáng		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	4	4	N2	Ths. Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20C	15	7	13/12/2025	Sáng		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	4	4	N3	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	BS

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.ĐD.20C	15	7	13/12/2025	Chiều		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	8	4	N1	Ths.T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20C	15	7	13/12/2025	Chiều		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	8	4	N2	Ths. Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20C	15	7	13/12/2025	Chiều		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	8	4	N3	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	BS
25CĐ. DU.15A	15	2	08/12/2025	Sáng		Sinh học và Di truyền	LT	30	5	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ. DU.15A	15	3	09/12/2025	Sáng		Sinh học và Di truyền	LT	30	10	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ. DU.15A	15	4	10/12/2025	Sáng		Sinh học và Di truyền	LT	30	15	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ. DU.15B	15	2	08/12/2025	Chiều		Sinh học và Di truyền	LT	30	5	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ. DU.15B	15	3	09/12/2025	Chiều		Sinh học và Di truyền	LT	30	10	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B2.5	
25CĐ. DU.15B	15	4	10/12/2025	Chiều		Sinh học và Di truyền	LT	30	15	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B3.1	
25CĐ.HA.17	15	2	08/12/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	16	3	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	15	2	08/12/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	20	3	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	15	2	08/12/2025	Tối	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	13	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	15	3	09/12/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	24	3	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	15	3	09/12/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	28	3	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	15	3	09/12/2025	Tối	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	13	3	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	15	4	10/12/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	32	3	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	15	4	10/12/2025	Tối	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	16	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	15	5	11/12/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	36	3	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	15	5	11/12/2025	Tối	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	16	3	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	15	6	12/12/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	40	3	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	15	6	12/12/2025	Tối	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	19	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	15	7	13/12/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	20	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.HA.17	15	7	13/12/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	23	4	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	15	2	08/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	16	3	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	15	2	08/12/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	20	3	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	15	2	08/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	13	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	15	3	09/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	24	3	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	15	3	09/12/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	28	3	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	15	3	09/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	13	3	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	15	4	10/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	32	3	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	15	4	10/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	16	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	15	5	11/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	36	3	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	15	5	11/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	16	3	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	15	6	12/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	40	3	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	15	6	12/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	19	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	15	7	13/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	20	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	15	7	13/12/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	23	4	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	15	2	08/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	16	3	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	15	2	08/12/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	20	3	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	15	2	08/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	13	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	15	3	09/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	24	3	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	15	3	09/12/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	28	3	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	15	3	09/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	13	3	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	15	4	10/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	32	3	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.HS.13	15	4	10/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	16	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	15	5	11/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	36	3	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	15	5	11/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	16	3	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	15	6	12/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	40	3	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	15	6	12/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	19	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	15	7	13/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	20	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	15	7	13/12/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	23	4	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.PHR.8	15	2	08/12/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Tiếng Anh 1	LT	30	20	5		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.PHR.8	15	2	08/12/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Giáo dục chính trị	TH	30	20	4		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.PHR.8	15	3	09/12/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Tiếng Anh 1	LT	30	25	5		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.PHR.8	15	3	09/12/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Giáo dục chính trị	TH	30	24	4		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ.PHR.8	15	4	10/12/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Tiếng Anh 1	LT	30	30*	5		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.PHR.8	15	5	11/12/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Giáo dục chính trị	TH	30	28	4		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.PHR.8	15	6	12/12/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Tiếng Anh 1	TH	30	12	4		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ.PHR.8	15	6	12/12/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Giáo dục chính trị	TH	30	30*	2		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ.PHCN.8	15	2	08/12/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	Tiếng Anh 1	LT	30	20	5		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.PHCN.8	15	2	08/12/2025	Chiều	25CĐ.PHR.8	Giáo dục chính trị	TH	30	20	4		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.PHCN.8	15	3	09/12/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	Tiếng Anh 1	LT	30	25	5		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.PHCN.8	15	3	09/12/2025	Chiều	25CĐ.PHR.8	Giáo dục chính trị	TH	30	24	4		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ.PHCN.8	15	4	10/12/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	Tiếng Anh 1	LT	30	30*	5		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.PHCN.8	15	5	11/12/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	Giáo dục chính trị	TH	30	28	4		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.PHCN.8	15	6	12/12/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	Tiếng Anh 1	TH	30	12	4		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.4	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CD.PHCN.8	15	6	12/12/2025	Chiều	25CD.PHR.8	Giáo dục chính trị	TH	30	30*	2		Ths.Hiền	K. KHCB	P. B2.4	
24TC.YS.33	15	2	08/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	50	5		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	15	2	08/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	54	4		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	15	3	09/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	59	5		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	15	3	09/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	63	4		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	15	4	10/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	68	5		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	15	4	10/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	72	4		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	15	5	11/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	77	5		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	15	5	11/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	81	4		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	15	6	12/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	86	5		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	15	6	12/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	90	4		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YHCT.13	15	2	08/12/2025	Sáng		Bào chế Đông dược	LT	30	30*	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B3.1	
24TC.YHCT.13	15	2	08/12/2025	Chiều		Bào chế Đông dược	TH	30	12	4		Ths. Huyền	Khoa Y	P. B2.6	
24TC.YHCT.13	15	3	09/12/2025	Sáng		Bào chế Đông dược	TH	30	16	4		ThS. Bs. Huyền	Khoa Y	P. TH	
24TC.YHCT.13	15	3	09/12/2025	Chiều		Bào chế Đông dược	TH	30	20	4		Ths. Huyền	Khoa Y	P. TH	
24TC.YHCT.13	15	4	10/12/2025	Sáng		Bào chế Đông dược	TH	30	24	2		Ths Huyền	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	15	4	10/12/2025	Chiều		Bệnh học Y học cổ truyền II	TH	60	44	4		BS Phúc	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	15	5	11/12/2025	Sáng		Bào chế Đông dược	TH	30	28	2		Ths Huyền	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	15	5	11/12/2025	Chiều		Bệnh học Y học cổ truyền II	TH	60	48	4		BS Phúc	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	15	6	12/12/2025	Sáng		Bào chế Đông dược	TH	30	30*	2		Ths Huyền	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT (T1&2)
24TC.YHCT.13	15	6	12/12/2025	Sáng		Thi TH Bào chế Đông dược						Ths Huyền BS. Phúc	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT (T3 &4)

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24TC.YHCT.13	15	6	12/12/2025	Chiều		Bệnh học Y học cổ truyền II	TH	60	52	4		BS Phúc	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	15	7	13/12/2025	Sáng		Bệnh học Y học cổ truyền II	TH	60	56	4		BS Phúc	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	15	7	13/12/2025	Chiều		Bệnh học Y học cổ truyền II	TH	60	60	4		BS Phúc	Khoa Y	P. 2.13	27 PCT
24TC.YHCT.13	15	7	13/12/2025	Tối		Bệnh học Y học cổ truyền II	TH	60	60*	4		BS Phúc	Khoa Y	2.13	27 PCT Thi thực hành (Ths Huyền)
25TC.YS.34	15	2	08/12/2025	Sáng		Điều dưỡng cơ sở	TH	30	24	4		Cn.Thanh	K. ĐD	P. TH	
25TC.YS.34	15	3	09/12/2025	Sáng		Điều dưỡng cơ sở	TH	30	28	4		Ths.Trang	K. ĐD	P. TH	
25TC.YS.34	15	4	10/12/2025	Sáng		Điều dưỡng cơ sở	TH	30	30*	2		Cn.Thanh	K. ĐD	P. TH	
25TC.YS.34	15	5	11/12/2025	Sáng		Thi TH Điều dưỡng cơ sở						Cn.Thanh Ths.Trang	K. ĐD	P. TH	
25TC.YHCT.14	15	2	08/12/2025	Chiều		Bệnh học Y học hiện đại I	LT	60	35	5		Ths Hương	Khoa Y	P. B2.3	
25TC.YHCT.14	15	3	09/12/2025	Chiều		Bệnh học Y học hiện đại I	LT	60	40	5		Ths Bs Hạnh	Khoa Y	P. B2.6	
25TC.YHCT.14	15	4	10/12/2025	Chiều		Bệnh học Y học hiện đại I	LT	60	45	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B2.6	
25TC.YHCT.14	15	5	11/12/2025	Chiều		Bệnh học Y học hiện đại I	LT	60	50	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B2.6	
25TC.YHCT.14	15	6	12/12/2025	Chiều		Bệnh học Y học hiện đại I	LT	60	55	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B2.2	
25TC.YHCT.14	15	7	13/12/2025	Sáng		Bệnh học Y học hiện đại I	LT	60	60*	5		Ths Huyền	Khoa Y	P. B2.2	
23CĐ.DD.18A	16	2	15/12/2025	Sáng		LS CSSKPNBM &GD	TTLS	90	5	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	16	2	15/12/2025	Chiều		LS CSSKPNBM &GD	TTLS	90	9	4			Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	16	3	16/12/2025	Sáng		LS CSSKPNBM &GD	TTLS	90	14	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	16	3	16/12/2025	Chiều		LS CSSKPNBM &GD	TTLS	90	18	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	16	4	17/12/2025	Sáng		LS CSSKPNBM &GD	TTLS	90	23	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	16	4	17/12/2025	Chiều		LS CSSKPNBM &GD	TTLS	90	27	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DD.18A	16	5	18/12/2025	Sáng		LS CSSKPNBM &GD	TTLS	90	32	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	16	5	18/12/2025	Chiều		LS CSSKPNBM &GD	TTLS	90	36	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	16	6	19/12/2025	Sáng		LS CSSKPNBM &GD	TTLS	90	41	5			Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	16	6	19/12/2025	Chiều		LS CSSKPNBM &GD	TTLS	90	45	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	16	2	15/12/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	5	5	N1.1	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	16	2	15/12/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	5	5	N1.2	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	16	2	15/12/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	4	4	N2.1	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	16	2	15/12/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	4	4	N2.2	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	16	3	16/12/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	10	5	N1.1	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	16	3	16/12/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	10	5	N1.2	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	16	3	16/12/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	8	4	N2.1	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	16	3	16/12/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	8	4	N2.2	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	16	4	17/12/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	15	5	N1.1	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	16	4	17/12/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	15	5	N1.2	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	16	4	17/12/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	12	4	N2.1	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	16	4	17/12/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	12	4	N2.2	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	16	5	18/12/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	20	5	N1.1	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DD.18B	16	5	18/12/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	20	5	N1.2	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	16	5	18/12/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	16	4	N2.1	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	16	5	18/12/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	16	4	N2.2	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	16	6	19/12/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	25	5	N1.1	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	16	6	19/12/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	25	5	N1.2	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	16	6	19/12/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	20	4	N2.1	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	16	6	19/12/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	20	4	N2.2	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DU.13A	16	2	15/12/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	50	5		Dsck1. Quảng	Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13A	16	2	15/12/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	54	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13A	16	3	16/12/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	59	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13A	16	3	16/12/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	63	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13A	16	4	17/12/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	68	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13A	16	4	17/12/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	72	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13A	16	5	18/12/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	77	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13A	16	5	18/12/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	81	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13A	16	6	19/12/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	86	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13A	16	6	19/12/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	90	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DU.13B	16	2	15/12/2025	Chiều	23CĐ.DU.13C	Kinh tế được	TH	30	16	4		DS. Dũng	Khoa Dược	P. B2.1	
23CĐ.DU.13B	16	3	16/12/2025	Chiều	23CĐ.DU.13C	Kinh tế được	TH	30	20	4		DS. Dũng	Khoa Dược	P. B2.1	
23CĐ.DU.13B	16	4	17/12/2025	Chiều	23CĐ.DU.13C	Kinh tế được	TH	30	24	4		DS. Dũng	Khoa Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13B	16	5	18/12/2025	Sáng	23CĐ.DU.13C	Kinh tế được	TH	30	28	4		DS. Dũng	Khoa Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13C	16	2	15/12/2025	Chiều	23CĐ.DU.13B	Kinh tế được	TH	30	16	4		DS. Dũng	Khoa Dược	P. B2.1	
23CĐ.DU.13C	16	3	16/12/2025	Chiều	23CĐ.DU.13B	Kinh tế được	TH	30	20	4		DS. Dũng	Khoa Dược	P. B2.1	
23CĐ.DU.13C	16	4	17/12/2025	Chiều	23CĐ.DU.13B	Kinh tế được	TH	30	24	4		DS. Dũng	Khoa Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13C	16	5	18/12/2025	Sáng	23CĐ.DU.13B	Kinh tế được	TH	30	28	4		DS. Dũng	Khoa Dược	P. B2.3	
23CĐ.DU.13D	16	3	16/12/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	36	4	N1	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	16	3	16/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	36	4	N2	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13D	16	5	18/12/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	40	4	N1	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	16	5	18/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	40	4	N2	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	16	6	19/12/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	44	4	N1	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	16	6	19/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	44	4	N2	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	16	7	20/12/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	48	4	N1	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	16	7	20/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	48	4	N2	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13E	16	2	15/12/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	36	4	N1	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIẾN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DU.13E	16	2	15/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	40	4	N1	Ds.Trình (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13E	16	2	15/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	36	4	N2	Ds. Sơn (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13E	16	4	17/12/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	44	4	N1	Ds.Trình (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13E	16	4	17/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	40	4	N2	Ds. Sơn (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13E	16	4	17/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	48	4	N1	Ds.Trình (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13E	16	6	19/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	44	4	N2	Ds. Sơn (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13E	16	7	20/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	48	4	N2	Ds. Sơn (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.HA.15	16	2	15/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	95	5		CN Hùng	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CĐ.HA.15	16	2	15/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	99	4		Bs Hiếu	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CĐ.HA.15	16	3	16/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	104	5		CN Hùng	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CĐ.HA.15	16	3	16/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	108	4		Bs Hiếu	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CĐ.HA.15	16	4	17/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	113	5		CN Hùng	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CĐ.HA.15	16	4	17/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	117	4		Bs Hiếu	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CĐ.HA.15	16	5	18/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	122	5		CN Hùng	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CĐ.HA.15	16	5	18/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	126	4		Bs Hiếu	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CĐ.HA.15	16	6	19/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	131	5		CN Hùng	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CĐ.HA.15	16	6	19/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	135	4		Bs Hiếu	K. KTYH		BV Ung Bướu KH

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.XN.15	16	2	15/12/2025	Chiều		Vĩ sinh 3	TH	60	60*	1		Ths Quỳnh	K. KTYH	27 PCT	Tiết 1
23CĐ.XN.15	16	2	15/12/2025	Chiều		Thi TH Vĩ sinh 3						Ths Quỳnh-Trà	K. KTYH	27 PCT	Từ Tiết 2 đến Tiết 4
23CĐ.XN.15	16	3	16/12/2025	Sáng		Ký sinh trùng 3	TH	30	28	4		Ths.Phước	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.XN.15	16	3	16/12/2025	Chiều		Ký sinh trùng 3	TH	30	30*	2		Ths.Phước	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.XN.15	16	5	18/12/2025	Sáng		Thi Ký sinh trùng 3						Ths.Phước Ths.Đức	K. KTYH	P. TH	
23CĐ.HS.11	16	2	15/12/2025	Sáng		LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa	TTLS	90	5	5			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	16	2	15/12/2025	Chiều		LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa	TTLS	90	9	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	16	3	16/12/2025	Sáng		LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa	TTLS	90	14	5			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	16	3	16/12/2025	Chiều		LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa	TTLS	90	18	4			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	16	4	17/12/2025	Sáng		LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa	TTLS	90	23	5			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	16	4	17/12/2025	Chiều		LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa	TTLS	90	27	4			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	16	5	18/12/2025	Sáng		LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa	TTLS	90	32	5			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	16	5	18/12/2025	Chiều		LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa	TTLS	90	36	4			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	16	6	19/12/2025	Sáng		LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa	TTLS	90	41	5			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	16	6	19/12/2025	Chiều		LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa	TTLS	90	45	4			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.PHR.6	16	2	15/12/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	115	5		Ths.Trúc	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	16	3	16/12/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	120	5		Ths.Trúc	K. KTYH	27PCT	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.PHR.6	16	4	17/12/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	125	5		Ths.Trúc	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	16	5	18/12/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	130	5		Ths.Trúc	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHR.6	16	6	19/12/2025	Sáng		PHỐI HỢP LÂM SÀNG	TTLS	135	135*	5		Ths.Trúc	K. KTYH	27PCT	
23CĐ.PHCN.6	16	2	15/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG 2	TTLS	180	95	5		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.PHCN.6	16	2	15/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG 2	TTLS	180	99	4		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.PHCN.6	16	3	16/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG 2	TTLS	180	104	5		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.PHCN.6	16	3	16/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG 2	TTLS	180	108	4		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.PHCN.6	16	4	17/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG 2	TTLS	180	113	5		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.PHCN.6	16	4	17/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG 2	TTLS	180	117	4		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.PHCN.6	16	5	18/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG 2	TTLS	180	122	5		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.PHCN.6	16	5	18/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG 2	TTLS	180	126	4		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.PHCN.6	16	6	19/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG 2	TTLS	180	131	5		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.PHCN.6	16	6	19/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG 2	TTLS	180	135	4		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
24CĐ.ĐD.19A	16	2	15/12/2025	Chiều	24CĐ.ĐD.19C	Dinh dưỡng - Tiết chế	LT	30	30*	5		TS. Thuyền	K. ĐD	P. B2.4	
24CĐ.ĐD.19A	16	3	16/12/2025	Chiều		Pháp luật	LT	30	30*	5		Ths.Vân Anh	K. KHCB	P. B2.2	
24CĐ.ĐD.19C	16	2	15/12/2025	Chiều	24CĐ.ĐD.19A	Dinh dưỡng - Tiết chế	LT	30	30*	5		TS. Thuyền	K. ĐD	P. B2.4	
24CĐ. DU.14A	16	2	15/12/2025	Sáng		Dược liệu	TH	60	60	4	N1	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24CĐ. DU.14A	16	2	15/12/2025	Chiều		Dược liệu	TH	60	60	4	N2	Ds. Vy	K. Dược	P. TH	
24CĐ. DU.14A	16	4	17/12/2025	Chiều		Thi TH Dược liệu					N1&N2	Ds Dung Ds Vy	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ. DU.14B	16	4	17/12/2025	Sáng		Thi TH Dược liệu					N1&N2	Ds Dung Ds Vy	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14C	16	3	16/12/2025	Sáng		Thi TH Dược lý						ThS. Mỹ Hiếu DscK1.Mai Lan	K. Dược	P. B2.3	
24CĐ. DU.14D	16	4	17/12/2025	Sáng		Thi TH Dược lý						ThS. Hiếu - DS CK1. MAI LAN	K. Dược	P. B2.5	
24CĐ.PHR.7	16	2	15/12/2025	Sáng		KSNK trong chuyên ngành RHM	TH	30	28	4	N1	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	16	2	15/12/2025	Chiều		KSNK trong chuyên ngành RHM	TH	30	28	4	N2	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	16	3	16/12/2025	Sáng		KSNK trong chuyên ngành RHM	TH	30	30*	2	N1	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	16	3	16/12/2025	Sáng		KSNK trong chuyên ngành RHM	TH	30	30*	2	N2	CN.LUÂN	K. KTYH	27PCT	
24CĐ.PHR.7	16	4	17/12/2025	Sáng		THI KSNK trong chuyên ngành RHM						CN.LUÂN CN.ANH	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20A	16	3	16/12/2025	Sáng		Hóa sinh	TH	30	30*	2	N1	Ths Quỳnh	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20A	16	3	16/12/2025	Sáng		Vi sinh - Ký sinh trùng	TH	30	20	4	N2	Ths. Đức	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20A	16	3	16/12/2025	Chiều		Hóa sinh	TH	30	30*	2	N2	Ths Quỳnh	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20A	16	3	16/12/2025	Chiều		Vi sinh - Ký sinh trùng	TH	30	20	4	N1	Ths. Đức	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20A	16	5	18/12/2025	Sáng		Thi TH Hóa sinh					N1&N2	Ths Quỳnh ThS. Trà	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20B	16	2	15/12/2025	Sáng		Hóa sinh	TH	30	30*	2	N1	Ths Quỳnh	K. KTYH	27PCT	Tiết 1&2
25CĐ.ĐD.20B	16	2	15/12/2025	Sáng		Vi sinh - Ký sinh trùng	TH	30	16	4	N2	Ths. Đức	K. KTYH	27PCT	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.ĐD.20B	16	2	15/12/2025	Sáng		Hóa sinh	TH	30	30*	2	N2	Ths Quỳnh	K. KTYH	27PCT	Tiết 3&4
25CĐ.ĐD.20B	16	2	15/12/2025	Chiều		Vi sinh - Ký sinh trùng	TH	30	16	4	N1	Ths. Đức	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20B	16	4	17/12/2025	Sáng		Thi TH Hóa sinh					N1&N2	Ths Quỳnh-Trà	K. KTYH	27 PCT	
25CĐ.ĐD.20B	16	5	18/12/2025	Sáng		Vi sinh - Ký sinh trùng	TH	30	20	4	N2	Ths. Đức	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20B	16	5	18/12/2025	Chiều		Vi sinh - Ký sinh trùng	TH	30	20	4	N1	Ths. Đức	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20B	16	6	19/12/2025	Sáng		Vi sinh - Ký sinh trùng	TH	30	24	4	N1	Ths. Đức	K. KTYH	P. TH	
25CĐ.ĐD.20B	16	6	19/12/2025	Chiều		Vi sinh - Ký sinh trùng	TH	30	24	4	N2	Ths. Đức	K. KTYH	P. TH	
25CĐ.ĐD.20C	16	2	15/12/2025	Chiều		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	12	4	N1	Ths.T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20C	16	2	15/12/2025	Chiều		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	12	4	N2	Ths. Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20C	16	2	15/12/2025	Chiều		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	12	4	N3	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	BS
25CĐ.ĐD.20C	16	3	16/12/2025	Chiều		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	16	4	N1	Ths.T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20C	16	3	16/12/2025	Chiều		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	16	4	N2	Ths. Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20C	16	3	16/12/2025	Chiều		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	16	4	N3	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	BS
25CĐ.ĐD.20C	16	4	17/12/2025	Chiều		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	20	4	N1	Ths.T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20C	16	4	17/12/2025	Chiều		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	20	4	N2	Ths. Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20C	16	4	17/12/2025	Chiều		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	20	4	N3	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	BS
25CĐ.ĐD.20C	16	6	19/12/2025	Chiều		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	24	4	N1	Ths.T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/TTLs	TỔNG SỐ	TIẾN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.ĐD.20C	16	6	19/12/2025	Chiều		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	24	4	N2	Ths. Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20C	16	6	19/12/2025	Chiều		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	24	4	N3	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	BS
25CĐ. DU.15A	16	2	15/12/2025	Sáng		Sinh học và Di truyền	LT	30	20	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ. DU.15A	16	3	16/12/2025	Sáng		Sinh học và Di truyền	LT	30	25	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ. DU.15A	16	4	17/12/2025	Sáng		Sinh học và Di truyền	LT	30	30*	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ. DU.15A	16	5	18/12/2025	Sáng	25CĐ. DU.15B	Y đức	LT	30	5	5		CN Mai Lan	Khoa Y	P. B2.5	
25CĐ. DU.15A	16	5	18/12/2025	Chiều	25CĐ. DU.15B	Y đức	LT	30	10	5		CN Mai Lan	Khoa Y	P. B2.5	
25CĐ. DU.15A	16	6	19/12/2025	Chiều	25CĐ. DU.15B	Y đức	LT	30	15	5		CN Mai Lan	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ. DU.15A	16	7	20/12/2025	Sáng	25CĐ. DU.15B	Y đức	LT	30	20	5		CN Mai Lan	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ. DU.15B	16	2	15/12/2025	Chiều		Sinh học và Di truyền	LT	30	20	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B2.3	
25CĐ. DU.15B	16	3	16/12/2025	Chiều		Sinh học và Di truyền	LT	30	25	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ. DU.15B	16	4	17/12/2025	Chiều		Sinh học và Di truyền	LT	30	30*	5		Ths. Thanh Hải	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ. DU.15B	16	5	18/12/2025	Sáng	25CĐ. DU.15A	Y đức	LT	30	5	5		CN Mai Lan	Khoa Y	P. B2.5	
25CĐ. DU.15B	16	5	18/12/2025	Chiều	25CĐ. DU.15A	Y đức	LT	30	10	5		CN Mai Lan	Khoa Y	P. B2.5	
25CĐ. DU.15B	16	6	19/12/2025	Chiều	25CĐ. DU.15A	Y đức	LT	30	15	5		CN Mai Lan	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ. DU.15B	16	7	20/12/2025	Sáng	25CĐ. DU.15A	Y đức	LT	30	20	5		CN Mai Lan	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.HA.17	16	2	15/12/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	44	4	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	16	2	15/12/2025	Tối	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	26	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.HA.17	16	3	16/12/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	48	4	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	16	3	16/12/2025	Tối	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	23	3	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	16	4	17/12/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	52	4	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	16	4	17/12/2025	Tối	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	29	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	16	5	18/12/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	56	4	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	16	5	18/12/2025	Tối	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	26	3	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	16	6	19/12/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	60*	4	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	16	6	19/12/2025	Tối	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	32	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	16	7	20/12/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	30	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	16	7	20/12/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	36	4	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	16	2	15/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	44	4	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	16	2	15/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	26	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	16	3	16/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	48	4	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	16	3	16/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	23	3	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	16	4	17/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	52	4	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	16	4	17/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	29	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	16	5	18/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	56	4	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.XN.17	16	5	18/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	26	3	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	16	6	19/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	60*	4	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	16	6	19/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	32	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	16	7	20/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	30	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	16	7	20/12/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	36	4	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	16	2	15/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	44	4	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	16	2	15/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	26	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	16	3	16/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	48	4	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	16	3	16/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	23	3	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	16	4	17/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	52	4	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	16	4	17/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	29	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	16	5	18/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	56	4	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	16	5	18/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	26	3	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	16	6	19/12/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	60*	4	N3	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	16	6	19/12/2025	Tối	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	32	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	16	7	20/12/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	30	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	16	7	20/12/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	36	4	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIẾN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.PHR.8	16	3	16/12/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Tiếng Anh 1	TH	30	16	4		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ.PHR.8	16	5	18/12/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Tiếng Anh 1	TH	30	20	4		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.PHR.8	16	6	19/12/2025	Sáng	25CĐ.PHCN.8	Tiếng Anh 1	TH	30	24	4		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.PHCN.8	16	3	16/12/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	Tiếng Anh 1	TH	30	16	4		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.4	
25CĐ.PHCN.8	16	5	18/12/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	Tiếng Anh 1	TH	30	20	4		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.PHCN.8	16	6	19/12/2025	Sáng	25CĐ.PHR.8	Tiếng Anh 1	TH	30	24	4		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.1	
24TC.YS.33	16	2	15/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	95	5		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	16	2	15/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	99	4		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	16	3	16/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	104	5		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	16	3	16/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	108	4		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	16	4	17/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	113	5		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	16	4	17/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	117	4		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	16	5	18/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	122	5			Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	16	5	18/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	126	4		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	16	6	19/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	134	5		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	16	6	19/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	135	4		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YHCT.13	16	2	15/12/2025	Sáng		TTLS Y HOC CỔ TRUYỀN II	TTLS	90	5	5		BS Phúc	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIẾN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24TC.YHCT.13	16	2	15/12/2025	Chiều		TTLS Y HOC CỔ TRUYỀN II	TTLS	90	9	4		BS Phúc	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
24TC.YHCT.13	16	3	16/12/2025	Sáng		TTLS Y HOC CỔ TRUYỀN II	TTLS	90	14	5		BS Phúc	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
24TC.YHCT.13	16	3	16/12/2025	Chiều		TTLS Y HOC CỔ TRUYỀN II	TTLS	90	18	4		BS Phúc	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
24TC.YHCT.13	16	4	17/12/2025	Sáng		TTLS Y HOC CỔ TRUYỀN II	TTLS	90	23	5		BS Phúc	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
24TC.YHCT.13	16	4	17/12/2025	Chiều		TTLS Y HOC CỔ TRUYỀN II	TTLS	90	27	4		BS Phúc	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
24TC.YHCT.13	16	5	18/12/2025	Sáng		TTLS Y HOC CỔ TRUYỀN II	TTLS	90	32	5		BS Phúc	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
24TC.YHCT.13	16	5	18/12/2025	Chiều		TTLS Y HOC CỔ TRUYỀN II	TTLS	90	36	4		BS Phúc	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
24TC.YHCT.13	16	6	19/12/2025	Sáng		TTLS Y HOC CỔ TRUYỀN II	TTLS	90	41	5		BS Phúc	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
24TC.YHCT.13	16	6	19/12/2025	Chiều		TTLS Y HOC CỔ TRUYỀN II	TTLS	90	45	4		BS Phúc	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
25TC.YS.34	16	2	15/12/2025	Sáng		TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ	TTLS	90	5	5		Ths.Chi	K. ĐD		BV ĐK KH
25TC.YS.34	16	2	15/12/2025	Chiều		TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ	TTLS	90	9	4		Ths.Chi	K. ĐD		BV ĐK KH
25TC.YS.34	16	3	16/12/2025	Sáng		TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ	TTLS	90	14	5		Ths.Chi	K. ĐD		BV ĐK KH
25TC.YS.34	16	3	16/12/2025	Chiều		TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ	TTLS	90	18	4		Ths.Chi	K. ĐD		BV ĐK KH
25TC.YS.34	16	4	17/12/2025	Sáng		TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ	TTLS	90	23	5		Ths.Chi	K. ĐD		BV ĐK KH
25TC.YS.34	16	4	17/12/2025	Chiều		TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ	TTLS	90	27	4		Ths.Chi	K. ĐD		BV ĐK KH
25TC.YS.34	16	5	18/12/2025	Sáng		TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ	TTLS	90	32	5		Ths.Chi	K. ĐD		BV ĐK KH
25TC.YS.34	16	5	18/12/2025	Chiều		TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ	TTLS	90	36	4		Ths.Chi	K. ĐD		BV ĐK KH

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25TC.YS.34	16	6	19/12/2025	Sáng		TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ	TTLS	90	41	5		Ths.Chi	K. ĐD		BV ĐK KH
25TC.YS.34	16	6	19/12/2025	Chiều		TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ	TTLS	90	45	4		Ths.Chi	K. ĐD		BV ĐK KH
25TC.YHCT.14	16	2	15/12/2025	Chiều		Bệnh học Y học hiện đại II	LT	60	5	5		ThS BS Đặng Ngọc Tấn	Khoa Y	P. B2.2	GV mời
25TC.YHCT.14	16	3	16/12/2025	Chiều		Bệnh học Y học hiện đại II	LT	60	10	5		ThS BS Đặng Ngọc Tấn	Khoa Y	P. B2.6	GV mời
25TC.YHCT.14	16	4	17/12/2025	Chiều		Bệnh học Y học hiện đại II	LT	60	15	5		ThS BS Đặng Ngọc Tấn	Khoa Y	P. B2.2	GV mời
25TC.YHCT.14	16	5	18/12/2025	Sáng		Bệnh học Y học hiện đại II	LT	60	20	5		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.6	
25TC.YHCT.14	16	5	18/12/2025	Chiều		Bệnh học Y học hiện đại II	LT	60	25	5		ThS BS Đặng Ngọc Tấn	Khoa Y	P. B2.2	GV mời
25TC.YHCT.14	16	6	19/12/2025	Sáng		Bệnh học Y học hiện đại II	LT	60	30	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B2.2	
25TC.YHCT.14	16	6	19/12/2025	Tối		Bệnh học Y học hiện đại II	LT	60	34	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B2.6	
23CĐ.DD.18A	17	2	22/12/2025	Sáng		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	50	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	17	2	22/12/2025	Chiều		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	54	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	17	3	23/12/2025	Sáng		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	59	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	17	3	23/12/2025	Chiều		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	63	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	17	4	24/12/2025	Sáng		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	68	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	17	4	24/12/2025	Chiều		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	72	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	17	5	25/12/2025	Sáng		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	77	5			Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	17	5	25/12/2025	Chiều		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	81	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18A	17	6	26/12/2025	Sáng		LS CSSKPNBM &GĐ	TTLS	90	86	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DD.18A	17	6	26/12/2025	Chiều		LS CSSKPNBM & GĐ	TTLS	90	90*	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV ĐK KH
23CĐ.DD.18B	17	2	22/12/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	25	5	N2.1	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	17	2	22/12/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	25	5	N2.2	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	17	2	22/12/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	29	4	N1.1	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	17	2	22/12/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	29	4	N1.2	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	17	3	23/12/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	30	5	N2.1	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	17	3	23/12/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	30	5	N2.2	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	17	3	23/12/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	33	4	N1.1	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	17	3	23/12/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	33	4	N1.2	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	17	4	24/12/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	35	5	N2.1	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	17	4	24/12/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	35	5	N2.2	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	17	4	24/12/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	37	4	N1.1	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	17	4	24/12/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	37	4	N1.2	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	17	5	25/12/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	40	5	N2.1	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	17	5	25/12/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	40	5	N2.2	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	17	5	25/12/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	41	4	N1.1	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	17	5	25/12/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	41	4	N1.2	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DD.18B	17	6	26/12/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	45*	5	N2.1	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	17	6	26/12/2025	Sáng		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	45*	5	N2.2	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	17	6	26/12/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	45*	4	N1.1	Ths.Nhung	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DD.18B	17	6	26/12/2025	Chiều		CS NBCC&CSTC	TTLS	45	45*	4	N1.2	Ths.Sang	K. ĐD		BV Quân Y 87
23CĐ.DU.13A	17	2	22/12/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	95	5		Dsck1. Quảng	Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13A	17	2	22/12/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	99	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13A	17	3	23/12/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	104	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13A	17	3	23/12/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	108	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13A	17	4	24/12/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	113	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13A	17	4	24/12/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	117	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13A	17	5	25/12/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	122	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13A	17	5	25/12/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	126	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13A	17	6	26/12/2025	Sáng		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	131	5			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13A	17	6	26/12/2025	Chiều		DUỢC LÂM SÀNG	TTLS	135	135*	4			Khoa Dược		BV Ung Bướu KH
23CĐ.DU.13B	17	3	23/12/2025	Sáng	23CĐ.DU.13C	Kinh tế dược	TH	30	30*	2		Ds. Dũng	Khoa Dược	P. B2.1	
23CĐ.DU.13C	17	3	23/12/2025	Sáng	23CĐ.DU.13B	Kinh tế dược	TH	30	30*	2		Ds. Dũng	Khoa Dược	P. B2.1	
23CĐ.DU.13D	17	3	23/12/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	52	4	N1	Ds Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.DU.13D	17	3	23/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	52	4	N2	Ds Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	17	5	25/12/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	56	4	N1	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	17	5	25/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	56	4	N2	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	17	6	26/12/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	60*	4	N1	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	17	6	26/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	60*	4	N2	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13D	17	7	27/12/2025	Sáng		Thi TH Kiểm nghiệm					N1&N2	Ds Trinh (GV mời) Dsc1. Quảng	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13E	17	2	22/12/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	52	4	N1	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13E	17	2	22/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	52	4	N2	Ds. Sơn (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13E	17	4	24/12/2025	Sáng		Kiểm nghiệm	TH	60	56	4	N1	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13E	17	4	24/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	56	4	N2	Ds. Sơn (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13E	17	4	24/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	60*	4	N1	Ds.Trinh (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13E	17	5	25/12/2025	Chiều		Kiểm nghiệm	TH	60	60*	4	N2	Ds. Sơn (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.DU.13E	17	7	27/12/2025	Chiều		Thi TH Kiểm nghiệm					N1&N2	Ds. Trinh (GV mời) DS. Sơn (GV mời)	K. Dược	PTH B1.3	
23CĐ.HA.15	17	2	22/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	140	5		CN Hùng	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CĐ.HA.15	17	2	22/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	144	4		Bs Hiếu	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CĐ.HA.15	17	3	23/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	149	5		CN Hùng	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CĐ.HA.15	17	3	23/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG ₂	TTLS	180	153	4		Bs Hiếu	K. KTYH		BV Ung Bướu KH

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.HA.15	17	4	24/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG 2	TTLS	180	158	5		CN Hùng	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CĐ.HA.15	17	4	24/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG 2	TTLS	180	162	4		Bs Hiếu	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CĐ.HA.15	17	5	25/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG 2	TTLS	180	167	5		CN Hùng	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CĐ.HA.15	17	5	25/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG 2	TTLS	180	171	4		Bs Hiếu	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CĐ.HA.15	17	6	26/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG 2	TTLS	180	176	5		CN Hùng	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CĐ.HA.15	17	6	26/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG 2	TTLS	180	180*	4		Bs Hiếu	K. KTYH		BV Ung Bướu KH
23CĐ.HS.11	17	2	22/12/2025	Sáng		LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa	TTLS	90	50	5			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	17	2	22/12/2025	Chiều		LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa	TTLS	90	54	4			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	17	3	23/12/2025	Sáng		LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa	TTLS	90	59	5			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	17	3	23/12/2025	Chiều		LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa	TTLS	90	63	4			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	17	4	24/12/2025	Sáng		LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa	TTLS	90	68	5			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	17	4	24/12/2025	Chiều		LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa	TTLS	90	72	4			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	17	5	25/12/2025	Sáng		LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa	TTLS	90	77	5			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	17	5	25/12/2025	Chiều		LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa	TTLS	90	81	4			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	17	6	26/12/2025	Sáng		LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa	TTLS	90	86	5			Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.HS.11	17	6	26/12/2025	Chiều		LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa	TTLS	90	90*	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y		BV 22-12
23CĐ.PHCN.6	17	2	22/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG 2	TTLS	180	140	5		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
23CĐ.PHCN.6	17	2	22/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG 2	TTLS	180	144	4		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.PHCN.6	17	3	23/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG 2	TTLS	180	149	5		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.PHCN.6	17	3	23/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG 2	TTLS	180	153	4		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.PHCN.6	17	4	24/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG 2	TTLS	180	158	5		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.PHCN.6	17	4	24/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG 2	TTLS	180	162	4		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.PHCN.6	17	5	25/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG 2	TTLS	180	167	5		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.PHCN.6	17	5	25/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG 2	TTLS	180	171	4		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.PHCN.6	17	6	26/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LÂM SÀNG 2	TTLS	180	176	5		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
23CĐ.PHCN.6	17	6	26/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LÂM SÀNG 2	TTLS	180	180*	4		ThS. Vân	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
25CĐ.ĐD.20A	17	2	22/12/2025	Sáng		Vi sinh - Ký sinh trùng	TH	30	24	4	N1	Ths. Đức	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20A	17	2	22/12/2025	Chiều		Vi sinh - Ký sinh trùng	TH	30	24	4	N2	Ths. Đức	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20A	17	4	24/12/2025	Sáng		Vi sinh - Ký sinh trùng	TH	30	28	4	N1	Ths. Đức	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20A	17	4	24/12/2025	Chiều		Vi sinh - Ký sinh trùng	TH	30	28	4	N2	Ths. Đức	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20A	17	5	25/12/2025	Sáng		Vi sinh - Ký sinh trùng	TH	30	30*	2	N1	Ths. Đức	K. KTYH	27PCT	Tiết 1&2
25CĐ.ĐD.20A	17	5	25/12/2025	Sáng		Vi sinh - Ký sinh trùng	TH	30	30*	2	N2	Ths. Đức	K. KTYH	27PCT	Tiết 3&4
25CĐ.ĐD.20A	17	5	25/12/2025	Chiều		Thi TH Vi sinh - Ký sinh trùng					N1&N2	Ths. Đức; Ths. Trà	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20B	17	3	23/12/2025	Sáng		Vi sinh - Ký sinh trùng	TH	30	28	4	N1	Ths. Đức	K. KTYH	27PCT	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.ĐD.20B	17	3	23/12/2025	Chiều		Vi sinh - Ký sinh trùng	TH	30	28	4	N2	Ths. Đức	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20B	17	6	26/12/2025	Sáng		Vi sinh - Ký sinh trùng	TH	30	30*	2	N1	Ths. Đức	K. KTYH	27PCT	Tiết 1&2
25CĐ.ĐD.20B	17	6	26/12/2025	Sáng		Vi sinh - Ký sinh trùng	TH	30	30*	2	N2	Ths. Đức	K. KTYH	27PCT	Tiết 3&4
25CĐ.ĐD.20B	17	6	26/12/2025	Chiều		Thi TH Vi sinh - Ký sinh trùng					N1&N2	Ths. Đức; Ths.Trà	K. KTYH	27PCT	
25CĐ.ĐD.20C	17	2	22/12/2025	Chiều		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	28	4	N1	Ths.T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20C	17	2	22/12/2025	Chiều		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	28	4	N2	Ths. Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20C	17	2	22/12/2025	Chiều		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	28	4	N3	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	BS
25CĐ.ĐD.20C	17	3	23/12/2025	Chiều		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	30*	2	N1	Ths.T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	Tiết 1&2
25CĐ.ĐD.20C	17	3	23/12/2025	Chiều		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	30*	2	N2	Ths. Nhung	K. ĐD	P. TH ĐD	Tiết 1&2
25CĐ.ĐD.20C	17	3	23/12/2025	Chiều		Giao tiếp và TH Điều dưỡng	TH	30	30*	2	N3	Ths. Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	BS
25CĐ.ĐD.20C	17	4	24/12/2025	Sáng		Thi TH Giao tiếp và TH Điều dưỡng					N1+N2	Ths.Nhung Ths.T.T.Huyền	K. ĐD	P. TH ĐD	
25CĐ.ĐD.20C	17	4	24/12/2025	Sáng		Thi TH Giao tiếp và TH Điều dưỡng					N3	Ths. Sang Ths.Dương	K. ĐD	P. TH ĐD	BS
25CĐ. DU.15A	17	3	23/12/2025	Sáng	25CĐ. DU.15B	Y đức	LT	30	25	5		CN Mai Lan	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ. DU.15A	17	4	24/12/2025	Sáng	25CĐ. DU.15B	Y đức	LT	30	30*	5		CN Mai Lan	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ. DU.15B	17	3	23/12/2025	Sáng	25CĐ. DU.15A	Y đức	LT	30	25	5		CN Mai Lan	Khoa Y	P. B2.4	
25CĐ. DU.15B	17	4	24/12/2025	Sáng	25CĐ. DU.15A	Y đức	LT	30	30*	5		CN Mai Lan	Khoa Y	P. B2.1	
25CĐ.HA.17	17	2	22/12/2025	Tối	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	39	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.HA.17	17	3	23/12/2025	Tối	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	33	3	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	17	4	24/12/2025	Tối	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	42	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	17	5	25/12/2025	Tối	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	36	3	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	17	6	26/12/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	40	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	17	6	26/12/2025	Tối	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	45	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	17	7	27/12/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	44	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	17	7	27/12/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	49	4	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	17	2	22/12/2025	Tối	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	39	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	17	3	23/12/2025	Tối	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	33	3	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	17	4	24/12/2025	Tối	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	42	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	17	5	25/12/2025	Tối	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	36	3	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	17	6	26/12/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	40	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	17	6	26/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	45	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	17	7	27/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	44	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	17	7	27/12/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	49	4	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	17	2	22/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	39	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	17	3	23/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	33	3	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.HS.13	17	4	24/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	42	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	17	5	25/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	36	3	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	17	6	26/12/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	40	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	17	6	26/12/2025	Tối	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	45	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	17	7	27/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	44	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	17	7	27/12/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	49	4	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.PHR.8	17	2	22/12/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Tiếng Anh 1	TH	30	28	4		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.PHR.8	17	4	24/12/2025	Chiều	25CĐ.PHCN.8	Tiếng Anh 1	TH	30	30*	2		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.PHCN.8	17	2	22/12/2025	Chiều	25CĐ.PHR.8	Tiếng Anh 1	TH	30	28	4		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.1	
25CĐ.PHCN.8	17	4	24/12/2025	Chiều	25CĐ.PHR.8	Tiếng Anh 1	TH	30	30*	2		Ths. Thur	K. KHCB	P. B2.1	
24TC.YS.33	17	2	22/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	140	5		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	17	2	22/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	144	4		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	17	3	23/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	149	5		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	17	3	23/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	153	4		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	17	4	24/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	158	5		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	17	4	24/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	162	4		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	17	5	25/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	167	5		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIẾN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
24TC.YS.33	17	5	25/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	171	4		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	17	6	26/12/2025	Sáng		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	176	5		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YS.33	17	6	26/12/2025	Chiều		THỰC TẬP LS NHI	TTLS	180	180*	4		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y		BV 22-12
24TC.YHCT.13	17	2	22/12/2025	Sáng		TTLS Y HOC CỔ TRUYỀN II	TTLS	90	50	5		BS Phúc	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
24TC.YHCT.13	17	2	22/12/2025	Chiều		TTLS Y HOC CỔ TRUYỀN II	TTLS	90	54	4		BS Phúc	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
24TC.YHCT.13	17	3	23/12/2025	Sáng		TTLS Y HOC CỔ TRUYỀN II	TTLS	90	59	5		BS Phúc	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
24TC.YHCT.13	17	3	23/12/2025	Chiều		TTLS Y HOC CỔ TRUYỀN II	TTLS	90	63	4		BS Phúc	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
24TC.YHCT.13	17	4	24/12/2025	Sáng		TTLS Y HOC CỔ TRUYỀN II	TTLS	90	68	5		BS Phúc	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
24TC.YHCT.13	17	4	24/12/2025	Chiều		TTLS Y HOC CỔ TRUYỀN II	TTLS	90	72	4		BS Phúc	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
24TC.YHCT.13	17	5	25/12/2025	Sáng		TTLS Y HOC CỔ TRUYỀN II	TTLS	90	77	5		BS Phúc	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
24TC.YHCT.13	17	5	25/12/2025	Chiều		TTLS Y HOC CỔ TRUYỀN II	TTLS	90	81	4		BS Phúc	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
24TC.YHCT.13	17	6	26/12/2025	Sáng		TTLS Y HOC CỔ TRUYỀN II	TTLS	90	86	5		BS Phúc	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
24TC.YHCT.13	17	6	26/12/2025	Chiều		TTLS Y HOC CỔ TRUYỀN II	TTLS	90	90*	4		BS Phúc	Khoa Y		BV YHCT và PHCN KH
25TC.YS.34	17	2	22/12/2025	Sáng		TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ	TTLS	90	50	5		Ths.Hương	K. ĐD		BV ĐK KH
25TC.YS.34	17	2	22/12/2025	Chiều		TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ	TTLS	90	54	4		Ths.Hương	K. ĐD		BV ĐK KH
25TC.YS.34	17	3	23/12/2025	Sáng		TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ	TTLS	90	59	5		Ths.Hương	K. ĐD		BV ĐK KH
25TC.YS.34	17	3	23/12/2025	Chiều		TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ	TTLS	90	63	4		Ths.Hương	K. ĐD		BV ĐK KH

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25TC.YS.34	17	4	24/12/2025	Sáng		TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ	TTLS	90	68	5		Ths.Hương	K. ĐD		BV ĐK KH
25TC.YS.34	17	4	24/12/2025	Chiều		TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ	TTLS	90	72	4		Ths.Hương	K. ĐD		BV ĐK KH
25TC.YS.34	17	5	25/12/2025	Sáng		TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ	TTLS	90	77	5		Ths.Hương	K. ĐD		BV ĐK KH
25TC.YS.34	17	5	25/12/2025	Chiều		TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ	TTLS	90	81	4		Ths.Hương	K. ĐD		BV ĐK KH
25TC.YS.34	17	6	26/12/2025	Sáng		TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ	TTLS	90	86	5		Ths.Hương Ths.Chi	K. ĐD		THI TTLS
25TC.YS.34	17	6	26/12/2025	Chiều		TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ	TTLS	90	90*	4		Ths.Hương	K. ĐD		BV ĐK KH
25TC.YHCT.14	17	2	22/12/2025	Chiều	Bệnh học Y học hiện đại II		LT	60	39	5		ThS BS Đặng Ngọc Tấn	Khoa Y	P. B2.2	GV mời
25TC.YHCT.14	17	3	23/12/2025	Chiều		Bệnh học Y học hiện đại II	LT	60	44	5		ThS BS Đặng Ngọc Tấn	Khoa Y	P. B2.2	GV mời
25TC.YHCT.14	17	4	24/12/2025	Sáng		Bệnh học Y học hiện đại II	LT	60	49	5		ThS BS Khánh Nga	Khoa Y	P. B2.2	
25TC.YHCT.14	17	4	24/12/2025	Tối		Bệnh học Y học hiện đại II	LT	60	51	2		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B2.6	
25TC.YHCT.14	17	5	25/12/2025	Sáng		Bệnh học Y học hiện đại II	LT	60	56	5		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B3.3	
25TC.YHCT.14	17	5	25/12/2025	Tối		Bệnh học Y học hiện đại II	LT	60	60*	4		CK1. ĐDPS Minh Lộc	Khoa Y	P. B2.6	
25CĐ.HA.17	18	2	22/12/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	48	4	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	18	2	22/12/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	48	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	18	3	23/12/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	57	4	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	18	3	23/12/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	52	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	18	4	24/12/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	60*	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	18	4	24/12/2025	Chiều	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	56	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HA.17	18	5	25/12/2025	Sáng	25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13	Tin học	TH	60	60*	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	

LỚP	TUẦN	THỨ	NGÀY	BUỔI	TỰ CHỌN/LỚP GHEP	MÔN HỌC	LT/TH/ TTLS	TỔNG SỐ	TIỀN ĐỘ	SỐ TIẾT	NHÓM	GIẢNG VIÊN	KHOA	PHÒNG HỌC	GHI CHÚ
25CĐ.XN.17	18	2	22/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	53	4	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	18	2	22/12/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	48	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	18	3	23/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	57	4	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	18	3	23/12/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	52	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	18	4	24/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	60*	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	18	4	24/12/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	56	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.XN.17	18	5	25/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	60*	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	18	2	22/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	53	4	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	18	2	22/12/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	48	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	18	3	23/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	57	4	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	18	3	23/12/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	52	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	18	4	24/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	60*	3	N1	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	18	4	24/12/2025	Chiều	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	56	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	
25CĐ.HS.13	18	5	25/12/2025	Sáng	25CĐ.HA.17, 23CĐ.XN.17	Tin học	TH	60	60*	4	N2	Ths. Đồng	K. KHCB	P. TH Tin	